SeABank

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

Believe

Believe

SeABank

VỮNG NIỀM TIN!

SỨC MẠNH KHỞI NGUỒN TỪ NIỀM TIN

Năm 2025, SeABank mạnh mẽ tiến bước với tinh thần ***"Believe"*** – giữ vững niềm tin vào chiến lược đề ra, kiên định với sứ mệnh kết nối giá trị bền vững và luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo dẫn dắt của HĐQT, Ban điều hành. Thông điệp ***"Believe"*** đã tạo động lực mạnh mẽ xuyên suốt năm 2025, khẳng định bản lĩnh, trách nhiệm và quyết tâm hành động của toàn hàng nhằm hiện thực hóa các mục tiêu tăng trưởng dài hạn.

Niềm tin được hình thành từ sự thống nhất trong ý chí và hành động của mỗi cá nhân trên toàn hệ thống SeABank. Sự đồng lòng và cam kết tuân thủ, chuẩn mực, trách nhiệm đã củng cố nền tảng nội tại vững chắc, tạo đà cho SeABank tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển ổn định trong năm 2025.

Niềm tin được hình thành từ sự thống nhất trong ý chí, hành động tuân thủ và tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân trên toàn hệ thống đã tạo đà để SeABank phát triển ổn định trong năm 2025. Đồng thời, ***"Believe"*** còn là niềm tin của các bên liên quan đối với SeABank - được xây dựng thông qua cam kết đặt lợi ích của khách hàng, đối tác, nhà đầu tư và cộng đồng ở vị trí trung tâm trong mọi quyết sách.

NIỀM TIN TIẾP SỨC TĂNG TRƯỞNG, KIẾN TẠO THÀNH CÔNG

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tiếp tục vận động trong trạng thái đan xen giữa thách thức và cơ hội, đặt ra yêu cầu cao hơn cho hệ thống tài chính - ngân hàng về quản trị rủi ro, hiệu quả hoạt động và sức chống chịu. Trước bối cảnh đó, SeABank kiên định theo đuổi chiến lược kinh doanh linh hoạt, chủ động tái cơ cấu mô hình theo ngành dọc nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường kiểm soát rủi ro và tối ưu phân bổ nguồn lực.

Theo đó, Ngân hàng tập trung khai thác nhu cầu tín dụng của nền kinh tế, mở rộng danh mục cho vay có chọn lọc, gắn tăng trưởng với chất lượng tài sản. Dư nợ cấp tín dụng đạt 244.972 tỷ đồng, tăng 16,69%, trong khi tỷ lệ nợ xấu tiếp tục được kiểm soát dưới 3% theo quy định, đảm bảo an toàn hoạt động.

Song song đó, chiến lược **"Hội tụ số"** tiếp tục được đẩy mạnh với việc số hóa toàn diện quy trình vận hành và sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại. Hạ tầng số an toàn, thuận tiện cùng trải nghiệm khách hàng được tối ưu đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, đưa tỷ lệ CIR giảm xuống 33,01%. Các giải pháp tài chính chuyên biệt theo phân khúc được triển khai linh hoạt, giúp đa dạng hóa nguồn thu và đưa thu nhập ngoài lãi của Ngân hàng tăng 80,54% so với năm 2024.

Đồng thời, SeABank tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế và thu hút thêm 80 triệu USD từ các tổ chức tài chính quốc tế, nâng tổng huy động quốc tế lên hơn 1,1 tỷ USD, qua đó tăng cường nguồn vốn trung dài hạn phục vụ tăng trưởng bền vững, phát triển tài chính toàn diện, tài chính khí hậu.

Nhờ chiến lược nhất quán và hành động quyết liệt, năm 2025 SeABank ghi nhận lợi nhuận trước thuế 6.868 tỷ đồng, tăng 13,73%; tổng tài sản đạt 396.443 tỷ đồng, tăng 21,72% so với cùng kỳ; ROE đạt 14,62% qua đó tiếp tục củng cố nền tảng tài chính và vị thế cạnh tranh của Ngân hàng.

NIỀM TIN DẪN LỐI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng khi SeABank công bố bộ khung chiến lược mới về Mục đích sống - Tầm nhìn - Khát vọng - Giá trị, tích hợp yếu tố trách nhiệm và bền vững vào mọi quyết định quản trị, vận hành và kinh doanh. Định hướng này đặt nền tảng cho giai đoạn 2026 - 2030, hướng tới tầm nhìn trở thành "ngân hàng đặt con người và cộng đồng lên hàng đầu".

Các tiêu chí Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) được cụ thể hóa bằng mục tiêu và chỉ tiêu đo lường rõ ràng. Hoạt động công bố thông tin và quản trị báo cáo được chuẩn hóa theo quy định Việt Nam và thông lệ quốc tế; Báo cáo Phát triển bền vững được phát hành độc lập, thể hiện cam kết minh bạch và trách nhiệm giải trình. Bên cạnh đó, SeABank cũng đã ban hành Quy định về Phát triển bền vững, đây chính là kim chỉ nam để đảm bảo cho chiến lược Phát triển bền vững của SeABank luôn đi đúng hướng và hiệu quả.

Cùng với việc hoàn thiện khung quản trị, SeABank cũng chú trọng thực thi trách nhiệm xã hội với tổng ngân sách hơn 33 tỷ đồng, tăng 44% so với năm 2024. Ngân hàng trao tặng gần 1.000 căn nhà cho hộ nghèo; ủng hộ 6,5 tỷ đồng khắc phục hậu quả bão lũ; hoàn thành mục tiêu trồng 1 triệu cây xanh trước thời hạn; tiếp tục duy trì các quỹ SeADreams, SeAGreen và SeASmile với nhiều hoạt động xã hội từ thiện liên quan tới giáo dục, môi trường và an sinh xã hội thiết thực nhằm tạo tác động dài hạn.

Niềm tin vững chắc theo tinh thần ***"Believe"*** đã khép lại năm 2025 với những bước tiến tăng trưởng ổn định. Nền tảng toàn diện được củng cố sẽ phát huy sức mạnh, tạo đà cho SeABank tiến vào giai đoạn phát triển mới với tâm thế mạnh mẽ, tự tin. Tinh thần dám đổi mới, dám khác biệt và sẵn sàng bứt phá sẽ giúp Ngân hàng nâng tầm tăng trưởng, hướng tới những giá trị dài hạn bền vững cho khách hàng, đối tác, cộng đồng và các bên liên quan.

Believe

MỤC LỤC

BELIEVE - VỮNG NIỀM TIN! 03

MỤC LỤC 04

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 08

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 12

THÔNG ĐIỆP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 14

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI 16

THÀNH TỰU NỔI BẬT 18

1/ KIÊN ĐỊNH NIỀM TIN

TỔNG QUAN VỀ SEABANK

Thông tin khái quát 24

Quá trình hình thành và phát triển 26

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 28

Mạng lưới giao dịch 29

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý 30

Đối tác chiến lược 32

Công ty con, hoạt động kinh doanh của công ty con 34

Chiến lược phát triển và định hướng 36

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Tình hình hoạt động kinh doanh 42

Tình hình tài chính 44

Tổ chức và nhân sự 45

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án 52

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 58

Thông tin về việc phát hành các loại chứng khoán khác 63

2/ DẪN LỐI HÀNH ĐỘNG

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Vị thế thị trường - Thương hiệu ngân hàng SeABank 66

Đánh giá tình hình tài chính 78

Đánh giá công tác điều hành, triển khai hoạt động kinh doanh 81

Đánh giá công tác môi trường - xã hội 102

Kế hoạch hoạt động năm 2026 111

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động Ngân hàng 120

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 122

Định hướng của Hội đồng Quản trị trong năm 2026 124

Believe

MỤC LỤC

3/ LAN TỎA BỀN VỮNG

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tổng quan hoạt động Quản trị công ty 132
Cơ cấu tổ chức Hội đồng Quản trị và các Ủy ban trực thuộc 140
Cam kết của Hội đồng Quản trị về phát triển bền vững 158
Hoạt động của Hội đồng Quản trị 165
Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị 196
Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị năm 2025 200
Đào tạo và chứng chỉ liên quan đến Quản trị công ty 206
Ban Kiểm soát 210
Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích 216
Đánh giá của Hội đồng Quản trị về Quản trị công ty và kế hoạch nâng cao năng lực quản trị 220
Hoạt động quan hệ cổ đông và nhà đầu tư 225

QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ

Tổng quan và mô hình 3 tuyến 228
Hoạt động Quản trị rủi ro - Nhận diện và quản lý rủi ro toàn diện 230
Hoạt động kiểm soát tuân thủ 240
Kiểm toán nội bộ 247

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

Cam kết của Ngân hàng thực hiện trách nhiệm trong Phát triển bền vững 250
Người cao nhất chịu trách nhiệm/triển khai các chính sách, vấn đề về phát triển bền vững 252
Tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường 252
Định hướng, chính sách quản lý tác động môi trường – xã hội từ hoạt động kinh doanh 252
Chính sách về người lao động - Đề cao nhân văn, phát triển nhân tài 256
Hoạt động phát triển cộng đồng 263
Giữ gìn môi trường xanh, giảm thiểu phát thải carbon 269
Kế hoạch hành động hướng tới mục tiêu Phát triển bền vững toàn diện 283

4/ KIẾN TẠO THÀNH CÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025 290
MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH 364
MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ 368
CÁC GIAO DỊCH 372
PHỤ LỤC ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ THEO VNCG 2026 VÀ ACGS 390

DANH MỤC VIẾT TẮT

Viết tắt	Diễn giải
ACGS	Thẻ điểm Quản trị ASEAN (ASEAN Corporate Governance Scorecard)
AI	Trí tuệ nhân tạo
BKS	Ban Kiểm soát
BTGĐ	Ban Tổng Giám đốc
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn
CBNV	Cán bộ nhân viên
CCTG	Chứng chỉ tiền gửi
CES	Chỉ số nỗ lực của khách hàng (Customer Effort Score)
CIR	Chi phí trên thu nhập
CN	Chi nhánh
CNNHS	Công nghệ Ngân hàng số - Khối Hội sở của SeABank
CNTT	Công nghệ thông tin
CRM	Quản lý quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)
CSAT	Chỉ số hài lòng của khách hàng (Customer Satisfaction)
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
ĐVKD	Đơn vị kinh doanh
ERP	Hệ thống quản trị của doanh nghiệp
ESG	3 trụ cột phát triển bền vững Môi trường - Quản trị - Xã hội
ESMS	Hệ thống Quản lý rủi ro môi trường và xã hội
ESOP/ SeAESOP	Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn dành cho người lao động của SeABank
EWS	Hệ thống cảnh báo sớm
GHG	Phát thải khí nhà kính
GRC	Hệ thống quản trị, rủi ro và tuân thủ

Viết tắt	Diễn giải
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HĐTV	Hội đồng Thành viên
HVSB	Học viện SeABank – Đơn vị phụ trách đào tạo thuộc Khối Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực
IFRS	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
KHDNL	Khách hàng doanh nghiệp lớn
KHƯT	Khách hàng ưu tiên
KPI(s)	Chỉ số đánh giá hiệu quả công việc
KTNB	Kiểm toán nội bộ
LCR	Dự trữ thanh khoản
LDR	Cho vay trên tiền gửi
MCA	Đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát cấp quản lý
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NIM	Biên lãi ròng
NoII	Thu nhập ngoài lãi
NPS	Chỉ số giới thiệu sản phẩm (Net Promoter Score)
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PCRT	Phòng chống rửa tiền
PCTN	Phòng chống tham nhũng
PDTD	Phê duyệt tín dụng
PGD	Phòng giao dịch
PTBV	Phát triển bền vững
QAIP	Chương trình đảm bảo & cải thiện chất lượng kiểm toán nội bộ

Viết tắt	Diễn giải
QT&PTNNL	Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực - Khối Hội sở của SeABank
QTRR, PC&TT	Quản trị rủi ro, Pháp chế và Tuân thủ - Khối Hội sở của SeABank
QTRR	Quản trị rủi ro
ROA	Lợi nhuận trên tổng tài sản
ROE	Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
SDG(s)	Mục tiêu phát triển bền vững
SMART	Cụ thể (Specific - Đo lường được (Measurable) - Khả thi (Attainable) - Phù hợp (Relevant) - Kịp thời (Timebound)
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
TAT	Thời gian quay vòng/thời gian xử lý
TC&KH	Tài chính và Kế hoạch - Khối Hội sở của SeABank
TCFD	Khung ESG do Nhóm Đặc nhiệm về Công khai tài chính liên quan đến khí hậu thiết lập (Task Force on Climate-Related Financial Disclosures)
tCO2	Tấn CO2 - Đơn vị tính lượng khí nhà kính phát thải
TCTD	Tổ chức tín dụng
TGĐ/ PTGĐ	Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc
TMCP	Thương mại Cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TOI	Tổng thu nhập hoạt động
TSBĐ	Tài sản bảo đảm
TTTM	Tài trợ thương mại
UBCN	Ủy ban Công nghệ
UBNS	Ủy ban Nhân sự
UBQLRR	Ủy ban Quản lý Rủi ro
UMUM	Quỹ "Ươm mầm Ước mơ" của SeABank
UPAS LC	Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ trả chậm
VNCG	Bộ quy tắc quản trị công ty của Việt Nam
WSME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ

Believe

GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ CHUYÊN NGÀNH, TÊN RIÊNG

Viết tắt	Diễn giải
AFS	Công ty thuộc mảng tài chính của AEON Group - AEON Financial Service
AIIB	Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (Asian Infrastructure Investment Bank)
ALCO	Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có của SeABank
API	Phương thức trung gian kết nối các ứng dụng và thư viện khác nhau
ATM	Máy rút tiền tự động
Basel II, Basel III	Phiên bản thứ hai, thứ ba của Hiệp ước Basel về Quản trị rủi ro
Callbot	Tổng đài chăm sóc khách hàng tự động
COSO	Ủy ban Chống gian lận khi lập Báo cáo tài chính thuộc Hội đồng quốc gia Hoa Kỳ
COP	Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu
DFC	Tập đoàn Tài chính Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
ebank	Ứng dụng ngân hàng điện tử
eKYC	Giải pháp định danh xác thực khách hàng điện tử
EV	Xe điện (Electronic vehicles)
FMO	Ngân hàng Phát triển Doanh nghiệp Hà Lan (Dutch Entrepreneurial Development Bank)
GRI	Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
ICMA	Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế - The International Capital Market Association
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế
IFRS	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (International Financial Reporting Standards)
IIA	Hiệp hội Kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ
IPCC	Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu
Norfund	Quỹ đầu tư cho các nước đang phát triển của Chính phủ Na Uy
POS	Thiết bị chấp nhận thanh toán thẻ ngân hàng
PTF	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện
Proparco	Tổ chức Tài chính Phát triển của Pháp (Groupe Agence française de développement)
SeABank AMC	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank
SeABanker	Cán bộ nhân viên SeABank
SeAMobile	Ứng dụng ngân hàng điện tử của SeABank
SeAPremium	Phân khúc khách hàng cao cấp của SeABank
SMS	Dịch vụ Tin nhắn ngắn
UNEP FI	Sáng kiến Tài chính thuộc Chương trình Môi trường của Liên hợp Quốc
VBMA	Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam
WEPs	Nguyên tắc Trao quyền cho Phụ nữ của UN Women and UN Global Compact

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

> *“Quản trị công ty - Nền tảng năng lực cạnh tranh và động lực phát triển dài hạn”*



Kính gửi Quý vị Cổ đông, Đối tác và Khách hàng,

Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn chuyển mình quan trọng của SeABank trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và khu vực tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, yêu cầu về phát triển bền vững, minh bạch trong quản trị và trách nhiệm xã hội đối với các tổ chức tài chính ngày càng được chuẩn hóa.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) SeABank xác định rằng phát triển bền vững không chỉ là một cam kết trách nhiệm xã hội, mà là một lựa chọn chiến lược nhằm bảo đảm khả năng tăng trưởng dài hạn, an toàn và hiệu quả của Ngân hàng. Trong đó, quản trị công ty được xác định là yếu tố then chốt và HĐQT giữ vai trò trung tâm, trực tiếp giám sát chiến lược phát triển bền vững của Ngân hàng. Quản trị công ty đóng vai trò nền tảng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và định hướng vận hành cho toàn bộ hệ thống Ngân hàng, bám sát các nguyên tắc minh bạch và hiệu quả.

Quản trị công ty – trụ cột then chốt của phát triển bền vững

HĐQT SeABank nhận thức rõ rằng quản trị công ty tốt chính là “hạ tầng mềm” quan trọng nhất của một ngân hàng hiện đại. Việc tuân thủ và từng bước tiệm cận các chuẩn mực quản trị tiên tiến, phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định pháp luật Việt Nam không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro (QTRR), hơn thế nữa, góp phần tạo dựng và củng cố niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và các bên liên quan khác.

Trong năm 2025, HĐQT SeABank tiếp tục chỉ đạo và giám sát việc củng cố, hoàn thiện mô hình quản trị. Theo đó, Ngân hàng tập trung làm rõ vai trò, trách nhiệm của HĐQT và các Ủy ban trực thuộc, bảo đảm nguyên tắc độc lập phù hợp giữa các chức năng quản trị - điều hành, đồng thời nâng cao hiệu quả giám sát trên toàn hệ thống. Trọng tâm QTRR được đặt trong mối liên kết chặt chẽ với chiến lược kinh doanh, khẩu vị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ - tuân thủ, trong đó các yếu tố Môi trường - Xã hội - Quản trị (ESG) nằm trong khuôn khổ giám sát của HĐQT. Đồng thời, Ngân hàng chú trọng nâng cao chất lượng công bố thông tin, bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ, chính xác và khả năng tiếp cận, hướng tới tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về báo cáo, phát triển bền vững.

Quản trị công ty tốt – lợi thế cạnh tranh bền vững

Trong môi trường kinh doanh cạnh tranh, HĐQT SeABank xác định lợi thế cạnh tranh bền vững không chỉ đến từ quy mô hay công nghệ, mà còn được củng cố bởi năng lực quản trị vững chắc, văn hóa tuân thủ xuyên suốt và chất lượng của các quyết định chiến lược. Quản trị công ty hiệu quả tạo điều kiện để Ngân hàng đưa ra các quyết định một cách thận trọng nhưng linh hoạt, cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng - an toàn hoạt động. Đồng thời, nền tảng quản trị tốt giúp huy động và duy trì nguồn vốn chất lượng, đặc biệt từ nhóm nhà đầu tư dài hạn chú trọng các yếu tố ESG và tính minh bạch trong quản trị. Qua đó, uy tín và giá trị thương hiệu của SeABank tiếp tục được củng cố, nâng cao định vị SeABank trong vai trò ngân hàng minh bạch, có trách nhiệm và đáng tin cậy.

Cam kết của Hội đồng Quản trị

HĐQT cam kết tiếp tục đặt phát triển bền vững và quản trị công ty ở vị trí trung tâm trong các quyết sách chiến lược, đồng thời chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai thông qua các cơ chế quản trị và báo cáo định kỳ. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ tiếp tục đồng hành và giám sát Ban Điều hành trong việc xây dựng một tổ chức minh bạch, hiệu quả và có trách nhiệm, hướng tới tạo ra giá trị dài hạn cho các bên liên quan và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

HĐQT SeABank tin rằng, với nền tảng quản trị vững chắc, cơ chế giám sát hiệu quả và định hướng chiến lược rõ ràng, cùng sự đồng lòng của toàn hệ thống, SeABank sẽ tiếp tục phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững, qua đó khẳng định vị thế trong hệ thống tài chính - ngân hàng Việt Nam.

Trong năm 2026 và giai đoạn tiếp theo, HĐQT nói riêng và SeABank nói chung hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và đồng hành của Quý vị Cổ đông, Đối tác và Khách hàng để triển khai thành công chiến lược PTBV, hướng tới lan tỏa ngày càng nhiều giá trị vì lợi ích chung của cộng đồng và các bên liên quan.

Xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị.

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT

Lê Văn Tần

THÔNG ĐIỆP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính gửi: Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng,

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường tài chính – ngân hàng tiếp tục đặt ra yêu cầu cao hơn về quản trị rủi ro, chất lượng tài sản và hiệu quả sử dụng vốn, SeABank kiên định với tầm nhìn và chiến lược phát triển bền vững đã xác lập, chủ động thích ứng, nắm bắt cơ hội và vượt qua thách thức.

Bám sát tầm nhìn bền vững và chỉ đạo xuyên suốt từ HĐQT, kế hoạch hành động đồng bộ và quyết liệt đã được triển khai trên toàn hệ thống SeABank trong năm 2025. Tinh thần "Believe" đã thúc đẩy ý thức tuân thủ, kỷ luật và trách nhiệm trong mỗi CBNV, qua đó gia tăng sức mạnh nội tại và nâng cao năng lực thực thi.

Theo đó, SeABank chú trọng chuyển đổi số; phát triển hệ sinh thái khách hàng – đối tác; kiểm soát rủi ro; phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp; an sinh – môi trường xã hội. Các chiến lược được cụ thể hóa thành chương trình hành động, bám sát chiến lược ESG dài hạn của Ngân hàng.

Mở rộng hệ sinh thái toàn diện

Trong năm 2025, SeABank tập trung phát triển hệ sinh thái sản phẩm – khách hàng – đối tác nhằm gia tăng tính kết nối dịch vụ và mở rộng điểm chạm đa nền tảng.

Theo đó, Ngân hàng tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút thêm 80 triệu USD từ Tổ chức Tài chính Phát triển của Pháp (Proparco) và Ngân hàng Phát triển Doanh nghiệp Hà Lan (FMO), nâng tổng huy động quốc tế lên hơn 1,1 tỷ USD, tạo nền tảng vốn cho tăng trưởng bền vững và tài chính toàn diện. Về sản phẩm dịch vụ, SeABank đẩy mạnh hợp tác với MobiFone, MoneyGram để mở rộng các dịch vụ tài chính – viễn thông, chuyển tiền quốc tế và thúc đẩy bán chéo trong hệ sinh thái.

Song song đó, Ngân hàng phát triển khách hàng theo phân khúc trọng tâm, cung cấp các gói giải pháp "may đo" phù hợp với đặc thù cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), khách hàng nữ, khách hàng ưu tiên (SeAPremium)... Các sản phẩm tài chính gắn với phong cách sống cũng được đẩy mạnh, tiêu biểu là dòng thẻ Visa SeASoul 2in1 hợp tác cùng Mỹ Tâm, quầy giao dịch ưu tiên SeAPremium Lounge, giải đấu đặc quyền SeAPremium Golf Master, cùng các đặc quyền SeAPower dành cho nữ chủ doanh nghiệp.

Cùng với đó, Ngân hàng tiếp tục nâng cấp ngân hàng số SeAMobile/SeANet và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ số, qua đó thu hút 675.000 users mở mới, ghi nhận 53 triệu giao dịch online với tổng doanh số 507.000 tỷ đồng.

Đặc biệt dấu ấn thương hiệu và sản phẩm dịch vụ SeABank còn được thể hiện rõ nét thông qua việc là nhà tài trợ độc quyền live concert "See the Light" - concert cá nhân lớn nhất Việt Nam của ca sĩ Mỹ Tâm, thu hút hơn 40.000 khán giả tại Sân vận động Mỹ Đình.

Tăng cường quản trị rủi ro

Trong năm 2025, SeABank tiếp tục củng cố nền tảng quản trị rủi ro theo hướng chủ động và tiệm cận thông lệ quốc tế. Ngân hàng hoàn thành xây dựng Khẩu vị rủi ro giai đoạn 2026 – 2030, làm cơ sở định hướng mức độ rủi ro chấp nhận được phù hợp với chiến lược trung – dài hạn. Hệ thống Cảnh báo sớm (EWS) cho khách hàng cá nhân được vận hành tự động với độ bao phủ 100% danh mục tín dụng, hỗ trợ nhận diện sớm và xử lý kịp thời các dấu hiệu suy giảm chất lượng tài sản.

Hệ thống quản lý rủi ro môi trường – xã hội (MTXH) tiếp tục được nâng cấp theo chuẩn quốc tế, tích hợp đánh giá rủi ro chuỗi cung ứng và rủi ro vật chất liên quan đến biến đổi khí hậu; đồng thời tiếp tục sàng lọc, đánh giá rủi ro MTXH đối với 100% khoản tín dụng và đầu tư.

Đặc biệt, SeABank là một trong những ngân hàng tư nhân đầu tiên tại Việt Nam ban hành Khung Trái phiếu Xanh tuân thủ nguyên tắc của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA) và được S&P Global Ratings đánh giá ở mức "Medium Green" – mức cao nhất tại Việt Nam hiện tại.

Bên cạnh đó, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's cũng giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm SeABank năm 2025 ở mức Ba3 cho danh mục Tiền gửi dài hạn, xếp hạng đánh giá tín dụng cơ sở (BCA) ở mức B1 và đánh giá triển vọng phát triển Ổn định đối với SeABank. Việc Moody's giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm nhiều năm liên tiếp thể hiện sự ghi nhận rõ nét đối với nền tảng tài chính vững chắc, hiệu quả hoạt động cải thiện và triển vọng tăng trưởng bền vững của SeABank với những chiến lược phù hợp.

Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp

Bám sát tầm nhìn "đặt con người và cộng đồng lên hàng đầu", SeABank tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách nhân sự, tăng cường đào tạo, xây dựng lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, bảo đảm cơ hội phát triển công bằng dựa trên năng lực và đóng góp. Chính sách tuyển dụng và đãi ngộ được triển khai minh bạch, không thiên vị hay phân biệt, hướng tới môi trường làm việc chuyên nghiệp và tôn trọng sự đa dạng.

Văn hóa doanh nghiệp được củng cố theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch, gắn kết, tạo sự thống nhất trong hành động và nâng cao năng lực thực thi thông qua các chương trình gắn kết nội bộ, minigame tập thể, cuộc thi dành cho CBNV và con em CBNV...

Nét văn hóa yêu thương sẻ chia và lối sống xanh tiếp tục được phát huy trong năm 2025, với tổng ngân sách hơn 33 tỷ đồng dành cho các hoạt động trách nhiệm xã hội, tập trung hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, khắc phục hậu quả thiên tai, thúc đẩy giáo dục và bảo vệ môi trường. Đặc biệt, Ngân hàng hoàn thành sớm mục tiêu trồng 1 triệu cây xanh, hướng tới tạo tác động thiết thực và bền vững cho cộng đồng.

Tự tin bứt phá và kiến tạo giá trị

Kết thúc năm 2025, SeABank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 6.868 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 396.443 tỷ đồng và ROE ở mức 14,62%. Những kết quả này cho thấy sự cải thiện rõ nét về chất lượng tăng trưởng, hiệu quả sử dụng vốn và vận hành, khẳng định tính đúng đắn của các trụ cột chiến lược đã triển khai.

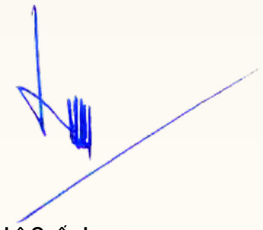
Thay mặt Ban Lãnh đạo SeABank, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các cơ quan quản lý, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng SeABank. Đặc biệt, tôi trân trọng ghi nhận nỗ lực của tập thể CBNV SeABank vì đã vững niềm tin, chung sức đồng lòng hoàn thành các mục tiêu trong năm 2025.

Bước sang giai đoạn phát triển mới, SeABank tiếp tục giữ vững niềm tin, sẵn sàng bứt phá mạnh mẽ hơn, tự tin và chủ động đón đầu cơ hội trên nền tảng đã xác lập, từ đó nâng cao vị thế cạnh tranh và kiến tạo những giá trị dài hạn cho các bên liên quan.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và thịnh vượng!

Trân trọng.

Tổng Giám đốc



Lê Quốc Long

Believe

SeABank

MỤC ĐÍCH SỐNG

Mang lại niềm vui cho cuộc sống của mọi người

TẦM NHÌN

Là một ngân hàng đặt con người và cộng đồng lên hàng đầu

KHÁT VỌNG

- Mang đến sự hài lòng và dịch vụ khác biệt
- Số hóa mọi khía cạnh hoạt động
- Mọi quyết định phải có trách nhiệm và sự bền vững

GIÁ TRỊ

1

Tầm nhìn xa *Làm xuất sắc* *Luôn vui vẻ*



THÀNH TỰU NỔI BẬT

01

NHẬN ĐẦU TƯ 80 TRIỆU USD TỪ HAI TỔ CHỨC QUỐC TẾ

Tổ chức Tài chính Phát triển của Pháp (Proparco) và Ngân hàng Phát triển Doanh nghiệp Hà Lan (FMO) ký kết hợp tác đầu tư 80 triệu USD cho SeABank nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tài chính toàn diện tại Việt Nam. Toàn bộ khoản vay đã được giải ngân vào tháng 10/2025, trong đó mỗi bên giải ngân 40 triệu USD. Qua đó, tổng huy động quốc tế của SeABank đạt hơn 1,1 tỷ USD, khẳng định uy tín, hiệu quả hoạt động và sử dụng nguồn vốn của Ngân hàng.



02



CÔNG BỐ KHUNG CHIẾN LƯỢC MỚI VỀ TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Bộ khung chiến lược mới gồm Mục đích sống, Tầm nhìn, Khát vọng và Giá trị cốt lõi, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong hành trình bền vững của SeABank. Ngân hàng xác lập Mục đích sống "mang lại niềm vui cho cuộc sống của mọi người", khát vọng mang đến dịch vụ khác biệt, số hóa toàn diện và đưa yếu tố bền vững vào mọi quyết định. Ba giá trị cốt lõi Tầm nhìn xa – Làm xuất sắc – Luôn vui vẻ định hướng tạo dựng niềm tin, giá trị tinh thần và trải nghiệm tích cực cho khách hàng trong giai đoạn tiếp theo.

03

CHÍNH THỨC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 28.450 TỶ ĐỒNG

NHNN ban hành Quyết định 2206/QĐ-NHNN ngày 28/05/2025 chấp thuận điều chỉnh vốn điều lệ của SeABank từ 28.350 tỷ lên 28.450 tỷ đồng, tăng thêm 100 tỷ đồng thông qua phát hành 10 triệu cổ phiếu ESOP mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Việc tăng vốn nằm trong kế hoạch đã được ĐHĐCĐ 2024 thông qua, tạo nền tảng phát triển bền vững gắn với định hướng ESG.



Believe

SEABANK 2025

*Niềm tin tạo **Sức mạnh,** dẫn lối thực thi **Hiệu quả - An toàn - Bền vững.***



04

NĂM THỨ 4 LIÊN TIẾP ĐƯỢC MOODY'S GIỮ NGUYÊN XẾP HẠNG BA3

Năm 2025, Moody's tiếp tục giữ nguyên xếp hạng Ba3 đối với Tiền gửi dài hạn của SeABank, BCA ở mức B1 và triển vọng Ổn định năm thứ tư liên tiếp, thể hiện sự tin tưởng vào năng lực quản trị và nền tảng tài chính bền vững của Ngân hàng.

05



TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC, PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI NGÂN HÀNG HIỆN ĐẠI

Tháng 10/2025, Tổng công ty Viễn thông MobiFone và SeABank ký kết hợp tác chiến lược nhằm phát triển hệ sinh thái tích hợp giữa viễn thông, công nghệ và tài chính – ngân hàng, nâng cao trải nghiệm cho khách hàng trên toàn quốc. Đồng thời, SeABank cũng hợp tác với MoneyGram International, Inc., cho phép khách hàng lần đầu nhận tiền quốc tế online trực tiếp vào tài khoản SeAMobile.

THÀNH TỰU NỔI BẬT *(tiếp)*

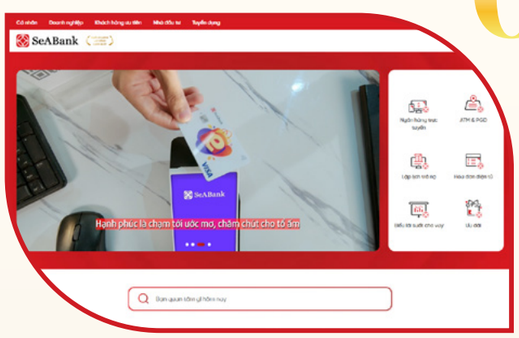
06

NÂNG CAO TÍNH MINH BẠCH TRONG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ BÁO CÁO

Năm 2025, SeABank lần đầu tiên phát hành độc lập Báo cáo Phát triển bền vững thay cho hình thức tích hợp trong Báo cáo thường niên. Đây là bước tiến quan trọng nhằm chuẩn hóa, trình bày có hệ thống các mục tiêu – chiến lược và kết quả thực thi tiêu chí ESG, qua đó tăng minh bạch thông tin và khẳng định cam kết của Ngân hàng đối với các bên hữu quan.



07



CHÍNH THỨC RA MẮT WEBSITE MỚI

Website SeABank mới ra đời đánh dấu bước tiến về đổi mới và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Nền tảng UI/UX tinh gọn, tối ưu theo từng nhóm khách hàng, tích hợp các tính năng như tìm kiếm thông minh, gợi ý sản phẩm cá nhân hóa, so sánh thẻ và cải thiện tốc độ tải trang trên mọi thiết bị. Tốc độ tải trang được cải thiện vượt trội, ổn định trên mọi thiết bị, mọi lúc, mọi nơi.

08

NÂNG TẦM TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG CAO CẤP SEAPREMIUM

Hệ sinh thái SeAPremium dành cho khách hàng cao cấp tiếp tục được SeABank phát triển theo ba trụ cột S.E.A: Stability (An toàn), Exclusivity (Độc quyền) và Advisory (Tư vấn chuyên biệt). Theo đó, 28 quầy giao dịch ưu tiên SeAPremium Lounge được triển khai theo mô hình boutique banking, cung cấp không gian giao dịch cùng đội ngũ tư vấn chuyên biệt. Bên cạnh đó, giải golf độc quyền SeAPremium Golf Master 2025 mùa thứ ba tiếp tục mang đến trải nghiệm tinh hoa và đặc quyền phong cách sống dành riêng cho khách hàng SeAPremium.



Believe



09

ĐẨY MẠNH THỰC THI TRÁCH NHIỆM AN SINH - MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

SeABank tăng cường các hoạt động an sinh - môi trường xã hội với tổng ngân sách hơn 33 tỷ đồng, tăng 44% so với 2024. Nhiều hoạt động thiết thực đã được triển khai như: xây gần 1.000 căn nhà cho hộ nghèo, hỗ trợ 6,5 tỷ đồng tái thiết sau bão lũ, hoàn thành sớm mục tiêu 1 triệu cây xanh, đỡ đầu thêm 10 em học sinh nghèo và tiếp tục lan tỏa giá trị thông qua các chương trình thiện nguyện thường niên của Quỹ từ thiện nội bộ.

10



KẾT HỢP CÙNG CA SĨ MỸ TÂM RA MẮT THẺ VISA SEASOUL 2IN1, TÀI TRỢ ĐỘC QUYỀN LIVESHOW "SEE THE LIGHT"

SeABank hợp tác cùng Visa và ca sĩ Mỹ Tâm ra mắt thẻ quốc tế Visa SeASoul 2in1 - dòng thẻ tích hợp ghi nợ và tín dụng với ưu đãi: trả góp miễn phí, hoàn tiền tới 15% cho các lĩnh vực giải trí, ẩm thực, du lịch; nhiều đặc quyền dành cho người hâm mộ và tính năng từ thiện 3.000 đồng/thẻ mở mới cho Quỹ SeABank/MT Foundation.

Đồng thời, SeABank đồng hành liveshow "See The Light - Tri âm và Ánh sáng" diễn ra tại Sân vận động Mỹ Đình, thu hút 40.000 khán giả, khẳng định xu hướng tài chính hiện đại gắn với trải nghiệm cảm xúc và phong cách sống.

1/ KIÊN ĐỊNH NIỀM TIN

TỔNG QUAN VỀ SEABANK

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG TỚI 2030

I. TỔNG QUAN VỀ SEABANK

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á
Tên tiếng Anh	Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt	SeABank
Năm thành lập	1994
Giấy phép hoạt động số	51/GP-NH ngày 25/3/1994 do NHNN cấp theo Quyết định số 47/QĐ-NH5 ngày 25/3/1994; và theo các quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế trong từng thời kỳ.
Mã cổ phiếu	SSB
Địa chỉ	Số 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Mã số doanh nghiệp	**0200253985** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/01/2005
Vốn điều lệ	**28.450.000.000.000** đồng
Vốn chủ sở hữu	**40.372.593.858.222** đồng
Hotline	1900 555 587
Website	seabank.com.vn
Email	contact@seabank.com.vn

THÀNH VIÊN CÁC HIỆP HỘI, NGÀNH NGHỀ TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Tên Tổ chức, Hiệp hội	Vai trò tham gia	Thời gian tham gia
Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	Ngân hàng thành viên	1994
Hiệp hội Swift - Hiệp hội viễn thông liên ngân hàng và tài chính quốc tế	Ngân hàng thành viên	06/2005
Hiệp hội Thẻ Ngân hàng Việt Nam	Ngân hàng thành viên	10/2008
Tổ chức thẻ quốc tế MasterCard	Ngân hàng thành viên	02/2009
Tổ chức thẻ quốc tế Visa	Ngân hàng thành viên	01/2010
Tổ chức thẻ NAPAS (hay còn là Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam)	Ngân hàng thành viên	10/2012
Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA)	Ngân hàng thành viên	2017
Tổ chức thẻ quốc tế JCB	Ngân hàng thành viên	03/2022

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1994

Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Hải Phòng - tiền thân của SeABank được thành lập tại Hải Phòng ngày 24/3/1994

2002

Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - SeABank

2005

Chính thức chuyển Hội sở từ Hải Phòng về 16 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

2009

Chính thức triển khai theo mô hình ngân hàng bán lẻ

Chuyển Hội sở về 25 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

2011

Khai trương Văn phòng Đại diện thành phố Hồ Chí Minh

Trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam chấp nhận tất cả các loại thẻ quốc tế

2012

Được NHNN xếp vào nhóm 1 và lựa chọn vào danh sách đủ điều kiện tham gia phục vụ các dự án Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tại Việt Nam.

Nhận Huân chương Lao động hạng Ba cho những đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2007 - 2011.

2017

Chuyển đổi mô hình hoạt động lấy khách hàng là trọng tâm với khát vọng trở thành Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất

Nhận Huân chương Lao động hạng Nhì vì thành tích xuất sắc trong công tác giai đoạn 2011-2017

2018

Công bố bộ 5 giá trị cốt lõi: Vì cộng đồng, Luôn minh bạch, Đồng chí hướng, Say khát vọng, Mãi vững bền

Tăng vốn điều lệ lên 7.688 tỷ đồng

2019

Moody's công bố xếp hạng tín nhiệm SeABank mức B1

Đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực quốc tế Basel II trước thời hạn

Tăng vốn điều lệ lên 9.369 tỷ đồng

2020

Ra mắt phiên bản New SeAMobile.

Ngân hàng thứ 5 tại Việt Nam hoàn thành cả 3 trụ cột Basel II trước thời hạn.

Tăng vốn điều lệ lên 12.087 tỷ đồng

Được vinh danh Thương hiệu Quốc gia 2020

2021

Niêm yết 1,2 tỷ cổ phiếu SSB trên HOSE

Moody's nâng đánh giá triển vọng của SeABank từ Ổn định lên Tích cực, giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm mức B1

Tăng vốn điều lệ lên 14.785 tỷ đồng

2022

Chuyển Hội sở chính về tòa BRG Tower - 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Moody's nâng mức đánh giá tín dụng cơ sở (BCA) lên B1, xếp hạng nhiều danh mục tăng lên mức Ba3

Triển khai các chuẩn mực Basel III

Huy động quốc tế đạt 495 triệu USD

Mạng lưới giao dịch đạt 181 điểm trải khắp 31 tỉnh thành.

Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Nguyễn Thị Nga nhận Huân chương Lao động hạng Nhất vì thành tích xuất sắc trong công tác giai đoạn 2016- 2020

2023

Cổ phiếu SSB được đưa vào danh mục MSCI Frontier Markets Index và rổ VN30-Index

Ký hợp đồng chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty Tài chính PTF cho AEON Financial Service (AFS)

Tăng vốn điều lệ lên 24.957 tỷ đồng

2024

Phát hành trái phiếu xanh lam đầu tiên tại Việt Nam.

Tăng vốn điều lệ lên 28.350 tỷ đồng.

Nâng cấp thành công hệ thống T24 lên phiên bản R22.

Mở rộng hợp tác với nhiều tổ chức uy tín như IFC, AIIB, Visa, Norfund...

SeABank nhận Huân chương Lao động hạng Nhất vì thành tích xuất sắc trong công tác giai đoạn 2018-2022.

2025

Công bố Khung chiến lược mới về Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi.

Nhận đầu tư 80 triệu USD từ Proparco và FMO, tổng huy động quốc tế đạt hơn 1,1 tỷ USD (bao gồm TTTM).

Tăng vốn điều lệ lên 28.450 tỷ đồng

Năm thứ 4 liên tiếp được Moody's giữ nguyên xếp hạng Ba3

Phát hành độc lập Báo cáo Phát triển bền vững

Ra mắt thẻ Visa SeASoul 2in1

Believe

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
   - Cho vay;
   - Chiết khấu, tái chiết khấu;
   - Bảo lãnh ngân hàng;
   - Phát hành thẻ tín dụng;
   - Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế;
   - Thư tín dụng;
   - Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

   Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

   Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
7. Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới hình thức tái cấp vốn.
8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.
11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất.
18. Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức trong nước.
19. Uỷ thác, nhận ủy thác góp vốn, mua cổ phần.
20. Uỷ thác, nhận ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp.
21. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
22. Đại lý quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
23. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
24. Các hoạt động kinh doanh khác:
   - Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
   - Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
   - Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;
   - Tham gia đấu thầu, mua, bán, tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác;
   - Dịch vụ môi giới tiền tệ;
   - Kinh doanh vàng;
   - Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
   - Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định trong Giấy phép;
   - Phát hành trái phiếu;
   - Lưu ký chứng khoán;
   - Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
25. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
26. Ví điện tử.
27. Hoạt động mua nợ.
28. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.



Believe

Địa bàn kinh doanh

Tính đến 31/12/2025, SeABank có:

181 ĐIỂM GIAO DỊCH

254 NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ TẠI 54 QUỐC GIA

49 CHI NHÁNH

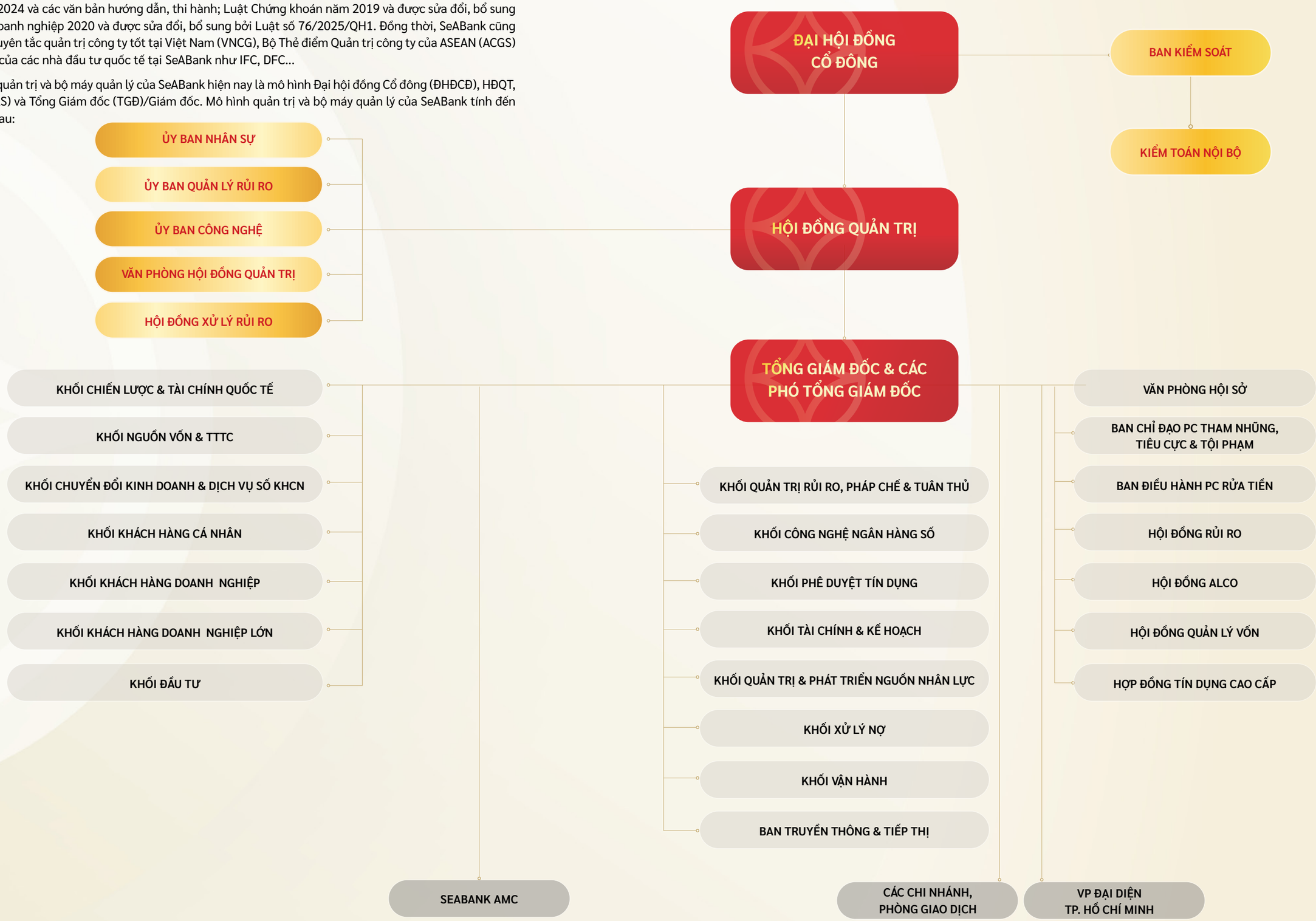
132 PHÒNG GIAO DỊCH

trên khắp 24 tỉnh, thành (theo địa giới hành chính mới)

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & BỘ MÁY QUẢN LÝ

SeABank là một ngân hàng TMCP và một doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE). Mô hình quản trị và bộ máy quản lý của SeABank được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng (TCTD) năm 2024 và các văn bản hướng dẫn, thi hành; Luật Chứng khoán năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung năm 2024; Luật Doanh nghiệp 2020 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH1. Đồng thời, SeABank cũng đã áp dụng các nguyên tắc quản trị công ty tốt tại Việt Nam (VNCG), Bộ Thẻ điểm Quản trị công ty của ASEAN (ACGS) cũng như yêu cầu của các nhà đầu tư quốc tế tại SeABank như IFC, DFC...

Theo đó, mô hình quản trị và bộ máy quản lý của SeABank hiện nay là mô hình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ), HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (TGĐ)/Giám đốc. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý của SeABank tính đến 31/12/2025 như sau:



ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC



CÔNG TY CON, HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank (SeABank AMC)



Năm 2025, sau khi hoàn tất bàn giao Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện (PTF) cho AEON Financial Service vào tháng 02/2025, SeABank sở hữu 1 công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản SeABank (SeABank AMC).

Tên doanh nghiệp	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản SeABank
Tên viết tắt	SeABank AMC
Giấy CNĐKKD số	0103099985 do Sở KHĐT TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 14/07/2025
Trụ sở chính	Số 254C phố Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Vốn Điều lệ đăng ký	1.000.000.000.000 VND
Vốn Điều lệ thực góp	1.000.000.000.000 VND
Chủ sở hữu	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á
Tỷ lệ sở hữu	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Quản lý nợ và khai thác tài sản

Ngày 03/12/2008, SeABank AMC đã được thành lập dưới sự chấp thuận của NHNN nhằm phục vụ nhu cầu quản lý nợ và khai thác tài sản của SeABank thông qua việc tiếp nhận, quản lý và thu hồi các khoản nợ phải thu, nợ khó đòi từ phía ngân hàng, đảm bảo kinh doanh an toàn và bền vững của ngân hàng.

Bên cạnh đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ xấu của chính SeABank, SeABank AMC sẽ sử dụng các kỹ năng chuyên sâu của mình để phục vụ nhu cầu xử lý nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp khác, giúp nguồn vốn trong nền kinh tế lưu chuyển minh bạch và thông thoáng hơn.

Tình hình hoạt động năm 2025

Năm 2025, SeABank AMC tiếp tục triển khai các hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ:

- Tham gia mua đấu giá tài sản thi hành án (tài sản liên quan đến xử lý nợ của SeABank) từ các trung tâm bán đấu giá nhằm hạn chế thất thoát, giảm giá trị tài sản thế chấp.
- Thực hiện các thủ tục hợp thức hóa quyền sở hữu tài sản đã mua với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, sau đó chủ động triển khai bán ra thị trường để thu hồi tối đa vốn cho SeABank.
- Triển khai vận hành hoạt động, quản lý và cung ứng dịch vụ cho thuê văn phòng tại các tòa nhà cho thuê của SeABank AMC và của SeABank ủy thác trên khắp cả nước.

Kết quả kinh doanh năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng trưởng
		(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	%
1	Tổng tài sản	1.169	1.297	10,9%
2	Lợi nhuận trước thuế	34,4	63,7	84,8%

Kế hoạch hoạt động năm 2026

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục hợp thức hóa quyền sở hữu tài sản đã mua với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, triển khai bán ra thị trường để thu hồi vốn cho SeABank.
- Tiếp tục vận hành các hoạt động quản lý và cung ứng dịch vụ cho thuê văn phòng tại các tòa nhà cho thuê của Công ty và của SeABank ủy thác.
- Mục tiêu dự kiến Lợi nhuận trước thuế năm 2026 đạt 63,2 tỷ đồng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Chiến lược và định hướng của SeABank tới năm 2030

Mục tiêu và chiến lược phát triển tới năm 2030 của SeABank

Mục tiêu	Định hướng triển khai
Trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất Việt Nam	• **Nâng cấp công nghệ:** Đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và tự động hóa nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, gia tăng giá trị và trải nghiệm khách hàng. • **Đề cao bảo mật:** Tăng cường tính an toàn, bảo mật theo quy định của Việt Nam và chuẩn quốc tế, ứng dụng công nghệ để giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền lợi của khách hàng. • **Phát triển khách hàng:** Phục vụ khách hàng tối đa thông qua đa kênh, hệ thống sản phẩm dịch vụ đa dạng, triển khai các giải pháp tài chính toàn diện.
Trở thành ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức	Tập trung củng cố văn hóa tổ chức theo hướng nhân văn thông qua: • **Xây dựng môi trường làm việc lành mạnh:** Tôn trọng sự đa dạng, khác biệt, bản sắc cá nhân của mỗi CBNV, tạo cơ hội bình đẳng để CBNV thể hiện và phát huy năng lực, bứt phá vươn lên. • **Củng cố tinh thần tập thể:** Nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các CBNV, sự gắn kết giữa CBNV với Ngân hàng thông qua các chương trình tri ân, hoạt động tập thể gắn kết nội bộ. • **Lan tỏa các giá trị tới cộng đồng:** Phát huy nhân văn và chia sẻ, yêu thương từ nội bộ tới cộng đồng thông qua chuỗi hoạt động an sinh – môi trường xã hội, hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ.
Phát triển nguồn nhân lực tạo đà phát triển bền vững	Xác định nhân sự là yếu tố cốt lõi tạo nên sức mạnh nội tại, SeABank đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực thông qua: • Cải thiện chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ và phúc lợi cạnh tranh. • Tổ chức chương trình đào tạo, lộ trình thăng tiến phù hợp nhằm tạo cơ hội phát triển năng lực. • Phát triển đội ngũ nhân sự với tư duy đổi mới, có kinh nghiệm trong đa lĩnh vực, kỹ năng số và khả năng cập nhật, thích ứng cao.
Phát triển bền vững dựa trên 3 trụ cột chính: Môi trường (E) - Xã hội (S) - Quản trị (G)	Phát triển bền vững toàn diện thông qua tích hợp các nguyên tắc, tiêu chuẩn ESG vào chiến lược hoạt động kinh doanh. Chi tiết định hướng chiến lược bền vững dựa trên 3 trụ cột ESG được trình bày tại trang 38-39 của Báo cáo này.
Định hướng tăng trưởng thông qua cụ thể hóa các chỉ tiêu SMART	SeABank thiết lập các mục tiêu tài chính tới năm 2030 theo nguyên tắc SMART với 5 yếu tố: Cụ thể (Specific) – Đo lường được (Measurable) – Khả thi (Attainable) – Phù hợp (Relevant) – Kịp thời (Timebound). Theo đó, mục tiêu đến năm 2030 đạt: • 10 triệu khách hàng; • Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi (NoII) chiếm >38% tổng thu nhập; • Tỷ lệ giao dịch trực tuyến 70%; • Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) <36%; • Tỷ lệ nợ xấu <3%.

Chiến lược và định hướng Phát triển bền vững

Chiến lược dài hạn - Phát triển bền vững toàn diện dựa trên các giá trị cốt lõi



Mở rộng phát triển bền vững phục vụ cộng đồng. Kết nối và mang giá trị cốt lõi cho khách hàng, các bên liên quan, cộng đồng và xã hội

Hoạt động kinh doanh bền vững, có trách nhiệm:

- Hoạt động có trách nhiệm dựa trên 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, tiên phong thực hiện và lan tỏa các giá trị tới các bên liên quan.
- Tích hợp các tiêu chí ESG vào chiến lược kinh doanh, hướng tới phát triển bền vững và hỗ trợ mục tiêu quốc gia về net-zero vào năm 2050, phù hợp với cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26).
- Tăng trưởng bền vững về quy mô, sản phẩm, dịch vụ để mang lại nhiều giá trị thiết thực, lợi ích cho các bên liên quan.

Gắn kết trách nhiệm của Ngân hàng, các cá nhân, tổ chức, khách hàng, và toàn bộ các bên liên quan vì một cộng đồng thịnh vượng, bền vững:

- Trở thành ngân hàng tiên phong trong tài chính xanh – tài chính toàn diện, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.
- Duy trì hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ, tích cực tổ chức các hoạt động an sinh – môi trường xã hội, tham gia hoạt động an sinh – môi trường xã hội của các cơ quan nhà nước, tổ chức/hiệp hội, đối tác.
- Không ngừng đổi mới, đóng góp ý tưởng và triển khai hiệu quả các hoạt động kinh doanh, hoạt động an sinh – môi trường xã hội để phục vụ cộng đồng.



Khát vọng cống hiến và khẳng định giá trị, chinh phục thành công. Luôn minh bạch để xứng đáng với nghề nghiệp trong mắt khách hàng

Củng cố nguồn lực nội tại, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra:

- Lan tỏa tinh thần vươn lên, khát vọng cống hiến vì Ngân hàng, vì cộng đồng trong mỗi CBNV, qua đó tạo nguồn sức mạnh nội tại mạnh mẽ, đưa tập thể vươn lên chinh phục thành công.
- Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng các mục tiêu và chiến lược.

Hoạt động minh bạch, hiệu quả vì niềm tin và lợi ích của đối tác, khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan:

- Đảm bảo công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật và thông lệ tốt về quản trị công ty. Thông tin đầy đủ, chính xác, rõ ràng, nhanh, kịp thời, hiệu quả dưới nhiều hình thức, theo hướng thân thiện đối với người đọc, đáp ứng đa dạng các nhu cầu của các bên liên quan.
- Không tham ô, tư lợi cá nhân. Đẩy mạnh hoạt động phòng chống rửa tiền, chống tham nhũng. Tuân thủ quy định, nguyên tắc và chuẩn mực khi tương tác với các bên liên quan.
- Nâng cao hiệu quả quản trị công ty và quản trị rủi ro theo quy định của pháp luật; áp dụng các thông lệ tốt của quốc tế.



Tinh thần làm việc nhiệt huyết, tận tâm, vì niềm tin, quyền lợi và hạnh phúc của khách hàng, các bên liên quan và cộng đồng

Xác định mục đích hoạt động "mang niềm vui cho cuộc sống mọi người" làm định hướng cho mọi hoạt động:

- Đối với CBNV: Đảm bảo quyền lợi xứng đáng và môi trường lý tưởng để phát huy tối đa khả năng, gia tăng gắn kết và hài lòng.
- Đối với khách hàng: Mang đến sự hài lòng và dịch vụ khác biệt, đặt trải nghiệm và lợi ích khách hàng là cốt lõi của hoạt động, không ngừng tự hoàn thiện và phát triển để đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng.
- Đối với cổ đông, đối tác và các bên liên quan: Không ngừng cải thiện trên mọi phương diện để đảm bảo lợi ích, quyền lợi tối đa.

Mục tiêu phát triển bền vững dựa trên 03 trụ cột ESG giai đoạn 2026 - 2030

Trụ cột chiến lược	Mục tiêu	Định hướng triển khai
MÔI TRƯỜNG *(Environmental)* 	• Nâng tỷ trọng tín dụng xanh trong tổng danh mục tín dụng lên 5% vào năm 2030. • Giảm phát thải khí nhà kính từ các hoạt động nội bộ 10% vào năm 2030 (so với năm 2025). • Tích hợp các tiêu chí quản lý rủi ro môi trường và xã hội vào hoạt động kinh doanh và quản lý rủi ro tín dụng.	• **Thúc đẩy tín dụng xanh** cho các dự án thuộc danh mục phân loại xanh theo QĐ số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, hoặc cho các lĩnh vực được các tổ chức quốc tế công nhận là xanh, bao gồm: công trình xanh, năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng, xe điện (EV)/trạm sạc EV, thủy sản, hóa chất và nhựa thân thiện với đại dương, du lịch bền vững, nông nghiệp thông minh... • **Tối ưu hoạt động vận hành:** Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số nhằm giảm giao dịch giấy tờ, hướng tới mục tiêu giảm 30% lượng tiêu thụ giấy trong các giao dịch vào năm 2028. Tiết kiệm năng lượng và sử dụng tài nguyên hiệu quả: thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện/nước, giảm thiểu rác thải và xử lý rác thải, sử dụng tài nguyên hiệu quả trong hoạt động hàng ngày của ngân hàng. • **Quản lý rủi ro môi trường:** Áp dụng Sổ tay đánh giá rủi ro môi trường và xã hội cho các ngành kinh tế trong hoạt động cấp tín dụng, theo hướng dẫn của NHNN và/hoặc các tiêu chuẩn về quản lý rủi ro môi trường - xã hội của các đối tác quốc tế. • **Chính sách tín dụng có trách nhiệm:** Không cấp vốn cho các dự án có rủi ro cao, các ngành nghề/lĩnh vực có khả năng gây nguy hại đến môi trường và xã hội thuộc danh sách loại trừ của SeABank. Đánh giá rủi ro liên quan đến môi trường - xã hội đối với các giao dịch tín dụng và đầu tư nhằm đạt được hiệu quả bền vững lâu dài tốt nhất và - xã hội. • **Chuỗi cung ứng bền vững:** Ưu tiên hợp tác với các đối tác, nhà cung cấp có hoạt động xanh - bền vững; thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả nguyên liệu và tài nguyên trong hoạt động của khách hàng và chuỗi cung ứng của khách hàng.
XÃ HỘI *(Social)* 	• Hỗ trợ tài chính cho 100.000 khách hàng là: phụ nữ tại các địa phương, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ/siêu nhỏ vào năm 2030. • Đạt tỷ lệ 40% lãnh đạo nữ vào năm 2030.	**Đối với các nhóm khách hàng mục tiêu:** • Đẩy mạnh chính sách cho vay ưu đãi đối với hội viên Hội Liên hiệp phụ nữ tại các địa phương, tạo điều kiện cho phụ nữ tại các địa phương xây dựng kinh tế gia đình bền vững. • Triển khai các chương trình hỗ trợ về vốn vay đi kèm trang bị kỹ năng quản trị và kiến thức kinh doanh cho các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ. • Triển khai các chương trình cho vay lĩnh vực giáo dục, y tế, nhà ở xã hội... phù hợp với Khung Tài chính xã hội theo tư vấn/tiêu chuẩn của các đối tác quốc tế.

Trụ cột chiến lược	Mục tiêu	Định hướng triển khai
XÃ HỘI *(Social)* 		• Thực hiện các chiến dịch an sinh – môi trường xã hội... với ý nghĩa thiết thực, góp phần giải quyết các vấn đề về giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2025 - 2030. **Đối với CBNV:** • Đào tạo CBNV theo định hướng đa dạng, công bằng và hòa nhập. Xây dựng lộ trình nghề nghiệp và phát triển năng lực phù hợp để phát huy tối đa tiềm năng CBNV. • Đảm bảo môi trường làm việc an toàn và bình đẳng, thúc đẩy trao quyền cho nữ và khuyến khích CBNV nữ thể hiện năng lực tại các vị trí quan trọng.
QUẢN TRỊ *(Governance)* 	• Công bố báo cáo ESG hàng năm theo các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp với thực tế của ngân hàng từng thời kì (IFRS, GRI...). • 100% tuân thủ các chính sách chống tham nhũng và minh bạch tài chính.	**Tăng cường giám sát, chuẩn hóa ESG theo hệ thống:** • (i) Thành lập Ủy ban ESG trực thuộc HĐQT để giám sát chiến lược ESG từ năm 2026; (ii) Xây dựng hệ thống dữ liệu ESG để theo dõi và báo cáo các chỉ số môi trường, xã hội, và quản trị; (iii) Tăng cường đào tạo về đánh giá rủi ro ESG, đảm bảo mọi khoản vay/đầu tư được thẩm định theo các tiêu chí bền vững; (iv) Áp dụng các quy tắc đạo đức kinh doanh, bao gồm chính sách chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi khách hàng. **Quản trị minh bạch:** • (i) Thực hiện các chuẩn mực, thông lệ tốt về quản trị công ty theo Bộ quy tắc quản trị công ty của Việt Nam (VNCG) – VNCG50 và hướng đến các chuẩn mực, thông lệ tốt về quản trị công ty của quốc tế như Bộ quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) - OECD/G20, các khuyến nghị của các tổ chức tài chính quốc tế như IFC, DFC...; (ii) Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, hướng tới công bố thông tin toàn bộ bằng song ngữ tiếng Anh - Việt; (iii) tránh xung đột lợi ích; (iv) chống tham nhũng và phòng chống rửa tiền (PCRT). **Kiểm soát nội bộ đồng bộ, thống nhất, hiệu quả:** • Chuẩn mực hóa theo chuẩn quốc tế về kiểm soát nội bộ COSO, trong đó tập trung: (i) Xây dựng hệ thống quy định, quy trình nhất quán, đồng bộ, hiệu quả và tinh gọn, tuân thủ quy định của pháp luật; (ii) Xây dựng khung quản lý rủi ro toàn diện, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro môi trường...; (iii) Hệ thống phòng thủ 03 tuyến; (iv) Xây dựng văn hóa tuân thủ, đạo đức.

Chuỗi giá trị và các yếu tố tạo động lực tăng trưởng cho SeABank thực hiện chiến lược tới 2030

Chuỗi giá trị

Mô hình chuỗi giá trị

Động lực tăng trưởng và chuỗi giá trị của SeABank được kiến tạo dựa trên mô hình "Wholesale Retail" - Bán buôn theo phương thức bán lẻ, được củng cố mạnh mẽ nhờ làn sóng dịch chuyển FDI thế hệ mới và chiến lược "Ngân hàng nhúng" (embedded banking). Theo đó:

MÔ HÌNH "WHOLESALE RETAIL

SeABank tiếp cận KHDNL (bán buôn - wholesale) như "cổng vào" chiến lược để khai thác trọn vẹn hệ sinh thái thay vì chỉ cung cấp dịch vụ riêng lẻ. Thông qua các doanh nghiệp lớn đầu chuỗi này, SeABank mở rộng khai thác và cung cấp dịch vụ cho toàn bộ chuỗi liên quan, bao gồm: nhà cung cấp, đại lý phân phối và CBNV của các doanh nghiệp này, từ đó tạo ra nhiều dòng doanh thu bán lẻ (retail) song song.

CHIẾN LƯỢC "NGÂN HÀNG NHÚNG"

Tích hợp sâu các dịch vụ tài chính ngân hàng vào một hệ thống quản trị của doanh nghiệp (ERP) thông qua kết nối host-to-host.

Sự cộng hưởng giữa quy mô hệ sinh thái doanh nghiệp lớn và nền tảng công nghệ lõi giúp SeABank khép kín chuỗi giá trị, gia tăng tối đa biên lợi nhuận từ các hoạt động thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối – những mảng phi tín dụng có biên lợi nhuận cao và bền vững hơn so với tín dụng thuần túy.

Quản lý và phát triển chuỗi giá trị

Phân khúc	Chiến lược tiếp cận	Triển khai năm 2025
KHDNL	• Thu hút các doanh nghiệp đầu chuỗi có quy mô vốn từ 50 - 200 triệu USD (Samsung, LG, Foxconn, Hino...). • Khai thác hệ sinh thái/đối tác chiến lược (Sumitomo, Vietnam Airlines, Central Group, BigC...). • Khách hàng lớn, lâu năm trong lĩnh vực năng lượng (EVN, Petrolimex).	• Mở rộng tiếp cận được ít nhất 20-30 nhà cung cấp/nhà phân phối/nhà thầu trong hệ sinh thái của các doanh nghiệp đầu chuỗi thông qua giải pháp tài trợ chuỗi cung ứng. • Mở rộng tệp KHDN là nhà thầu của các tập đoàn lớn, cung cấp dịch vụ trả lương/tài khoản cho KHCN là CBNV.
KHDN	• Mở rộng tiếp cạn tệp khách hàng chiến lược (khách hàng FDI, xuất nhập khẩu) • Phát triển hệ sinh thái đối tác (BRG Retail, Vinfast, Carlsberg, Thiên Long, Cocacola, DHL...)	• Ra mắt các sản phẩm thế mạnh phục vụ tệp KHDN như: Thi công xây lắp, Logistics, Tín chấp KHDN... • Phát triển các sản phẩm mới tập trung vào gia tăng phí như: Mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ, Tài trợ nhập khẩu trọn gói. • Số hóa sản phẩm, bao gồm: mở tài khoản online ứng dụng AI, giải ngân online, phát hành L/C và bảo lãnh online... Ứng dụng công nghệ mới (AI, OCR, chatbot...) để tối ưu vận hành, tự động hóa các tác vụ như lập tờ trình, giải đáp nghiệp vụ...
KHCN	• Số hóa mạnh mẽ các sản phẩm, quy trình cung cấp cho khách hàng. • Khai thác, phát triển mới tệp khách hàng chiến lược, các kênh đối tác, sàn thương mại điện tử, chủ đầu tư uy tín/đại lý bất động sản, các đơn vị hành chính sự nghiệp và mở rộng khai thác thêm từ hệ sinh thái KHDNL/KHDN của SeABank.	• Nâng cấp, cải tiến liên tục các ứng dụng ngân hàng trực tuyến SeANet/SeAMobile/SeAMobile Biz giúp SeABank thu hút thêm khách hàng giao dịch tài khoản chính, chuyển dòng tiền về, tăng trưởng CASA, tiết kiệm. • Số hóa các sản phẩm tín dụng trọng tâm như: cho vay mua nhà, cho vay kinh doanh, tiêu dùng, cho vay tín chấp, thẻ tín dụng... để tối ưu hóa thời gian, đáp ứng tối đa nhu cầu khách hàng.

Yếu tố tạo động lực tăng trưởng, thuận lợi cho SeABank thực hiện chiến lược dài hạn

SeABank đang triển khai chiến lược đến 2030 với các yếu tố tạo động lực tăng trưởng và thuận lợi như tài chính, công nghệ số, ESG... Các yếu tố này đã đóng góp đáng kể vào chuỗi giá trị và việc triển khai chiến lược của SeABank, giúp tăng tính hiệu quả vận hành và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

TÀI CHÍNH

SeABank có nguồn vốn dồi dào và có khả năng huy động vốn từ các nguồn khác nhau để đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng và sinh lợi cao. Điều này giúp Ngân hàng có khả năng tăng cường hoạt động tín dụng và mở rộng phạm vi hoạt động của mình, từ đó đưa đến tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

CÔNG NGHỆ SỐ

SeABank đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ số và thành lập Ủy ban Công nghệ để tham mưu cho việc đầu tư và chuyển đổi công nghệ số của Ngân hàng nhằm cải thiện và tối ưu hoạt động của mình. Việc ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain, big data và điện toán đám mây giúp tăng cường hiệu quả hoạt động của ngân hàng, tăng cường sự đổi mới và phục vụ khách hàng tốt hơn. Điều này giúp tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DỰA TRÊN 03 TRỤ CỘT ESG

E

Môi trường:
SeABank có những chính sách và hoạt động bảo vệ môi trường, hướng tới sử dụng nguồn năng lượng tái tạo và giảm thiểu tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường. Đồng thời, Ngân hàng triển khai các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng Xanh và quản lý rủi ro MTXH trong các hoạt động ngân hàng, hướng đến tài chính xanh và kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng bền vững.

S

Xã hội:
SeABank tập trung phát triển nguồn nhân lực để tạo động lực tăng trưởng, đề cao những yếu tố nhân văn, xây dựng môi trường làm việc công bằng, đa dạng và bao trùm, đảm bảo các tiêu chuẩn về quyền lợi, phúc lợi cho nhân viên, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp cho nhân viên. Ngân hàng cũng thường xuyên triển khai hoạt động xã hội hóa, hướng tới cộng đồng tập trung vào các lĩnh vực SDGs như: giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo...

G

Quản trị:
SeABank có chính sách quản trị chuyên nghiệp và tiên tiến, từ đó giúp đảm bảo hoạt động của Ngân hàng được tổ chức hiệu quả. Hệ thống QTRR được cập nhật liên tục và các quy trình hoạt động hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế, giúp giảm thiểu rủi ro và tăng cường sự tin tưởng của các bên hữu quan. Điều này giúp Ngân hàng duy trì hoạt động hiệu quả, an toàn, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả kinh doanh năm 2025 của SeABank

Kết quả kinh doanh năm 2025 của SeABank được ghi nhận với những con số tăng trưởng tích cực về quy mô, chỉ tiêu kinh doanh, hiệu quả, đảm bảo nghĩa vụ công trên nền tảng an toàn hoạt động được củng cố bởi chất lượng tài sản và rủi ro được kiểm soát.

Đơn vị: tỷ đồng/ %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Đánh giá thực hiện
1	**Tổng tài sản**	**396.443**	**325.699**	• Tăng 21,72% so với năm 2024 • Hoàn thành vượt kế hoạch 111%
2	**Lợi nhuận trước thuế**	**6.868**	6.039	• Tăng 13,73% so với năm 2024 • Hoàn thành vượt kế hoạch 106%
3	**Tổng thu nhập hoạt động (TOI)**	**14.114**	12.409	• Tăng 13,74% so với năm 2024
4	**Tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng và giấy tờ có giá**	**221.791**	198.770	• Tăng 11,58% so với năm 2024
	Tiền gửi của khách hàng	**191.807**	168.320	
	Phát hành giấy tờ có giá	**29.984**	30.450	
5	**Dư nợ cho vay khách hàng**	**237.047**	209.355	• Tăng 13,23% so với năm 2024
6	**Nộp ngân sách nhà nước**	**1.755**	1.419	• Tăng 23,67% so với năm 2024
7	**Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân (ROA)**	**1,53%**	1,63%	
8	**Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sỡ hữu bình quan (ROE)**	**14,62%**	14,75%	
9	**Tỷ lệ Chi phí hoạt động trên Doanh thu thuần (CIR)**	**33,01%**	33,28%	
10	**Tỷ lệ nợ xấu**	**2,06%**	1,89%	• Đảm bảo <3% theo quy định của NHNN

Lợi nhuận

Lợi nhuận năm 2025 của SeABank đạt được từ (i) Tập trung các sản phẩm cho vay biên độ sinh lời tốt, (ii) Tối ưu hóa chi phí vốn, đa dạng hóa nguồn vốn, chú trọng vào CASA, (iii) Chú trọng đến các sản phẩm phi tín dụng, tăng trưởng mạnh ở hoạt động cung cấp dịch vụ, đặc biệt phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng cùng các đối tác chiến lược, (iv) Tăng năng suất lao động và tiết giảm tối đa chi phí quản lý, (v) Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần.

Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2025 là 2,06%, luôn được duy trì ở mức dưới 3% theo quy định của NHNN xuyên suốt năm 2025. Điều này là nhờ SeABank tích cực triển khai các biện pháp xử lý nợ linh hoạt và cải thiện chất lượng tín dụng hiệu quả.

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 là 13,39%. SeABank là một trong các Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được công nhận đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực Basel II. Đồng thời, Ngân hàng đang triển khai áp dụng các chuẩn mực Basel III, hướng tới phát triển kinh doanh an toàn và bền vững.

Tài sản

Tổng tài sản tại 31/12/2025 của SeABank đạt 396.443 tỷ đồng, tăng trưởng 21,72% so với 31/12/2024. Cơ cấu tài sản của SeABank luôn được duy trì phù hợp với khả năng quản lý và sinh lời tối đa cho Ngân hàng.

Đặt trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường toàn cầu và nội địa, tài sản của SeABank có mức tăng trưởng tốt, mang lại lợi nhuận tốt cho Ngân hàng, được phân bổ hợp lý luôn đảm bảo an toàn hoạt động.

Vốn chủ sở hữu và Vốn điều lệ

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 đạt 40.373 tỷ đồng, tăng 5.370 tỷ đồng so với 31/12/2024. Trong năm 2025, SeABank đã tiến hành trích lập các quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm và hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 28.350 tỷ đồng lên 28.450 tỷ đồng (tăng 100 tỷ đồng).

Nguồn vốn chủ sở hữu tăng thêm giúp SeABank nâng cao năng lực tài chính để triển khai áp dụng tiêu chuẩn quốc tế như Basel III, cho phép ngân hàng gia tăng sức chịu đựng trong trường hợp nền kinh tế có biến động xấu, từ đó tạo tiền đề để SeABank đầu tư cơ sơ vật chất, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Tiền gửi của khách hàng/phát hành giấy tờ có giá

Tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá tại 31/12/2025 đạt 221.791 tỷ đồng, tăng trưởng 11,58% so với thời điểm 31/12/2024, trong đó huy động từ tiền gửi khách hàng đạt hơn 191.807 tỷ đồng và phát hành giấy tờ có giá đạt 29.984 tỷ đồng.

Nguồn vốn huy động trong năm luôn được duy trì ở mức phù hợp, đảm bảo đáp ứng tốt nguồn vốn cho vay, khả năng thanh khoản của Ngân hàng, cơ cấu nguồn vốn tiếp tục được cải thiện theo hướng huy động bền vững cũng như đảm bảo giảm thiểu tối đa chi phí vốn cho Ngân hàng.

Dư nợ cấp tín dụng khách hàng

Tăng trưởng cấp tín dụng theo NHNN của SeABank năm 2025 đạt 16,69%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng đạt 237.047 tỷ đồng nhờ tập trung phát triển các sản phẩm thế mạnh, đa dạng hoạt động cho vay ở các lĩnh vực, ngành nghề.

Xu hướng chuyển dịch rõ rệt từ các ngành kinh tế có hệ số rủi ro cao sang các ngành kinh tế hoạt động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, cho vay phát triển làng nghề, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và DNVVN. Đồng thời, SeABank tiếp tục ưu tiên nguồn lực tiếp cận với các dự án cho vay nữ chủ, tiếp cận hợp tác với các dự án xanh, thân thiện với môi trường, tập trung vào các lĩnh vực năng lượng hiệu quả, giảm thiểu thất thoát năng lượng.

Chất lượng tín dụng ngày càng được nâng cao nhờ chuẩn hóa hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường các chốt kiểm soát, tập trung hóa nhiều nghiệp vụ từ khâu thẩm định khách hàng, phê duyệt, giải ngân cho đến khi khách hàng trả nợ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các giải pháp kinh doanh linh hoạt của SeABank ở thị trường trong nước đã mang lại lợi thế cạnh tranh trong việc tiếp cận mạng lưới rộng lớn các khách hàng - đối tác chiến lược, nhờ đó tăng trưởng ổn định và tạo ra nhiều giá trị thiết thực. Những giá trị này được SeABank tiếp tục phân bổ tới các bên hữu quan nhằm kết nối, lan tỏa những giá trị, hướng tới cộng đồng thịnh vượng.

Quy mô tài sản, nguồn vốn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2024	Đánh giá chỉ tiêu
1	**Tổng tài sản**	Tỷ đồng	396.443	325.699	Tăng 21,72% so với năm 2024
2	**Vốn chủ sở hữu**	Tỷ đồng	40.373	35.003	Tăng 15,34% so với năm 2024
3	**Vốn điều lệ**	Tỷ đồng	28.450	28.350	Tăng 100 tỷ đồng
4	**CAR**	%	13,39	12,84	Đáp ứng cao hơn so với chuẩn Basel II

Các chỉ số kinh doanh chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2024	Đánh giá chỉ tiêu
1	**Lợi nhuận trước thuế**	Tỷ đồng	6.868	6.039	• Tăng 13,73% so với năm 2024 • Hoàn thành vượt kế hoạch 106%
2	**Tổng thu thuần từ hoạt động kinh doanh (TOI)**	Tỷ đồng	14.114	12.409	• Tăng 13,74% so với năm 2024 • Hoàn thành vượt kế hoạch 112%
3	**Thu nhập ngoài lãi (NoII)**	Tỷ đồng	4.410	2.443	
	Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi trên Tổng thu thuần	%	*31,25*	*19,68*	
4	**ROA**	%	1,53	1,63	
5	**ROE**	%	14,62	14,75	
6	**Tỷ lệ nợ xấu**	%	2,06	1,89	Đảm bảo <3% theo quy định của NHNN

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổ chức và nhân sự



- **Báo cáo tổng số nhân viên:** Tổng số lượng nhân sự bình quân năm 2025 là 5.396 người. Tổng số lượng nhân sự thời điểm 31/12/2025 là 5.427 người.
- **Biến động nhân sự:** Số lượng nhân sự giảm 2,3% so với năm 2024.
- **Thu nhập trung bình:** 31,6 triệu đồng/người/tháng, tăng 4,9% so với thu nhập trung bình năm 2024.

- **Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc (BTGĐ) SeABank được cơ cấu phù hợp với thông lệ quản trị công ty tại Việt Nam, đồng thời tiệm cận các khuyến nghị của Bộ thẻ điểm ASEAN (ACGS) và OECD, góp phần quan trọng trong triển khai chiến lược phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn.

» ***Tính ổn định và kế thừa trong điều hành***

Các thành viên có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, trong đó nhiều thành viên đã gắn bó và đảm nhiệm các vị trí quản lý chủ chốt tại SeABank trong thời gian dài. TGĐ có 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính, với hơn 20 năm tham gia điều hành tại SeABank, góp phần bảo đảm tính ổn định, nhất quán và liên tục trong quản trị điều hành. Đây là điểm mạnh quan trọng, phù hợp với các khuyến nghị của OECD về tính kế thừa và sự liên tục trong bộ máy điều hành.

» ***Đa dạng về độ tuổi, kết hợp kinh nghiệm và năng lực kế cận***

Cơ cấu độ tuổi của BTGĐ cân bằng giữa các thành viên giàu kinh nghiệm (nhóm 50–60 tuổi) và lực lượng điều hành kế cận (nhóm 40–dưới 50 tuổi). Sự kết hợp này phù hợp với thông lệ tốt của ASEAN về phát triển nguồn nhân lực lãnh đạo, vừa bảo đảm chiều sâu kinh nghiệm, vừa tạo nền tảng cho tính bền vững và chuyển giao trong dài hạn.

» ***Đa dạng về chuyên môn, bao phủ các lĩnh vực trọng yếu***

Các thành viên BTGĐ có nền tảng chuyên môn đa dạng, bao gồm tài chính – ngân hàng, quản trị rủi ro, công nghệ thông tin, luật, kế toán, kiểm toán, nguồn vốn và thị trường tài chính. Cơ cấu này giúp nâng cao khả năng tiếp cận đa chiều trong việc ra quyết định, đáp ứng yêu cầu QTRR tổng thể và điều hành hiệu quả một ngân hàng hiện đại. Đây là điểm phù hợp với các nguyên tắc của OECD và ACGS về năng lực và sự phù hợp của đội ngũ điều hành cấp cao.

» ***Sự hiện diện của nữ giới trong Ban Điều hành***

BTGĐ hiện có 2/10 thành viên là nữ, trong đó có các thành viên đảm nhiệm vai trò quan trọng liên quan đến kế toán, kiểm toán nội bộ, pháp lý và quản trị. Mặc dù chưa đạt tỷ lệ cân bằng nam-nữ, sự hiện diện này cho thấy những bước tiến nhất định trong việc thúc đẩy đa dạng giới trong bộ máy điều hành, phù hợp với xu hướng chung về quản trị bền vững và các khuyến nghị của OECD về đa dạng hóa lãnh đạo.

BTGĐ SeABank hiện có 10 thành viên, trong đó có 2/10 thành viên nữ, bao gồm các thành viên có kinh nghiệm lâu năm, có chuyên môn cao và năng lực tốt, đa dạng về độ tuổi với 03 thành viên thuộc độ tuổi từ 50 - 60 tuổi và 07 thành viên thuộc độ tuổi từ 40 - dưới 50 tuổi. Danh sách Ban Điều hành tại thời điểm 31/12/2025:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
1	**Lê Quốc Long**	**TGĐ**	Nam	13/05/1965	• Cử nhân Tài chính - Kế toán (Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội); Cử nhân Luật kinh tế. • 40 năm kinh nghiệm về kinh doanh và tài chính. Trong đó, hơn 30 năm trong ngành Ngân hàng, 20 năm điều hành tại BTGĐ SeABank. Ông được bổ nhiệm TGĐ SeABank theo Quyết định 808/2023/QĐ-HĐQT ngày 24/11/2023.	24/11/2023	0,174%
2	**Vũ Đình Khoán**	**PTGĐ**	Nam	01/10/1969	• Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế). • 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, trong đó có 12 năm điều hành SeABank tại vị trí Giám đốc Khối Kiểm soát, Khối Hỗ trợ & Phát triển, PTGĐ.	12/07/2012	0,062%
3	**Nguyễn Thị Thu Hương**	**PTGĐ**	Nữ	29/06/1975	• Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế). • 30 năm kinh nghiệm về Tài chính - Ngân hàng, trong đó 18 năm giữ các vị trí quan trọng tại SeABank như: Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ (KTNB), Giám đốc Khối Kế toán, PTGĐ.	01/06/2016	0,023%
4	**Hoàng Mạnh Phú**	**PTGĐ**	Nam	18/02/1970	• Cử nhân Kinh tế (Học viện Ngân hàng). • 30 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực Ngân hàng, hơn 20 năm cống hiến tại SeABank với nhiều chức vụ quan trọng: Giám đốc Khu vực miền Bắc, Giám đốc Khối Tín dụng & Quản lý rủi ro, PTGĐ.	20/06/2018	0,053%
5	**Nguyễn Tuấn Cường**	**PTGĐ**	Nam	03/04/1965	• Kỹ sư Công nghệ thông tin (Đại học Bách khoa Vienna, Cộng hòa Áo). • 20 năm đóng góp cho sự phát triển công nghệ mạnh mẽ của SeABank, giữ các vị trí quan trọng tại Khối CNNHS. Trước đó, ông đã có thời gian dài làm việc tại Cộng hòa Áo với các vị trí chuyên môn như: Lập trình viên, Quản trị mạng.	28/12/2013	0,013%
6	**Đặng Thu Trang**	**PTGĐ**	Nữ	29/09/1981	• Cử nhân Luật kinh tế (Đại học Luật Hà Nội). • 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, trong đó 17 năm giữ các vị trí quản lý quan trọng tại Văn phòng HĐQT và Văn phòng BTGĐ của SeABank, chuyên tư vấn và điều hành các vấn đề liên quan tới Luật, Nhân sự...	20/01/2020	0,009%
7	**Nguyễn Hồng Quang**	**PTGĐ**	Nam	30/12/1985	• Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng (Đại học Wales, Vương Quốc Anh). • 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, trong đó gần 10 năm cống hiến cho Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính SeABank tại các chức vụ quản lý quan trọng: Giám đốc Kinh doanh ngoại tệ, Giám đốc kinh doanh Ngoại hối và Vàng, Phó Giám đốc Khối, Giám đốc Khối...	23/02/2024	0,015%
8	**Nguyễn Tuấn Anh**	**PTGĐ**	Nam	14/04/1980	• Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Đại học Hawaii, Mỹ). • 21 năm kinh nghiệm về Tài chính - Ngân hàng, chuyên trách các mảng kiểm toán, kế hoạch & chiến lược tài chính. Ông tham gia SeABank năm 2019 với vai trò Giám đốc Khối QTRR kiêm Giám đốc Chiến lược Tài chính và đã có nhiều đóng góp vượt bậc cho sự phát triển của Ngân hàng.	24/02/2024	0,010%
9	**Lê Thanh Hải**	**PTGĐ**	Nam	11/07/1977	• Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (Đại học Northwestern, Mỹ). • 21 năm kinh nghiệm làm việc và quản lý trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Gia nhập SeABank từ năm 2007, đảm nhận vị trí Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân từ năm 2018. Ông được ghi nhận đã có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của ngân hàng bán lẻ.	11/01/2025	0,026%

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
10	**Bùi Quốc Hiệu**	**PTGĐ**	Nam	03/09/1974	• Cử nhân Kế toán (Đai học Tài chính Kế toán Hà Nội); Cử nhân Tiếng Anh (Đại học Ngoại ngữ Hà Nội). • Hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Ông đã đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại SeABank như: Kế toán trưởng, Giám đốc khu vực, Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng... và có những đóng góp nổi bật trong việc nâng cao chất lượng thẩm định, tối ưu hóa quy trình tín dụng và giảm thiểu rủi ro tín dụng.	11/01/2025	0,005%

Những thay đổi của Ban Điều hành trong năm 2025:

Trong năm 2025, HĐQT đã bổ nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc nhằm nâng tổng số thành viên Ban Tổng Giám đốc lên 10 người và bổ sung hai lĩnh vực hoạt động trọng yếu cho đội ngũ Ban Điều hành là bán lẻ và phê duyệt tín dụng. Cụ thể:

- Ông Bùi Quốc Hiệu – Giám đốc Khối Phê duyệt Tín dụng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của SeABank kể từ ngày 11/01/2025 nhằm ghi nhận những đóng góp nổi bật trong việc nâng cao chất lượng thẩm định, tối ưu hóa quy trình tín dụng và giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động tín dụng của ngân hàng.
- Ông Lê Thanh Hải – Giám đốc Khối KHCN đã được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 11/01/2025 và đã thôi đảm nhiệm chức vụ PTGĐ của ngân hàng từ ngày 25/01/2026 để nhận nhiệm vụ mới.

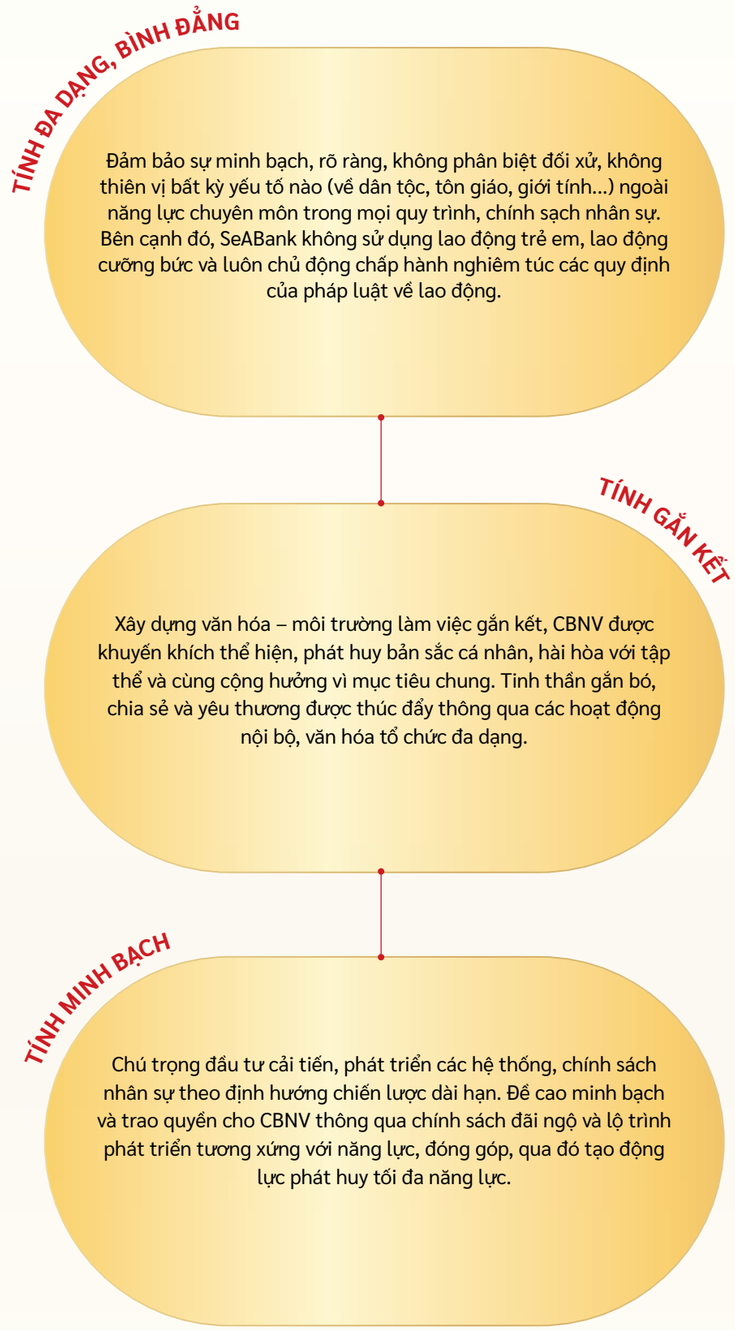
Kế toán trưởng

Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại SeABank
Nguyễn Thị Hoài Phương	**Nữ**	**05/10/1977**	• Cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính. • 25 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính - ngân hàng, chuyên về kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ. Trong đó, 17 năm cống hiến tại SeABank tại nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc Trung tâm Kế toán, Giám đốc Báo cáo và Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng.	14/07/2017	0,005%

Thay đổi về chính sách người lao động

Mục tiêu chiến lược nhân sự năm 2025

Bám sát tầm nhìn ***"đặt con người và cộng đồng lên hàng đầu"*** theo khung chiến lược mới, SeABank đặt mục tiêu dài hạn về phát triển nguồn nhân lực và nâng cao định vị giá trị nhân viên. Theo đó, trong năm 2025, SeABank tích cực củng cố, xây dựng môi trường làm việc **đa dạng - bình đẳng - minh bạch - gắn kết**, bám sát các giá trị cốt lõi và mục tiêu bền vững nhằm kiến tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng.



Thay đổi chính sách nhân sự trong năm 2025

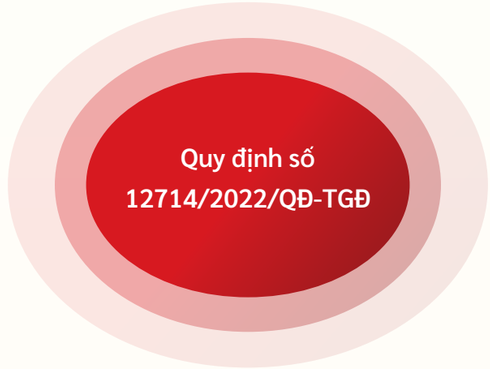
Với tinh thần ***"Believe!"*** năm 2025, SeABank đã triển khai nhiều thay đổi theo hướng cải tiến, gia tăng quyền lợi cho CBNV nhằm nâng cao tinh thần, tạo động lực để bứt phá. Các thay đổi hướng tới mục tiêu chung về môi trường **đa dạng - bình đẳng - minh bạch - gắn kết**, tiêu biểu như sau:

- **Chuyên môn hóa cơ cấu:** Tăng cường chuyên môn hóa cơ cấu, tái cơ cấu tổ chức theo ngành dọc tập trung vào chiều sâu, tinh gọn, tối ưu sử dụng nguồn lực để phục vụ tốt nhất chiến lược kinh doanh giai đoạn mới.
- **Hoàn thiện hệ thống lương, thưởng:**
  - » Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống quản lý hiệu quả công việc theo KPIs đối với các Khối Hội sở và Đơn vị kinh doanh (ĐVKD);
  - » Cập nhật và nâng cao hiệu quả của hệ thống Total Rewards, chú trọng vào các chính sách thúc đẩy hiệu quả theo mục tiêu, chiến lược kinh doanh như: chính sách lương kinh doanh bổ sung, các chương trình thúc đẩy, thi đua kinh doanh.
- **Nâng cao năng lực đội ngũ**: Tập trung quy hoạch và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận thông qua chuỗi các chương trình đánh giá năng lực, quy hoạch và bổ nhiệm định kỳ. Đội ngũ nhân sự được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn và kỹ năng, sẵn sàng đáp ứng các mục tiêu bền vững của Ngân hàng.
- **Cải thiện hệ thống phúc lợi:** phát triển các chính sách mới, gia tăng quyền lợi của các chính sách phúc lợi hiện hữu tập trung vào các yếu tố:
  - » Bảo vệ sức khỏe: xây dựng môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp và chuyên nghiệp; chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện PVICare với quyền lợi gia tăng; chương trình khám sức khỏe định kỳ với các hạng mục khám chuyên sâu...;
  - » Đãi ngộ hấp dẫn: chương trình tri ân theo thâm niên (SeAProud); chương trình vay ưu đãi CBNV (SeAStaff Privilege)...;
  - » Văn hóa công sở lành mạnh, gắn kết giữa các CBNV, giữa CBNV với SeABank, các chương trình mở rộng gắn kết với gia đình CBNV;
  - » Các chính sách thu hút và giữ chân nhân tài, chính sách phát hành cổ phiếu lựa chọn cho CBNV (SeAESOP)...



Cơ chế tham vấn và báo cáo các mối quan ngại (whistleblowing, speak-up):

Việc khiếu nại/tố giác nội bộ được thực hiện theo Quy định số 12714/2022/QĐ-TGĐ ngày 09/08/2022 v/v Báo cáo và xử lý sai phạm nội bộ tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.



Các CBNV tố giác/ khiếu nại thông qua Đường dây nóng Tuân thủ, bao gồm số điện thoại/ email của Giám đốc Khối QTRR, PC&TT hoặc người được phân công/ ủy quyền trong từng thời kỳ, hoặc gửi tới email: baocaosaipham@seabank.com.vn. Trường hợp CBNV thực hiện tố giác/ khiếu nại thông qua các kênh tiếp nhận khác của các bộ phận nghiệp vụ thuộc Khối/Phòng/Ban/Trung tâm tại Hội sở, các đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm chuyển tiếp đầy đủ thông tin tới Đường dây nóng Tuân thủ hoặc gửi tới Giám đốc Khối QTRR, PC&TT (hoặc người được phân công/ ủy quyền trong từng thời kỳ) để tiếp nhận, xem xét và xử lý theo quy định.

Các Đơn vị tiếp nhận thông tin tố giác/ khiếu nại có trách nhiệm điều tra, kiểm tra các thông tin có liên quan, báo cáo Cấp có thẩm quyền để có phương án xử lý khách quan, chính xác, kịp thời và hiệu quả.



Tuân Thủ - Khối QTRR, Pháp chế & Tuân thủ

BRG Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3944 8688 (ext: 8409)

Email: baocaosaipham@seabank.com.vn

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
A. Các dự án đang triển khai		
Dự án Mobile Banking/ SeANet dành cho KHDN	**Mục đích:** Phát triển sản phẩm Ngân hàng điện tử (ebank) dành cho KHDN (bao gồm cả KHDNL và SME) theo định hướng hiện đại hóa, cập nhật công nghệ mới, linh hoạt "may đo" sản phẩm và tính năng theo nhu cầu từng phân khúc khách hàng. Qua đó, nâng cao trải nghiệm và mở rộng năng lực phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh của khách hàng. **Triển khai năm 2025:** • Triển khai thành công nhiều tính năng tiện ích như: chuyển tiền quốc tế trực tuyến; bán ngoại tệ và truy vấn bộ chứng từ xuất khẩu; đăng ký Tài khoản Bông Sen Vàng dành cho KHDN/ KHCN theo quy định của Ngân hàng và Vietnam Airlines... • Nâng cấp các tính năng trên ebank KHDN: chuyển tiền nhanh Napas, tự động tách lệnh đối với các giao dịch giá trị lớn; đồng thời cập nhật địa giới hành chính mới nhằm bảo đảm tính đồng bộ dữ liệu và phù hợp với mô hình kinh doanh hiện hành. • Bổ sung và hoàn thiện các tiện ích quản lý tài khoản và dòng tiền chuyên sâu cho ebank KHDNL: cung cấp báo cáo sổ phụ chi tiết theo lô, báo nợ/báo có gắn chữ ký số của Ngân hàng, quản lý hạn mức chuyển tiền trong ngày, truy vấn khoản vay kèm lịch trả nợ và lịch sử thanh toán. Các chức năng kiểm soát tuân thủ theo quy định của NHNN được triển khai đồng bộ như chặn giao dịch không phù hợp đối với khách hàng không cư trú. • Phát triển thẻ ghi nợ Cashback Biz Ultra Cash với nhiều tiện ích cho KHDN, hoàn tiền linh hoạt dựa trên số dư CASA bình quân tháng của tài khoản thanh toán.	• **Thời gian triển khai:** Tháng 1/2025 • **Tổng đầu tư năm 2025:** 8 tỷ đồng
Dự án Nextgen (SeAMobile) dành cho KHCN	**Mục đích:** Liên tục ứng dụng công nghệ để tạo ra nhiều sản phẩm/chức năng mới, tinh chỉnh hệ thống nhằm gia tăng tiện ích, nâng cao trải nghiệm cho khách hàng. **Triển khai năm 2025:** Liên tục cải tiến, nâng cấp, phát triển các tính năng mới tập trung nâng cao trải nghiệm người dùng, tăng cường an toàn bảo mật và tuân thủ quy định: • Nâng cấp tính năng thông báo (notification) các khoản phí phát sinh qua tài khoản thanh toán. • Bổ sung bước xác thực Soft OTP khi mở mới/nộp thêm tiền vào sổ tiết kiệm online. • Chuẩn hóa quy trình thu phí và quản lý hạn mức thấu chi, bao gồm: thu phí trước khi mở hạn mức, cập nhật phụ lục hợp đồng khi điều chỉnh hoặc thanh lý hạn mức theo quy định của NHNN. • Hoàn thành tích hợp với các hệ thống Quản lý cơ sở dữ liệu Quốc gia giúp xác thực khách hàng qua VNeID, cho phép mở tài khoản thanh toán, ebank và thu thập sinh trắc học trực tuyến. • Bổ sung tính năng tùy chọn xác thực giao dịch thẻ trực tuyến theo tiêu chuẩn EMV 3DS, cho phép khách hàng linh hoạt lựa chọn hình thức xác thực hoặc ủy quyền Ngân hàng đánh giá rủi ro.	• **Thời gian triển khai:** Tháng 1/2025 • **Tổng đầu tư năm 2025:** 10 tỷ đồng
Dự án nâng cấp hệ thống phòng chống rửa tiền (SeAAML)	**Mục đích:** • Bổ sung các tính năng phục vụ hiệu quả công tác PCRT và bảo đảm tuân thủ pháp luật. **Triển khai năm 2025:** • Nâng cấp và hoàn thiện chức năng sàng lọc cuối ngày của hệ thống AML, áp dụng ma trận sàng lọc đa tiêu chí kết hợp các yếu tố định danh gồm: tên, giới tính, năm sinh, quốc tịch và mã số định danh, tương đương với mức độ kiểm soát tại thời điểm định danh khách hàng. Nhờ đó, giảm đáng kể số lượng cảnh báo giả, nâng cao độ chính xác của hệ thống cảnh báo và tối ưu hiệu quả công tác rà soát, xử lý của các đơn vị nghiệp vụ. • Xây dựng và đưa vào vận hành đầy đủ hệ thống báo cáo và công cụ đánh giá rủi ro rửa tiền, đáp ứng Điều 3 Thông tư số 09/2023/TT-NHNN về tiêu chí và phương pháp đánh giá rủi ro đối với đối tượng báo cáo. Công cụ đánh giá rủi ro được thiết kế theo ma trận tiêu chí rõ ràng, có khả năng định lượng và phân loại rủi ro, phù hợp với khuyến nghị của EY, nâng cao tính chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả QTRR rửa tiền.	• **Thời gian triển khai:** Tháng 6/2025 • **Tổng đầu tư năm 2025:** 2,6 tỷ đồng
Giải pháp Quản lý quan hệ khách hàng (CRM) dành cho KHDN	**Mục đích:** • Xây dựng nền tảng quản lý bán hàng tập trung, đồng bộ và quy mô lớn, hỗ trợ hiệu quả công tác phát triển khách hàng và quản trị hoạt động kinh doanh. **Triển khai năm 2025:** • Tự động hóa quy trình phân bổ dữ liệu bán hàng mới, hỗ trợ đội ngũ quản lý và bán hàng theo dõi toàn bộ vòng đời cơ hội kinh doanh thông qua: • Chức năng nhắc việc, cảnh báo và báo cáo định kỳ qua email, chức năng báo cáo cập nhật theo thời gian thực (real-time) phục vụ công tác giám sát và ra quyết định kịp thời. • Khả năng xử lý dữ liệu lớn, cho phép quản lý đồng thời nhiều chiến dịch bán hàng, không chồng chéo dữ liệu. Toàn bộ thông tin (về khách hàng, cơ hội bán hàng, trạng thái xử lý, kết quả triển khai) đều được lưu trữ, truy vết và khai thác tập trung trên hệ thống.	• **Thời gian triển khai:** Tháng 3/2025 • **Tổng đầu tư năm 2025:** 1,94 tỷ đồng

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN *(tiếp)*

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
A. Các dự án đang triển khai		
Giải pháp Quản lý quan hệ khách hàng (CRM) dành cho KHDN *- tiếp -*	• Chuẩn hóa và số hóa toàn bộ quy trình bán hàng, hỗ trợ quản lý thực thi và đánh giá hiệu quả cá nhân/đội nhóm, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý và tăng năng suất. • Phân tích đầy đủ các chỉ số như tỷ lệ chuyển đổi, tiến độ xử lý và kết quả bán hàng, giúp nhận diện kịp thời các điểm hạn chế về năng lực, phục vụ đào tạo, huấn luyện và nâng cao chất lượng dịch vụ.	
Dự án Quản lý định danh và truy cập (IAM)	**Mục đích:** • Dự án Quản lý định danh và truy cập (Identity and Access Management – IAM) nhằm xây dựng cơ chế quản lý tập trung, tự động hóa và kiểm soát chặt chẽ toàn bộ vòng đời tài khoản người dùng trong hệ thống. Qua đó, nâng cao mức độ an toàn thông tin, hạn chế rủi ro truy cập trái phép, nâng cao hiệu suất làm việc. **Triển khai năm 2025:** • Tính năng tự động tạo mới, thay đổi, thu hồi và khóa quyền truy cập theo thời gian thực, bám sát các biến động về nhân sự, cơ cấu tổ chức, vị trí công việc và phân công nhiệm vụ. • Tích hợp đồng bộ với các hệ thống lõi, ứng dụng nghiệp vụ và nền tảng bảo mật, bảo đảm quyền truy cập luôn được cập nhật kịp thời, chính xác và nhất quán. • Tạo nền tảng linh hoạt đáp ứng các thay đổi về tổ chức, mở rộng quy mô hoạt động và triển khai các mô hình mới, đáp ứng các yêu cầu nâng cao về quản trị, bảo mật và tuân thủ.	• **Thời gian triển khai:** Tháng 3/2025 • **Tổng đầu tư năm 2025:** 1,94 tỷ đồng
Dự án chuyển đổi công nghệ Data Warehouse	**Mục đích:** • Dự án chuyển đổi Data Warehouse được triển khai theo lộ trình hiện đại hóa nhằm củng cố nền tảng quan trọng, giúp SeABank khai thác tối đa giá trị dữ liệu hỗ trợ tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tiếp theo. **Triển khai năm 2025:** • Chuyển từ mô hình xử lý dữ liệu theo lô (độ trễ T-1) sang Realtime Data Warehouse (T0). Hệ thống mới được xây dựng trên nền tảng xử lý dữ liệu lớn (big data) và công nghệ streaming, cho phép thu thập, xử lý và tổng hợp dữ liệu theo thời gian thực ngay khi phát sinh từ các hệ thống nguồn. Qua đó: • Nâng cao năng lực giám sát hoạt động và phát hiện sớm rủi ro. • Tăng tốc độ và độ chính xác trong việc đưa ra quyết định điều hành, quản trị rủi ro, kinh doanh và chăm sóc khách hàng • Cải thiện chất lượng, tính kịp thời và khả năng phân tích đa chiều của báo cáo quản trị, đáp ứng yêu cầu phân tích đa chiều, chuyên sâu. • Chuẩn hóa và đồng bộ dữ liệu theo thời gian thực, bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, nhất quán phục vụ các báo cáo tuân thủ theo yêu cầu của NHNN và các đơn vị liên quan.	• **Thời gian triển khai:** Tháng 3/2025 • **Tổng đầu tư năm 2025:** 1,94 tỷ đồng

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
B. Các dự án đã hoàn thành trong năm 2025		
Hệ thống kiều hối	**Kết quả triển khai năm 2025:** • Dịch vụ nhận kiều hối trực tuyến qua MoneyGram được triển khai thành công trên nền tảng công nghệ hiện đại của SeABank kết hợp với tiêu chuẩn bảo mật và kiểm soát giao dịch quốc tế của MoneyGram. **Hiệu quả của dự án:** • Nâng cao tính chủ động và tiện lợi trong quản lý dòng tiền, bảo đảm tính an toàn, minh bạch và tuân thủ trong suốt quá trình xử lý giao dịch. • Cho phép theo dõi trạng thái giao dịch theo thời gian thực ngay trên ứng dụng, giúp kiểm soát tiến độ nhận tiền, giảm thiểu rủi ro và bảo đảm dòng tiền được chuyển đến nhanh chóng, chính xác. • Cho phép khách hàng nhận tiền 24/7, mọi lúc, mọi nơi, không phụ thuộc vào thời gian làm việc của quầy giao dịch. • Nâng cao trải nghiệm khách hàng, mở rộng kênh tiếp cận kiều hối và tăng hiệu quả khai thác nguồn ngoại tệ cho Ngân hàng.	• **Tổng đầu tư:** 2 tỷ đồng • **Thời gian hoàn thành:** Tháng 6/2025
Website SeABank mới	**Kết quả triển khai năm 2025:** • Website mới của SeABank được thiết kế với UI/UX hiện đại, trực quan và thân thiện, theo phong cách tinh gọn, cá nhân hóa. • Nâng cấp và bổ sung nhiều tính năng thông minh, bao gồm: tìm kiếm thông minh, gợi ý sản phẩm cá nhân hóa, các công cụ tính toán tài chính đa năng (lãi suất vay, tiền gửi, tỷ giá theo thời gian thực), tư vấn dịch vụ chuyên biệt và cập nhật thông tin cổ phiếu theo thời gian thực... **Hiệu quả của dự án:** • Nâng cao trải nghiệm người dùng giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận và khai thác thông tin. • Tối ưu hành trình trải nghiệm và nâng cao hiệu quả tương tác nhờ giao diện cá nhân hóa. • Khách hàng có thể chủ động tiếp cận các giải pháp tài chính dễ dàng, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ trên môi trường số.	• **Tổng đầu tư:** 977,3 triệu đồng • **Thời gian hoàn thành và golive:** 24/3/2025
Dự án LOS mới	**Mục tiêu:** • Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống New LOS trên nền tảng công nghệ mới, thay thế hệ thống cũ, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả. **Kết quả triển khai năm 2025:** • Thiết kế hiện đại, cho phép chuẩn hóa và tối ưu hóa toàn bộ quy trình luân chuyển hồ sơ, chứng từ tín dụng, từ khâu tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt đến giải ngân.	

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN *(tiếp)*

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
B. Các dự án đã hoàn thành trong năm 2025		
Dự án LOS mới *- tiếp -*	• Các luồng xử lý được tự động hóa ở mức cao, giảm đáng kể thao tác thủ công. • Hỗ trợ kết nối, tích hợp đồng bộ với các hệ thống lõi của Ngân hàng như Ngân hàng lõi T24, hệ thống Ngân hàng điện tử, bảo đảm dữ liệu xuyên suốt, nhất quán và dễ dàng truy vết. • Cho phép theo dõi trạng thái xử lý hồ sơ theo thời gian thực. **Hiệu quả của dự án:** • Nâng cao tính minh bạch và khả năng kiểm soát vận hành, hạn chế sai sót. • Rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao trải nghiệm khách hàng. • Cải tiến quy trình vận hành nội bộ, tăng năng suất lao động và giảm chi phí vận hành, tạo nền tảng linh hoạt cho việc mở rộng sản phẩm tín dụng và đáp ứng các yêu cầu phát triển của SeABank trong giai đoạn tiếp theo.	• **Thời gian triển khai:** Tháng 1/2024 • **Thời gian hoàn thành:** 6/2025 • **Tổng đầu tư:** 3 tỷ đồng
Nâng cấp và hiện đại hóa hạ tầng CNTT	**Mục tiêu:** • Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) bằng các thiết bị công nghệ mới nhất, tiên tiến và hiệu năng cao, bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển và hoạt động kinh doanh ngày càng gia tăng. **Kết quả triển khai năm 2025:** • Mua sắm hệ thống máy chủ IBM Power E1050 đáp ứng yêu cầu xử lý các hệ thống lõi, cơ sở dữ liệu lớn và các ứng dụng nghiệp vụ quan trọng với độ ổn định và khả năng mở rộng cao. • Nâng cấp hệ thống IBM DataPower giúp tăng cường năng lực tích hợp, bảo mật và kiểm soát giao tiếp giữa các hệ thống, đặc biệt trong môi trường dịch vụ số và API. • Nâng cấp hệ thống lưu trữ (Storage) nhằm mở rộng dung lượng, nâng cao hiệu năng truy xuất dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin. **Hiệu quả của dự án:** • Nâng cao tính sẵn sàng, độ tin cậy và khả năng chịu tải của hệ thống CNTT, giảm thiểu rủi ro gián đoạn dịch vụ. Tạo nền tảng vững chắc nhằm triển khai các công nghệ mới, phục vụ chuyển đổi số và tăng trưởng bền vững.	• **Tổng đầu tư:** 76 tỷ đồng • **Thời gian hoàn thành:** 7/2025
Dự án SeAPayPro	**Mục đích:** • Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán số nhằm phục vụ khách hàng tối đa, thuận tiện, gia tăng trải nghiệm khách hàng và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt. **Kết quả triển khai năm 2025:** • Tự động hóa toàn bộ quy trình hạch toán theo lô. **Hiệu quả của dự án:** • Giảm đáng kể thao tác nhập liệu thủ công, hạn chế tối đa sai sót trong quá trình xử lý và rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch, bảo đảm hoạt động thanh toán diễn ra liên tục, chính xác và an toàn.	• **Tổng đầu tư:** 2,85 tỷ đồng • **Thời gian hoàn thành:** năm 2025

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
Dự án Tiền đi	**Mục tiêu:** • Hiện đại hóa hệ thống thanh toán, đáp ứng yêu cầu an toàn bảo mật ngày càng nâng cao **Kết quả triển khai năm 2025:** • Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thanh toán hiện đại, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn, bảo mật và tuân thủ chuẩn IBPS 2.5 đối với hoạt động thanh toán liên ngân hàng. **Các tính năng nổi bật:** • Kiến trúc công nghệ tiên tiến, bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật mới nhất, đáp ứng yêu cầu vận hành ổn định, liên tục và an toàn trong hoạt động thanh toán. • Hỗ trợ chuyển đổi và xử lý các giao dịch đặc thù liên quan đến Ngân sách Nhà nước theo đúng chuẩn dữ liệu và quy trình của IBPS 2.5, bảo đảm tính chính xác, minh bạch và tuân thủ quy định. • Xử lý khối lượng lớn giao dịch với tốc độ nhanh, linh hoạt hỗ trợ cả xử lý theo lô và theo giao dịch đơn lẻ, đáp ứng tốt các thời điểm cao điểm giao dịch. • Cung cấp các chức năng báo cáo và đối soát trực quan, tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, với khả năng truy vấn nhanh chóng, hỗ trợ hiệu quả công tác kiểm soát, giám sát, quyết toán và quản trị vận hành theo yêu cầu của NHNN và cơ quan quản lý.	• **Tổng đầu tư:** 1,03 tỷ đồng • **Thời gian hoàn thành và golive:** 24/3/2025
Dự án mạng WAN thế hệ mới (Giai đoạn 1)	**Mục đích:** • Nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Ngân hàng trong thời đại số. • Kết quả triển khai năm 2025: Triển khai thành công dự án kiến trúc mạng WAN thế hệ mới với định hướng hiện đại hóa hạ tầng kết nối. **Các tính năng nổi bật:** • Cung cấp kết nối ổn định, an toàn cho người dùng tại nhiều địa điểm/điểm giao dịch, bảo đảm truy cập thông suốt tới các tài nguyên và hệ thống lưu trữ tại các trung tâm dữ liệu của Ngân hàng. • Tích hợp các giải pháp bảo mật tiên tiến, hỗ trợ xác thực người dùng, kiểm soát quyền truy cập vào các ứng dụng nghiệp vụ tại từng điểm giao dịch. • Cho phép SeABank tự động lựa chọn và tối ưu tuyến truyền, bảo đảm sử dụng kênh kết nối có chất lượng tốt nhất, đồng thời tận dụng hiệu quả hạ tầng Internet trong nước nhằm nâng cao tốc độ và độ ổn định kết nối. • Hỗ trợ kiểm soát băng thông và trải nghiệm người dùng, giúp duy trì chất lượng dịch vụ đồng đều trên toàn mạng. • Các cơ chế an toàn được triển khai đồng bộ nhằm ngăn chặn rò rỉ dữ liệu, hạn chế sự lây lan của mã độc, qua đó nâng cao mức độ an toàn, sẵn sàng và tin cậy của hạ tầng mạng.	• **Thời gian triển khai:** Tháng 12/2024 • **Thời gian hoàn thành:** 5/2025 • **Tổng đầu tư:** 9 tỷ đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành

2.845.000.000

cổ phần

Số cổ phần phổ thông

2.845.000.000

cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.057.015.454 cổ phần

Số cổ phần ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 787.984.546 cổ phần

Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu (*)	Tỷ lệ nắm giữ
I.	**Tổ chức/Cá nhân**			
1	**Tổ chức**	**91**	**1.834.200.087**	**64,47%**
	Trong nước	*74*	*1.829.482.996*	*64,31%*
	Nước ngoài	*17*	*4.717.091*	*0,17%*
2	**Cá nhân**	**10.718**	**1.010.799.913**	**35,53%**
	Trong nước	*10.667*	*1.009.430.685*	*35,48%*
	Nước ngoài	*51*	*1.369.228*	*0,05%*
	Tổng cộng	**10.809**	**2.845.000.000**	**100%**
II.	**Cổ đông nhà nước**			
	Cổ đông Nhà nước	*0*	*0*	*0,00%*
	Cổ đông khác	*10.809*	*2.845.000.000*	*100%*
	Tổng cộng	**10.809**	**2.845.000.000**	**100%**
III.	**Cổ đông lớn**			
	Cổ đông lớn	*0*	*0*	*0,00%*
	Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	*10.809*	*2.845.000.000*	*100%*
	Tổng cộng	**10.809**	**2.845.000.000**	**100%**

(*) Theo Danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2025

Trong năm 2025, được sự chấp thuận của NHNN và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, SeABank đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 28.350 tỷ đồng lên 28.450 tỷ đồng (tăng thêm 100 tỷ đồng).

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng *(triệu đồng)*	Vốn tăng thêm *(triệu đồng)*	Vốn điều lệ sau khi tăng *(triệu đồng)*	Hình thức tăng vốn
Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập - Tháng 3/1994			3.000	3.000	Chào bán cho cổ đông sáng lập
1	Năm 2001	3.000	47.010	50.010	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
2	Năm 2002	50.010	19.990	70.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
3	Năm 2003	70.000	15.000	85.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
4	Năm 2004 - đợt 1	85.000	35.000	120.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
5	Năm 2004 - đợt 2	120.000	30.000	150.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
6	Năm 2005 - đợt 1	150.000	50.000	200.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
7	Năm 2005 - đợt 2	200.000	50.000	250.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng *(triệu đồng)*	Vốn tăng thêm *(triệu đồng)*	Vốn điều lệ sau khi tăng *(triệu đồng)*	Hình thức tăng vốn
8	Năm 2006 - đợt 1	250.000	100.000	350.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
9	Năm 2006 - đợt 2	350.000	150.000	500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
10	Năm 2007 - đợt 1	500.000	500.000	1.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
11	Năm 2007 - đợt 2	1.000.000	500.000	1.500.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
12	Năm 2007 - đợt 3	1.500.000	500.000	2.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
13	Năm 2007 - đợt 4	2.000.000	550.000	2.550.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
14	Năm 2007 - đợt 5	2.550.000	450.000	3.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
15	Năm 2008	3.000.000	1.068.545,45	4.068.545,45	Chào bán cho cổ đông hiện hữu và tổ chức, cá nhân đủ điều kiện trở thành cổ đông của SeABank theo quy định của pháp luật và SeABank
16	Năm 2009	4.068.545,45	1.000.000	5.068.545,45	Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi
17	Năm 2010	5.068.545,45	266.110,55	5.334.656	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
18	Năm 2013	5.334.656	131.169,89	5.465.825,89	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
19	Năm 2018	5.465.825,89	2.222.174,11	7.688.000	*Chi tiết:*
			Chi tiết:		
			549.534,61		*Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu*
			230.000,00		*Phát hành theo chương trình lựa chọn cho CBNV (thưởng cho người lao động và phát hành cho CBNV)*
			1.442.639,50		*Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu*
20	Năm 2019	7.688.000	1.681.000	9.369.000	Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu
21	Năm 2020	9.369.000	2.718.422,08	12.087.442,08	*Chi tiết:*
			Chi tiết:		
			1.311.660		*Trả cổ tức bằng cổ phiếu*
			1.406.782,08		*Chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu*

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng *(triệu đồng)*	Vốn tăng thêm *(triệu đồng)*	Vốn điều lệ sau khi tăng *(triệu đồng)*	Hình thức tăng vốn
22	Năm 2021	12.087.442,08	2.697.441,61	14.784.883,69	*Chi tiết:*
			Chi tiết:		
			1.102.441,61		*Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức*
			235.000,00		*Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV*
			1.360.000,00		*Chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu*
23	Năm 2022	14.784.883,69	5.618.098,99	20.402.982,68	*Chi tiết:*
			Chi tiết:		
			1.813.116,31		*Chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu*
			3.210.982,68		*Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu*
			594.000		*Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV*
24	Năm 2023	20.402.982,68	4.554.017,32	24.957.000	
			Chi tiết:		
			4.134.017,32		*Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu*
			420.000		*Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV*
25	Năm 2024	24.957.000	3.393.000	28.350.000	
			Chi tiết:		
			3.393.000		*Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu*
26	Năm 2025	28.350.000	*100.000*	28.450.000	
			Chi tiết:		
			100.000		*Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV*

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 0,214%.

THÔNG TIN VỀ VIỆC PHÁT HÀNH CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC

Trong năm 2025, SeABank đã phát hành trái phiếu riêng lẻ ra thị trường quốc tế cho International Finance Corporation ("IFC") và Asian Infrastructure Investment Bank ("AIIB") như sau:

STT	Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Khối lượng phát hành	Mệnh giá	Tổng giá trị phát hành
1	SSBL2530001	28/11/2025	150.000 trái phiếu	1.000 USD/trái phiếu	150 triệu USD

**Thông tin chi tiết đã được công bố trên website SeABank.*

2/ DẪN LỐI HÀNH ĐỘNG

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

VỊ THẾ THỊ TRƯỜNG - THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG SEABANK

Định vị, định hướng phát triển thương hiệu

Mục tiêu phát triển thương hiệu

SeABank xây dựng tầm nhìn trở thành "Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất" bởi khách hàng, đối tác và cộng đồng, thông qua cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính với trải nghiệm tốt nhất cho mọi đối tượng khách hàng và đảm bảo PTBV gắn liền với lợi ích của các bên hữu quan.

Định hướng phát triển thương hiệu

Với định hướng phát triển thương hiệu Ngân hàng xanh - bền vững, SeABank là một trong các ngân hàng tiên phong trong hệ thống nghiên cứu và áp dụng các tiêu chuẩn ESG trong các hoạt động nhằm mang đến các giá trị kinh tế, giá trị nhân văn, đồng thời kết nối cộng đồng, các đối tác và khách hàng để mang tới giá trị toàn diện cho xã hội.

Sức mạnh thương hiệu của SeABank được tạo ra từ sự kiên định theo đuổi chiến lược PTBV gắn liền với ***5 trụ cột cốt lõi: Đầu tư công nghệ, QTRR, Phát triển khách hàng, Phát triển nhân sự và Văn hóa tổ chức.***

"5 trụ cột cốt lõi: Đầu tư công nghệ, QTRR, Phát triển khách hàng, Phát triển nhân sự và Văn hóa tổ chức"



Trụ cột	Định hướng phát triển thương hiệu	Chi tiết triển khai
ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ	**Trở thành "Cố vấn tài chính trọn đời" và ứng dụng công nghệ giảm thiểu chi phí vận hành nội bộ**	**Định hướng triển khai:** Xây dựng nền tảng kỹ thuật số tiên tiến cùng sự tận tâm chuyên nghiệp, giúp khách hàng đơn giản hóa việc quản lý và chi tiêu tài chính, gia tăng lợi ích; đồng thời ứng dụng công nghệ giảm chi phí vận hành cho các nghiệp vụ nội bộ. **Triển khai năm 2025:** • SeABank là một trong số ít ngân hàng Việt Nam chú trọng đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất, đồng thời tích cực trong việc nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, công nghệ mới đột phá nhằm mang lại trải nghiệm cao nhất cho khách hàng theo hướng số hóa. Năm 2025, SeABank tiếp tục nâng cấp phần mềm quản trị lõi ngân hàng, đồng thời triển khai các dự án công nghệ lõi: dự án Nextgen. • Tích cực ứng dụng những công nghệ tân tiến nhất như data center, trí tuệ nhân tạo, blockchain, big data, điện toán đám mây, máy học (Machine Learning)... vào số hóa toàn diện, mang lại trải nghiệm tiện ích, liền mạch cho khách hàng các nhân và doanh nghiệp, nổi bật là thẻ Visa 2in1 SeASoul và thẻ ghi nợ quốc tế SeABiz Ultra Cash. • Áp dụng mô hình chuyển đổi số tối ưu hóa vận hành.
QUẢN TRỊ RỦI RO	**Giảm thiểu rủi ro, đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu**	**Định hướng triển khai:** • Tăng cường QTRR theo quy định của Việt Nam và chuẩn quốc tế, ứng dụng công nghệ hiện đại để giảm thiểu rủi ro, nâng cao tính an toàn, đảm bảo quyền lợi của các bên hữu quan. **Triển khai năm 2025:** • SeABank tiếp tục khẳng định vị thế trong quản trị rủi ro thông qua chuẩn hóa và đẩy mạnh áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế: chuẩn QTRR Basel III; chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS 9); tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013 về quản lý an toàn thông tin; bộ tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán PCI DSS; vận hành mô hình "3 tuyến phòng thủ" chặt chẽ và hệ thống kiểm soát nội bộ theo khung COSO để tạo ra tấm đệm dự phòng trước những cú sốc của thị trường, bảo đảm hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững và minh bạch, giảm thiểu sai lệch và tăng hiệu quả điều hành. • SeABank được Moody's giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm ở mức Ba3 cho các danh mục quan trọng, đồng thời đánh giá triển vọng phát triển Ổn định. • Quản trị rủi ro công nghệ & Số hóa: Tập trung ngăn ngừa rủi ro bảo mật, đầu tư hệ thống chống thất thoát dữ liệu, Digital Authentication Framework, và nâng cấp công nghệ eKYC để an toàn giao dịch. • Quản lý rủi ro Môi trường và Xã hội (MTXH): Tích hợp quy trình sàng lọc 100% các giao dịch tín dụng, từ chối rủi ro nghiêm trọng và thúc đẩy tín dụng xanh.
PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG	**Lấy khách hàng làm trọng tâm và ưu tiên gia tăng trải nghiệm khách hàng**	**Định hướng triển khai:** • Phát triển khách hàng theo phân khúc, triển khai các giải pháp tài chính toàn diện thông qua số hóa sản phẩm, "may đo" cho khách hàng. **Triển khai năm 2025:** • Cung cấp hàng loạt sản phẩm dịch vụ theo hướng số hóa và "may đo" cùng với chất lượng phục vụ chuyên nghiệp. Đồng thời, hành trình trải nghiệm khách hàng được chú trọng nâng cao thông qua đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ và tối ưu hóa quy trình vận hành trên nền tảng công nghệ hiện đại số hóa. • Đẩy mạnh số hóa trải nghiệm thông qua việc tối ưu hóa sản phẩm, dịch vụ trên ứng dụng SeAMobile/ SeAMobile Biz tạo trải nghiệm liền mạch, tiện ích, tăng tính tương tác trên môi trường số. • Phát triển Khách hàng SME và khách hàng Phụ nữ thông qua tập trung vào doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ với các gói tài chính - phi tài chính đặc thù (ngành FDI, xây lắp, thương mại dịch vụ...), đồng thời mở rộng hệ sinh thái thông qua hợp tác với các tổ chức quốc tế (như Proparco, FMO) để tăng nguồn vốn hỗ trợ SME và doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, đồng thời gia tăng uy tín quốc tế. • Ra mắt các sản phẩm tài chính độc đáo, sáng tạo, điển hình là thẻ Visa 2in1 SeASoul, kết hợp ưu đãi tài chính và trải nghiệm nghệ thuật để thu hút khách hàng trẻ và trung lưu. • Nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua duy trì nợ xấu dưới 2%, đảm bảo quản trị rủi ro tốt trong khi tăng trưởng tín dụng cao để giữ chân và thu hút khách hàng. • Tiếp tục duy trì và không ngừng mở rộng chuỗi giá trị của Ngân hàng, gia tăng chuỗi tiện ích riêng biệt dành riêng cho khách hàng thông qua hệ sinh thái hơn 30 triệu đối tác, khách hàng đa lĩnh vực. Đây là nền tảng quan trọng để SeABank phủ rộng thương hiệu, mở rộng thị phần, tăng cường bán chéo sản phẩm dịch vụ, phát triển khách hàng mới.
PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ	**Phát triển nguồn nhân lực tạo sức mạnh nội tại**	Xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt để phát triển sức mạnh nội tại, SeABank không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. **Triển khai năm 2025:** • Tinh gọn bộ máy, tái cơ cấu hoạt động theo mô hình ngành dọc, đồng thời tăng cường đào tạo nhân sự công nghệ, ưu tiên đào tạo các ứng dụng công nghệ hiện đại, kịp thời cho cán bộ nhân viên để ứng dụng trong công việc, tăng năng suất lao động. • Ưu tiên các chính sách đãi ngộ vượt trội nhằm tăng cường sự gắn kết và hiệu quả của đội ngũ nhân sự. • Phát triển các chính sách giữ chân nhân tài, chương trình đào tạo, lộ trình thăng tiến phù hợp nhằm tạo cơ hội phát triển năng lực.
VĂN HÓA TỔ CHỨC	**Trở thành "Ngân hàng dẫn đầu về Văn hóa tổ chức"**	SeABank tập trung đẩy mạnh văn hóa tổ chức theo hướng nhân văn, đặt con người và cộng đồng lên hàng đầu thông qua: • Xây dựng môi trường làm việc lý tưởng: môi trường làm việc lành mạnh, tôn trọng, bình đẳng, công bằng, minh bạch và an toàn, nơi các CBNV được thể hiện bản thân và bứt phá giới hạn. • Nâng cao tinh thần đoàn kết, xây dựng văn hóa chia sẻ giữa các CBNV, giữa CBNV với Ngân hàng thông qua hàng loạt hoạt động nội bộ dành cho CBNV và gia đình. • Lan tỏa các giá trị nhân văn và chia sẻ yêu thương từ nội bộ tới cộng đồng thông qua hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ và chuỗi hoạt động an sinh xã hội. • Ghi nhận về bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ trong môi trường kinh doanh.

Vị thế thương hiệu SeABank trên thị trường năm 2025

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư

TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM 2025



Vietnam Report & Báo VietNamNet

PROFIT500 - TOP 500 DOANH NGHIỆP LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025

- Xếp hạng 33/500
- Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc Việt Nam năm 2025



VnEconomy

TIN DÙNG VIỆT NAM 2025

- Top 10 sản phẩm – dịch vụ Tiên phong



Vietnam Report

TOP 10 NGÂN HÀNG TMCP TƯ NHÂN UY TÍN 2025

MIBRAND

Mibrand Việt Nam

TOP 30 THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT 2025

Vietnam Report

VNR500 - BẢNG XẾP HẠNG TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

- Xếp hạng 74/500
- Xếp hạng 24/50 - Top 50 Doanh nghiệp Xuất sắc Việt Nam



CafeF

TOP 50 CÔNG TY TƯ NHÂN NỘP NGÂN SÁCH LỚN NHẤT VIỆT NAM 2025



Vietnam Report & Báo VietNamNet

BẢNG XẾP HẠNG FAST500 – TOP 500 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM

- Xếp hạng 193/500
- Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc Việt Nam



Believe

Vị thế thương hiệu SeABank trên thị trường năm 2025

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



Tạp chí Fortune

BẢNG XẾP HẠNG SOUTHEAST ASIA 500 - 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT ĐÔNG NAM Á

- Xếp hạng 277/500



Tạp chí The Banker

TOP 1000 NGÂN HÀNG THẾ GIỚI NĂM 2025

- Xếp hạng 708/1000



Tạp chí The Silicon Review

DOANH NGHIỆP TOÀN CẦU NỔI BẬT NĂM 2025



Tạp chí The European

NGÂN HÀNG VÀ TÀI CHÍNH TOÀN CẦU NĂM 2025

- Doanh nghiệp xuất sắc trong quản trị doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam
- Ngân hàng dẫn đầu trong Quản trị rủi ro
- Ngân hàng điện tử tốt nhất Việt Nam



Liên đoàn Doanh nghiệp Thế giới (Worldcob)

THE BIZZ AWARD 2025 - DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC

- Giải Vinh quang (The Glory award)



Believe

Vị thế thương hiệu SeABank trên thị trường năm 2025

GIẢI THƯỞNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DỰA TRÊN 3 TRỤ CỘT ESG



Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế (IDG)

NGÂN HÀNG VIỆT NAM TIÊU BIỂU (VOBA 2025)

- Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng xanh
- Ngân hàng tiêu biểu vì Cộng đồng



Bộ trưởng Bộ Công An

BẰNG KHEN VÌ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC 2025



Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

BẰNG KHEN PHONG TRÀO THI ĐUA "CẢ NƯỚC CHUNG TAY XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT"



CafeF

TOP 50 CÔNG TY TƯ NHÂN NỘP NGÂN SÁCH LỚN NHẤT VIỆT NAM



Tạp chí The European

NGÂN HÀNG VÀ TÀI CHÍNH TOÀN CẦU NĂM 2025

- Doanh nghiệp xuất sắc trong quản trị doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam
- Ngân hàng dẫn đầu trong Quản trị rủi ro
- Ngân hàng điện tử tốt nhất Việt Nam



Báo Dân Trí

VIETNAM ESG AWARDS 2025

- Xã hội (S - Social) - Ngân hàng tiêu biểu lan tỏa giá trị ESG tới cộng đồng



Believe

Vị thế thương hiệu SeABank trên thị trường năm 2025

GIẢI THƯỞNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DỰA TRÊN 3 TRỤ CỘT ESG *(tiếp)*



Anphabe

NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025



Tạp chí Asian Banking & Finance (ABF)

ESG BUSINESS AWARDS 2025

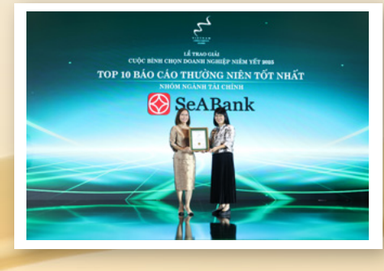
- Hạng mục "Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ tại Việt Nam"



Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA)

GIẢI THƯỞNG SAO KHUÊ 2025

- Xếp hạng 5 sao hạng mục Tiện ích số - Ngân hàng số SeAMobile



HOSE, HNX, Báo Đầu tư và Công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital

TOP 10 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT

- Nhóm ngành tài chính



VnEcomomy

THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM 2025

- Top 10 thương hiệu Phát triển bền vững



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bối cảnh vĩ mô và ngành ngân hàng có tác động đến hoạt động của SeABank



Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục diễn ra trong bối cảnh thương mại toàn cầu nhiều thách thức với rủi ro địa chính trị, biến động về giá nhiên liệu và chi phí logistics, tạo sức ép lên hoạt động xuất nhập khẩu và lạm phát. Tại thị trường quốc tế, sự bất định về chính sách thương mại và xu hướng bảo hộ tiếp tục ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu và chuỗi cung ứng, tác động đến xuất khẩu của Việt Nam.

Trong nước, Chính phủ và các bộ ngành tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm xử lý các tồn tại nội tại của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh, đồng thời ứng phó kịp thời với những biến động bất ngờ như thiên tai và biến đổi khí hậu. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam duy trì ở mức khá cao so với nhiều nền kinh tế khác trong khu vực. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2025 ước đạt khoảng 514 tỷ USD, tăng so với năm trước, tương đương tốc độ tăng trưởng kinh tế tích cực, với GDP bình quân đầu người khoảng 5.026 USD. Quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 12.847,6 nghìn tỷ đồng, phản ánh mức mở rộng kinh tế khá mạnh.

Trong cơ cấu kinh tế, dịch vụ, công nghiệp và xây dựng tiếp tục là các động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, với dịch vụ chiếm phần đóng góp lớn nhất vào giá trị tăng thêm. Kết quả tăng trưởng 9 tháng năm 2025 cho thấy GDP tăng khoảng 7,85%, trong đó dịch vụ tăng 8,49%, công nghiệp – xây dựng tăng 8,69% và nông nghiệp tăng 3,83% so với cùng kỳ năm trước.

Về tiêu dùng và đầu tư, tiêu dùng cuối cùng tăng gần 7,95%, tích lũy tài sản tăng 8,68%, phản ánh đà phục hồi và sức mua nội địa tiếp tục được cải thiện. Vốn đầu tư toàn xã hội đạt mức cao nhất từ trước đến nay với mức tăng hơn 12%, trong đó vốn đầu tư nước ngoài thực hiện khoảng 27,62 tỷ USD. Số doanh nghiệp đăng ký mới tăng mạnh, cho thấy niềm tin kinh doanh được củng cố.

Về thương mại, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2025 ước đạt khoảng 930,05 tỷ USD, tăng hơn 18% so với năm trước; trong đó xuất khẩu đạt khoảng 475,04 tỷ USD, nhập khẩu đạt khoảng 455,01 tỷ USD, và cán cân thương mại xuất siêu khoảng 20,03 tỷ USD. Xuất siêu góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô và tăng dự trữ ngoại hối.

Lạm phát tuy có biến động nhưng vẫn được kiểm soát trong mục tiêu đề ra: chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 8 tháng năm 2025 tăng khoảng 3,24% so với cùng kỳ, cho thấy chính sách tiền tệ và điều hành tỷ giá được điều chỉnh linh hoạt để giữ mức ổn định giá cả.

Chính sách tài khóa và tiền tệ trong năm 2025 tiếp tục được điều hành chủ động để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ổn định, kiểm soát lạm phát và bảo đảm an ninh tài chính – tiền tệ. Hoạt động ngân hàng tiếp tục tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp và người dân, đồng thời điều hành tỷ giá linh hoạt nhằm giảm thiểu tác động từ các cú sốc bên ngoài.

Believe

Đánh giá kết quả kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình nợ

Trong bối cảnh biến động, SeABank đã giữ vững niềm tin theo tinh thần "Believe!", triển khai chiến lược kinh doanh linh hoạt và bền vững, phù hợp với các định hướng chính sách của Chính phủ và NHNN, đảm bảo sức chống chịu trước những biến chuyển vĩ mô. Nhờ đó, Ngân hàng ghi nhận bước tăng trưởng ổn định, hoạt động hiệu quả, hoàn thành các kế hoạch và chỉ tiêu tài chính đề ra. Cụ thể:

TỔNG TÀI SẢN
396.443
tỷ đồng
- Tăng 21,72% so với năm 2024
- Hoàn thành 111% kế hoạch

VỐN ĐIỀU LỆ
28.450
tỷ đồng
- Tăng 100 tỷ đồng so với năm 2024.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
6.868
tỷ đồng
- Tăng 13,73% so với năm 2024
- Hoàn thành 106% kế hoạch

ROA
1,53%

TỶ LỆ NỢ XẤU
2,06%

DƯ NỢ CHO VAY KHÁCH HÀNG
237.047
tỷ đồng
- Tăng trưởng cấp tín dụng trong năm 2025 đạt 16,69%

ROE
14,62%

Đánh giá kết quả kinh doanh, tình hình tài chính và tình hình nợ *(tiếp)*

Lợi nhuận tăng trưởng ổn định

Lợi nhuận năm 2025 của SeABank đạt được từ (i) Tập trung các sản phẩm cho vay biên độ sinh lời tốt, (ii) Tối ưu hóa chi phí vốn, đa dạng hóa nguồn vốn, chú trọng vào CASA, (iii) Chú trọng đến các sản phẩm phi tín dụng, tăng trưởng mạnh ở hoạt động cung cấp dịch vụ, đặc biệt phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính đa dạng cùng các đối tác chiến lược, (iv) Tăng năng suất lao động và tiết giảm tối đa chi phí quản lý, (v) Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần.

Chất lượng tín dụng được kiểm soát tốt, đảm bảo các tỷ lệ an toàn

Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31/12/2025 là 2,06%, luôn được duy trì ở mức dưới 3% theo quy định của NHNN xuyên suốt năm 2025. Điều này là nhờ SeABank tích cực triển khai các biện pháp xử lý nợ linh hoạt và cải thiện chất lượng tín dụng hiệu quả.

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 là 13,39%. SeABank là một trong các Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được công nhận đạt chuẩn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực Basel II. Đồng thời, Ngân hàng đang triển khai áp dụng các chuẩn mực Basel III, hướng tới phát triển kinh doanh an toàn và bền vững.

Tổng tài sản tại 31/12/2025 của SeABank đạt 396.443 tỷ đồng, tăng trưởng 21,72% so với 31/12/2024. Cơ cấu tài sản của SeABank luôn được duy trì phù hợp với khả năng quản lý và sinh lời tối đa cho Ngân hàng.

Đặt trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường toàn cầu và nội địa, tài sản của SeABank có mức tăng trưởng tốt, mang lợi nhuận tốt cho Ngân hàng, được phân bổ hợp lý luôn đảm bảo an toàn hoạt động.

Khả năng thanh khoản được đảm bảo, sử dụng vốn hiệu quả

Tăng trưởng cấp tín dụng theo NHNN của SeABank năm 2025 đạt 16,69%, trong đó dư nợ cho vay khách hàng đạt 237.047 tỷ đồng nhờ tập trung phát triển các sản phẩm thế mạnh, đa dạng hoạt động cho vay ở các lĩnh vực, ngành nghề.

Xu hướng chuyển dịch rõ rệt từ các ngành kinh tế có hệ số rủi ro cao sang các ngành kinh tế hoạt động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, cho vay phát triển làng nghề, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và DNVVN. Đồng thời, SeABank tiếp tục ưu tiên nguồn lực tiếp cận với các dự án cho vay nữ chủ, tiếp cận hợp tác với các dự án xanh, thân thiện với môi trường, tập trung vào các lĩnh vực năng lượng hiệu quả, giảm thiểu thất thoát năng lượng.

Chất lượng tín dụng ngày càng được nâng cao nhờ chuẩn hóa hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường các chốt kiểm soát, tập trung hóa nhiều nghiệp vụ từ khâu thẩm định khách hàng, phê duyệt, giải ngân cho đến khi khách hàng trả nợ.

Quy mô và cơ cấu nợ phải trả được duy trì phù hợp

Tổng huy động từ tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá tại 31/12/2025 đạt 221.791 tỷ đồng, tăng trưởng 11,58% so với thời điểm 31/12/2024, trong đó huy động từ tiền gửi khách hàng đạt hơn 191.807 tỷ đồng và phát hành giấy tờ có giá đạt 29.984 tỷ đồng.

Nguồn vốn huy động trong năm luôn được duy trì ở mức phù hợp, đảm bảo đáp ứng tốt nguồn vốn cho vay, khả năng thanh khoản của Ngân hàng, cơ cấu nguồn vốn tiếp tục được cải thiện theo hướng huy động bền vững cũng như đảm bảo giảm thiểu tối đa chi phí vốn cho Ngân hàng.

Năng lực vốn chủ sở hữu được tăng cường

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 đạt 40.373 tỷ đồng, tăng 5.370 tỷ đồng so với 31/12/2024. Trong năm 2025, SeABank đã tiến hành trích lập các quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm và hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 28.350 tỷ đồng lên 28.450 tỷ đồng (tăng 100 tỷ đồng).

Nguồn vốn chủ sở hữu tăng thêm giúp SeABank nâng cao năng lực tài chính để triển khai áp dụng tiêu chuẩn quốc tế như Basel III, cho phép ngân hàng gia tăng sức chịu đựng trong trường hợp nền kinh tế có biến động xấu, từ đó tạo tiền đề để SeABank đầu tư cơ sơ vật chất, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Giải trình đối với ý kiến kiểm toán: Công ty kiểm toán không có ý kiến không chấp thuận đối với Báo cáo tài chính.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH, TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Để hoàn thành các mục tiêu kinh doanh và củng cố nền tảng bền vững, SeABank đã điều hành linh hoạt, tăng cường quản trị rủi ro, chủ động tái cơ cấu mô hình theo ngành dọc và nâng cao hiệu quả vận hành toàn hệ thống. Với tinh thần "Believe", SeABank không ngừng củng cố nội lực, gia tăng uy tín và tạo dựng niềm tin bền chặt với khách hàng, cổ đông và đối tác, làm nền tảng cho tăng trưởng ổn định, dài hạn.

Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng theo phân khúc mảng Khách hàng cá nhân

Định hướng, chiến lược triển khai mảng KHCN

Định hướng, chiến lược trọng tâm	Triển khai trong năm 2025
Tăng cường khai thác hệ sinh thái, phát triển kênh bán đối tác	Tập trung phát triển và mở rộng các kênh bán thông qua hệ sinh thái, triển khai các chương trình, hoạt động với các đối tác trọng điểm: • Tập đoàn BRG: chương trình ưu đãi thẻ tín dụng quốc tế BRG Elite tại hệ thống siêu thị BRGmart, Hapro, Fujimart; chương trình Lễ hội kem Thủy Tạ 2025; mở mới hàng nghìn tài khoản thanh toán thông qua kết nối hệ thống Loyalty. • VietnamPost: dịch vụ cho vay tín chấp và mở mới tài khoản; nâng cấp dịch vụ COD nhằm tăng sản lượng giao dịch và tăng doanh thu phí. • Vietnam Airlines: phát hành Thẻ tín dụng SeATravel; tăng cường các hoạt động truyền thông đẩy mạnh sản phẩm thẻ tín dụng qua giải Golf SeAPremium... • DeHeus, GreenFeed, Jafpa, Cargill: cung cấp dịch vụ cho các đại lý của đối tác với gần 300 tỷ đồng hạn mức được cấp cho gần 500 khách hàng. • Kết nối các đối tác Petrolimex, Mobifone, Đại học quốc gia để phát triển khách hàng mới và giải pháp thanh toán QR. • Các đối tác chi lương: dẫn chuyển dịch thêm các đơn vị thành viên về sử dụng dịch vụ của SeABank như Nguyễn Kim của đối tác Central Group Việt Nam. Phát triển Khách hàng và mở rộng hệ thống quản lý hoạt động thanh toán dành cho khách hàng (SeAPayment) nhằm thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.
Đa dạng hóa kênh chăm sóc khách hàng và sản phẩm dịch vụ	• Hệ thống kênh chăm sóc khách hàng của SeABank tiếp tục được triển khai đa dạng và đồng bộ, bao gồm: Quầy giao dịch, Facebook, Zalo, email, SeAMobile/SeANet, SMS và website, tạo điều kiện để khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin và nhận hỗ trợ kịp thời trên mọi điểm chạm. • Ứng dụng phân tích dữ liệu nhằm dự báo nhu cầu của khách hàng, kết hợp công cụ chăm sóc khách hàng tự động Automation giúp gia tăng trải nghiệm cho khách hàng trên kênh online • Tăng cường triển khai chương trình khách hàng thân thiết SeALoyalty theo hướng cá nhân hóa trải nghiệm, tối ưu thời gian phục vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ và gia tăng trải nghiệm cho nhóm khách hàng gắn bó dài lâu. • Chuẩn hóa quy trình chăm sóc khách hàng theo mô hình khép kín: Tiếp nhận – Xử lý và giải quyết – Phản hồi và theo dõi, bảo đảm mọi yêu cầu được giải quyết kịp thời, minh bạch và hiệu quả. • Mở rộng danh mục sản phẩm, dịch vụ theo từng phân khúc khách hàng, tập trung vào các giải pháp tài chính đáp ứng nhu cầu cụ thể như vay mua nhà, mua xe, vay kinh doanh. Đồng thời phát triển các dòng thẻ cá nhân hóa phù hợp với từng mục đích sử dụng như mua sắm trực tuyến, du lịch, công tác, thể thao và chăm sóc sức khỏe.

Định hướng, chiến lược trọng tâm	Triển khai trong năm 2025
Phát triển khách hàng theo phân khúc	• Năm 2025, SeABank hướng tới nhóm khách hàng phân khúc Mass Aff (Trung cao cấp), thông qua việc cung cấp các giải pháp tài chính vào nhóm khách hàng mục tiêu là điểm bán (Merchant QR): cấp tín chấp hộ kinh doanh SeAShop, cấp thẻ tín dụng cho hộ kinh doanh... • Triển khai dịch vụ tư vấn tài chính chuyên sâu theo từng phân khúc, cung cấp các giải pháp được "thiết kế riêng" cho từng đối tượng khách hàng như: doanh nhân, nhà đầu tư, người có nhu cầu quản lý tài sản cá nhân; đồng thời xây dựng gói giải pháp tích hợp dành riêng cho chủ doanh nghiệp kết hợp với dịch vụ SME... • Mở rộng hệ sinh thái đặc quyền dành cho khách hàng SeAPremium thông qua việc hợp tác với các thương hiệu cao cấp như BRG, Visa, Mastercard, Intercontinental, Hilton... mang đến trải nghiệm dịch vụ đẳng cấp và khác biệt.

Tăng trưởng huy động



Kết quả hoạt động năm 2025

Tổng nguồn vốn huy động tăng ròng đạt **20.164 tỷ đồng**, hoàn thành 134% kế hoạch năm, góp phần quan trọng vào hiệu quả hoạt động chung của toàn hệ thống.

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2025

- Chủ động bám sát diễn biến thị trường, kịp thời đề xuất và triển khai các giải pháp lãi suất linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn. Triển khai nhiều chính sách ưu đãi lãi suất hấp dẫn qua đó gia tăng sức cạnh tranh và thu hút nguồn vốn ổn định, bền vững.
- Triển khai rà soát, cải tiến và hoàn thiện nhiều tính năng sản phẩm, quy định và quy trình nghiệp vụ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, chuẩn hóa công tác vận hành và tối ưu hóa nguồn lực.
- Đẩy mạnh triển khai nhiều hạng mục số hóa sản phẩm, phát triển mới các tính năng trên kênh online để phù hợp với xu thế phát triển của thị trường và nhu cầu khách hàng, qua đó tạo nền tảng quan trọng cho việc mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động trong năm 2026.

Tăng trưởng tín dụng

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô đang dần ổn định và nhu cầu vốn của người dân được phục hồi rõ nét, SeABank với tinh thần "Believe" đã không ngừng đổi mới, chuyển mình bứt phá để mang đến những giải pháp tài chính ưu việt và đạt được kết quả đáng tự hào.



Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2025

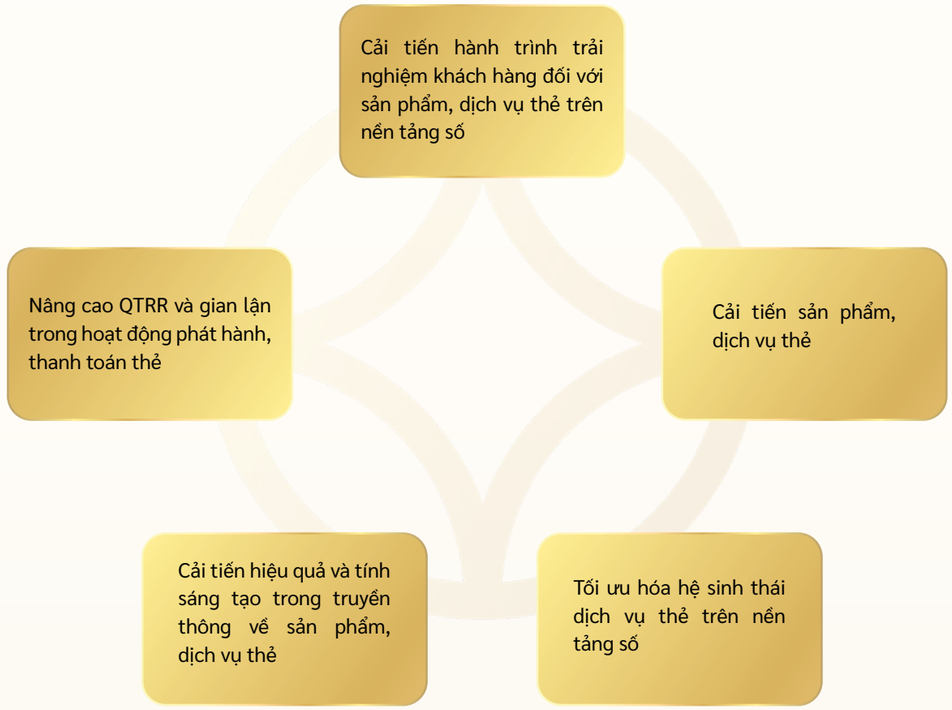
- Tập trung đổi mới và sáng tạo trong quy trình bán hàng, từng bước chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình bán trực tiếp sang trực tuyến, từ bán lẻ truyền thống sang tiếp cận bán buôn hiện đại và quy mô hơn. Song song, các dòng sản phẩm trọng tâm được cải tiến quyết liệt theo hướng đơn giản hóa quy trình, tối ưu trải nghiệm, giúp ĐVKD dễ triển khai, đồng thời gia tăng sức hấp dẫn và tính tiếp cận đối với khách hàng vay vốn.
- Tiếp tục triển khai sản phẩm Vay bổ sung vốn lưu động dành cho chuỗi Đại lý hợp tác với các đối tác hàng đầu trong ngành thức ăn chăn nuôi (Tập đoàn Deheus, Greenfeed, Japfa...).
- Triển khai các sản phẩm số hóa, cho vay trực tuyến 100% dành cho khách hàng đang có giao dịch tài khoản, tiền gửi tại SeABank, định hướng tiếp tục mở rộng cho vay Top-up tiêu dùng tín chấp online cho các khách hàng đang vay vốn tại SeABank.

Kết quả hoạt động năm 2025

Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng đột phá **tăng gấp 5 lần** so với năm 2024.

Sản phẩm thẻ

Nhằm thực hiện hóa mục tiêu trung-dài hạn, SeABank tập trung phát triển mạnh mẽ các sản phẩm thanh toán, trong đó ưu tiên thúc đẩy thanh toán số thông qua việc tập trung vào 5 trụ cột chính bao gồm:



Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2025:

- Tiếp tục triển khai Dự án Chuyển đổi/ Transformation SeABank và VISA nhằm thiết kế chiến lược toàn diện 5 năm và tối ưu hóa danh mục thanh toán thẻ SeABank.
- Hoàn thiện triển khai nhiều dự án số hoá sản phẩm thẻ: Thẻ Debit ảo, dự án Installment cho phép trả góp theo thời gian thực (real-time) ngay sau khi khách hàng thực hiện giao dịch; tăng hạn mức thẻ chủ động kênh online và cải tiến chức năng thẻ trên ebank...
- Triển khai các dự án lớn: ra mắt các dòng thẻ mới như: Thẻ cá nhân hóa, thẻ JCB Platinum; số hoá quy trình mở thẻ tín dụng dành cho khách hàng mới kết hợp dịch vụ chấm điểm của Telco, thanh toán số qua Click to Pay...
- Thực hiện tinh gọn quy trình vận hành, tối ưu và quy hoạch bộ chính sách cấp hạn mức thẻ tín dụng, cải tiến dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Nâng cao chất lượng tín dụng của thẻ: ĐVKD sát sao trong công tác quản trị NPL cũng như định hướng chọn lọc khách hàng đầu vào chất lượng.

Kết quả triển khai năm 2025:

- Số lượng thẻ tín dụng mở mới: ~64 nghìn thẻ, tăng 5% so với năm 2024.
- Doanh số giao dịch thẻ: **12.115 tỷ đồng, tăng 16%** so với năm 2024.

DOANH SỐ GIAO DỊCH THẺ TÍN DỤNG

Đơn vị: (tỷ đồng)

Doanh số giao dịch thẻ năm 2025

16%

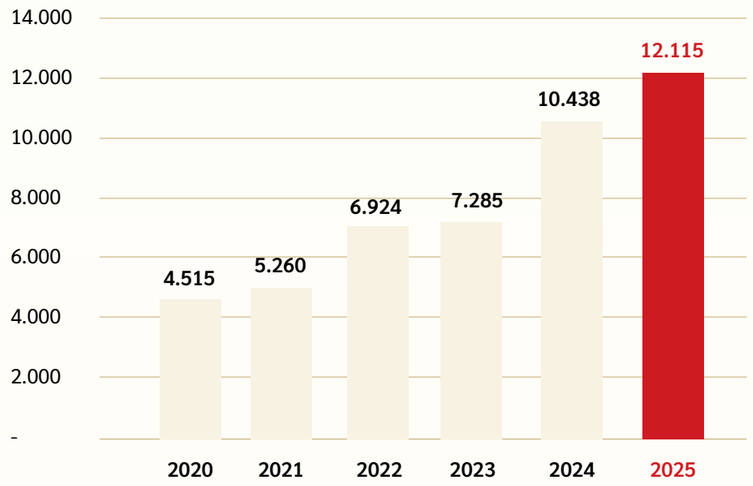
so với năm 2024

** Chi tiết xem biểu đồ*

Số thẻ tín dụng mở mới năm 2025

5%

so với năm 2024



Sản phẩm tài khoản

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2025:

Liên tục cải thiện và mở rộng tính năng, tiện ích của ngân hàng số SeAMobile, số hóa sản phẩm dịch vụ bên cạnh kênh quầy truyền thống nhằm gia tăng trải nghiệm khách hàng.

- Đẩy mạnh chiến lược đa kênh, đặc biệt tập trung vào sản phẩm tài khoản số đẹp (TKSĐ) và Merchant QR (MCQR).
- Thiết kế các combo tài khoản thanh toán với các sản phẩm khác tạo thành các giải pháp tối ưu cho từng đối tượng khách hàng như: TKSĐ gắn với tiền gửi tiết kiệm, TKSĐ gắn với các dòng thẻ
- Thực hiện tối ưu hóa quy trình vận hành, cải tiến dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Xây dựng đồng bộ các quy định về tài khoản thanh toán kênh quầy và kênh online theo hướng tập trung và thuận tiện trong vận hành giao dịch.

Kết quả triển khai 2025:

SỐ LƯỢNG TKTT LŨY KẾ

Số lượng tài khoản thanh toán (TKTT) 2025

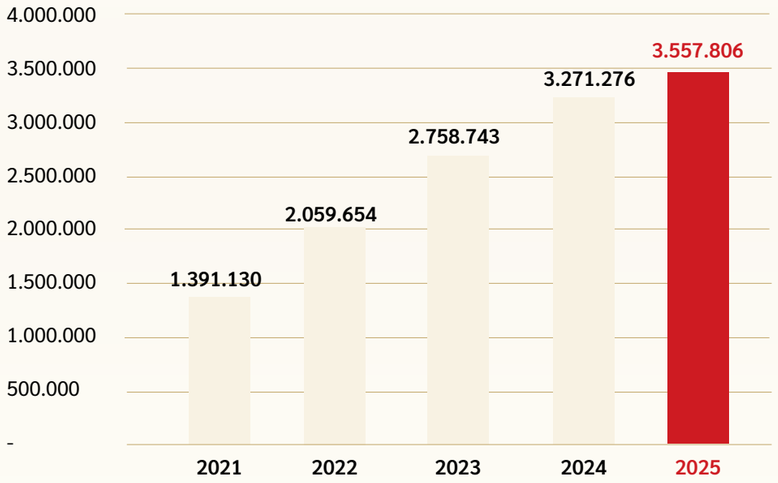
3.557.806

tài khoản

155,7%

so với năm 2021

** Chi tiết xem biểu đồ*



TỔNG SỐ DƯ TKTT 2021 - 2025

Tổng số dư TKTT năm 2025

9.188 tỷ đồng

130 %

so với năm 2024

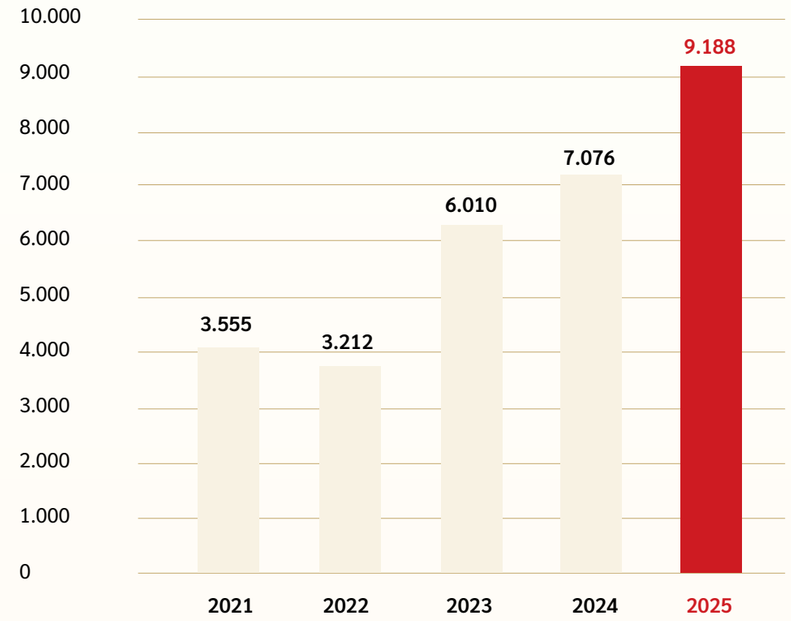
** Chi tiết xem biểu đồ*

Số lượng MCQR mở mới năm 2025

61.721 MCQR

537 lần

so với 115 MCQR mở mới năm 2020



SỐ DƯ TKSĐ TRÊN KÊNH ONLINE VÀ QUẦY

Số dư TKSĐ kênh online và quầy 2025

2.437 tỷ đồng

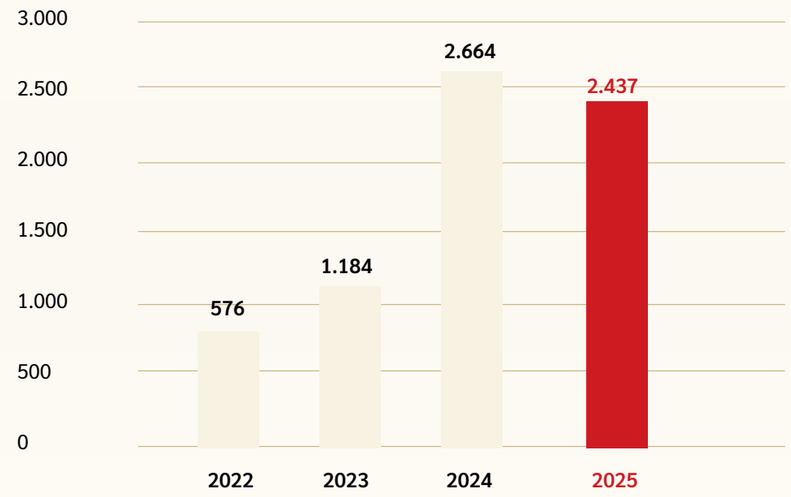
323 %

so với năm 2022

Chiếm 26,5 %

tổng số dư toàn hàng

** Chi tiết xem biểu đồ*



** Triển khai TKSĐ trên kênh online từ năm 2022*

Sản phẩm bảo hiểm

Mục đích: Niềm tin làm động lực phát triển, trải nghiệm làm giá trị cốt lõi



Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2025

- Tiếp tục duy trì các chương trình chăm sóc và tri ân khách hàng, đồng thời mở rộng thêm các kênh khai thác tiềm năng mới. Đặc biệt, tăng cường dịch vụ hậu mãi nhằm nâng cao trải nghiệm và củng cố mối quan hệ gắn kết dài lâu với khách hàng.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong việc số hóa sản phẩm, tối ưu hóa toàn bộ hành trình tham gia bảo hiểm, giúp khách hàng tiếp cận và sử dụng sản phẩm nhanh chóng, thuận tiện và minh bạch.
- Chủ động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới song song với cải tiến hành trình sử dụng nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh và khẳng định vị thế trên thị trường.

Kết quả triển khai năm 2025

- >50 chương trình minishow được triển khai thường xuyên giúp khách hàng tiếp cận các sản phẩm bảo hiểm.
- Training đào tạo kỹ năng toàn hàng: 88 buổi đào tạo đã được tổ chức trên toàn toàn hệ thống, nâng cao chất lượng, tư vấn bán hàng, kịp thời giải đáp ý kiến thắc mắc của khách hàng qua kênh Hỗ trợ 24/7, không phát sinh khiếu kiện khiếu nại.
- Ký mới thêm 1 đối tác bảo hiểm, nâng cấp quan hệ hợp tác chiến lược với 3 đối tác (Tasco, Bảo Minh, DBV), ký hợp đồng hợp tác ba bên với VETC, mở rộng cơ hội tiếp cận 3,5 triệu KH tiềm năng, kết nối hành trình tài chính - bảo hiểm - giao thông.
- Tiếp tục triển khai các sản phẩm online trên nền tảng SeAMobile, tối ưu trải nghiệm khách hàng.
- Tổng doanh số bảo hiểm: **734 tỷ đồng.**

Sản phẩm ngân hàng điện tử

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2025

- Tăng tốc chuyển đổi số thông qua việc phát triển sản phẩm và tính năng mới, đáp ứng toàn diện nhu cầu của khách hàng; đồng thời, bổ sung các tiện ích bảo mật, bảo đảm tuân thủ quy định mới nhất của NHNN, nâng cao an toàn hệ thống và hạn chế tối đa rủi ro, gian lận.
- Chủ động triển khai liên tục các chương trình mở rộng quy mô và phát triển mạng lưới khách hàng, gia tăng độ phủ và khả năng tiếp cận thị trường.
- Tối ưu vận hành, bứt phá quy mô với bộ giải pháp thanh toán và thu hộ - chi hộ tự động chuyên biệt cho Merchant.

Kết quả triển khai năm 2025

- Ra mắt 18 sản phẩm và dịch vụ số mới trên ứng dụng SeAMobile, góp phần mở rộng hệ sinh thái, gia tăng trải nghiệm và thúc đẩy mức độ tương tác của khách hàng, tiêu biểu như: game KOL để thúc đẩy giao dịch, eKYC với thẻ căn cước mới để mở tài khoản và ebank, các tính năng nhằm tuân thủ nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá



nhân, kết nối với đối tác ASEAN Securities để giúp khách hàng giao dịch chứng khoán, eform cho sản phẩm vay...

- Song song với các kết quả đã đạt được, nhiều tính năng trọng điểm đang được hoàn thiện và sẵn sàng ra mắt đầu năm 2026 như eKYC combo (gồm tài khoản, thẻ, đăng ký biến động số dư), cho phép sử dụng Loyalty là nguồn tiền khi thanh toán, xác thực email chính chủ, gói ebank dành cho người nước ngoài...

Số lượng giao dịch online năm 2025

53 triệu giao dịch

178 % so với năm 2023

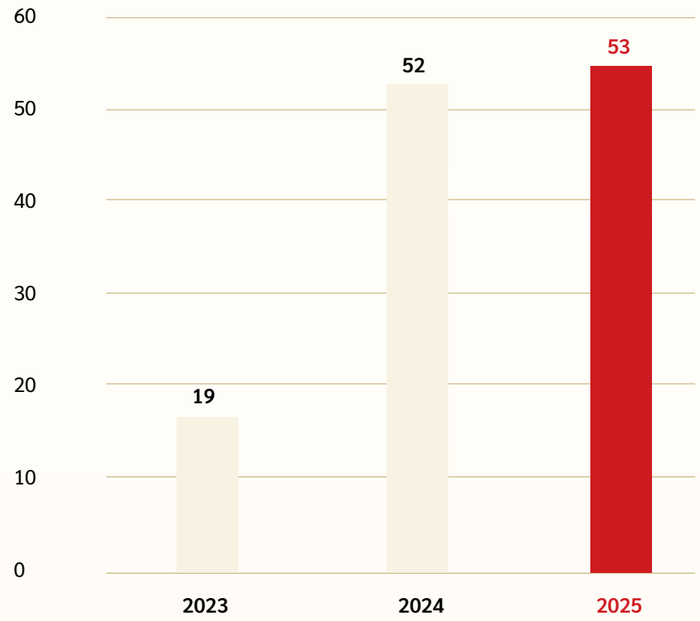
Số lượng user mở mới năm 2025

675.000 users

35 % so với năm 2024

SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH ONLINE

Đơn vị: triệu giao dịch

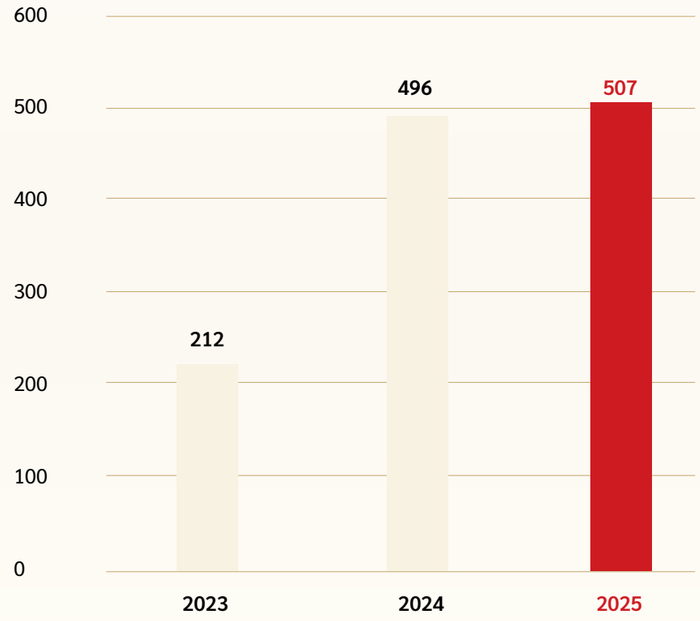


Doanh số giao dịch online năm 2025

507.000 tỷ đồng

138 % so với năm 2023

DOANH SỐ GIAO DỊCH ONLINE



Chuyển tiền quốc tế/kiều hối

Mục tiêu: Phát triển dịch vụ chuyển và nhận tiền quốc tế trên nền tảng vận hành an toàn, ổn định và bền vững.

Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2025

- Chủ động cập nhật và ban hành các chính sách về chuyển – nhận tiền quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật, định hướng của NHNN và các cơ quan quản lý, qua đó đảm bảo tính an toàn và nâng cao sự tin cậy cho khách hàng.
- Đẩy mạnh số hóa sản phẩm dịch vụ, đưa các tiện ích chuyển – nhận tiền quốc tế lên các kênh trực tuyến nhằm gia tăng sự thuận tiện, nhanh chóng và an toàn trong trải nghiệm của khách hàng.
- Mở rộng hợp tác với các đối tác chuyển tiền quốc tế, đa dạng hóa kênh dịch vụ và cung cấp thêm các giải pháp uy tín, phù hợp với nhu cầu của khách hàng trên thị trường.



Kết quả triển khai năm 2025

- Số lượt chuyển tiền quốc tế: **>6.000 lượt** (tăng 50% so với năm 2024)
- Số khách hàng sử dụng dịch vụ nhận tiền quốc tế: **>300.000 khách hàng** (tăng 200% so với năm 2024)
- Triển khai kênh chi trả kiều hối MoneyGram thông qua ứng dụng SeAMobile

Hoạt động Marketing



Giải pháp, trọng tâm hoạt động năm 2025

- Chuyển dịch tư duy marketing KHCN từ triển khai đơn lẻ theo sản phẩm sang chiến lược truyền thông tích hợp, dài hạn, lấy thương hiệu làm nền tảng và hiệu quả kinh doanh làm mục tiêu xuyên suốt.
- Triển khai chiến lược Push & Pull Marketing, sử dụng hình tượng Đại sứ thương hiệu thẻ SeASoul - ca sỹ Mỹ Tâm - như "key hook" chiến lược nhằm gia tăng nhận biết, yêu mến thương hiệu và thúc đẩy truyền thông sản phẩm, mở rộng tệp khách hàng mới.
- Tổ chức truyền thông theo nhịp độ chiến dịch, tập trung nguồn lực vào các cao điểm kinh doanh, đảm bảo sự đồng bộ giữa truyền thông - bán hàng - trải nghiệm khách hàng.
- Tăng cường đầu tư cho các hoạt động trải nghiệm thương hiệu và hợp tác chiến lược, nâng cao giá trị cảm nhận và mức độ gắn kết của khách hàng cá nhân.

Kết quả triển khai năm 2025

- Triển khai hiệu quả các chiến dịch marketing trọng điểm (ra mắt thẻ SeASoul gắn với concert "See the Light" của ca sỹ Mỹ Tâm, chiến dịch Tết Nguyên đán 2025, chiến dịch MCQR...), góp phần thúc đẩy doanh số và tăng trưởng khách hàng.
- Tổ chức thành công các sự kiện thương hiệu và trải nghiệm quy mô lớn, nâng cao uy tín thương hiệu và tạo khác biệt trong phân khúc KHCN và khách hàng SeAPremium.
- Mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược lớn (BRG, Vietnam Airlines, Petrolimex, MobiFone...), gia tăng hệ sinh thái dịch vụ và ưu đãi cho khách hàng.
- Triển khai đồng bộ các chương trình kick-off kinh doanh nội bộ, nâng cao tinh thần gắn kết và hiệu quả bán hàng của đội ngũ, tạo nền tảng vững chắc để hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.

Khách hàng doanh nghiệp - Vững niềm tin kiến tạo giá trị hợp tác dài lâu

Năm 2025, SeABank tập trung nâng cao năng lực vận hành và hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm – dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp. Các hoạt động được triển khai nhất quán theo định hướng dài hạn, "lấy khách hàng làm trung tâm", gia tăng trải nghiệm trên nền tảng số, đồng thời đảm bảo tuân thủ và an toàn thông tin. Với tinh thần "Believe" cùng sự kiên định trong chiến lược và kỷ luật trong thực thi đã tạo nên nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững và quan hệ hợp tác lâu dài.



Giải pháp, chiến lược kinh doanh chính mảng KHDN năm 2025

Mục tiêu	Giải pháp, chiến lược tiêu biểu năm 2025
Điều hành và triển khai hoạt động kinh doanh được thực hiện theo hướng linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường và ưu tiên các chương trình tạo tác động trực tiếp đến trải nghiệm khách hàng. Trọng tâm điều hành là đổi mới sản phẩm - dịch vụ, tăng tốc số hóa và tăng cường quản trị rủi ro nhằm duy trì ổn định hoạt động và tạo nền tảng tăng trưởng bền vững.	Đổi mới sản phẩm – dịch vụ theo định hướng "khách hàng làm trọng tâm", tập trung vào các điểm chạm quan trọng trong hành trình giao dịch của doanh nghiệp. • *Đưa các nghiệp vụ then chốt lên kênh số:* mở tài khoản trực tuyến, giải ngân online, bảo lãnh online, tiền gửi online; qua đó giảm thời gian chờ, tăng tính chủ động cho doanh nghiệp và nâng trải nghiệm dịch vụ. • *Bổ sung các tiện ích hỗ trợ quản trị dòng tiền:* chuyển khoản theo lô, chi lương online, sao kê tùy chỉnh; tăng khả năng đối soát và chuẩn hóa vận hành kế toán của khách hàng. Điều hành chuyển đổi số theo phương pháp thiết kế hiện đại, tăng tính "đúng nhu cầu – đúng ngữ cảnh" trong từng cải tiến. • *Áp dụng Design Thinking trong quá trình thiết kế tính năng*: khảo sát nhu cầu, mô phỏng hành trình, thử nghiệm nhanh và tối ưu liên tục. • *Chú trọng tiêu chuẩn hóa hướng dẫn sử dụng và cơ chế hỗ trợ (CSKH/đào tạo)* để tăng tỷ lệ kích hoạt và sử dụng thực tế.

Khách hàng doanh nghiệp - Vững niềm tin kiến tạo giá trị hợp tác dài lâu

Giải pháp, chiến lược kinh doanh chính mảng KHDN năm 2025 *(tiếp)*

Mục tiêu	Giải pháp, chiến lược tiêu biểu năm 2025
Điều hành và triển khai hoạt động kinh doanh được thực hiện theo hướng linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường và ưu tiên các chương trình tạo tác động trực tiếp đến trải nghiệm khách hàng. Trọng tâm điều hành là đổi mới sản phẩm - dịch vụ, tăng tốc số hóa và tăng cường quản trị rủi ro nhằm duy trì ổn định hoạt động và tạo nền tảng tăng trưởng bền vững. *- tiếp -*	Tăng cường bảo mật, tuân thủ và quản trị rủi ro trong bối cảnh gia tăng giao dịch số. • Nâng cấp SoftOTP và chữ ký số tin cậy; chuẩn hóa cơ chế phân quyền/phê duyệt theo vai trò để giảm rủi ro thao tác. • Định hướng triển khai sinh trắc học và các lớp xác thực bổ sung theo quy định, nâng chuẩn an toàn dữ liệu khách hàng. Đẩy mạnh bán đa kênh và tổ chức triển khai theo ưu tiên trọng điểm từ Hội sở. • Kết hợp tối ưu kênh chi nhánh và kênh số, tăng hiệu quả phục vụ các nhóm khách hàng có quy mô và nhu cầu khác nhau. • Tổ chức các chiến dịch bán hàng/marketing theo mục tiêu từng thời kỳ; ưu tiên nhóm giải pháp có khả năng tạo tăng trưởng nhanh và kiểm soát rủi ro tốt.
Tăng tốc chuyển đổi số và nâng trải nghiệm khách hàng KHDN trên kênh online	Tăng tốc chuyển đổi số và nâng trải nghiệm khách hàng KHDN trên kênh online. • Kết quả tăng trưởng giao dịch ebank là minh chứng cho hiệu quả chuyển dịch kênh và mức độ chấp nhận của khách hàng. • Hệ thống tính năng được "đóng gói" theo nhóm giải pháp giúp doanh nghiệp sử dụng liền mạch hơn, từ đó tăng tần suất hoạt động. Củng cố nền tảng quản trị, hướng tới vận hành tinh gọn – minh bạch – kiểm soát rủi ro tốt. • Ứng dụng dữ liệu/AI để theo dõi quy trình và hỗ trợ ra quyết định giúp tăng hiệu quả điều hành và phân bổ nguồn lực. • Nâng chuẩn tuân thủ và an toàn thông tin khi gia tăng giao dịch số.

Đánh giá kết quả hoạt động mảng KHDN năm 2025

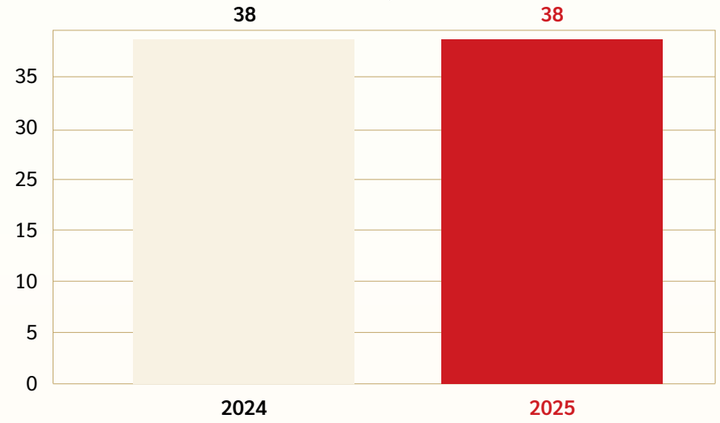
Bằng niềm tin mạnh mẽ, kiên định đồng hành cùng sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, SeABank đã không ngừng đáp ứng đa dạng nhu cầu tài chính của các nhóm khách hàng trong xã hội. Đặc biệt, SeABank chủ động mở rộng các giải pháp sản phẩm, tiếp sức cho các doanh nghiệp còn nhiều thách thức, góp phần củng cố niềm tin và quan hệ hợp tác lâu dài. Những nỗ lực bền bỉ đó đã mang lại những kết quả tích cực trong năm 2025.

Tỉ lệ NoII/TOI đạt

38%

TỈ LỆ TOII/NOI (2024 - 2025)

Đơn vị: %



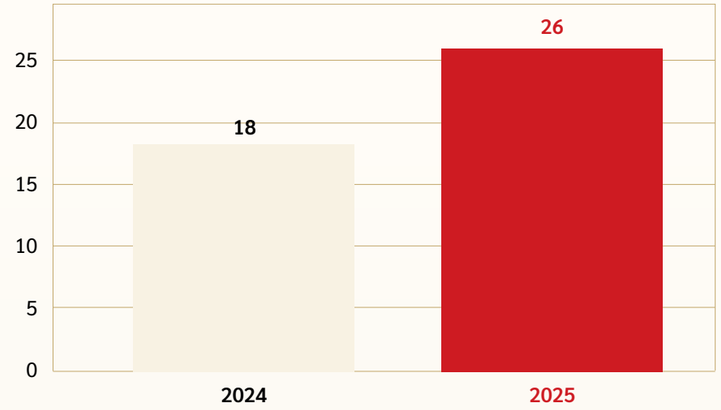
Tỉ lệ CASA bình quân/ Huy động bình quân

26%

8 điểm %
so với năm 2024

TỈ LỆ CASA BÌNH QUÂN/HUY ĐỘNG BÌNH QUÂN (2024 - 2025)

Đơn vị: %



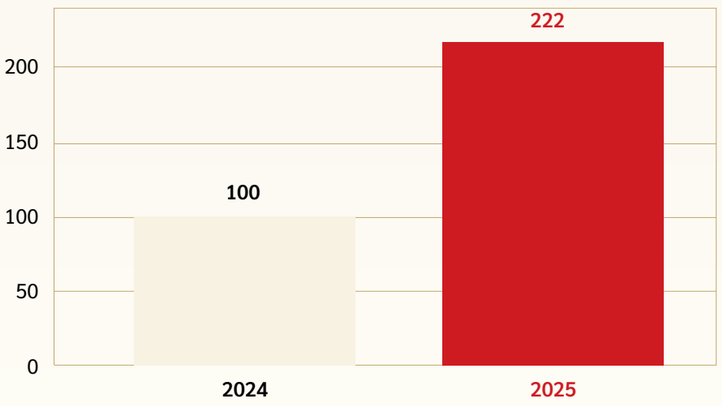
Chuyển đổi số tăng tốc

Hoàn thành

24 tính năng ebank KHDN

TỈ LỆ TĂNG TRƯỞNG GIAO DỊCH EBANK (2024 - 2025)

Index (2024 = 100)



Khách hàng doanh nghiệp lớn – Niềm tin vững vàng, đồng hành kiến tạo

Năm 2025, với tinh thần ***"Believe"***, SeABank tiếp tục khẳng định vị thế vững chắc là đối tác tài chính tin cậy của các định chế và tập đoàn hàng đầu. Mạng lưới đối tác chiến lược của Ngân hàng không chỉ dừng lại ở quy mô tín dụng mà đã phát triển thành sự hợp tác toàn diện, đi sâu vào ngóc ngách của chuỗi vận hành.

Giải pháp, chiến lược kinh doanh chính mảng KHDNL năm 2025:

- Tăng trưởng bứt phá dựa trên mô hình "**Wholesale Retail**" - Bán buôn theo phương thức bán lẻ:
  - » Xác định các doanh nghiệp lớn chính là "cổng vào" chiến lược để khai thác trọn vẹn hệ sinh thái. Động lực này được củng cố mạnh mẽ nhờ làn sóng dịch chuyển FDI thế hệ mới và chiến lược "Ngân hàng nhúng". *(Chi tiết tại Chương I, trang 40-41 của Báo cáo này).*
  - » Khép kín chuỗi giá trị, gia tăng tối đa biên lợi nhuận từ các hoạt động phi tín dụng như thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối.
- Công tác đào tạo nhân sự được chú trọng: hoàn thành vượt mức 108% kế hoạch, chuyển đổi đội ngũ RM từ những người bán hàng truyền thống thành các chuyên gia tư vấn giải pháp tài chính trên dữ liệu.

Đánh giá kết quả hoạt động mảng KHDNL năm 2025:

Trong năm 2025, công tác điều hành đã rút ngắn khoảng cách giữa Hội sở và ĐVKD, xây dựng quy trình làm việc hiệu quả, bám sát chiến lược đúng đắn nhằm giải quyết nhanh gọn những vướng mắc về cơ chế. Kết quả của sự đồng lòng này là những con số ấn tượng:

- Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 116% so với kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu (NPL) được kiểm soát ở mức thấp so với trung bình ngành.
- Sự linh hoạt trong điều hành lãi suất và các bản tin tư vấn thị trường kịp thời đã giúp mảng Ngoại hối và Thu phí dịch vụ tăng trưởng vượt bậc, đóng góp quan trọng vào cơ cấu lợi nhuận bền vững của Ngân hàng. Năm 2025, doanh số NFX tăng trưởng gấp đôi so với năm 2024.



Believe

Nâng cao hiệu quả xử lý nợ - chủ động kiểm soát rủi ro, đa dạng hóa giải pháp, hướng tới phát triển bền vững

Trong bối cảnh nhiều hoạt động kinh doanh, thị trường và việc làm vẫn chưa thể phục hồi sau ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai và khó khăn chung của nền kinh tế, trong năm 2025, với tinh thần "Believe", SeABank vẫn vững vàng niềm tin, kiên định trong chiến lược quản lý rủi ro tín dụng và xử lý nợ chủ động, linh hoạt, gắn liền với hỗ trợ khách hàng và đảm bảo an toàn hoạt động.

GIẢI PHÁP, CHIẾN LƯỢC XỬ LÝ NỢ NĂM 2025

Liên tục ban hành các chính sách hỗ trợ khách hàng, đặc biệt là các đối tượng gặp khó khăn theo hướng dẫn của NHNN.

Công tác nhắc nợ tự động (qua SMS/email) cũng như gọi điện/ làm việc trực tiếp để nhắc khách hàng trả nợ đến hạn tiếp tục được các ĐVKD thực hiện sát sao, hiệu quả đã giúp cải thiện tỷ lệ nợ nhóm 1 và kiểm soát gia tăng nợ quá hạn.

Đối với công tác xử lý nợ:

- Tăng cường theo dõi, cảnh báo sớm các khoản nợ đến hạn và có dấu hiệu rủi ro. Khối Hội sở kết hợp với các ĐVKD để cập nhật kịp thời thông tin khách hàng, xây dựng phương án xử lý phù hợp theo từng nhóm nợ, từng đặc thù khách hàng, qua đó nâng cao hiệu quả thu hồi ngay từ khi khoản nợ đến hạn và mới phát sinh quá hạn.
- Tiếp tục đa dạng hóa các biện pháp xử lý nợ, triển khai linh hoạt, quyết liệt và đồng thời nhiều giải pháp như: đôn đốc, miễn giảm lãi, tái cơ cấu phù hợp, khởi kiện, thi hành án, xử lý tài sản bảo đảm và bán nợ theo giá thị trường...để vừa hỗ trợ khách hàng thanh toán khoản nợ, vừa áp lực nghiêm khắc để khách hàng nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.
- Chủ động cập nhật, điều chỉnh quy trình nghiệp vụ nhằm tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật trong bối cảnh khung pháp lý về xử lý nợ của tổ chức tín dụng tiếp tục được hoàn thiện.

Đánh giá kết quả hoạt động xử lý nợ năm 2025

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nợ, hạn chế tối đa phát sinh nợ quá hạn mới, tập trung xử lý hiệu quả các khoản nợ xấu tồn đọng, hoàn thành 100% kế hoạch năm.

Tối ưu nguồn vốn và thanh khoản, vững niềm tin tăng trưởng trong bối cảnh biến động

Năm 2025, thị trường tài chính – tiền tệ trong nước và quốc tế ghi nhận nhiều biến động về lãi suất, tỷ giá và thanh khoản trước những thay đổi của chính sách tiền tệ toàn cầu. Trong bối cảnh đó, SeABank chủ động, linh hoạt tối ưu hóa nguồn vốn và thanh khoản cho toàn hệ thống. Niềm tin vào năng lực phân tích thị trường và uy tín trên thị trường liên ngân hàng đã giúp SeABank tận dụng hiệu quả các cơ hội kinh doanh, duy trì tăng trưởng tích cực trong hoạt động nguồn vốn.

Mảng hoạt động	Giải pháp, chiến lược năm 2025	Kết quả hoạt động năm 2025
Hoạt động tự doanh lãi suất	• Chủ động theo dõi, phân tích và nhận diện các biến động, xu hướng của thị trường để xây dựng kế hoạch kinh doanh linh hoạt, tận dụng hiệu quả các cơ hội thị trường. • Tiếp tục đẩy mạnh khai thác các sản phẩm kinh doanh nguồn vốn chủ lực như giao dịch repo giấy tờ có giá, tài trợ LC UPAS trên thị trường liên ngân hàng...; qua đó đóng góp nguồn thu đáng kể cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn. • Mở rộng hoạt động tài trợ vốn cho các TCTD phi ngân hàng, góp phần cải thiện và duy trì tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) ở mức tích cực.	Hoạt động tự doanh lãi suất năm 2025 không chỉ đem lại nguồn lợi nhuận tích cực mà còn được triển khai trên nền tảng quản trị rủi ro chặt chẽ, đảm bảo an toàn, hiệu quả và tuân thủ đầy đủ các giới hạn hạn mức rủi ro. Nhờ đó, SeABank tiếp tục ghi nhận nhiều đánh giá tích cực từ thị trường: • Liên tục được xếp hạng trong Top 3-5 thành viên có doanh số giao dịch repo chiếm 5-10% thị phần giao dịch tại HNX giai đoạn 2021-2025; • Được vinh danh là thành viên chào giá tốt thứ 3 và là thành viên có doanh số giao dịch thứ 5 trong Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA); • Xếp hạng Top 2 thành viên dự đoán lãi suất MM tại Hội Nghiên cứu thị trường Liên ngân hàng Việt Nam (VIRA).
Hoạt động tự doanh ngoại hối	Với niềm tin vào năng lực phân tích thị trường và khả năng điều hành linh hoạt, Ngân hàng đã chủ động theo dõi, đánh giá các biến động và xu hướng thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, qua đó tận dụng hiệu quả các cơ hội giao dịch và nâng cao hiệu quả hoạt động.	• Doanh số giao dịch tăng trưởng lên mức 130-150 tỷ USD/năm, tiếp tục củng cố vị thế top 5 ngân hàng có khối lượng giao dịch lớn nhất trên thị trường. • Với sự tăng trưởng ổn định và hiệu quả kinh doanh vượt trội, SeABank tiếp tục được vinh danh với nhiều giải thưởng uy tín từ các tổ chức trong nước như VIRA, VBMA và các tổ chức quốc tế như Refinitiv.
Hoạt động tự doanh trái phiếu	• Chủ động theo dõi, phân tích diễn biến và xu hướng thị trường, đồng thời tăng cường quản trị các rủi ro tiềm ẩn để xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, hướng tới duy trì hiệu quả và lợi nhuận bền vững; song song với đó tiếp tục củng cố và phát triển hoạt động giao dịch tự doanh trái phiếu Chính phủ.	• Ghi nhận doanh số giao dịch đạt hơn 154.000 tỷ đồng trong hoạt động tự doanh trái phiếu chính phủ, qua đó tiếp tục củng cố vị trí Top 5 thành viên có doanh số giao dịch outright lớn nhất thị trường trong năm, khẳng định năng lực và vị thế của Ngân hàng trên thị trường vốn.

Mảng hoạt động	Giải pháp, chiến lược năm 2025	Kết quả hoạt động năm 2025
	• Tận dụng hiệu quả nguồn vốn huy động từ các định chế tài chính thông qua công cụ chứng chỉ tiền gửi (CCTG) nhằm tối ưu chi phí vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. • Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các nghĩa vụ của tổ chức phát hành, qua đó góp phần nâng cao uy tín và mức độ tín nhiệm của các công cụ giấy tờ có giá do SeABank phát hành.	• Tiếp tục huy động hiệu quả nguồn vốn từ các định chế tài chính thông qua CCTG, đạt 25.000 tỷ đồng trong bối cảnh thị trường nhiều biến động. • Giấy tờ có giá do SeABank phát hành chính thức được đưa vào rổ giấy tờ tham chiếu của VBMA, góp phần củng cố uy tín và niềm tin của thị trường.
Hoạt động kinh doanh ngoại hối thị trường 1	• Kiên định với định hướng "lấy khách hàng làm trung tâm", SeABank chủ động thích ứng và duy trì hiệu quả hoạt động trong bối cảnh chứng kiến nhiều biến động từ hoạt động xuất nhập khẩu với thị trường quốc tế. • Tiếp tục đẩy mạnh triển khai kế hoạch chiến lược NGX1000 giai đoạn 2024-2028 nhằm tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng nguồn thu phí ngoài lãi. Trong đó kinh doanh ngoại hối là một trong những trụ cột quan trọng; đẩy mạnh phát triển nhóm khách hàng doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; đồng thời khai thác hiệu quả hệ sinh thái của các đối tác lớn như tổng công ty, tập đoàn.	• Đối mặt với nhiều thách thức của thị trường nhưng hoạt động kinh doanh ngoại hối từ khách hàng vẫn có sự phát triển ổn định, đạt **410 tỷ đồng** (tăng 21,6% so với cùng kỳ).

Đồng thời, SeABank luôn đáp ứng các quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc và đảm bảo các chỉ số an toàn thanh khoản:

Huy động vốn từ các tổ chức tín dụng

107.281 tỷ đồng

24,88%
so với năm 2024

Cho vay các tổ chức tín dụng

91.447 tỷ đồng

24,63%
so với năm 2024

Củng cố nền tảng vận hành, lan tỏa niềm tin phát triển

Mục tiêu, định hướng hoạt động vận hành

Kiên định với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất, SeABank tiếp tục đổi mới phương thức vận hành theo hướng hiện đại, linh hoạt và hiệu quả hơn. Năm 2025, SeABank tập trung triển khai các định hướng trọng tâm sau:

1

Đẩy mạnh số hóa và tự động hóa quy trình nghiệp vụ

Rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao tính an toàn và tối ưu trải nghiệm khách hàng

Tạo nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển đổi số

2

Chuẩn hóa và tái cấu trúc quy trình vận hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả

3

Phát triển các giải pháp vận hành linh hoạt theo từng phân khúc khách hàng

Nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động toàn hệ thống

Các mục tiêu và định hướng vận hành được SeABank triển khai đồng bộ và hiệu quả, qua đó củng cố nền tảng hoạt động vững chắc, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tinh thần "Believe" đã trở thành động lực xuyên suốt, giúp toàn hệ thống kiên định với định hướng đã đặt ra, chủ động đổi mới và từng bước nâng cao hiệu quả vận hành.

Vận hành tín dụng

Giải pháp, chiến lược năm 2025

- Thực hiện phân định rõ ràng các điều kiện kiểm soát trong quy trình xử lý tín dụng sau phê duyệt KHDN, qua đó giảm thiểu tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong khâu kiểm soát, đồng thời triển khai cơ chế phân bổ hồ sơ tự động (Distributor) đối với mảng Xử lý tín dụng doanh nghiệp, góp phần chuẩn hóa luồng xử lý, tối ưu nguồn lực và rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ.
- Triển khai bảng điều kiện cá thể hóa theo từng KHDN trong công tác vận hành, cho phép theo dõi và quản lý các chỉ số trọng yếu bám sát nội dung phê duyệt, qua đó chủ động hỗ trợ xử lý khi phát sinh giao dịch tín dụng, rút ngắn thời gian thực hiện và nâng cao hiệu quả vận hành.



Kết quả triển khai năm 2025

TAT xử lý tín dụng sau phê duyệt KHCN
48% YOY

Giao dịch giải ngân thế chấp KHCN
34,4% YOY

Giao dịch giải ngân KHDN
7,9% YOY

Vận hành Thẻ

Giải pháp, chiến lược năm 2025

- Triển khai mở rộng thêm mạng lưới ATM, POS và nâng cấp cải thiện, đa dạng hóa hệ thống công nghệ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng sử dụng thẻ.
- Tiếp tục duy trì cấp độ tuân thủ cao nhất trên thị trường và Tổ chức thẻ chuẩn bảo mật 3D-Secure phiên bản 2.2.0 cho giao dịch trực tuyến.



Kết quả triển khai năm 2025

Doanh thu phí ATM
26,1 TỶ ĐỒNG
4,4% so với năm 2024

Doanh thu phí POS
>56,1 TỶ ĐỒNG
>10% so với năm 2024

TAT quy trình in và đóng gói thẻ
27% YOY

Tổng số ATM đang hoạt động trên toàn hệ thống
317 ATM
7 ATM so với năm 2024

Số lượng POS lũy kế toàn hàng
1.067 POS
162 POS so với năm 2024

Dịch vụ thanh toán trong nước



Giải pháp, chiến lược năm 2025

Tiếp tục thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần cho mục tiêu quan trọng của Chính phủ và NHNN thông qua:

- Đầu tư liên tục vào công nghệ và cải tiến hệ thống thanh toán như xây dựng hệ thống chuyển tiền đến mới và hoàn thiện hệ thống chuyển tiền đi chuẩn IBPS 2.5, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc cung ứng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.
- Mở rộng hợp tác với các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến, thanh toán cước và các loại phí định kỳ; chú trọng nâng cao lợi ích cho khách hàng và gia tăng hiệu quả cho Ngân hàng.

Chú trọng đến công tác bảo mật và an toàn trong giao dịch thanh toán:

- Các biện pháp bảo mật sinh trắc học được triển khai nghiêm ngặt, bảo vệ lợi ích hợp pháp của khách hàng, xây dựng niềm tin và sự gắn bó của khách hàng.
- Đẩy mạnh chuyển tiền nhanh 24/7 và kết nối với các đối tác thanh toán lớn như VNPay triển khai thêm dịch vụ VN-Topup; hoàn thiện kết nối với SSMedia cung cấp dịch vụ du lịch (combo du lịch, vé máy bay, đặt phòng khách sạn, vé vui chơi giải trí) cho khách hàng trên app SeAMobile; dịch vụ thu hộ tại các cây xăng của Petrolimex, Thủy Tạ.
- Cung cấp dịch vụ thanh toán đa dạng các hóa đơn dịch vụ công thiết yếu như điện, nước, viễn thông... nhanh chóng qua ứng dụng SeAMobile Biz hoặc tại quầy; hỗ trợ nộp thuế điện tử cho doanh nghiệp, liên kết với Cục thuế để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc kê khai và nộp thuế.

Đẩy mạnh phát triển hoạt động kiều hối:

- Triển khai dịch vụ kiều hối MoneyGram, cho phép khách hàng nhận tiền linh hoạt tại quầy giao dịch và trên ứng dụng SeAMobile.
- Kênh kiều hối StoneX ghi nhận bước tăng trưởng đột phá khi SeABank mở rộng kết nối thành công với StoneX.

Số lượng giao dịch kiều hối trên kênh StoneX

52.438 giao dịch

10 LẦN
so với năm 2024

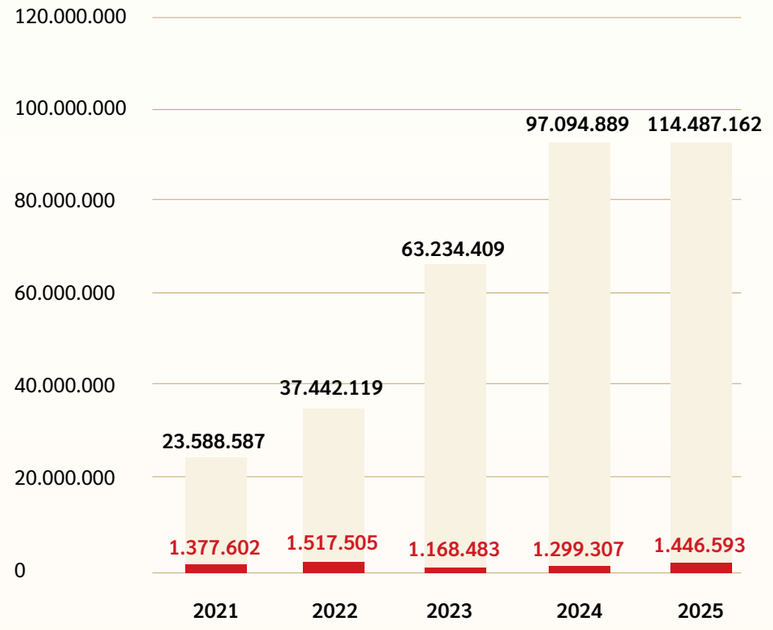
Giao dịch thanh toán qua kênh điện tử

98,75%

~114,5 triệu giao dịch

SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH GIAI ĐOẠN NĂM 2021 - 2025

Đơn vị: giao dịch



Doanh thu từ phí thanh toán trong nước

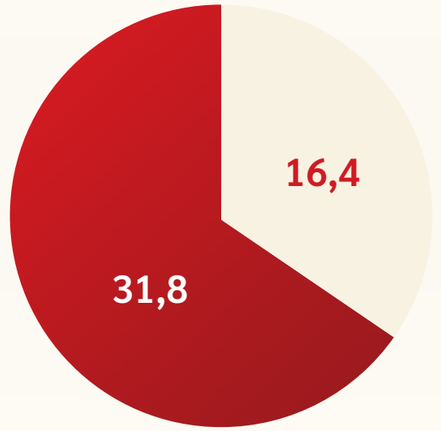
>42,8 tỷ đồng

Kênh thanh toán trực tuyến

Kênh truyền thống

PHÍ GIAO DỊCH THANH TOÁN TRONG NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: tỷ VND



Nguồn: Báo cáo hoạt động dịch vụ thanh toán trong nước 2025

Dịch vụ thanh toán quốc tế

Năm 2025, Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là tâm điểm thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Sự phục hồi của chuỗi cung ứng toàn cầu kết hợp làn sóng chuyển đổi số mạnh mẽ trong ngành tài chính đã thúc đẩy các luồng tiền xuyên biên giới tăng trưởng vượt bậc, tạo tiền đề cho sự bùng nổ của hoạt động thanh toán quốc tế (TTQT).



Giải pháp, chiến lược năm 2025

- Triển khai hàng loạt gói tín dụng, chương trình hỗ trợ lãi suất và chính sách ưu đãi phí được thiết kế chuyên biệt dành cho nhóm doanh nghiệp FDI, xuất nhập khẩu và doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.
- Đẩy mạnh cơ chế khuyến khích dành cho các khách hàng mới và khách hàng ưu tiên giao dịch trực tuyến.

Kết quả hoạt động năm 2025:

- Tích hợp thành công hệ thống SeAAML vào quy trình chuyển tiền quốc tế đã giúp tự động rà soát phòng chống rửa tiền cho toàn bộ giao dịch chuyển tiền đi và đang mở rộng sang mảng tài trợ thương mại.
- Triển khai ứng dụng PCS (Payment Control Service) để kiểm soát chặt chẽ điện SWIFT, nhằm tự động ngăn chặn các giao dịch sai quy tắc, bảo vệ ngân hàng trước các nguy cơ xâm nhập từ hacker và rủi ro gian lận hệ thống.
- Ứng dụng tính năng Tracking Payment trên nền tảng Internet banking dành cho KHDN, cho phép tra cứu theo dõi trạng thái giao dịch chuyển tiền quốc tế theo thời gian thực mang lại tính minh bạch trong giao dịch.

Tăng trưởng số lượng giao dịch TTQT

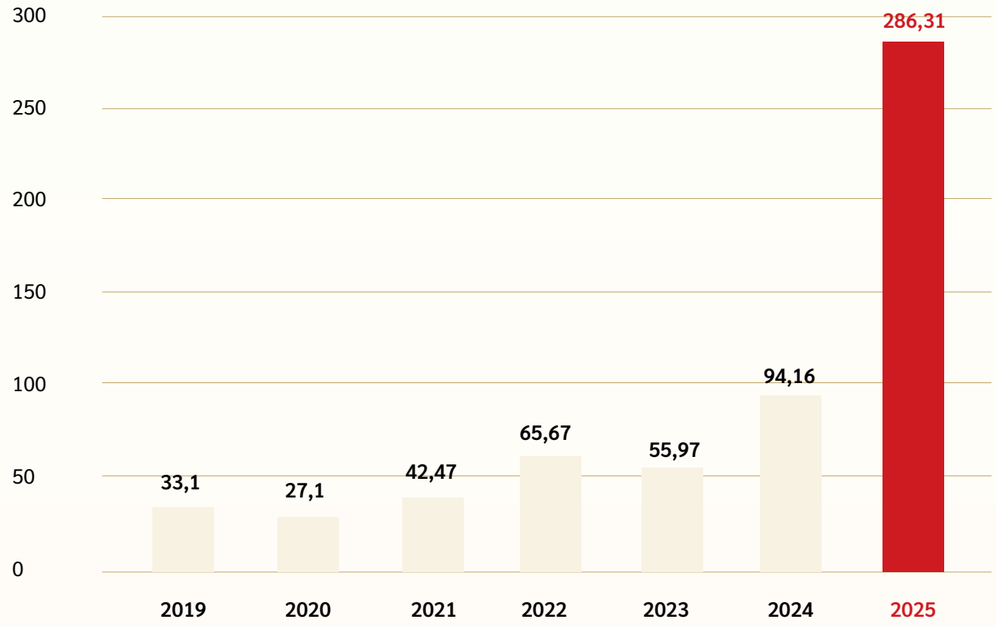
31% YOY

Tăng trưởng doanh số TTQT

204% YOY

DOANH SỐ THANH TOÁN QUỐC TẾ QUA CÁC NĂM

Đơn vị: nghìn tỷ VND



Phát triển mạng lưới

Giải pháp, chiến lược năm 2025

- Triển khai cơ cấu lại mạng lưới giao dịch theo địa giới hành chính mới của cả nước.
- Tập trung rà soát, đánh giá cơ sở vật chất, hạ tầng của các ĐVKD để thực hiện cải tạo, chỉnh trang cơ sở vật chất, mặt tiền cũng như di chuyển trụ sở điểm giao dịch nhằm đảm bảo trụ sở luôn khang trang, sạch sẽ, thuận tiện cho khách hàng khi đến giao dịch cũng như tăng nhận diện thương hiệu hình ảnh của SeABank.
- Thực hiện cải tạo, nâng cấp một số điểm giao dịch nhằm đáp ứng mô hình kinh doanh theo ngành dọc.
- Nhanh chóng triển khai các biện pháp xử lý khẩn cấp/khắc phục kịp thời sự cố thiên tại tại các địa bàn bị ảnh hưởng như Thái Nguyên, Nha Trang, Huế...

Kết quả triển khai năm 2025

- SeABank có 181 điểm giao dịch, trong đó có 49 chi nhánh và 132 phòng giao dịch trên khắp 24 tỉnh, thành (theo địa giới hành chính mới).
- Lũy kế đến 31/12/2025, SeABank đã hoàn thành thực hiện: 3 dự án di chuyển CN/PGD; thực hiện cải tạo, sửa chữa 120 địa điểm giao dịch và cải tạo 17 dự án ATM.



Theo địa giới hành chính mới, SeABank có

181
điểm giao dịch

49
chi nhánh

132
phòng giao dịch

ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI

Đánh giá về các chỉ tiêu môi trường

	Đánh giá triển khai năm 2025
Tài nguyên nước	• **Triển khai đồng bộ khung quản lý và vận hành**: SeABank đã xây dựng và triển khai hiệu quả hệ thống quản lý tài nguyên nước dựa trên 4 trụ cột: chuẩn hóa khung pháp lý nội bộ, thiết lập mạng lưới giám sát đa tầng, duy trì kỷ luật vận hành và lan tỏa văn hóa tiết kiệm. Các nguyên tắc này được áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống, góp phần đảm bảo việc sử dụng tài nguyên nước minh bạch, kiểm soát chặt chẽ và vận hành liên tục. • **Duy trì các chỉ số trong ngưỡng an toàn và tuân thủ quy định:** Các chỉ số môi trường liên quan đến nước của SeABank trong năm 2025 được kiểm soát chặt chẽ và duy trì trong giới hạn cho phép theo các quy chuẩn của Việt Nam. • **Hiệu quả sử dụng tài nguyên vượt mục tiêu đề ra:** Chỉ số tiêu thụ nước bình quân đạt khoảng 20 lít/người/ngày, thấp hơn 32% so với định mức nội bộ (<30 lít/người/ngày), phản ánh hiệu quả của các giải pháp quản lý và vận hành. • **Chất lượng nước được đảm bảo:** Nguồn nước sinh hoạt được kiểm soát đạt 100% theo các quy chuẩn hiện hành của Bộ Y tế, góp phần đảm bảo điều kiện làm việc an toàn và sức khỏe cho CBNV. • **Hệ thống giám sát và quan trắc hiệu quả:** Việc thực hiện quan trắc định kỳ 3 tháng/lần đối với nước thải tại các điểm xả thải được cấp phép cho thấy hệ thống giám sát môi trường vận hành hiệu quả, giúp Ngân hàng chủ động theo dõi, đánh giá và kiểm soát các rủi ro môi trường một cách kịp thời. 100% nước thải sau xử lý có các thông số đạt và thấp hơn ngưỡng quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT. • **Thúc đẩy văn hóa tiết kiệm và trách nhiệm môi trường:** Các hoạt động truyền thông nội bộ, đặc biệt trong các giai đoạn cao điểm như mùa nóng góp phần chuyển hóa nhận thức thành hành động và nâng cao ý thức tự giác của CBNV. ** Chi tiết về hoạt động quản lý tài nguyên nước được trình bày tại Chương VII, trang 267-272 của Báo cáo này.*
Phát thải khí nhà kính	• **Thiết lập nền tảng đo lường đầy đủ**: SeABank đã xác định và đo lường phát thải theo 3 phạm vi (Scope 1, 2, 3), áp dụng hướng dẫn của IPCC và hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong kiểm kê khí nhà kính. • **Kiểm soát tốt phát thải từ hoạt động kinh doanh, vận hành (Scope 1 & 2):** Lượng phát thải trực tiếp năm 2025 được kiểm soát ở mức 624 tCO2eq, chủ yếu từ tiêu thụ nhiên liệu cho phương tiện vận hành. Phát thải đạt 4.957 tCO2eq, giảm 2,3% so với cùng kỳ. Lượng phát thải này phù hợp với quy mô và đặc thù hoạt động, được duy trì/giảm so với cùng kỳ, phản ánh hiệu quả của các giải pháp tiết kiệm năng lượng, đẩy mạnh số hóa và tối ưu vận hành. • **Mở rộng quản lý phát thải gián tiếp (Scope 3)**: Ngân hàng mở rộng tích hợp ESG, áp dụng ESMS và ưu tiên đối tác xanh giúp kiểm soát phát thải trong chuỗi giá trị và hoạt động tài trợ. • **Định hướng giảm phát thải rõ ràng**: Chiến lược phát triển bền vững được ban hành cụ thể tại Quy định số 1497/2025/QĐ-HĐQT đã đặt nền tảng cho các mục tiêu giảm phát thải dài hạn, phù hợp với định hướng quốc gia. ** Chi tiết về quản lý phát thải khí nhà kính được trình bày tại Chương VII, trang 267-272 của Báo cáo này.*

	Đánh giá triển khai năm 2025
Tài nguyên điện	• **Kiểm soát và đo lường hiệu quả tiêu thụ năng lượng:** SeABank đã thiết lập hệ thống quản lý điện năng theo định mức rõ ràng, với chỉ số đo lường tiêu thụ điện trên mỗi mét vuông diện tích sàn (kWh/m²/năm). Việc xây dựng định mức theo đặc thù thời tiết từng vùng miền giúp nâng cao tính chính xác trong theo dõi, đánh giá và tạo cơ sở cho việc tối ưu hóa hiệu quả sử dụng năng lượng. • **Cải thiện tích cực các chỉ số hiệu quả năng lượng:** Trong năm 2025, lượng điện tiêu thụ trên CBNV đạt 1.385,7 kWh/CBNV, cường độ tiêu thụ điện theo doanh thu đạt 2,89 kWh/tỷ đồng, đều giảm so với cùng kỳ. Kết quả này phản ánh hiệu quả của các biện pháp đồng bộ trong đầu tư, vận hành và nâng cao nhận thức. • **Đẩy mạnh chuyển đổi sang thiết bị hiệu suất cao:** Thay thế và lựa chọn các trang thiết bị văn phòng thân thiện với môi trường và có hiệu suất cao (bóng đèn LED, điều hòa inverter sử dụng môi chất thân thiện với môi trường, thiết bị có chỉ số CSPF>4), ứng dụng công nghệ tòa nhà xanh – tòa nhà thông minh đã góp phần giảm mức tiêu thụ điện. Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh tuân thủ Quy định số 5211/2021/QĐ-TGĐ nhằm tiết giảm chi phí, giảm thiểu rủi ro về an toàn điện, đặc biệt là nguy cơ cháy nổ tại các trụ sở. • **Nâng cao nhận thức, tăng cường quản lý và kiểm soát tuân thủ:** SeABank đã triển khai cơ chế giám sát đa tầng với sự phối hợp của các bộ phận kỹ thuật, giám sát an ninh và lực lượng bảo vệ nhằm kiểm soát việc sử dụng điện tại các đơn vị. Công tác kiểm tra, tuần tra hàng ngày được thực hiện nghiêm túc, giúp kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các hành vi sử dụng điện chưa hợp lý. Các hoạt động tuyên truyền nội bộ được triển khai thường xuyên, đặc biệt vào mùa cao điểm sử dụng điện góp phần nâng cao ý thức tự giác của CBNV. ** Chi tiết về hoạt động quản lý tài nguyên điện được trình bày tại Chương VII, trang 267-272 của Báo cáo này.*
Chuyển đổi số và chuyển đổi xanh	• **Chuyển đổi số và tối ưu vận hành:** SeABank đã triển khai hiệu quả các sáng kiến số hóa (LOS, hệ thống báo cáo, Data Warehouse realtime...) giúp rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao năng lực dữ liệu và giảm phụ thuộc vào quy trình thủ công, qua đó nâng cao hiệu quả vận hành và trải nghiệm khách hàng. • **Giảm phụ thuộc tài nguyên vật lý:** Việc đẩy mạnh số hóa quy trình, hồ sơ điện tử và chữ ký số đã góp phần giảm đáng kể nhu cầu sử dụng tài nguyên vật lý, đặc biệt là giấy, đồng thời giảm phát thải gián tiếp từ hoạt động vận hành. Năm 2025, lượng giấy tiêu thụ tại Hội sở được kiểm soát dưới định mức, với chỉ số giấy trên doanh thu giảm 7,57% so với năm trước, cho thấy hiệu quả của các biện pháp như in hai mặt, tái sử dụng giấy và tăng cường trao đổi tài liệu qua nền tảng số. • **Thúc đẩy mô hình văn phòng xanh:** SeABank đã từng bước chuyển dịch sang mô hình văn phòng xanh thông qua ưu tiên tòa nhà đạt chứng chỉ xanh, ứng dụng công nghệ thông minh (BMS, cảm biến, tối ưu ánh sáng tự nhiên) và sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng, góp phần giảm tiêu thụ điện, nước và phát thải. ** Chi tiết về hoạt động chuyển đổi số và chuyển đổi xanh được trình bày tại Chương VII, trang 267-272 của Báo cáo này.*

Đánh giá về hoạt động thúc đẩy sản phẩm xanh – bền vững

Mục tiêu trọng tâm	Đánh giá triển khai
Đẩy mạnh các sản phẩm tài chính xã hội, hỗ trợ khách hàng yếu thế	SeABank tiếp tục tạo điều kiện tiếp cận tài chính thuận lợi, thúc đẩy cơ hội phát triển bình đẳng thông qua việc phát triển sản phẩm tài chính xã hội: tài trợ cho các dự án về giáo dục, y tế, nhà ở cho người thu nhập thấp, các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ... **Các dòng sản phẩm tiêu biểu đã được triển khai và tiếp tục hoạt động hiệu quả năm 2025:** • Gói chính sách hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ; • Thẻ tín dụng Visa Corporate; • Câu lạc bộ nữ chủ doanh nghiệp – SeAPower; • Cho vay dành cho hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ SeAWomen; • Thẻ tín dụng quốc tế SeALady. *Chi tiết về chính sách, hoạt động hỗ trợ của các sản phẩm được trình bày chi tiết tại Chương VII, trang 261-264 của Báo cáo này.* **Kết quả:** • Cuối năm 2025, số lượng khách hàng nữ chủ tại SeABank tăng 150%, dư nợ tín dụng tăng trưởng 120% so với cùng kỳ, phản ánh hiệu quả của mô hình "tài chính + phi tài chính", đặc biệt là khả năng duy trì hoạt động và tăng mức độ gắn kết của khách hàng. • Nhận giải thưởng quốc tế ESG Business Awards về bình đẳng giới, minh chứng cho tính nhất quán trong định hướng tài chính toàn diện và đóng góp của SeABank cho cộng đồng.
Đẩy mạnh Tín dụng xanh, tài trợ và đầu tư xanh	Với mục tiêu góp phần thực hiện mục tiêu Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và net-zero, SeABank đã ban hành Chiến lược phát triển bền vững của SeABank theo Quyết định số 1497/2025/QĐ-HĐQT trong đó đề ra mục tiêu nâng tỷ trọng tín dụng xanh trong tổng danh mục tín dụng lên 5% vào năm 2030. **Một số chính sách được SeABank triển khai áp dụng về tín dụng xanh:** • Quy định cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; • Quy định cấp tín dụng đối với các dự án điện mặt trời; • Quy định chính sách cấp tín dụng xanh tại SeABank giai đoạn 2021-2025 kèm theo Quyết định số 5151/2021/QĐ-TGĐ ngày 13/04/2021; • Chương trình ưu đãi thúc đẩy tăng trưởng dành cho tín dụng xanh: quy định được xây dựng theo đặc thù từng ngành nghề và chính sách ưu đãi về giá theo từng thời kỳ; • Hỗ trợ tài chính xanh: Cung cấp các gói tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi nhằm hỗ trợ các dự án giảm phát thải như nhà máy năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng và các sáng kiến bảo vệ môi trường; • Phát triển sản phẩm tài chính xanh: tài trợ xanh dành riêng cho các dự án bền vững, tạo điều kiện để KHCN và tổ chức tham gia vào quá trình chuyển đổi xanh; Tín dụng xanh ưu đãi dành cho doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn hoặc công nghệ thân thiện môi trường; **Kết quả triển khai năm 2025:** • Dư nợ tín dụng xanh đến thời điểm cuối năm 2025 đạt 1.634,1 tỷ đồng, chiếm 0,69% tổng dư nợ. • Tổng số vốn tài trợ tín dụng xanh tại SeABank đạt 3.801,2 tỷ đồng.
Phát hành trái phiếu xanh	**Năm 2024:** Thành công phát hành 150 triệu USD trái phiếu xanh cho AIIB và IFC, bao gồm: • Trái phiếu xanh lam đầu tiên của Việt Nam: bổ sung nguồn vốn tài trợ cho các hoạt động kinh tế bền vững gắn với đại dương và nước (như nuôi trồng và khai thác thủy sản, cấp nước sạch...). • Trái phiếu xanh lá đầu tiên phát hành bởi tổ chức tài chính trong nước: bổ sung vốn cho các lĩnh vực như tòa nhà xanh, năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng. **Năm 2025**: Hoàn thiện và công bố Khung trái phiếu xanh phù hợp với các Nguyên tắc Trái phiếu xanh và Trái phiếu xanh lam của ICMA, đồng thời tham chiếu các tiêu chuẩn của IFC và AIIB. • Khung Trái phiếu xanh của SeABank được đánh giá đạt mức "Medium Green" – mức cao thứ hai theo thang Shade of Green (S&P Global Ratings). • Chuẩn hóa hoạt động huy động vốn bền vững theo thông lệ quốc tế, tạo nền tảng triển khai các đợt phát hành trái phiếu xanh trong giai đoạn tiếp theo.

Đánh giá về vấn đề người lao động

Hoạt động phát triển nguồn nhân lực

Hoạt động phát triển và giữ chân nhân tài nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực xuất sắc cho các vị trí quan trọng, đảm bảo tính liên tục và duy trì hoạt động ổn định luôn được SeABank chú trọng. Năm 2025, SeABank tiếp tục xây dựng nguồn nhân lực mạnh mẽ và đầy khí thế, tinh về chất lượng, mạnh về số lượng, chung sức đồng lòng với niềm tin bền bỉ theo tinh thần ***"Believe"***, sẵn sàng vượt mọi thách thức để hoàn thành chiến lược kinh doanh.



Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng đội ngũ tinh anh, dồi dào sẵn sàng đáp ứng các kế hoạch kinh doanh:

- Thu hút và phát triển đội ngũ nhân sự tiềm năng trên thị trường: các ứng viên có năng lực, trình độ phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh, văn hóa cốt lõi của SeABank.
- Đầu tư đào tạo, phát triển năng lực và quy hoạch nguồn nhân lực hiện hữu.
- Đa dạng hóa nguồn lực, xây dựng đội ngũ đa dạng kiến thức, văn hóa, am hiểu địa bàn để đẩy mạnh phát triển thị trường vi mô theo từng khu vực.
- Xây dựng hệ thống đãi ngộ, lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh đảm bảo hiệu quả và giữ chân nhân tài.

Tình hình hoạt động năm 2025

Năm 2025, SeABank hướng đến xây dựng đội ngũ chất lượng thông qua kết hợp các chiến lược tuyển dụng, thu hút nhân tài - đào tạo, phát triển nhân sự - quy hoạch đội ngũ nhân tài kế cận - chính sách đãi ngộ thúc đẩy hiệu quả và giữ chân nhân tài.

- Tạo nguồn ứng viên chất lượng thông qua đẩy mạnh truyền thông, lan tỏa thương hiệu SeABank trên thị trường nhân sự trên đa dạng các kênh như: dịch vụ tuyển dụng của các đối tác hàng đầu; các kênh đăng tuyển social recruiting; các chương trình ngày hội việc làm tại các trường đại học hàng đầu Việt Nam trong các lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, Kinh tế.
- Chuỗi các chương trình tạo nguồn tuyển dụng và phát triển thương hiệu tuyển dụng được triển khai thường xuyên, tiêu biểu: SeATour, Thực tập sinh tiềm năng, Khởi nghiệp cùng SeABank, Talkshow định hướng nghề nghiệp trực tiếp và trực tuyến, các chương trình digital marketing qua các nền tảng mạng xã hội, các chương trình giới thiệu ứng viên...

Believe

- Nguồn lực tuyển dụng năm 2025 được đa dạng hóa thông qua cấu trúc về giới tính và dân tộc, đa dạng kiến thức và văn hóa, am hiểu địa bàn và phát triển thị trường vi mô theo từng khu vực.
- Cơ cấu lao động trong năm 2025 của SeABank có xu hướng trẻ hóa với 33% nhân sự thuộc thế hệ GenZ (sinh năm 1997-2012), đội ngũ nhân sự của Ngân hàng năng động, có trình độ chuyên môn và năng lực công nghệ để phù hợp với định hướng số hóa và phát triển công nghệ.
- Đầu tư cho đội ngũ nhân sự tài năng hiện hữu thông qua các chương trình phát triển theo lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) và khung quy hoạch nhân tài (Talent pool) dựa trên đánh giá năng lực (Competency), tập trung vào các chương trình đánh giá năng lực và quy hoạch, bổ nhiệm nhân sự theo lộ trình nghề nghiệp định kỳ.
- Các chương trình đã mang lại kết quả ấn tượng trong việc quy hoạch và phát triển đội ngũ kế cận, đáp ứng nhu cầu nguồn lực cho chiến lược kinh doanh, góp phần tạo cơ hội phát triển năng lực và lộ trình phát triển cá nhân (PDP) của CBNV.

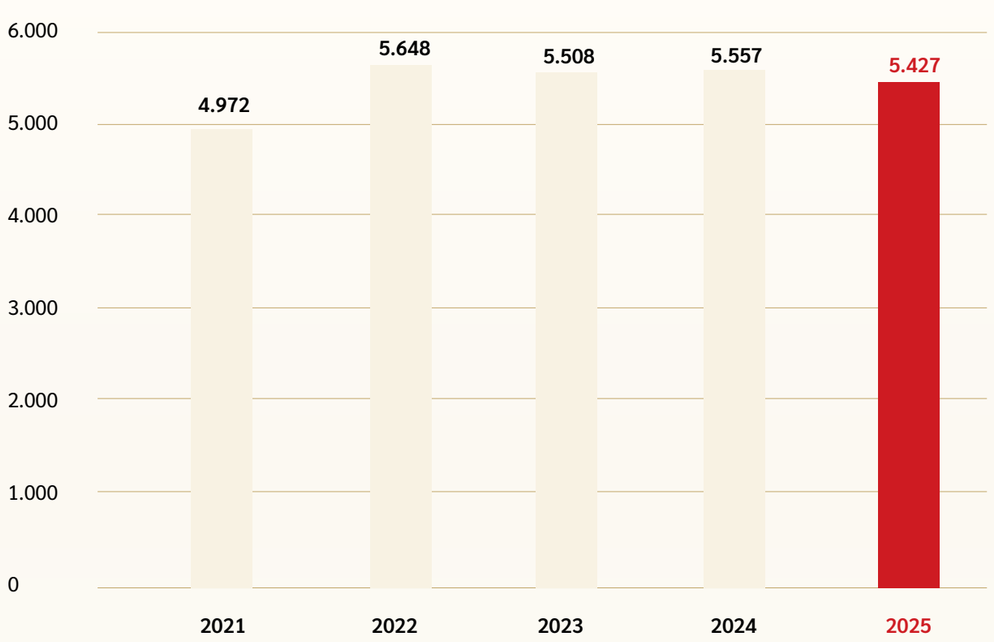
Tổng số nhân sự của SeABank

5.427 CBNV

** tính đến 31/12/2025*

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ SEABANK GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: người



Số lượng nhân sự SeABank trong 5 năm (tính tại thời điểm 31/12 hằng năm)

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Bên cạnh tuân thủ đúng quy định của pháp luật, chính sách đãi ngộ (Total Rewards) của SeABank được xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh và chiến lược nhân sự nhằm mang đến cho CBNV những đãi ngộ cạnh tranh, xứng đáng với đóng góp và cống hiến của mỗi cá nhân, thúc đẩy sự phát triển của SeABank với mục tiêu trở thành "Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất".

Các chính sách lương, thưởng, phúc lợi tiêu biểu năm 2025:

- Hệ thống chính sách thưởng: dựa trên năng lực làm việc, kết quả làm việc, thành tích và đóng góp, cống hiến của từng cá nhân cho sự phát triển của Ngân hàng, đảm bảo khen thưởng xứng đáng nhằm khích lệ, ghi nhận sự đóng góp của mỗi thành viên, tập thể:
  - » Thưởng thi đua kinh doanh đối với các CBNV có thành tích xuất sắc theo các chương trình thi đua, thúc đẩy kinh doanh của Ngân hàng;
  - » Chính sách lương kinh doanh bổ sung đối với lực lượng bán theo tư vấn của đối tác Talentnet-Mercer theo chiến lược của Ngân hàng và của từng phân khúc kinh doanh;
  - » Chính sách thưởng hiệu quả công việc dựa trên hiệu quả làm việc của từng đơn vị, cá nhân và mức độ đóng góp vào kết quả chung của Ngân hàng;
  - » Các chính sách thành tích đặc biệt cho các cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ, chương trình, dự án, ý tưởng và giải pháp sáng tạo...
- Các chính sách phúc lợi được mở rộng và nâng cao nhằm mang lại đãi ngộ tốt nhất cho CBNV, gia tăng theo thâm niên, kết quả làm việc để tạo động lực cống hiến và gắn kết:
  - » Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện PVICare cho CBNV và người thân với quyền lợi bảo hiểm cạnh tranh: hạn mức bồi thường duy trì ở mức tốt, không đồng bảo hiểm, được bồi thường theo chi phí khám chữa bệnh thực tế;
  - » Chương trình khám sức khỏe định kỳ: bổ sung các danh mục khám chuyên sâu, khám mở rộng tại các bệnh viện uy tín và có cơ sở vật chất và chất lượng dịch vụ tốt;
  - » Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn dành cho người lao động (SeAESOP)...;
  - » Chính sách vay vốn ưu đãi SeAStaff Privilege: gói vay dành cho CBNV với hạn mức và lãi suất ưu đãi hấp dẫn, cạnh tranh;
  - » Chính sách về chế độ nghỉ phép năm: tiếp tục duy trì chính sách mở rộng số ngày nghỉ phép năm theo nhóm chức danh, thâm niên.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Mục tiêu cải tiến

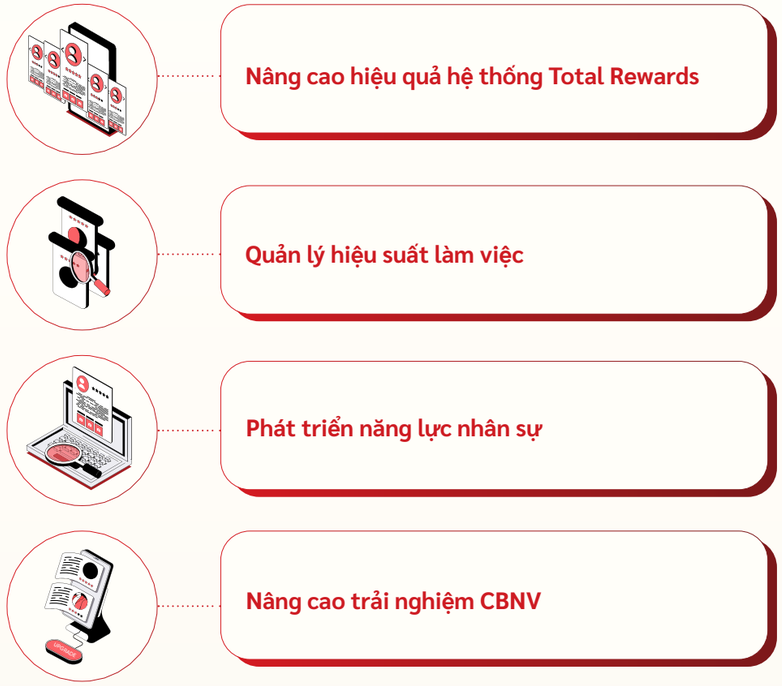
- Nâng cao hiệu suất và giá trị của CBNV, củng cố mức hài lòng về lộ trình nhân sự dài hạn, từ đó giúp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, nâng cao niềm tin của nhân viên và các bên hữu quan đối với Ngân hàng.
- Thúc đẩy sự phát triển của Ngân hàng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng từ các yếu tố bên ngoài và nội tại doanh nghiệp để phát triển.

Các cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý năm 2025

- Tăng cường chuyên môn hóa cơ cấu tổ chức nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực để phục vụ tốt nhất chiến lược kinh doanh của Ngân hàng;
- Nâng cao hệ thống quản lý hiệu quả công việc theo KPIs đối với các Đơn vị trên toàn hệ thống;
- Hoàn thiện hệ thống chính sách đãi ngộ cạnh tranh và gắn liền với hiệu quả nhằm phát triển đội ngũ tập trung về chất lượng, hiệu quả;
- Thu hút, ổn định và tập trung phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực, kinh nghiệm phù hợp, đảm bảo đáp ứng các mục tiêu PTBV, các chiến lược trung-dài hạn thông qua việc triển khai công tác sàng lọc, quy hoạch và đào tạo phát triển theo Khung năng lực (Competency framework).

Chiến lược nhân sự giai đoạn 2026 - 2030

Với sự đồng hành của các đối tác tư vấn nhân sự hàng đầu trong nước và quốc tế, SeABank đã xây dựng chiến lược nhân sự dài hạn và kế hoạch tổng thể giai đoạn 2026-2030, bám sát các chiến lược của Ngân hàng và hướng tới mục tiêu trở thành "Ngân hàng bán lẻ được yêu thích nhất" tại Việt Nam.



- Thu hút, tăng cường đội ngũ nhân sự có năng lực, phù hợp, đáp ứng chiến lược chuyển đổi toàn diện.
- Chuyên môn hóa nguồn nhân lực và KPIs theo phân khúc/chuyên môn, kết hợp chính sách lương dựa trên hiệu quả để thúc đẩy kinh doanh.
- Xây dựng Khung năng lực (Competency framework) kết hợp với chuẩn hóa lộ trình nghề nghiệp (Career roadmap) nhằm phát triển, quy hoạch đội ngũ nhân sự có kỹ năng (skill set) đáp ứng yêu cầu của chiến lược chuyển đổi; trao cơ hội và tạo động lực phát triển cá nhân (personal development), gia tăng gắn kết với SeABank.
- Triển khai hệ thống chương trình đào tạo theo cấp bậc; đào tạo đa dạng về chuyên môn, kỹ năng mềm; từ đào tạo (training) đến huấn luyện (coaching) để nâng cao năng lực đội ngũ và phát triển đội ngũ kế cận.
- Nâng cao hiệu quả hệ thống đãi ngộ tổng thể Total Rewards: cấu trúc lương và gói phúc lợi cạnh tranh theo kết quả đánh giá/vị trí công việc; lương/thưởng kinh doanh (SIP, Performance bonus...).

Đánh giá về trách nhiệm đối với cộng đồng

TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN CHO CÁC NHÓM KHÁCH HÀNG YẾU THẾ

Xác định tài chính toàn diện là một trụ cột chiến lược, gắn với mục tiêu ESG và phát triển kinh tế bao trùm, SeABank huy động hiệu quả nguồn vốn quốc tế lên tới hơn 1,1 tỷ USD từ các định chế tài chính uy tín và triển khai đồng bộ các giải pháp tài chính và phi tài chính dành cho các nhóm khách hàng yếu thế, góp phần tháo gỡ rào cản tiếp cận vốn và nâng cao năng lực tăng trưởng bền vững cho khách hàng.

- Đa dạng hóa sản phẩm, gia tăng khả năng tiếp cận: Danh mục sản phẩm được thiết kế linh hoạt, phù hợp từng phân khúc như khách hàng nữ và doanh nghiệp do nữ làm chủ (SeALady, SeAWomen...), SME (bộ tứ thẻ doanh nghiệp), hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ (gói tín dụng dành cho hộ kinh doanh chuyển đổi, khóa học chuyên sâu thuế - quản trị...).
- Kết hợp chuyển đổi số để mở rộng bao trùm tài chính: Hợp tác với các đối tác công nghệ và thanh toán (VISA, MoneyGram, MobiFone...) giúp mở rộng hệ sinh thái dịch vụ, cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng, đặc biệt đối với các nhóm chưa sử dụng dịch vụ tài chính truyền thống.

** Chi tiết về các sản phẩm tài chính cho nhóm khách hàng yếu thế được trình bày tại Chương VII, trang 267-272 của Báo cáo này.*

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Các hoạt động an sinh xã hội của SeABank được triển khai có hệ thống, bám sát định hướng bền vững của HĐQT và 17 mục tiêu SDGs của Liên Hợp Quốc.

- Mở rộng nguồn lực và phạm vi tác động: Tổng ngân sách hơn 34 tỷ đồng trong năm 2025 (tăng 41,67% so với cùng kỳ), các chương trình được triển khai trên phạm vi toàn quốc, phủ rộng nhiều lĩnh vực như giáo dục, y tế, hỗ trợ thiên tai, môi trường và an sinh cho nhóm yếu thế.
- Hướng tới tạo tác động dài hạn: Thay vì chỉ hỗ trợ trước mắt, SeABank ưu tiên tạo nền tảng phát triển bền vững cho cộng đồng thông qua sáng kiến như học bổng và chương trình giáo dục cho trẻ em (Quỹ SeADreams), xây dựng nhà ở, hỗ trợ sinh kế (Quỹ SeASmile), nâng cao ý thức môi trường và cộng đồng (Quỹ SeAGreen).
- Lan tỏa ý thức cộng đồng: Nhiều chương trình được tổ chức thường niên như Day of Love, Tuần lễ công dân... đã huy động sự tham gia rộng rãi của CBNV, qua đó lan tỏa tinh thần trách nhiệm và giá trị nhân văn tới toàn thể CBNV SeABank và tạo giá trị cho cộng đồng.

** Chi tiết về hoạt động an sinh xã hội và phát triển cộng đồng được trình bày tại Chương VII, trang 267-272 của Báo cáo này.*

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Các mục tiêu chính của SeABank năm 2026 được đưa ra dựa trên việc đánh giá kinh tế vĩ mô, thị trường và phù hợp với định hướng phát triển của từng phân khúc kinh doanh, kiểm soát rủi ro và đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng theo định hướng chiến lược của Ngân hàng.

Mục tiêu trọng tâm năm 2026

MỤC TIÊU TRỌNG TÂM 2026

- Tập trung triển khai hiệu quả hoạt động của phân khúc và từng đơn vị mảng cá nhân và doanh nghiệp theo mô hình ngành dọc mới.
- Tiên quyết phát triển dư nợ cá nhân, mục tiêu dư nợ cá nhân chiếm tỷ trọng 30% trong tổng dư nợ. Điều hành tăng trưởng tín dụng theo tình hình thực tế và room tín dụng được NHNN cấp.
- Tập trung nguồn huy động từ khách hàng để có nguồn vốn ổn định phục vụ hoạt động kinh doanh. Chú trọng phát triển huy động không kỳ hạn CASA nhằm tối ưu giá vốn. Tối ưu hóa nguồn vốn từ tổ chức và giấy tờ có giá phù hợp với nhu cầu tăng trưởng tín dụng và thanh khoản của ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Chú trọng đầu tư công nghệ đối với mảng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là các dự án liên quan đến chiến lược chuyển đổi số.
- Triệt để thu hồi nợ theo kế hoạch.
- Tối ưu hóa chi phí đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả đầu tư, sử dụng ngân sách.

Định hướng hoạt động và giải pháp đạt mục tiêu năm 2026

Định hướng hoạt động hướng tới hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh

Dựa trên các chỉ tiêu kinh doanh năm 2026 được giao bởi HĐQT (chi tiết tại chương IV, trang 129 của Báo cáo này) và định hướng chung của HĐQT (chi tiết tại chương IV, trang 124-129 của Báo cáo này), một số định hướng hoạt động trọng tâm của SeABank năm 2026 như sau:

Mục tiêu trọng tâm	Định hướng hoạt động năm 2026
Tăng trưởng tổng tài sản	Tăng trưởng tổng tài sản theo hướng tăng trưởng hợp lý, đảm bảo khả năng tăng trưởng các tài sản sinh lời và giảm dần các tài sản không mang lại lợi nhuận cho SeABank.
Tăng trưởng nguồn huy động	• Thực hiện chính sách huy động dựa trên nhu cầu sử dụng vốn, đảm bảo cân đối được nguồn giải ngân, đảm bảo thanh khoản. Đa dạng hóa nguồn vốn huy động: tiếp tục huy động từ nhóm KHCN, các tổ chức kinh tế và huy động từ nguồn của các tổ chức nước ngoài. • Kiểm soát chặt chẽ giá vốn huy động bình quân trong năm; tiếp tục các biện pháp để tăng trưởng huy động không kỳ hạn, tối ưu hóa nguồn huy động, đảm bảo mang lại hiệu quả sử dụng nguồn tốt nhất cho toàn hệ thống tại từng thời điểm cụ thể trong năm; hỗ trợ giảm chi phí vốn và tăng trưởng hiệu quả sinh lời. • Đảm bảo tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) theo yêu cầu của NHNN.
Tăng trưởng cấp tín dụng	• Tăng trưởng dư nợ tín dụng phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng theo định hướng của SeABank trong năm 2026 và phù hợp với quy định của NHNN. • Tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ dư nợ cá nhân, mục tiêu nâng cao tỷ trọng dư nợ cá nhân trong tổng dư nợ. • Tập trung phát triển sản phẩm có margin sinh lời cao; phát triển dư nợ ngắn và trung hạn. Đồng thời phát triển các sản phẩm có lãi suất và kỳ hạn linh hoạt, đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng cá nhân.
Tối ưu các chỉ số lợi nhuận	**Thu phí dịch vụ** • Đa dạng sản phẩm cho khách hàng, cải thiện và phát triển các khoản thu ngoài lãi song song xây dựng các trụ cột phí mới. Các sản phẩm số hóa ebank, thẻ, chương trình SeAConnect, kinh doanh ngoại hối, bảo hiểm là trọng tâm kinh doanh của năm 2026. • Tiếp tục tăng trưởng thu nhập từ phí của Ngân hàng để ổn định và đa dạng hóa nguồn thu nhập, tập trung vào các loại hình dịch vụ như ngân hàng số, thẻ tín dụng, SeAConnect, ngoại hối, bảo hiểm. Tỷ trọng thu phí dịch vụ phải đạt tối thiểu 25%.
Tối ưu các chỉ số lợi nhuận *- tiếp -*	• Xây dựng và phát triển các giải pháp ngân hàng điện tử, giao dịch dành riêng theo từng chuỗi, hệ sinh thái của các khách hàng, đa dạng hóa kênh bán, đẩy mạnh các hợp tác chiến lược nhằm tăng các dịch vụ online, dịch vụ bán chéo; phát triển các sản phẩm ngoại hối nhằm gia tăng nguồn thu dịch vụ; cá nhân hóa và gia tăng trải nghiệm khách hàng hướng tới cung cấp các sản phẩm/dịch vụ/điểm chạm với khách hàng theo từng chân dung khách hàng và tại từng điểm theo vòng đời khách hàng... **Quản trị chi phí hoạt động** • SeABank chú trọng tối ưu hóa và tiết kiệm chi phí, đồng thời tiếp tục kiểm soát chỉ số CIR (chi phí trên tổng thu nhập thuần) của toàn hệ thống =<35% trong năm 2026. Chi phí được tối ưu hóa và tiết kiệm đảm bảo cân đối hoạt động của Ngân hàng và thực hiện các dự án chiến lược của Ngân hàng về chiến lược hội tụ số, dự án Thẻ, dự án kinh doanh ngoại hối, dự án với các đối tác lớn song song với các khoản chi đầu tư công nghệ thiết yếu, số hóa các hoạt động vận hành trong hệ thống để đơn giản hóa, tự động hóa và tiến tới áp dụng sâu AI trong công tác vận hành.

Chiến lược kinh doanh linh hoạt, bền vững năm 2026

Nhằm đạt được các mục tiêu trọng tâm năm 2026, hướng tới các mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026-2030, SeABank triển khai chiến lược kinh doanh linh hoạt, tập trung vào: phát triển khách hàng; phát triển hệ sinh thái đối tác; phát triển sản phẩm và nâng cao dịch vụ; ứng dụng số hóa toàn diện; ưu tiên phát triển khách hàng/sản phẩm xanh - bền vững. Theo đó, định hướng chiến lược kinh doanh năm 2026 bao gồm:

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH 2026

- Triển khai chiến lược bán hàng đa kênh với sự hỗ trợ của chiến lược "Hội tụ số" nhằm phục vụ, đáp ứng tối đa các nhu cầu đa dạng của khách hàng mọi phân khúc với sản phẩm dịch vụ đa dạng; chất lượng dịch vụ vượt trội; nhiều ưu đãi hấp dẫn, cạnh tranh và các giải pháp, chính sách chuyên biệt phù hợp với đặc thù từng phân khúc, ngành nghề.
- Đột phá về hiệu quả kinh doanh thông qua tối ưu kênh bán, đa dạng kênh bán với các chính sách chuyên biệt theo từng nhóm đối tượng, có sự giám sát, quản lý thúc đẩy hiệu quả kết hợp với chiến dịch bán hàng và tiếp thị phù hợp.
- Đẩy mạnh giải ngân nguồn vốn tín dụng xanh từ các tổ chức quốc tế, mở rộng tệp khách hàng tín dụng xanh, đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng an toàn và quản lý rủi ro MTXH trong đầu tư/cấp tín dụng.
- Khai thác tối đa tệp khách hàng hiện hữu và tìm kiếm các khách hàng mới tiềm năng, đặc biệt khai thác tối đa từ chuỗi giá trị theo mô hình "Wholesale Retail" – Bán buôn theo phương thức bán lẻ. (Chi tiết tại Chương I, trang 40-41 của Báo cáo này).

Chi tiết kế hoạch hoạt động năm 2026 theo từng mảng kinh doanh:

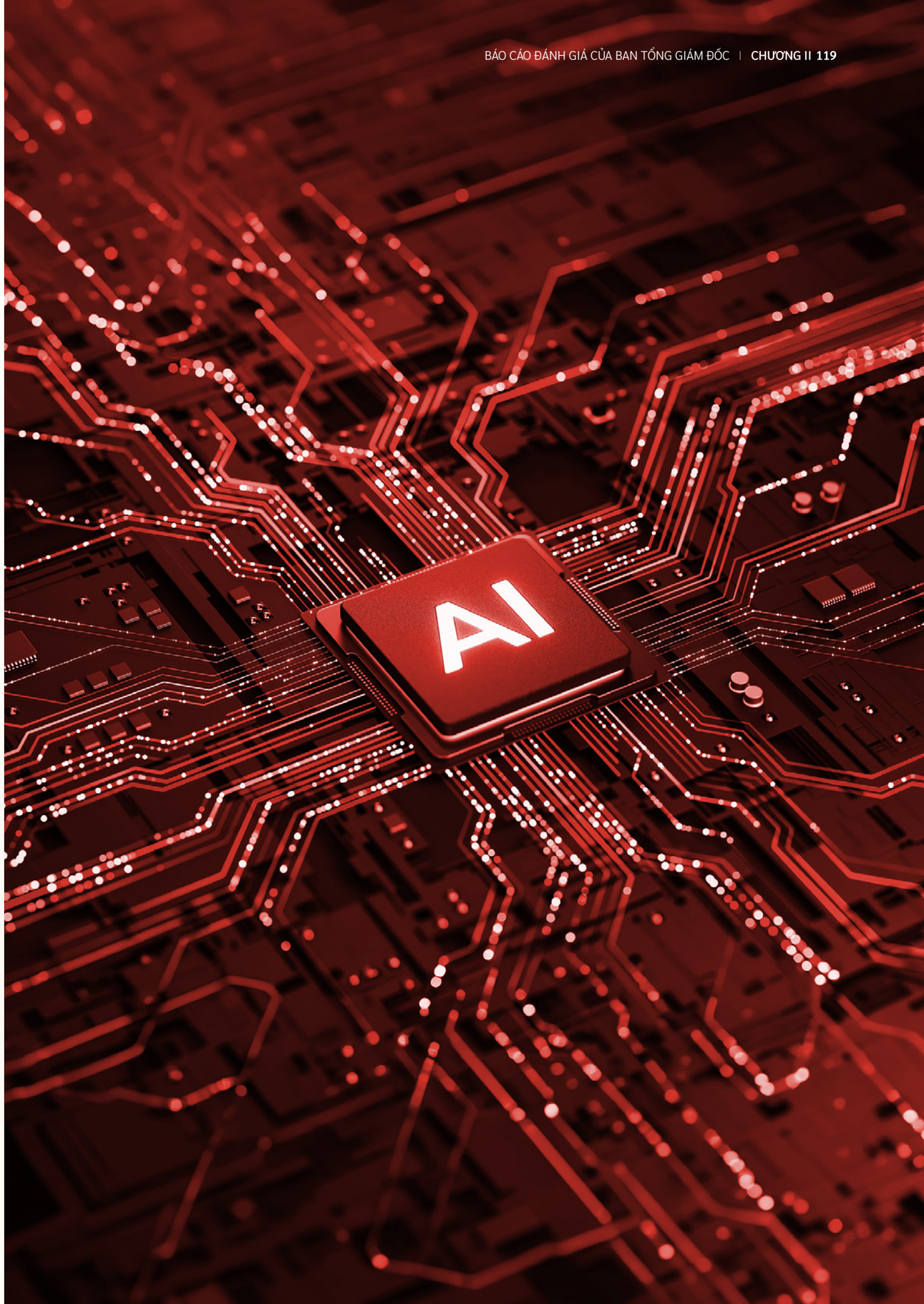
Mảng kinh doanh	Trọng tâm phát triển	Mục tiêu, kế hoạch phát triển năm 2026
KHDNL	Mở rộng bán và phát triển khách hàng theo trọng tâm	**Mục tiêu:** TOI tăng trưởng đạt 5.101 tỷ đồng, tương đương đạt 114% so với 2025, đồng thời tập trung đẩy mạnh thu nhập ngoài lãi (NOII) và tăng trưởng huy động bền vững. **Kế hoạch hành động:** Để hiện thực hóa tham vọng này, SeABank tập trung vào 3 giải pháp trọng tâm và 7 nhóm khách hàng trọng tâm. Trong đó: • 3 giải pháp trọng tâm: » Tận dụng tối đa hệ sinh thái của 5-7 doanh nghiệp FDI đầu chuỗi để lan tỏa sản phẩm, dịch vụ đến nhà cung cấp vệ tinh, người lao động. » Chiến dịch bán chéo KHCN mới thông qua các sự kiện trải nghiệm số tại chỗ. » Nâng tầm năng lực tư vấn, biến mỗi RM thành một nhà tư vấn chiến lược, sử dụng dữ liệu và AI để cung cấp các giá trị vượt trội cho khách hàng. • 7 nhóm khách hàng trọng tâm: dựa trên tiềm năng tăng trưởng kinh tế và xu hướng đầu tư tại Việt Nam, SeABank định hướng tập trung vào: » Nhóm doanh nghiệp trong lĩnh vực FDI, » Xuất nhập khẩu, » Đầu tư công, » Giáo dục – Đào tạo, » Y tế & chăm sóc sức khỏe, » Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khách hàng, » Khai thác sâu khách hàng hiện hữu.
KHDN	Nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng chất lượng nguồn thu và tối ưu cơ cấu nguồn vốn	**Mục tiêu:** Nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng chất lượng nguồn thu và tối ưu cơ cấu nguồn vốn. **Kế hoạch hành động:** • Duy trì và cải thiện các chỉ tiêu hiệu quả (như NoII/TOI), đồng thời thúc đẩy CASA để tối ưu chi phí vốn. • Đẩy mạnh bán chéo và giải pháp theo chuỗi giá trị nhằm tăng mức độ gắn kết, mở rộng "share of wallet" của khách hàng doanh nghiệp. **Mục tiêu:** Tăng tốc số hóa nền tảng ebank và mở rộng các nhóm tính năng theo nhu cầu doanh nghiệp. **Kế hoạch hành động:** • Triển khai và hoàn thiện các tính năng mới (bảo lãnh online, tiền gửi online, cơ chế hỗ trợ lệnh chuyển khoản lớn, v.v.). • Thiết kế gói giải pháp theo hành trình: dòng tiền – thanh toán, tiền gửi, tín dụng/bảo lãnh, quản trị doanh nghiệp; giảm rời rạc tính năng. **Mục tiêu:** Đa dạng hóa giải pháp tín dụng theo ngành/ngữ cảnh và mở rộng hệ sinh thái sản phẩm. **Kế hoạch hành động:** • Triển khai các gói tín dụng theo ngành/đối tác (nhà thầu EVN, đại lý xe điện VinFast, khách hàng KCN, v.v.) để tăng tính cạnh tranh và phù hợp nhu cầu thực tiễn. • Phát triển công cụ phát hành thẻ theo lô, cơ chế cashback tùy chỉnh; triển khai thẻ ghi nợ SeABiz Ultra Cash cho khách hàng tổ chức.
KHDN	Tăng trưởng theo chiều sâu, chuyển dịch từ tập trung quy mô sang tối đa hóa TOI và lợi nhuận, đột phá bằng công nghệ và dẫn dắt kinh doanh bằng dữ liệu	Trọng tâm chiến lược bao gồm: triển khai kinh doanh ngành dọc; đa dạng hóa giải pháp sản phẩm; nâng cao quản trị rủi ro; phát triển khách hàng; và hoàn thiện nền tảng số. • Triển khai kinh doanh ngành dọc, cung cấp giải pháp theo chuỗi giá trị và theo hệ sinh thái khách hàng. » Thiết kế gói sản phẩm – chính sách theo ngành/chuỗi (nhà thầu, KCN, logistics, thương mại điện tử, năng lượng...) để tăng lợi thế cạnh tranh. » Tăng hợp tác đối tác để mở rộng điểm chạm, tăng doanh thu phí và nâng chất dịch vụ. • Nâng chuẩn QTRR chủ động, kiểm soát chất lượng tăng trưởng và giảm phát sinh nợ quá hạn mới. » Rà soát định kỳ theo danh mục; giám sát dòng tiền theo tuần; kiểm soát giải ngân khoản lớn; tăng cường công tác thu hồi nợ và cảnh báo sớm. » Kết hợp dữ liệu và công cụ phân tích để hỗ trợ nhận diện rủi ro theo ngành/nhóm khách hàng và tối ưu chính sách cấp tín dụng.
NGUỒN VỐN	Phát triển kinh doanh	• Tiếp tục đẩy mạnh giao dịch nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để đảm bảo thanh khoản, chỉ số thanh khoản cho toàn hệ thống. • Tăng cường năng lực và quản trị rủi ro để nâng cao hiệu quả tự doanh trên các mảng kinh doanh trái phiếu, ngoại hối và kinh doanh vốn ngắn hạn trên thị trường liên ngân hàng • Hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh theo kế hoạch của UBNS.
	Phát triển sản phẩm	• Đẩy mạnh phát triển giao dịch repo GTCG, tập trung phần lớn vào sản phẩm repo Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh. Mở rộng giao dịch repo GTCG do các TCTD có tiềm lực tài chính lành mạnh, hoạt động kinh doanh ổn định, an toàn phát hành; đồng thời đẩy phát triển giao dịch tài trợ LC UPAS trên thị trường liên ngân hàng. • Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nghiên cứu và triển khai các sản phẩm mới trên thị trường tiền tệ, ngoại hối theo đúng quy định và hướng dẫn của các cơ quan quản lý và pháp luật.
	Phát triển đối tác và khách hàng	• Tiếp tục củng cố và mở rộng phát triển quan hệ đối tác với TCTD, các định chế phi tài chính, gia tăng hạn mức song phương, • Mở rộng thị phần kinh doanh, đa dạng hóa các sản phẩm, và tập trung đẩy mạnh tăng trưởng khách hàng, tập trung vào nhóm KH Xuất nhập khẩu, FDI quy mô tầm trung và nhóm khách hàng theo chuỗi.
	Nâng cao vị thế trên thị trường	• Duy trì vị thế là nhà tạo lập thị trường hàng đầu tại thị trường trong nước ở các nghiệp vụ chủ chốt: USD/VND giao ngay, hoán đổi ngoại tệ USD/VND, kinh doanh trái phiếu, Repo • Hướng tới các danh hiệu top 5 về doanh số của hiệp hội VBMA, Refinitiv, HNX

Chi tiết kế hoạch hoạt động năm 2026 theo từng mảng kinh doanh: *(tiếp)*

Mảng kinh doanh	Trọng tâm phát triển	Mục tiêu, kế hoạch phát triển năm 2026
NGUỒN VỐN	Nâng cao vị thế trên thị trường	• Duy trì vị thế là nhà tạo lập thị trường hàng đầu tại thị trường trong nước ở các nghiệp vụ chủ chốt: USD/VND giao ngay, hoán đổi ngoại tệ USD/VND, kinh doanh trái phiếu, Repo • Hướng tới các danh hiệu top 5 về doanh số của hiệp hội VBMA, Refinitiv, HNX
KHCN	Phát triển sản phẩm	• Tiếp tục mở rộng danh mục các sản phẩm, đưa ra các giải pháp tài chính linh hoạt, hấp dẫn để thu hút khách hàng mới và giữ chân khách hàng hiện tại. • Đẩy mạnh triển khai chương trình bán hàng, chương trình ưu đãi trên nền tảng số các sản phẩm tín dụng, NFX, thẻ... • Nâng cao an toàn bảo mật, hạn chế rủi ro và PCRT trong giao dịch. • Tín dụng: tập trung mở rộng cho vay mua nhà với lãi suất ưu đãi, tập trung vào nhóm khách hàng trẻ; Đẩy mạnh cho vay trung dài hạn, tối ưu chính sách lãi suất linh hoạt; Siết chặt quy trình xét duyệt. Các mục tiêu kế hoạch chính năm 2026: » Dư nợ tăng ròng 18.000 tỷ đồng, tăng trưởng 40%, đạt 62.000 tỷ đồng đến cuối năm 2026. » Dư nợ trung dài hạn chiếm 75% tổng dư nợ, nâng tỷ trọng cho vay mua nhà lên mức 50%, cho vay tiêu dùng tăng trưởng có kiểm soát. » Dư nợ ngắn hạn tối ưu hóa, tập trung vào khách hàng có lịch sử tín dụng tốt nhằm kiểm soát nợ xấu dưới 3%. Cải thiện chất lượng phục vụ và tăng số lượng khách hàng mới thêm 40%. • Sản phẩm thẻ và tài khoản: » Tăng tỷ trọng sản phẩm thẻ mở qua kênh online. » Cải tiến chính sách cấp hạn mức và tối ưu hóa quy trình vận hành để tăng cường hiệu quả và giảm thiểu chi phí, kiểm soát chất lượng sản phẩm. » Xây dựng và thúc đẩy phát triển sản phẩm mới có tính năng vượt trội, tác động thu hút được nhóm khách hàng mục tiêu lớn trên thị trường như các sản phẩm kết hợp đồng thương hiệu với các cá nhân có tầm ảnh hưởng » Đẩy mạnh tỷ trọng CASA nhằm tối ưu hóa nguồn vốn phù hợp với quy mô, cơ cấu tăng trưởng tín dụng và hoạt động thanh toán trong hệ thống đặc biệt là thanh toán không dùng tiền mặt. » Tăng cường tìm kiếm thêm và tối đa hóa các nguồn thu từ phí liên quan đến TKTT và hoạt động giao dịch tài khoản của khách hàng nhằm tăng tỷ trọng thu nhập ngoài lãi.
KHCN	Phát triển hệ sinh thái đối tác	• Xây dựng hệ sinh thái tài chính cá nhân, kết nối đa dạng dịch vụ từ tín dụng, đầu tư, bảo hiểm đến tiêu dùng. Tăng cường hợp tác với Fintech, phát triển nền tảng tài chính toàn diện. • Triển khai các sản phẩm dịch vụ của SeABank đến các đối tác chiến lược; tìm kiếm và khai thác các khách hàng mới, đối tác mới, các hệ sinh thái khách hàng thuộc các tập đoàn/công ty có giao dịch qua SeABank. • Đẩy mạnh khai thác tệp khách hàng chi lương và khách hàng chuỗi đại lý, với mục tiêu bán tối thiểu 3 sản phẩm/khách hàng bao gồm: TKTT, tiết kiệm và tín dụng (thẻ tín dụng/vay vốn), đặt mục tiêu trở thành ngân hàng giao dịch chính của khách hàng. • Cung cấp giải pháp thanh toán SeAPayment cho các đối tác với ngành hàng bán lẻ, mở rộng với ngành hàng dịch vụ (nhà hàng, khách sạn...) và giáo dục.
Sản phẩm bền vững	Mở rộng theo trọng tâm, phát triển theo chiều sâu	• Làm sâu hệ sinh thái SeAPower theo hướng “đồng hành trọn vòng đời” của doanh nghiệp nữ chủ. » Nâng cấp gói giải pháp tài chính (tín dụng, dòng tiền, thẻ) kết hợp dịch vụ tư vấn/đào tạo theo giai đoạn phát triển của doanh nghiệp. » Gắn số hóa vào chăm sóc – khai thác: tăng sử dụng dịch vụ trên kênh số, tăng tần suất giao dịch và nâng chất trải nghiệm. • Mở rộng hợp tác đối tác và truyền thông theo cụm ngành/địa phương để gia tăng độ phủ. » Ưu tiên các ngành có tỷ trọng doanh nghiệp nữ chủ cao và có nhu cầu dòng tiền thường xuyên. » Chuẩn hóa thông điệp và bộ công cụ truyền thông để tăng hiệu quả triển khai tại chi nhánh/ĐVKD.

Chiến lược "Hội tụ số" số hóa toàn diện

Mảng kinh doanh	Mục tiêu, kế hoạch phát triển năm 2026
KHDNL	• Tiếp tục đầu tư triển khai dự án số hóa toàn diện quy trình: » Bước đầu triển khai hệ thống CRM, dự kiến hoàn thành trong năm 2027. » Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào phân tích dữ liệu, giúp 100% nhân sự vận hành tối ưu hóa năng suất, dự kiến hoàn thành trong năm 2026.
KHDN	• Đột phá số hóa end-to-end cho KHDN, lấy nền tảng ebank làm hạ tầng cốt lõi cho giải pháp dòng tiền và vận hành doanh nghiệp. » Tiếp tục số hóa các nghiệp vụ trọng tâm (tín dụng, mở LC) theo lộ trình ưu tiên; tối ưu các điểm nghẽn để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ. » Mở rộng tích hợp định danh và kết nối đối tác (VNeID, Open Banking) nhằm tăng tốc triển khai giải pháp và tối ưu chi phí kết nối. • Dẫn dắt kinh doanh bằng dữ liệu và AI, nâng năng suất đội ngũ và tăng chất lượng tư vấn. » Mở rộng AI Dashboard/Trợ lý AI phục vụ phân tích – thẩm định – vận hành; giảm công việc lặp lại và tăng tốc xử lý hồ sơ. » Xây dựng khuyến nghị sản phẩm theo bối cảnh khách hàng (quy mô, ngành, dòng tiền), nâng hiệu quả bán và chất lượng chăm sóc.
KHCN	• Định vị ngân hàng trở thành đơn vị dẫn đầu về tín dụng cá nhân số hóa: » Nâng cấp hệ thống phê duyệt khoản vay tự động, mở rộng tích hợp dữ liệu từ bên thứ ba (công ty tín dụng, dữ liệu tiêu dùng); » Phát triển mô hình chấm điểm tín dụng cá nhân dựa trên AI, tăng khả năng tiếp cận tín dụng. • Số hoá sản phẩm và quy trình nhằm chuyển dịch kênh bán truyền thống sang kênh bán online cho các sản phẩm, qua đó mở rộng người dùng và thúc đẩy thanh toán không tiền mặt; gia tăng trải nghiệm khách hàng. • Tích hợp công nghệ như AI, nâng cấp, cải tiến hệ thống tính năng, tiện ích, mang tới giao diện thân thiện, tốc độ nhanh, trải nghiệm thuận tiện, an toàn và bảo mật.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Đánh giá về hoạt động Ngân hàng



Lợi nhuận trước thuế năm 2025

6.868 tỷ đồng

hoàn thành

106% kế hoạch năm

Tổng tài sản năm 2025

396.443 tỷ đồng

21,72%

so với năm 2024

- ***Đánh giá kết quả kinh doanh:*** Năm 2025, SeABank tiếp tục ghi nhận kết quả hoạt động tích cực, tăng trưởng ổn định và hiệu quả, phản ánh năng lực điều hành linh hoạt của BTGĐ và định hướng chiến lược đúng đắn của HĐQT trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và chính sách tiền tệ còn nhiều biến động. Cụ thể:
  - » Lợi nhuận trước thuế đạt 6.868 tỷ đồng, hoàn thành 106% kế hoạch năm.
  - » Tổng tài sản đạt 396.443 tỷ đồng, tăng 21,72% so với năm 2024.
  - » Hiệu quả hoạt động tiếp tục được cải thiện, phản ánh những nỗ lực trong tối ưu hóa chi phí, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao chất lượng vận hành: ROE đạt 14,62%, CIR giảm xuống 33,01%.
  - » Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát dưới 3%, thể hiện hiệu quả của công tác quản trị rủi ro tín dụng.



  - » Năng lực tài chính tiếp tục được tăng cường thông qua việc nâng vốn điều lệ lên 28.450 tỷ đồng, góp phần củng cố hệ số an toàn vốn, nâng cao khả năng chống chịu trước các biến động bất thường của thị trường và tạo nền tảng cho tăng trưởng trung – dài hạn, phù hợp với định hướng triển khai các chuẩn mực Basel III.
- **Đánh giá hoạt động quản trị công ty, quản trị rủi ro:** Ngân hàng tiếp tục tiệm cận và áp dụng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về quản trị công ty, quản trị rủi ro và công bố thông tin theo hướng minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình, bao gồm:
  - » Triển khai các trụ cột của Basel III.
  - » Nâng cấp hệ thống QTRR, kiểm soát nội bộ theo khung COSO.
  - » Thực hiện lộ trình áp dụng IFRS, hướng tới minh bạch hóa báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế.
  - » Triển khai các sáng kiến về quản trị, rủi ro và tuân thủ (GRC) cũng như chương trình đảm bảo và cải thiện chất lượng kiểm toán nội bộ (QAIP).
  - » Nâng cấp website, đồng bộ tiếng Việt và tiếng Anh để thực hiện công bố thông tin song ngữ; phát hành báo cáo quản trị và các báo cáo, thông báo bằng tiếng Anh.
  - » Năm 2025, SeABank không bị nhắc nhở hoặc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công bố thông tin.
  - » Những nỗ lực nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và năng lực quản trị của Ngân hàng phù hợp với VNCG, các nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD và các tiêu chí trong ACGS.

Hoạt động của SeABank năm 2025 đã thể hiện rõ định hướng tăng trưởng bền vững, cân bằng giữa hiệu quả - an toàn - minh bạch, phù hợp với các thông lệ tốt về quản trị công ty tại Việt Nam, ACGS và OECD.

Đánh giá về uy tín trên thị trường

Năm 2025 với niềm tin tiếp sức vượt qua mọi thách thức, SeABank đã giữ vững vị thế cạnh tranh và uy tín trên thị trường. Một số ghi nhận tiêu biểu bao gồm:

- Cổ phiếu SSB tiếp tục được thị trường ghi nhận tích cực, tiếp tục nằm trong danh sách VN30-Index.
- Báo cáo thường niên và minh bạch thông tin được các tổ chức đánh giá cao, tiếp tục được vinh danh trong Top 10 Báo cáo thường niên ngành Tài chính. Điều này khẳng định uy tín và chất lượng quản trị công ty, cam kết nghiêm túc của SeABank trong trách nhiệm giải trình và minh bạch hóa hoạt động.
- Tiếp tục được Moody's giữ nguyên bậc xếp hạng Ba3 cho danh mục Tiền gửi dài hạn, giữ nguyên xếp hạng đánh giá tín dụng cơ sở (BCA) của SeABank ở mức B1 với triển vọng phát triển Ổn định.
- Uy tín trên thị trường quốc tế tiếp tục phát huy, thu hút thêm nguồn vốn ngoại trị giá 80 triệu USD từ Proparco và FMO, tiếp tục củng cố hoạt động huy động và mở rộng nguồn lực của SeABank sau các nhà đầu tư quốc tế uy tín như IFC, DFC, Nordfund, AIIB...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Khả năng điều hành để đạt kế hoạch kinh doanh trọng yếu của Ngân hàng:

Năm 2025, BTGĐ Ngân hàng tiếp tục được kiện toàn với việc bổ sung thêm 02 thành viên có chuyên môn và kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực bán lẻ và tín dụng. Dưới sự điều hành quyết liệt của TGĐ và sự phối hợp hiệu quả của các PTGĐ, Ngân hàng đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu theo kế hoạch được HĐQT giao, chi tiết về kết quả hoạt động kinh doanh tại Chương II, trang 42-44 của Báo cáo này.

HĐQT đánh giá cao năng lực của BTGĐ trong việc chủ động, linh hoạt thích ứng với những thay đổi về thể chế, chính sách của Chính phủ và NHNN, đồng thời duy trì ổn định hoạt động và kiểm soát rủi ro hiệu quả.

Đánh giá về thực thi ESG - Triển khai hiệu quả các mục tiêu bền vững:

BTGĐ đã hoàn thành tốt vai trò điều hành, triển khai hiệu quả các nghị quyết và định hướng chiến lược của HĐQT, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động tích cực của Ngân hàng trong năm 2025. HĐQT ghi nhận những nỗ lực của BTGĐ trong việc lồng ghép các yếu tố ESG vào hoạt động điều hành, cụ thể:

TRỤ CỘT "QUẢN TRỊ"

- ***Thành lập đơn vị tham mưu về quản trị PTBV:*** Nhằm nâng cao hiệu quả của các chiến lược, thực thi chiến lược ở cấp độ điều hành và triển khai chiến lược bền vững với 03 trụ cột ESG trên toàn hệ thống, TGĐ đã đề xuất HĐQT thành lập mới Khối Chiến lược và Tài chính Quốc tế với các nhiệm vụ chính là nghiên cứu, xây dựng chiến lược PTBV và đề xuất các giải pháp cụ thể để triển khai chiến lược PTBV trong hoạt động Ngân hàng. Đây là cơ quan tham mưu, giúp việc cho TGĐ trong công tác PTBV, đưa PTBV trở thành kim chỉ nam trong các chương trình, kế hoạch hành động của Ngân hàng.
- ***Tái cơ cấu các Khối Kinh doanh:*** Khối KHCN, Khối KHDN, Khối KHDNL được tinh chỉnh, tái cấu trúc nhằm đẩy mạnh hoạt động giám sát của Hội sở đối với hoạt động kinh doanh theo ngành dọc dựa trên phân khúc khách hàng, cụ thể: Khối KHCN chuyển đổi thành Khối KHCN và Khối Chuyển đổi Kinh doanh và Dịch vụ số KHCN; sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các Khối KHDN và KHDNL; tái cơ cấu Khối QTRR và Khối Pháp chế & Tuân thủ nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám sát, QTRR và tuân thủ theo phân khúc khách hàng.
- ***Tiếp tục cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ:*** Hệ thống hoạt động liên tục, hiệu quả, đảm bảo đầy đủ các tuyến phòng thủ, đồng thời (i) triển khai các tiêu chuẩn QTRR, tuân thủ hiệu quả, từ đó được Moody's duy trì xếp hạng Ba3 cho các danh mục quan trọng; (ii) triển khai các chuẩn mực quốc tế về hệ thống kiểm soát nội bộ COSO, báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS...; (iii) điều chỉnh phân công, phân cấp thẩm quyền cho các PTGĐ trong hệ thống, qua đó tạo khung quản trị nội bộ rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ đảm bảo sự phối hợp giữa các thành viên BTGĐ trong công tác điều hành, sự phối hợp giữa BTGĐ với các Khối, ĐVKD...

TRỤ CỘT "XÃ HỘI"

- **Lấy khách hàng là trọng tâm:** Tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Hệ thống đo lường trải nghiệm khách hàng thông qua Callbot tiếp cận trung bình khoảng 50.000 khách hàng/tháng, ghi nhận CSAT đạt 95,02% và NPS đạt 56%. Ngân hàng đồng thời thực hiện chương trình Khách hàng bí mật, giám sát qua Camera, khảo sát khách hàng đa kênh, cùng 30 lớp đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng phục vụ cho CBNV. Bên cạnh đó, SeABank tiếp tục cá nhân hóa sản phẩm, phát triển chương trình khách hàng thân thiết SeALoyalty và xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng khép kín, góp phần mang đến trải nghiệm dịch vụ ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.
- **Phát triển nguồn nhân lực:** Phát triển nguồn nhân lực mạnh về chất lượng và số lượng, môi trường làm việc tôn trọng, bình đẳng với chỉ số gắn kết và hài lòng cao (duy trì >90%), được bình chọn là "Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2025" trong 05 năm liên tiếp.
- **An sinh xã hội:** Duy trì hoạt động của các quỹ từ thiện nội bộ, tổ chức và tham gia hàng loạt hoạt động, đóng góp thúc đẩy nhiều lĩnh vực SDGs như y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo... với tổng ngân sách hơn 34 tỷ đồng.

TRỤ CỘT "MÔI TRƯỜNG"

Ban hành Chiến lược phát triển bền vững của SeABank trong đó đề ra mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể về phát triển bền vững.

- Quản lý rủi ro MTXH: Nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro MTXH theo các chuẩn mực quốc tế, tích hợp đánh giá rủi ro chuỗi cung ứng và rủi ro vật chất liên quan đến biến đổi khí hậu. 100% các khoản tín dụng và đầu tư được sàng lọc, đánh giá rủi ro MTXH.
- Tín dụng xanh và Trái phiếu xanh: Tổng số dư nợ tín dụng xanh đạt 1.634,1 tỷ đồng, hướng tới mục tiêu nâng tỷ trọng tín dụng xanh trong tổng danh mục tín dụng lên 5% vào năm 2030. Trở thành một trong các Ngân hàng tư nhân đầu tiên tại Việt Nam ban hành Khung Trái phiếu Xanh tuân thủ các nguyên tắc của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA) và được S&P Global Ratings đánh giá đạt mức "Medium Green" – mức cao nhất tại Việt Nam, đặt nền móng cho việc phát hành trái phiếu xanh trong giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục triển khai chiến lược Hội tụ số: Tiếp tục đầu tư các dự án số hóa để phục vụ tối đa nhu cầu của mọi phân khúc khách hàng theo hướng hiện đại, bảo mật và an toàn... Ứng dụng các công nghệ hiện đại nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động nội bộ như số hóa quy trình và phát triển ngân hàng không giấy tờ, hướng tới phát triển bền vững và hỗ trợ mục tiêu quốc gia đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2026

Định hướng chung về Quản trị công ty trong năm 2026



a. Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự cho HĐQT và BKS của Ngân hàng nhằm nâng cao hơn nữa năng lực của HĐQT, BKS và năng lực đáp ứng các thông lệ tốt về quản trị công ty trong PTBV theo VNCG năm 2026, ACGS và các quy định của NHNN:

- Bầu bổ sung/thay thế thành viên BKS theo hướng ưu tiên những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng nhằm đa dạng hóa năng lực, chuyên môn, kinh nghiệm, đáp ứng nhu cầu thực tế hoạt động của BKS ngày càng gia tăng do được bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật các TCTD năm 2024;
- Rà soát và thực hiện phân công công việc lại cho các thành viên HĐQT, BKS theo thực tế nhân sự được bầu bổ sung trong năm 2026 và quy định mới của NHNN tại Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026) và ACGS.
- Kiện toàn bộ máy giúp việc cho HĐQT và BKS, phù hợp với Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026) và ACGS và yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

b. Rà soát, tái cấu trúc và sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban trực thuộc HĐQT theo thực tế nhân sự, yêu cầu của Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026) và ACGS năm 2025. Rà soát, cải tiến quy trình làm việc của các Ủy ban; kiện toàn nhân sự giúp việc cho các Ủy ban nhằm tăng cường nguồn lực cho các Ủy ban tham mưu cho HĐQT trong công tác PTBV, đặc biệt là trụ cột Quản trị.

c. Nghiên cứu, xem xét thành lập Ủy ban Phát triển bền vững với các thành viên có kinh nghiệm thực thi chiến lược PTBV tại các tổ chức quốc tế nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc triển khai, giám sát thực thi chiến lược PTBV tại Ngân hàng.

d. Thành lập và đưa vào hoạt động Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT theo Luật Doanh nghiệp 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026) và ACGS năm 2025, nhằm tham mưu, giúp việc cho HĐQT giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính, quản lý cấp cao hệ thống kiểm soát nội bộ, rà soát giao dịch bên liên quan.

e. Tiếp tục rà soát, đánh giá để kiện toàn khung quản trị công ty theo Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Chiến lược Phát triển Bền vững của NHNN, và Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026) và ACGS, hướng tới Bộ nguyên tắc quản trị công ty của OECD/G20, cũng như đảm bảo các cam kết của Ngân hàng với các đối tác quốc tế như IFC, DFC, AIIB, Norfund..., hướng tới trở thành nhóm công ty thuộc VNCG50, ACGS20.

f. Rà soát, đánh giá chiến lược PTBV của SeABank theo Chiến lược Phát triển Bền vững của NHNN, Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026), ACGS và hướng tới Bộ nguyên tắc quản trị công ty của OECD/G20, phù hợp với thực tế hoạt động của Ngân hàng để đảm bảo chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên liên quan.

g. Rà soát, đánh giá công tác công bố thông tin, hệ thống báo cáo quản trị, báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững theo các chuẩn mực báo cáo quốc tế, phù hợp với thực tế ngành ngân hàng và SeABank.

h. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại không dùng tiền mặt trong hoạt động ngân hàng gắn với đảm bảo an ninh, an toàn, trong đó ưu tiên chỉ đạo triển khai các dự án công nghệ số và vận hành tập trung để hỗ trợ hoạt động kinh doanh theo chiến lược mới của Ngân hàng, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị năm 2026 và Kế hoạch số 01/KH-NHNN ngày 10/1/2026. Cụ thể:

- Triển khai các sáng kiến số hóa quy trình, sản phẩm dịch vụ số;
- Đảm bảo an toàn thông tin, phòng ngừa các nguy cơ cyber, bảo vệ quyền lợi khách hàng;
- Tích hợp dữ liệu lớn (big data), AI và công nghệ mới để nâng cao trải nghiệm khách hàng, đồng thời tăng cường kiểm soát rủi ro.

Định hướng hoạt động, chương trình hành động của HĐQT trong năm 2026

a. Định hướng chung của HĐQT trong năm 2026

- Trong năm 2026, HĐQT định hướng hoạt động của SeABank theo 6 trọng tâm chiến lược:

1 Tuân thủ pháp luật - Minh bạch - Trách nhiệm giải trình

Bảo đảm chấp hành nghiêm các quy định của NHNN; nâng cao chất lượng công bố thông tin và truyền thông chính sách; củng cố niềm tin của thị trường và các bên liên quan.

2 Dẫn dắt chiến lược - Phân bổ nguồn lực hiệu quả

Giám sát chặt chẽ việc xây dựng và thực thi kế hoạch kinh doanh, ngân sách; đảm bảo các quyết định chiến lược phù hợp với điều hành CSTT, năng lực tài chính và quản trị rủi ro của Ngân hàng.

3 Củng cố nền tảng vốn và năng lực tài chính

Định hướng tăng vốn điều lệ và nâng cao hệ số an toàn vốn, tạo dư địa cho tăng trưởng bền vững và khả năng chống chịu trước biến động kinh tế.

4 **Tín dụng bền vững - Quản trị rủi ro chặt chẽ**	Thực hiện tăng trưởng tín dụng có kiểm soát; ưu tiên lĩnh vực sản xuất - kinh doanh và động lực tăng trưởng của nền kinh tế; kiểm soát chặt các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; nâng cao chất lượng tài sản và kiểm soát nợ xấu.
Đẩy mạnh ngân hàng số và hiện đại hóa dịch vụ; đồng thời tăng cường quản trị rủi ro công nghệ, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin và thanh toán.	**5** Chuyển đổi số gắn với an toàn hệ thống
6 Tăng cường kiểm soát nội bộ và giám sát độc lập	Phát huy vai trò giám sát của HĐQT, Ban Kiểm soát và các đơn vị chức năng; nâng cao hiệu quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ nhằm phòng ngừa rủi ro và bảo đảm an toàn, hiệu quả hoạt động.

- Chỉ đạo/định hướng các Đơn vị giúp việc và TGĐ để triển khai công tác quản trị năm 2026, trong đó HĐQT xác định ESG là trọng tâm xuyên suốt: (i) Định lượng mục tiêu môi trường – xã hội, xây dựng KPIs về ESG minh bạch; (ii) Tích hợp ESG vào chiến lược kinh doanh và QTRR; (iii) Công bố thông tin theo các chuẩn quốc tế, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.
- Chỉ đạo và đồng hành cùng TGĐ tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ để áp dụng thành công chuẩn mực kiểm soát tuân thủ quốc tế COSO và xem xét việc công bố báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch và sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro theo quy định của pháp luật và các chuẩn mực quốc tế.
- Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch ngân sách năm 2026 bám sát các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng của Chính phủ, NHNN.
- Chỉ đạo việc tổng kết thực hiện giai đoạn 2021-2025 của các Phương án/Chiến lược/Đề án sau: (i) Cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 đã được NHNN chấp thuận, làm cơ sở để xây dựng Phương án cơ cấu lại cho giai đoạn tiếp theo (nếu có) theo yêu cầu của NHNN; (ii) Đề án phát triển Ngân hàng xanh tại Việt Nam theo Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 07/8/2018; (iii) Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự PTBV; (iv) Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến 2025 và định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1309/QĐ-NHNN; để làm cơ sở xây dựng Phương án/Chiến lược/Đề án/Kế hoạch hành động phù hợp cho giai đoạn tiếp theo của Ngân hàng.
- Chỉ đạo xây dựng Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp TCTD được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 143 Luật các TCTD 2024 và nâng cao năng lực ứng phó với các tình huống bất thường của Ngân hàng.
- Chỉ đạo việc kiểm soát tăng trưởng tín dụng hợp lý, bám sát mục tiêu tăng trưởng tín dụng phù hợp với chỉ tiêu được NHNN giao và định hướng nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng vào các lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

b. Chương trình hành động và kế hoạch năm 2026 của HĐQT

Để triển khai các định hướng chung trên, HĐQT đã thông qua chương trình hành động và kế hoạch năm 2026 của HĐQT theo Nghị quyết số 143/2026/NQ-HĐQT ngày 04/02/2026, cụ thể như sau:

STT	Thời gian	Chương trình hành động
1	**Tháng 1**	1. Thăm và làm việc tại một số ĐVKD tiêu biểu trong năm 2025 tại các địa phương trong cả nước từ ngày 12/01-14/01/2026. 2. Tham dự hội nghị tổng kết kinh doanh của Ngân hàng năm 2025 từ ngày 16/01 đến 18/01/2026 tại Hà Nội và Ninh Bình. 3. Tham dự hội nghị kick-off kinh doanh của Ngân hàng năm 2026 vào ngày 18/01/2026 tại Ninh Bình. 4. Họp HĐQT Quý IV/2025 vào ngày 15/01/2026 tại Hà Nội. 5. Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT, trong đó bao gồm nhưng không hạn chế: • Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. • Thông qua Báo cáo quản trị của Ngân hàng năm 2025. • Thông qua Báo cáo tài chính Quý IV/2025. • Thông qua kế hoạch ngân sách năm 2026 của Ngân hàng. 6. Thực hiện đánh giá hoạt động của HĐQT, của từng thành viên HĐQT trong năm 2025. Hoàn thành trước ngày 12/01/2026. 7. Hoạt động của các thành viên HĐQT: • Ông Fergus Macdonald Clark - thành viên độc lập, Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên của Ủy ban QLRR: tham dự phiên họp định kỳ 06 tháng đầu năm của UBQLRR ngày 14/01/2026. • Ông Mathew Nevil Welch – thành viên HĐQT, ông Matthew Sander Hosford – thành viên độc lập HĐQT kiêm thành viên Ủy ban Công nghệ: tham dự phiên họp định kỳ của Ủy ban Công nghệ ngày 15/01/2026. • Ông Mathew Nevil Welch - thành viên HĐQT kiêm thành viên Ủy ban Nhân sự: tham dự phiên họp của UBNS. • Các thành viên HĐQT tham gia công tác lễ tân, khánh tiết, tiếp đón và làm việc với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan theo phân công công việc của Chủ tịch/Phó Chủ tịch HĐQT, bao gồm nhưng không hạn chế: thăm và làm việc tại Công ty TNHH Kiểm toán PwC Việt Nam, tiếp xúc và gặp gỡ với Đoàn Thanh tra NHNN... • Tham dự khóa đào tạo về Thẻ điểm Quản trị Công ty do VIOD tổ chức ngày 23/01/2026.
2	**Tháng 2**	Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT (khi phát sinh).
3	**Tháng 3**	1. Lễ kỉ niệm thành lập 32 năm ngày thành lập Ngân hàng dự kiến ngày 24/03/2026. 2. Họp HĐQT Quý I/2026: dự kiến sau ngày kỉ niệm thành lập (ngày 25/03/2026).

STT	Thời gian	Chương trình hành động
		3. Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT, trong đó bao gồm nhưng không hạn chế: • Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 (muộn nhất là ngày 27/03/2026). • Thông qua Chương trình, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.
4	**Tháng 4**	1. Tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026: Trong tháng 4/2026. 2. Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT, trong đó bao gồm nhưng không hạn chế: • Thông qua Báo cáo thường niên năm 2025 của Ngân hàng. • Thông qua Báo cáo tài chính Quý I/2026.
5	**Tháng 5**	1. Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT (nếu phát sinh). 2. Tham gia Khóa đào tạo dành cho Chủ tịch HĐQT do VIOD tổ chức.
6	**Tháng 6**	Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT (nếu phát sinh).
7	**Tháng 7**	1. Họp sơ kết kinh doanh 06 tháng của Ngân hàng. 2. Họp HĐQT Quý II/2026: dự kiến trước khi họp Sơ kết kinh doanh 06 tháng (dự kiến Thứ 5, ngày 23/7/2026). 3. Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT, trong đó bao gồm nhưng không hạn chế: • Thông qua Báo cáo tài chính Quý II/2026. • Thông qua Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm 2026. 4. Hoạt động của các thành viên HĐQT: • Ông Fergus Macdonald Clark – thành viên độc lập, Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên của Ủy ban QLRR: tham dự phiên họp định kỳ 06 tháng cuối năm của UBQLRR. • Ông Mathew Nevil Welch – thành viên HĐQT, ông Matthew Sander Hosford – thành viên độc lập HĐQT kiêm thành viên Ủy ban Công nghệ: tham dự phiên họp định kỳ của Ủy ban Công nghệ. • Ông Mathew Nevil Welch – thành viên HĐQT kiêm thành viên Ủy ban Nhân sự: tham dự phiên họp của UBNS. • Các thành viên HĐQT tham gia công tác lễ tân, khánh tiết, tiếp đón và làm việc với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan theo phân công công việc của Chủ tịch/Phó Chủ tịch HĐQT.
8	**Tháng 8**	Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT (nếu phát sinh).
9	**Tháng 9**	1. Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT (nếu phát sinh). 2. Tham gia Khóa đào tạo chuyên sâu nâng cao năng lực cho thành viên HĐQT tại Thụy sỹ do VIOD tổ chức.
10	**Tháng 10**	1. Họp HĐQT Quý III/2026 (dự kiến Thứ 5, ngày 22/10/2026). 2. Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT, trong đó bao gồm nhưng không hạn chế: • Thông qua báo cáo tài chính Quý III/2026.
11	**Tháng 11**	Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT (nếu phát sinh).
12	**Tháng 12**	1. Họp HĐQT Quý IV/ 2026 (dự kiến Thứ 5, ngày 25/12/2026). 2. Thực hiện biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo thông báo của Văn phòng HĐQT, trong đó bao gồm nhưng không hạn chế: • Thông qua kế hoạch ngân sách năm 2027. • Thông qua chương trình hành động, kế hoạch họp HĐQT định kỳ năm 2027 của HĐQT. 3. Hoạt động của thành viên HĐQT và đội ngũ Quản trị Công ty: • Tham dự Diễn đàn Thường niên về Quản trị Công ty lần thứ 9.

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2026

Mục tiêu trọng tâm	Định hướng hoạt động năm 2026
Tăng trưởng tổng tài sản	**Tăng trưởng 10%** so với năm 2025
Tăng trưởng nguồn huy động	**Tăng trưởng 23%** so với năm 2025, gồm nguồn tiền gửi khách hàng, phát hành giấy tờ có giá, nguồn tổ chức/định chế tài chính
Tăng trưởng cấp tín dụng	**Tăng trưởng 17%**, điều chỉnh dựa trên room tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ
Lợi nhuận trước thuế	Đạt **7.068 tỷ đồng**
Lợi nhuận sau thuế	Đạt **5.655 tỷ đồng. Tăng trưởng 3%** so với năm 2025
ROE	Đạt **13%**
Tỷ lệ nợ xấu	Kiểm soát theo quy định **nhỏ hơn 3%**

3/ LAN TỎA BỀN VỮNG

QUẢN TRỊ CÔNG TY

QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI



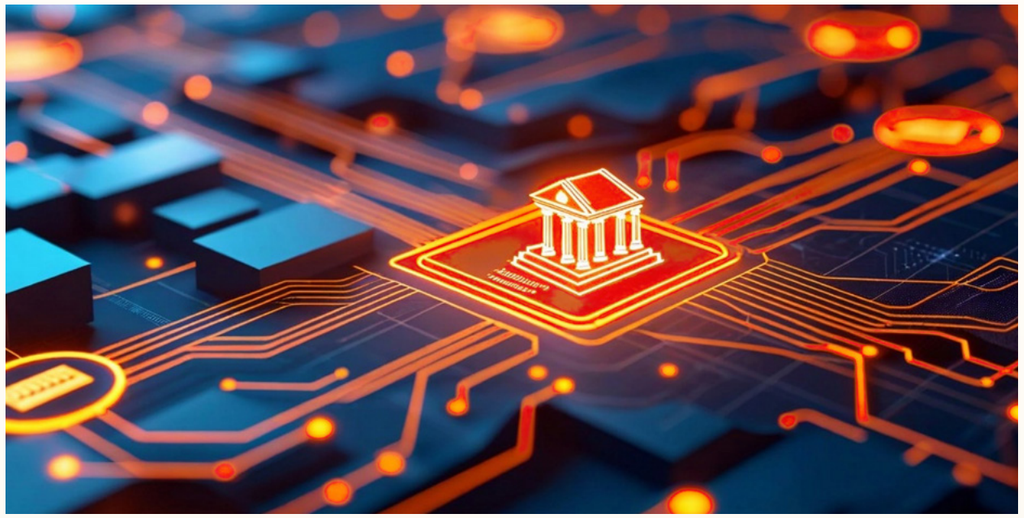
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

SeABank đã rà soát, đánh giá và đưa vào áp dụng các nguyên tắc Quản trị Công ty của SeABank theo các quy định của Luật các TCTD năm 2024; Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế khác; cùng các nguyên tắc quản trị công ty của Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam phiên bản năm 2019 (VNCG 2019) và năm 2026 (VNCG 2026), Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD và Bộ thẻ điểm quản trị công ty của ASEAN (ACGS).

Đồng thời, hoạt động quản trị công ty của Ngân hàng được rà soát và đánh giá một cách toàn diện, trên cơ sở tham chiếu và từng bước áp dụng các nguyên tắc, thông lệ quản trị tốt theo chuẩn mực quốc tế, phù hợp với yêu cầu của các đối tác tài chính phát triển như ma trận phát triển bền vững của Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), bộ tiêu chuẩn phát triển bền vững của DFC, Norfund và các tổ chức tài chính phát triển quốc tế khác, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường tính minh bạch và năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Việc áp dụng các chuẩn mực này là một phần trong cam kết dài hạn của Ngân hàng nhằm xây dựng nền tảng quản trị bền vững, minh bạch, có trách nhiệm, cụ thể:



Khung pháp lý về Quản trị Công ty được hoàn thiện

Khung pháp lý về Quản trị Công ty trong năm 2025 tiếp tục được hoàn thiện nhằm phù hợp với tình hình thực tế, quy định pháp luật mới ban hành và cập nhật các thông lệ, nguyên tắc về quản trị công ty tốt tại Việt Nam và quốc tế:

- Điều chỉnh Hệ thống quy định về quản trị công ty áp dụng cho Ngân hàng dựa trên Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn của NHNN có liên quan.
- Tiếp tục cải tổ cơ cấu nhân sự và kiện toàn các quy định liên quan đến hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT: sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của UBQLRR, UBNS; thay đổi thành viên của UBQLRR theo Quyết định số 1211/2025/QĐ-HĐQT, UBNS theo Quyết định số 520/2025/QĐ-HĐQT, Ủy ban công nghệ theo Quyết định số 495/2025/QĐ-HĐQT.
- Tiếp tục hoàn thiện Khung chiến lược PTBV và QTRR thông qua việc ban hành Chiến lược Phát triển bền vững tại SeABank theo Nghị quyết số 1496/2025/NQ-HĐQT; Chiến lược QTRR lãi suất trên sổ ngân hàng theo 1449/2025/QĐ-HĐQT; Chiến lược QTRR thị trường ban hành kèm theo Nghị quyết số 1412/2025/NQ-HĐQT; ban hành Chiến lược QTRR hoạt động theo Nghị quyết số 1336/2025/NQ-HĐQT; Quy định Chiến lược Quản lý rủi ro tín dụng theo Nghị quyết số 1299/2025/NQ-HĐQT; ban hành Khung trái phiếu xanh và Trái phiếu xanh bảo vệ biển và đại dương theo Nghị quyết số 1297/2025/NQ-HĐQT; Quy định Đánh giá và quản lý tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo Basel II 45/2025/NQ-HĐQT.
- Điều chỉnh phân công, phân quyền: Bổ sung phân công công việc đối với thành viên HĐQT mới được bầu trong năm 2025 (theo Quyết định số 452/2025/QĐ-HĐQT của HĐQT); rà soát và sửa đổi, bổ sung phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quyết định đối với TGĐ Lê Quốc Long theo Quyết định số 41/2025/QĐ-HĐQT, tạo cơ sở pháp lý để TGĐ điều chỉnh cơ chế phân công công việc, phân cấp thẩm quyền của các PTGĐ và các Giám đốc Khối nhằm nâng cao hiệu quả của công tác báo cáo, giám sát.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2025, HĐQT SeABank tiếp tục củng cố cơ cấu và phương thức hoạt động theo hướng phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung; Luật các TCTD năm 2024, VNCG 2019, OECD 2023 và các tiêu chí của ACGS, nhằm nâng cao tính độc lập, hiệu quả giám sát và trách nhiệm giải trình, cụ thể:

Củng cố tính độc lập - đa dạng của HĐQT

TỶ LỆ THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028, nâng tổng số thành viên độc lập lên ***03/08 (tương đương 37,5%)****, vượt yêu cầu tối thiểu của pháp luật và tiệm cận thông lệ tốt của OECD về tăng cường góc nhìn của HĐQT.

Thành viên độc lập HĐQT

Thành viên HĐQT

TỶ LỆ THÀNH VIÊN KHÔNG ĐIỀU HÀNH



HĐQT gồm 08 thành viên, trong đó ***100% là thành viên không điều hành***, đảm bảo sự phân định rõ ràng giữa chức năng quản trị và điều hành, qua đó giảm thiểu xung đột vai trò và tăng cường chất lượng giám sát BTGĐ.

Thành viên điều hành

Thành viên không điều hành

GIỚI TÍNH THÀNH VIÊN HĐQT



Đa dạng giới: HĐQT duy trì tỷ lệ nữ ***50% (04/08)***, phản ánh mức độ đa dạng giới vượt trội so với mặt bằng thị trường và phù hợp với khuyến nghị của OECD và tiêu chí HĐQT đa dạng của ACGS.

Nam

Nữ

** Ông Mathew Nevil Welch là thành viên độc lập HĐQT của Ngân hàng từ năm 2022 nên vẫn đủ điều kiện là thành viên độc lập HĐQT theo các tiêu chuẩn, điều kiện của Luật Doanh nghiệp 2020 và nguyên tắc quản trị công ty của VNCG 2026 và OECD; nâng tổng số thành viên độc lập HĐQT của SeABank lên 03/08 thành viên.*

ĐA DẠNG VỀ CHUYÊN MÔN, KINH NGHIỆM, ĐỘ TUỔI:

Thành viên HĐQT có nền tảng chuyên môn đa dạng về tài chính - ngân hàng, luật, QTRR, tài chính quốc tế và PTBV. Trong đó, nhiều thành viên có kinh nghiệm tại các tổ chức tài chính quốc tế và định chế toàn cầu, tiêu biểu:

- Bà Nguyễn Thị Nga và bà Khúc Thị Quỳnh Lâm với gần 30 năm kinh nghiệm, ông Mathew Nevil Welch với 40 năm kinh nghiệm, ông Fergus Macdonald Clark - thành viên độc lập với 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trên thị trường quốc tế và chuyên sâu trong lĩnh vực QTRR, Ngân hàng xanh, PTBV.
- Bà Trần Thị Thanh Thủy mới được bổ sung trong năm 2024 là một cá nhân giàu kinh nghiệm với gần 30 năm trong hoạt động bán lẻ của Ngân hàng và mối quan hệ sâu rộng cho sự phát triển bán lẻ của Ngân hàng.
- Ông Matthew Sander Hosford đã có hơn 35 kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt là tín dụng và tài chính dành cho doanh nghiệp tại các tổ chức tài chính quốc tế lớn như IFC.

Nâng cao hiệu quả hoạt động và cơ chế giám sát

- Rà soát, tinh chỉnh cơ cấu và chức năng của các Ủy ban trực thuộc HĐQT (UBQLRR, UBNS, UBCN) nhằm tăng cường giám sát chiến lược và QTRR, hỗ trợ HĐQT thực hiện hiệu quả trách nhiệm theo tiêu chí "Responsibilities of the Board" của ACGS:
  - » Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của UBQLRR, UBNS;
  - » Thay đổi thành viên của các Ủy ban: UBQLRR theo Quyết định số 1211/2025/QĐ-HĐQT, UBNS theo Quyết định số 520/2025/QĐ-HĐQT, Ủy ban công nghệ theo Quyết định số 495/2025/QĐ-HĐQT.
- Duy trì cơ chế họp định kỳ và đột xuất với báo cáo chuyên đề về kinh doanh, rủi ro, kiểm soát nội bộ, mức độ đủ vốn và ESG; đồng thời bảo đảm cơ chế tham vấn hai chiều giữa HĐQT và BTGĐ, tạo điều kiện cho việc giám sát hiệu quả và ra quyết định kịp thời. Chi tiết theo kết quả hoạt động của các Ủy ban và danh sách các quyết định, nghị quyết đã ban hành tại trang 200-205 của Báo cáo này.
- Giám sát hiệu quả hoạt động của BTGĐ thông qua:
  - » Cơ chế giám sát của quản lý cấp cao về kiểm soát nội bộ, QTRR, mức độ đủ vốn theo quy định của NHNN;
  - » Cơ chế báo cáo công việc, kế hoạch công việc định kỳ hàng tuần, tháng, quý;
  - » Họp giao ban và đánh giá hiệu quả công việc của BTGĐ định kỳ theo quy định của SeABank để làm cơ sở tăng lương, thưởng cho BTGĐ;
  - » Thông qua/phê duyệt/ban hành các nghị quyết/quyết định của HĐQT để BTGĐ triển khai thực hiện.

Đánh giá hiệu quả và trách nhiệm giải trình

- Thực hiện phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên theo Quyết định số 291/2023/QĐ-HĐQT ngày 16/5/2023, Quyết định số 307/2024/QĐ-HĐQT ngày 17/4/2024. Trong năm 2025, HĐQT đã bổ sung phân công công việc đối với ông Matthew Sander Hosford theo Quyết định số 452/2025/QĐ-HĐQT ngày 25/4/2025.
- Triển khai cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm đối với các thành viên HĐQT dựa trên các tiêu chí minh bạch (theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty do ĐHĐCĐ thông qua ngày 05/11/2024), kết quả đánh giá hiệu quả công việc chi tiết tại trang 120-123 và trang 197 của Báo cáo này.
- Các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm đối với các thành viên HĐQT bao gồm:
  - » Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được phân công, bao gồm: (i) mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả các công việc được phân công; (ii) sự phát triển, kết quả hoạt động của các đơn vị/dự án; (iii) kết quả chung của ngân hàng, có thể bao gồm các chỉ tiêu ESG.
  - » Phẩm chất đạo đức, lối sống, tư tưởng, tuân thủ và chấp hành Điều lệ, chủ trương, chính sách của SeABank, quy định của pháp luật.
  - » Tinh thần học tập, trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc.
  - » Kỹ năng quản lý, phong cách, thái độ làm việc.
  - » Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm của nhân viên.

- Tiếp tục tinh chỉnh và hoàn thiện hơn nữa cơ chế phối hợp hoạt động hiệu quả giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với BTGĐ: cơ chế giám sát của quản lý cấp cao đối với BTGĐ, cơ chế họp, báo cáo định kỳ, tham dự họp trực tiếp, có ý kiến tham vấn từ HĐQT tới BTGĐ thông qua nhiều hình thức khác nhau, đảm bảo thông tin, công việc được thông suốt, rõ ràng và minh bạch trong HĐQT cũng như từ HĐQT đến BTGĐ và Ban Điều hành của Ngân hàng.

Chi tiết theo Điều 44 và Điều 45 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty do ĐHĐCĐ thông qua ngày 05/11/2024 và các văn bản chỉ đạo của HĐQT trong năm 2025 (Chỉ thị số 313/2025/CT-HĐQT ngày 23/4/2025 về nâng cao công tác đối với các thành viên BTGĐ; Chỉ thị số 743/2025/CT-HĐQT ngày 01/7/2025 về triển khai các nội dung chỉ đạo của NHNN để đảm bảo an toàn hệ thống, Chỉ thị số 1111/2025/CT-HĐQT ngày 15/9/2025 về hoạt động cấp tín dụng...).

Thực thi hiệu quả công tác giám sát chiến lược

Định hướng chiến lược bền vững, tích hợp ESG vào hoạt động Ngân hàng

G Trụ cột Quản trị

Thành lập các đơn vị tham mưu chiến lược chuyên sâu	• Nhằm nâng cao hiệu quả của việc chiến lược, thực thi chiến lược ở cấp độ điều hành và triển khai chiến lược phát triển bền vững với 03 trụ cột ESG trên toàn hệ thống, trên cơ sở đề xuất của TGĐ, HĐQT thành lập mới Khối Chiến lược và Tài chính Quốc tế (theo Nghị quyết số 557/2025/NQ-HĐQT ngày 26/5/2025 và Quyết định số 558/2025/QĐ-HĐQT ngày 26/5/2025) với các nhiệm vụ chính là nghiên cứu, xây dựng chiến lược PTBV và đề xuất các giải pháp cụ thể để triển khai chiến lược PTBV trong hoạt động Ngân hàng. Đây là cơ quan tham mưu, giúp việc cho TGĐ trong công tác PTBV, đưa PTBV trở thành kim chỉ nam trong các chương trình, kế hoạch hành động của Ngân hàng, triển khai các Chiến lược và chỉ đạo của HĐQT. • HĐQT cũng đã có những chỉ đạo triển khai Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 (theo Chỉ thị số 622/2025/CT-HĐQT ngày 12/9/2025) và thành lập Ban Nghiên cứu Chỉ số chiến lược (theo Chỉ thị số 374/2025/CT-HĐQT ngày 10/4/2025) để tiếp tục nghiên cứu và đề xuất các chỉ số chiến lược phù hợp với Ngân hàng.
Tái cơ cấu các Khối kinh doanh	• Tái cơ cấu, tinh chỉnh các Khối Kinh doanh như Khối KHCN, KHDN, KHDNL nhằm đẩy mạnh hoạt động giám sát của Hội sở đối với hoạt động kinh doanh theo ngành dọc dựa trên phân khúc khách hàng, cụ thể: Khối KHCN chuyển đổi thành Khối KHCN và Khối Chuyển đổi Kinh doanh và Dịch vụ số KHCN; sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các Khối KHDN và KHDNL; tái cơ cấu Khối QTRR và Khối Pháp chế & Tuân thủ nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám sát, QTRR và tuân thủ theo phân khúc khách hàng.
Tiếp tục cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ	• Hệ thống hoạt động liên tục, hiệu quả, đảm bảo đầy đủ các tuyến phòng thủ, đồng thời (i) triển khai các tiêu chuẩn QTRR, tuân thủ hiệu quả, từ đó được Moody's duy trì xếp hạng Ba3 cho các danh mục quan trọng; (ii) triển khai các chuẩn mực quốc tế về hệ thống kiểm soát nội bộ COSO, báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS...; (iii) điều chỉnh phân công, phân cấp thẩm quyền cho các PTGĐ trong hệ thống, qua đó tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch, chặt chẽ đảm bảo sự phối hợp giữa các thành viên BTGĐ trong công tác điều hành, sự phối hợp giữa BTGĐ với các Khối, ĐVKD...

S Trụ cột Xã hội

- **Lấy khách hàng là trọng tâm:** Tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Hệ thống đo lường trải nghiệm khách hàng thông qua Callbot tiếp cận trung bình khoảng 50.000 khách hàng/tháng, ghi nhận CSAT đạt 95,02% và NPS đạt 56%. Ngân hàng đồng thời thực hiện chương trình Khách hàng bí mật, giám sát qua Camera, khảo sát khách hàng đa kênh, cùng 30 lớp đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng phục vụ cho CBNV. Bên cạnh đó, SeABank tiếp tục cá nhân hóa sản phẩm, phát triển chương trình khách hàng thân thiết SeALoyalty và xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng khép kín, góp phần mang đến trải nghiệm dịch vụ ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.

CSAT
95,02%

NPS
56%



- **Phát triển nguồn nhân lực:** Phát triển nguồn nhân lực mạnh về chất lượng và số lượng, môi trường làm việc tôn trọng, bình đẳng với chỉ số gắn kết và hài lòng cao (duy trì >90%), được bình chọn là "Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2025" trong 05 năm liên tiếp.
- **An sinh xã hội:** Duy trì hoạt động của các quỹ từ thiện nội bộ, tổ chức và tham gia hàng loạt hoạt động, đóng góp thúc đẩy nhiều lĩnh vực SDGs như y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo... với tổng ngân sách hơn 34 tỷ đồng.

E Trụ cột Môi trường

Ban hành Chiến lược phát triển bền vững của SeABank trong đó đề ra mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể về phát triển bền vững.

- **Quản lý rủi ro MTXH:** Nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro MTXH theo các chuẩn mực quốc tế, tích hợp đánh giá rủi ro chuỗi cung ứng và rủi ro vật chất liên quan đến biến đổi khí hậu. 100% các khoản tín dụng và đầu tư được sàng lọc, đánh giá rủi ro MTXH.
- **Tín dụng xanh và Trái phiếu xanh:** Tổng số dư nợ tín dụng xanh đạt 1.634,1 tỷ đồng, hướng tới mục tiêu nâng tỷ trọng tín dụng xanh trong tổng danh mục tín dụng lên 5% vào năm 2030. Trở thành một trong các Ngân hàng tư nhân đầu tiên tại Việt Nam ban hành Khung Trái phiếu Xanh tuân thủ các nguyên tắc của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA) và được S&P Global Ratings đánh giá đạt mức "Medium Green" – mức cao nhất tại Việt Nam, đặt nền móng cho việc phát hành trái phiếu xanh trong giai đoạn tiếp theo.
- **Tiếp tục triển khai chiến lược Hội tụ số:** Tiếp tục đầu tư các dự án số hóa để phục vụ tối đa nhu cầu của mọi phân khúc khách hàng theo hướng hiện đại, bảo mật và an toàn... Ứng dụng các công nghệ hiện đại nhằm giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động nội bộ như số hóa quy trình và phát triển ngân hàng không giấy tờ, hướng tới phát triển bền vững và hỗ trợ mục tiêu quốc gia đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.



Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong công bố thông tin

Chuẩn hóa công tác quản trị báo cáo	• Tiếp tục triển khai hệ thống Báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRS bên cạnh Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, nhằm tăng khả năng so sánh quốc tế, độ tin cậy và tính toàn vẹn của thông tin tài chính. Năm 2025, Ngân hàng tiếp tục lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 theo chuẩn mực quốc tế và từng bước hướng tới công bố rộng rãi theo lộ trình phù hợp. • Tuân thủ chế độ báo cáo đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý như: Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá kiểm soát nội bộ, Báo cáo đảm bảo có giới hạn đối với hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến lập và trình Báo cáo tài chính, đồng thời mở rộng áp dụng các khung báo cáo quản trị tiên tiến như: Basel III (QTRR), COSO (kiểm soát nội bộ), báo cáo quản trị môi trường – xã hội theo yêu cầu của các tổ chức tài chính quốc tế như IFC, Norfund, AIIB, DFC... và các chuẩn mực báo cáo quốc tế khác. Qua đó, củng cố tính nhất quán, độ tin cậy và tăng cường khả năng giám sát trong toàn hệ thống.
Tăng cường minh bạch và khả năng tiếp cận của hệ thống công bố thông tin	Hệ thống công bố thông tin được tái cấu trúc nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước, phù hợp với thông lệ tốt của OECD và tiêu chí 'disclosure' (công bố) của ACGS. Một số hoạt động tiêu biểu trong năm 2025 bao gồm: • Đưa vào vận hành website SeABank mới với giao diện UX/UI và phân luồng nội dung thân thiện với người dùng. Nội dung website đồng bộ song ngữ tiếng Anh - Việt, được rà soát thường xuyên, đảm bảo công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, minh bạch theo các khuyến nghị tốt của Việt Nam và quốc tế. • Duy trì cập nhật thường xuyên, liên tục làm mới nội dung và hình thức trên các kênh thông tin chính thức của như: Facebook, YouTube, Tiktok, Zalo... Qua đó, truyền thông kịp thời các thông tin trọng yếu tới khách hàng, đối tác và các bên liên quan.
Củng cố minh bạch với sự bảo đảm của bên thứ 3 độc lập	Hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng được kiểm toán độc lập định kỳ hằng năm để đảm bảo minh bạch. Năm 2025, SeABank thực hiện triển khai kiểm toán độc lập với Công ty TNHH PwC (Việt Nam). Kết quả kiểm toán là cơ sở để HĐQT đánh giá hiệu quả kiểm soát, từ đó cải tiến liên tục và bảo đảm tính đầy đủ của quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn, bao gồm các yếu tố văn hóa kiểm soát, nhận diện và đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, trao đổi thông tin và cơ chế giám sát.

Nâng cao vai trò giám sát của HĐQT đối với vấn đề môi trường - xã hội

Người phụ trách giám sát đối với các vấn đề môi trường – xã hội

Các thành viên HĐQT được phân công trực tiếp theo dõi, tham vấn và giám sát các nội dung liên quan đến ESG, biến đổi khí hậu và tín dụng xanh.







Hoạt động giám sát của HĐQT đối với các vấn đề môi trường – xã hội

Giám sát QLRR môi trường – xã hội thông qua UBQLRR: HĐQT thực hiện giám sát các vấn đề môi trường – xã hội thông qua UBQLRR. Ủy ban có sự tham gia của ông Fergus Macdonald Clark - thành viên độc lập người nước ngoài với hơn 28 năm kinh nghiệm trong QTRR ngân hàng, bao gồm QTRR tín dụng xanh và PTBV, qua đó tăng cường tính khách quan và góc nhìn độc lập đối với các rủi ro ESG.

Hoạt động tham mưu	Năm 2025, UBQLRR đã tham mưu cho HĐQT hoàn thiện khuôn khổ quản lý rủi ro môi trường – xã hội (ESMS), phát triển các chính sách và chương trình thúc đẩy tín dụng xanh, gắn với mục tiêu phát triển bền vững để ban hành/sửa đổi/bổ sung các Quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến quản lý rủi ro hoạt động của SeABank, bao gồm: • Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank; • Chiến lược Quản trị rủi ro hoạt động tại SeABank; • Chiến lược Quản lý rủi ro thị trường tại SeABank; • Chiến lược Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tại SeABank; • Chiến lược Phát triển bền vững tại SeABank; • Khẩu vị rủi ro tại SeABank 2026-2030; • Kế hoạch vốn và phân bổ vốn năm 2025.

Hoạt động báo cáo giám sát định kỳ	• Khối QTRR làm đầu mối thực hiện các báo cáo nội bộ về quản lý rủi ro và trình UBQLRR (thông qua Thư ký UBQLRR). Dựa trên báo cáo của Khối QTRR, UBQLRR có cơ sở thực hiện đánh giá, tham vấn cho HĐQT trong công tác QTRR của ngân hàng. • Các nội dung báo cáo triển khai trong năm 2025: Báo cáo về các rủi ro trọng yếu (rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thanh khoản); Báo cáo tỷ lệ an toàn vốn; Báo cáo công tác phòng chống rửa tiền, Báo cáo thực hiện Chiến lược Ngân hàng xanh – PTBV...

Giám sát QLRR môi trường - xã hội trong hoạt động tín dụng:

- Thực hiện đánh giá tác động môi trường – xã hội đối với dự án được tài trợ, bao gồm ảnh hưởng đến cộng đồng, di sản văn hóa, người lao động và nhóm yếu thế. Năm 2025, SeABank đã đánh giá và sàng lọc rủi ro đối với 100% hồ sơ tín dụng có liên quan. Cơ chế tiếp nhận và xử lý khiếu nại của cộng đồng được công khai và trong năm 2025 không ghi nhận khiếu nại liên quan.
- Theo dõi danh mục tín dụng theo mức độ rủi ro môi trường – xã hội và định hướng thiết lập giới hạn cấp tín dụng đối với các giao dịch rủi ro cao nhằm thúc đẩy cho vay có trách nhiệm, phù hợp với các mục tiêu bền vững dài hạn. Trong năm 2025, SeABank đã rà soát và ban hành lại Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank để chế chế hóa nội dung này.

Giám sát tuân thủ trên toàn hệ thống:

- Việc triển khai chiến lược phát triển bền vững theo ba trụ cột ESG được đánh giá định kỳ ở cấp HĐQT; các rủi ro môi trường – xã hội được giám sát xuyên suốt theo mô hình ba tuyến phòng thủ.
- Ngân hàng duy trì và cập nhật Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng toàn hệ thống nhằm thống nhất văn hóa liêm chính theo chiến lược bền vững, bao gồm:
  - » Chuẩn mực đạo đức áp dụng cho cho CBNV toàn hệ thống, BKS, kiểm toán nội bộ.
  - » Chuẩn mực ứng xử cho thành viên HĐQT (đang trong quá trình hoàn thiện).
  - » Việc tuân thủ các quy tắc được giám sát thông qua Khối QTRR, Pháp chế & Tuân thủ và Phòng Kiểm toán nội bộ theo cơ chế 03 tuyến phòng thủ. Chi tiết theo Quyết định số 144/2022/QĐ-HĐQT ngày 10/2/2022 của HĐQT và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cơ chế tố giác sai phạm (whistleblowing mechanism)

Được triển khai thông qua các kênh hotline và email chuyên trách. Quy trình thực hiện tố giác được thực hiện theo Quyết định số 144/2022/QĐ-HĐQT ngày 10/2/2022 của HĐQT và các văn bản hướng dẫn thi hành.



Tuân Thủ - Khối QTRR, Pháp chế & Tuân thủ

BRG Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 3944 8688 (ext: 8409)

Email: baocaosaipham@seabank.com.vn

CƠ CẤU TỔ CHỨC HĐQT VÀ CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC

Hội đồng Quản trị: Đa dạng - Hiệu quả - Tận tâm



HĐQT SeABank gồm 08 thành viên, phù hợp với quy mô hoạt động và yêu cầu quản trị của một ngân hàng TMCP. Cơ cấu HĐQT được thiết kế theo định hướng không điều hành, bảo đảm sự tách bạch rõ ràng giữa chức năng quản trị - điều hành, phù hợp với các nguyên tắc quản trị công ty tốt của OECD và tiêu chí "Trách nhiệm của HĐQT" trong ACGS. Trong đó, có 02/08 thành viên độc lập, đáp ứng yêu cầu của pháp luật chứng khoán hiện hành và tạo nền tảng cho việc tăng cường tính khách quan, độc lập trong giám sát và ra quyết định.

Với chiến lược PTBV và tiệm cận dần với xu hướng quốc tế hóa, HĐQT SeABank bám sát theo định hướng ***"Đa dạng - Hiệu quả - Tận tâm"***. Theo đó, HĐQT có cơ cấu đa dạng, đảm bảo hoạt động hiệu quả và với các thành viên đều tận tâm, có bề dày kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực chuyên môn, đặc biệt là ngân hàng - tài chính.

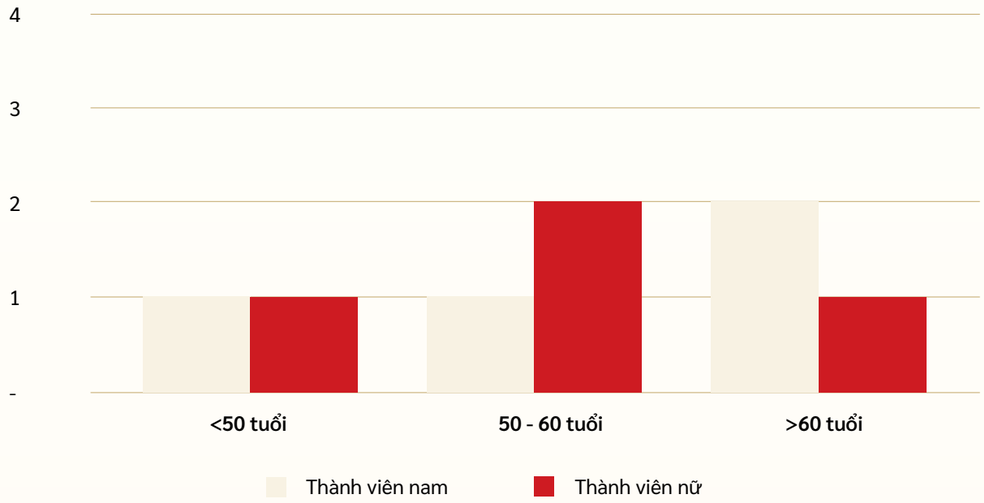
Đa dạng

Đa dạng giới và độ tuổi – điểm nổi bật so với thông lệ thị trường:

HĐQT SeABank có 04/08 thành viên là nữ (tương đương 50% số lượng thành viên), mức độ đa dạng giới vượt trội so với mặt bằng chung của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam và tiệm cận các thông lệ quốc tế về đa dạng hóa HĐQT theo khuyến nghị của OECD.

Về độ tuổi, HĐQT có sự kết hợp hài hòa giữa các thành viên có bề dày kinh nghiệm và các thành viên thuộc thế hệ lãnh đạo kế cận, giúp bảo đảm tính kế thừa, ổn định và khả năng thích ứng trong quản trị dài hạn.

CƠ CẤU GIỚI TÍNH, ĐỘ TUỔI CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT



Đa dạng về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm – nền tảng cho giám sát hiệu quả:

- Cơ cấu HĐQT SeABank thể hiện sự đa dạng và bổ trợ lẫn nhau về năng lực, với sự kết hợp đa dạng chuyên môn và kinh nghiệm, theo đó:

Lĩnh vực	Đánh giá cơ cấu thực tế tại SeABank
Quản trị doanh nghiệp và tài chính - ngân hàng	Nhiều thành viên có trên 20 hoặc trên 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng và quản trị doanh nghiệp.
QTRR và tài chính – ngân hàng	Có sự hiện diện của các thành viên có kinh nghiệm chuyên sâu trong QTRR, tài chính quốc tế và chính sách tài chính, đáp ứng yêu cầu giám sát an toàn hệ thống ngân hàng.
Pháp lý và quản trị công ty	Năng lực pháp lý và hiểu biết sâu về khung pháp luật trong nước và quốc tế, hỗ trợ hiệu quả cho công tác tuân thủ và quản trị giao dịch liên quan.
Kinh nghiệm quốc tế	Các thành viên độc lập và không điều hành có bề dày kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức tài chính quốc tế và thị trường nước ngoài, góp phần nâng cao chất lượng thảo luận chiến lược và tiệm cận thông lệ quốc tế.

- Ma trận năng lực của các thành viên HĐQT:

Họ tên	Chức danh	Lĩnh vực						
		Quản lý - Tài chính ngân hàng	Kế toán/kiểm toán	Bán lẻ	QTRR	Đầu tư	Nhân sự	Pháp chế
Ông Lê Văn Tần	Chủ tịch HĐQT/ Chủ tịch UBQLRR/ Phó Chủ tịch thường trực UBNS	x		x	x		x	
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT/Chủ tịch UBNS	x	x	x	x	x	x	
Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch HĐQT/ Phó Chủ tịch UBNS	x		x		x	x	
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch HĐQT/ Thành viên UBQLRR	x			x	x	x	x
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT/ Thành viên UBNS	x		x		x	x	
Ông Mathew Nevil Welch	Thành viên HĐQT	x			x	x		
Ông Fergus Macdonald Clark	Thành viên độc lập HĐQT	x			x	x		x
Ông Matthew Sander Hosford	Thành viên độc lập HĐQT	x				x		
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng BKS	x				x		
Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên BKS	x	x					
Ông Nguyễn Thành Luân	Thành viên BKS	x	x		x			
Ông Lương Duy Đông	Thành viên BKS	x	x					
Bà Vũ Thu Thủy	Thành viên BKS	x	x		x			

- Đánh giá ma trận năng lực của HĐQT:

Ma trận năng lực của HĐQT SeABank cho thấy mức độ bao phủ đầy đủ các lĩnh vực trọng yếu đối với một ngân hàng thương mại trong bối cảnh chuyển đổi số và PTBV. Việc duy trì tỷ lệ thành viên không điều hành cao, kết hợp với sự đa dạng về giới tính và kinh nghiệm quốc tế góp phần nâng cao chất lượng thảo luận, ra quyết định và giám sát độc lập của HĐQT.

Ma trận năng lực HĐQT (Board Skills Matrix – tổng hợp):

Nhóm năng lực/Kinh nghiệm	Mức độ hiện diện trong HĐQT
Quản trị ngân hàng & tài chính	Rất mạnh
Chiến lược & quản trị doanh nghiệp	Rất mạnh
Quản trị rủi ro & tuân thủ	Rất mạnh
Tài chính – kế toán – báo cáo	Mạnh
Thị trường vốn & huy động vốn	Mạnh
Công nghệ & chuyển đổi số	Mạnh
Nhân sự, đãi ngộ & kế thừa lãnh đạo	Mạnh
Pháp lý & quản trị công ty	Mạnh
Phát triển bền vững/ESG	Đang được tăng cường
Kinh nghiệm quốc tế	Có
Đa dạng giới	Rất mạnh

Đa dạng về quốc gia/vùng lãnh thổ:

HĐQT có 03/08 thành viên là người nước ngoài (Úc, Anh và Hoa Kỳ), đóng vai trò tham mưu và hỗ trợ HĐQT trong việc thực thi chiến lược PTBV với ba trụ cột ESG theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế:

- Đưa ra các góc nhìn đa chiều, tham mưu khi ra quyết định của HĐQT đối với các vấn đề về hợp tác quốc tế và nhà đầu tư quốc tế, giúp HĐQT có quyết định phù hợp hơn với bối cảnh của thị trường.
- Góp phần quảng bá hình ảnh SeABank trên thị trường quốc tế.
- Trong năm 2025, các thành viên nước ngoài đã có các chuyến công tác, làm việc cùng các nhà đầu tư nước ngoài: Ông Fergus Macdonald Clark đã có chuyến làm việc tại Pháp, Ông Matthew Sander Hosford đã thăm và làm việc với các nhà đầu tư nước ngoài tại Hà Lan.

Đánh giá điểm mạnh trong cơ cấu HĐQT:

- Một số thế mạnh nổi bật trong cơ cấu của HĐQT SeABank:
  - » 100% thành viên HĐQT không điều hành, bảo đảm vai trò giám sát độc lập;
  - » Duy trì tỷ lệ cân bằng nam - nữ, thể hiện cam kết rõ ràng về đa dạng hóa và bình đẳng giới, trao quyền cho nữ;
  - » Năng lực chuyên môn và kinh nghiệm đa dạng, bao phủ các lĩnh vực cốt lõi của ngân hàng; có thành viên độc lập và yếu tố quốc tế nhằm nâng cao chất lượng quản trị.
- Cơ cấu HĐQT SeABank năm 2025 được đánh giá là vững mạnh, cân bằng và tiệm cận các thông lệ quản trị công ty tốt trong khu vực, đặc biệt là tính đa dạng về giới, kinh nghiệm chuyên môn và tỷ lệ tuyệt đối thành viên không điều hành. Với việc tiếp tục nâng cao vai trò thành viên độc lập và tăng cường công bố theo hướng chất lượng, HĐQT SeABank có nền tảng thuận lợi để đáp ứng các tiêu chí chấm điểm ACGS, OECD và các chuẩn mực quản trị bền vững trong giai đoạn tới.

Hiệu quả

- Năm 2025, HĐQT SeABank thể hiện mức độ tham gia và giám sát rất cao, cơ cấu HĐQT có nhiều yếu tố tiệm cận thông lệ tốt (đặc biệt về tính không điều hành và đa dạng giới). Hệ thống Ủy ban trực thuộc HĐQT được kiện toàn theo hướng chuyên môn hóa, hỗ trợ rõ cho vai trò giám sát chiến lược - rủi ro - nhân sự - công nghệ.
- Hiệu quả hoạt động HĐQT qua họp/biểu quyết (Board Process):
  - » Tỷ lệ tham dự 100%: Tất cả thành viên có tỷ lệ tham dự 100% (tính trên số buổi họp/xin ý kiến), cho thấy kỷ luật họp và mức độ cam kết cao.
  - » Các trường hợp không tham gia biểu quyết khi có liên quan giao dịch được ghi nhận rõ, đảm bảo tránh xung đột lợi ích (theo OECD VI - integrity/COI; ACGS - RPT governance).

Tận tâm

Đa số các thành viên trong HĐQT đều có bề dày kinh nghiệm trong ngành ngân hàng và các lĩnh vực liên quan, có thâm niên cống hiến cho Ngân hàng, tiêu biểu là bà Nguyễn Thị Nga, ông Lê Văn Tần, bà Khúc Thị Quỳnh Lâm, bà Lê Thu Thủy... Sự hiểu biết sâu sắc về thị trường, biến động kinh tế và nội tại của Ngân hàng giúp HĐQT đưa ra những quyết định chính xác, đi đầu trong việc ứng dụng các giải pháp sáng tạo, hiện đại nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng.



Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị

Thành phần chi tiết của HĐQT SeABank tại thời điểm 31/12/2025 cụ thể như sau:

> *“ ĐA DẠNG - HIỆU QUẢ - TẬN TÂM ”*



ÔNG LÊ VĂN TẦN

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1970

Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Thạc sỹ quản trị kinh doanh - Trường Đại học Nam Columbia (Hoa Kỳ).
- 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị và ngân hàng, 32 năm kinh nghiệm bán lẻ.

Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Đại diện phần vốn góp của SeABank tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đức Thịnh
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:
  - » Số lượng cổ phiếu sở hữu: **11.575.697**
  - » Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0,407%**



BÀ LÊ THU THỦY

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1983

Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính, Ngân hàng - Quản trị kinh doanh - Đại học George Mason (Virginia, Hoa Kỳ).
- 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và ngân hàng.

Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Không có
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:
  - » Số lượng cổ phiếu sở hữu: **65.646.053**
  - » Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **2,307%**



BÀ NGUYỄN THỊ NGA

Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT

Năm sinh: 1955

Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và quản trị ngân hàng.

Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng Thành viên (HĐTV) - Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ
- Chủ tịch HĐQT - Tập đoàn BRG - Công ty Cổ phần (CTCP)
- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ - CTCP Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT - CTCP cho thuê máy bay Việt Nam
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:
  - » Số lượng cổ phiếu sở hữu: **120.083.628**
  - » Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **4,221%**



BÀ KHÚC THỊ QUỲNH LÂM

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973

Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội, Cử nhân Ngoại ngữ.
- 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng.

Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT - CTCP Vận tải và Thuê tàu
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Thăng Long GTC
- Chủ tịch HĐQT - CTCP Nông thủy sản Nghệ An
- Đại diện phần vốn góp của SeABank tại Công ty TNHH Đầu tư Tài chính và Thương mại Vạn Lộc
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:
  - » Số lượng cổ phiếu sở hữu: **11.418.606**
  - » Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0,401%**

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị *(tiếp)*



ÔNG MATHEW NEVIL WELCH (**)

THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1963

Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Kinh doanh Harvard (Hoa Kỳ).
- 41 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính quốc tế, 12 năm kinh nghiệm quản trị ngân hàng.

Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT - Asia Dorset Management Pte. Ltd.
- Giám đốc điều hành - Global Sage Executive Search.
- Đại diện phần vốn góp của CTCP ORG tại SeABank
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:
  - » Số lượng cổ phiếu sở hữu: **100.000**
  - » Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0,004%**



ÔNG FERGUS MACDONALD CLARK

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Năm sinh: 1976

Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Cử nhân Kinh doanh và Cử nhân Luật (Hạng Danh dự) - Đại học Công nghệ Sydney (Úc).
- Thạc sỹ Khoa học chuyên ngành Tài chính (Chính sách kinh tế) - Đại học Luân Đôn (Vương Quốc Anh).
- 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, chuyên sâu về QTRR, luật và tham gia cố vấn, chuyên gia cao cấp của các dự án tại nhiều tổ chức Việt Nam và Quốc tế, trong đó có trên 17 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính - ngân hàng.
- **Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:**
- Thành viên độc lập HĐQT (không điều hành) và Thành viên Ủy ban kiểm soát - Hiệp hội tín dụng Lewisham Plus
- Giám đốc - Kingfisher Advisory Limited
- Giám đốc Thị trường Tài chính - Financial Markets - GBRW Limited
- Đại diện phần vốn góp của CTCP Khách sạn du lịch Sông Nhuệ tại SeABank
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:
  - » Số lượng cổ phiếu sở hữu: **100.000**
  - » Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0,004%**



BÀ TRẦN THỊ THANH THỦY

THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh: 1965

Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Thạc sỹ kinh tế - Học viện Ngân hàng
- 37 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính - ngân hàng tại các tổ chức như Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á và đảm nhiệm một số chức vụ quan trọng như: Trưởng phòng Khách hàng đặc biệt, Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Khách hàng đặc biệt của Ngân hàng TMCP Ngoại thương. Tại SeABank, bà giữ chức vụ PTGĐ từ năm 2015-2024 và phụ trách công tác phát triển khách hàng ưu tiên.

Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Không có
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:
  - » Số lượng cổ phiếu sở hữu: **266.601**
  - » Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0,009%**



ÔNG MATTHEW SANDER HOSFORD

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Năm sinh: 1958

Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Kinh doanh Harvard (Hoa Kỳ); Cử nhân Khoa học – Đại học Brigham Young (Hoa Kỳ).
- Hơn 35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc rủi ro (CRO) Ngân hàng Santander Asia (Hồng Kông); chuyên gia ngân hàng cao cấp tại IFC (thành viên của Ngân hàng Thế giới).

Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Không có
- Cổ phiếu SeABank sở hữu:
  - » Số lượng cổ phiếu sở hữu: **0**
  - » Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu: **0%**

(*) Theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2025.

(**) Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019, được sửa đổi bổ sung năm 2024, ông Mathew Nevil Welch được xác định là thành viên độc lập HĐQT và tổng số thành viên độc lập của Ngân hàng là 03/08 thành viên.

Cơ cấu tổ chức các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

UBQLRR và UBNS trực thuộc HĐQT được thành lập vào năm 2010. Năm 2025, các Ủy ban này tiếp tục được kiện toàn về cơ cấu tổ chức và hoạt động, theo đó, cơ cấu thành viên theo quy định của pháp luật và thực tế hoạt động của SeABank, hướng đến các chuẩn mực, thông lệ, khuyến nghị về quản trị công ty tốt của các tổ chức quốc tế.

Tháng 10/2024, nhằm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số và phát triển công nghệ của Ngân hàng, HĐQT đã thành lập Ủy ban Công nghệ để tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác này.

Cụ thể cơ cấu các Ủy ban trực thuộc HĐQT như dưới đây.

**Chức năng nhiệm vụ và chi tiết hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT được trình bày tại trang 200-205 của Báo cáo này.*

Ủy ban Quản lý rủi ro ("UBQLRR")

Cơ cấu tổ chức của UBQLRR (thời điểm 31/12/2025):

TT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm/Chuyên môn
1	**Ông Lê Văn Tần**	Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch Ủy ban	• Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Trường Đại học Nam Columbia (Hoa Kỳ). • 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị và ngân hàng, 32 năm kinh nghiệm điều hành kinh doanh, bán lẻ...
2	**Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm**	Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên biểu quyết Ủy ban	• Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội; Cử nhân Ngoại ngữ. • 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng tại nhiều vị trí khác nhau như: Chánh Văn phòng HĐQT, PTGĐ, Phó Chủ tịch HĐQT; phụ trách các lĩnh vực chuyên môn như quản trị công ty, quản trị và phát triển nguồn nhân lực, đầu tư, QTRR...
3	**Ông Fergus Macdonald Clark**	Thành viên độc lập HĐQT - Thành viên biểu quyết Ủy ban	• Cử nhân Kinh doanh và Cử nhân Luật (Hạng Danh dự) - Đại học Công nghệ Sydney (Úc); Thạc sỹ Khoa học chuyên ngành Tài chính (Chính sách kinh tế) - Đại học Luân Đôn (Vương Quốc Anh). • 28 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, chuyên sâu về QTRR, luật và tham gia là cố vấn, chuyên gia cao cấp của nhiều dự án tại các tổ chức Việt Nam và quốc tế, trong đó có trên 17 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng.
4	**Ông Hồ Anh Vũ**	Chuyên gia Cao cấp Văn phòng HĐQT - Thành viên Ủy ban	• Cử nhân Quản trị Kinh doanh - Đại học Hà Nội. • 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, trong đó bao gồm kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte, Giám đốc Rủi ro của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam...
5	**Ông Lê Quốc Long**	TGĐ - Thành viên không biểu quyết Ủy ban	• Cử nhân Đại học kinh tế - Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội; Cử nhân Luật. • Hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tại các TCTD, trong đó gần 18 năm giữ chức vụ quan trọng tại SeABank như: PTGĐ, PTGĐ thường trực, Quyền TGĐ và TGĐ của SeABank; phụ trách nhiều lĩnh vực chuyên môn như tín dụng, bán lẻ, QTRR...
6	**Ông Nguyễn Tuấn Anh**	PTGĐ - Thành viên không biểu quyết Ủy ban	• Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Hawaii (Manoa, Hoa Kỳ). • Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng (ACCA); Kiểm toán viên Nội bộ được Chứng nhận (CIA) của Viện Kiểm toán viên Nội bộ và Kế toán Công chứng Hoa Kỳ và Việt Nam; 20 năm kinh nghiệm trong ngành kiểm toán, 6 năm kinh nghiệm về QTRR của SeABank.
7	**Ông Vũ Đình Khoán**	PTGĐ – Thành viên không biểu quyết của Ủy ban	• Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế). • 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, trong đó có 13 năm điều hành SeABank tại vị trí Giám đốc Khối Kiểm soát, Khối Hỗ trợ & Phát triển, PTGĐ.

Ủy ban Nhân sự ("UBNS")

Nhân sự của UBNS được kiện toàn theo HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 và TGĐ được bổ nhiệm. Toàn bộ các thành viên của UBNS có quyền biểu quyết đều là thành viên không điều hành, đảm bảo tính độc lập với Ban Điều hành của Ngân hàng, tiệm cận dần với các thông lệ tốt về quản trị của Việt Nam cũng như quốc tế.

Tại thời điểm 31/12/2025 thành viên của UBNS và quyền biểu quyết hiện nay bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm/Chuyên môn
1	**Bà Nguyễn Thị Nga**	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT - Chủ tịch Ủy ban	Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế Quốc dân), 31 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
2	**Ông Lê Văn Tần**	Chủ tịch HĐQT - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (Đại học Nam Columbia, Hoa Kỳ), 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị và ngân hàng.
3	**Bà Lê Thu Thủy**	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Chủ tịch Ủy ban	Cử nhân Tài chính, Ngân hàng - Quản trị kinh doanh (Đại học George Mason - Virginia, Hoa Kỳ), 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng
4	**Ông Mathew Nevil Welch**	Thành viên HĐQT - Thành viên Ủy ban	• Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Kinh doanh Harvard (Hoa Kỳ). • 41 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính quốc tế, 12 năm kinh nghiệm quản trị ngân hàng.
5	**Ông Lê Quốc Long**	TGĐ - Thành viên không biểu quyết Ủy ban	• Cử nhân Đại học kinh tế (Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội); Cử nhân Luật. • Hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tại các TCTD, trong đó gần 18 năm giữ chức vụ quan trọng tại SeABank như: PTGĐ, PTGĐ thường trực, Quyền TGĐ và TGĐ của SeABank; phụ trách nhiều lĩnh vực chuyên môn như tín dụng, bán lẻ, QTRR...
6	**Bà Bùi Thị Hải Yến**	Giám đốc Khối QT&PTNNL - Thành viên không biểu quyết Ủy ban	Cử nhân Tài chính kế toán (Đại học Thương mại) và Cử nhân tiếng Nga (Đại học Ngoại ngữ Hà Nội), 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nhân sự, trong đó 12 năm trong lĩnh vực ngân hàng.

Ủy ban Công nghệ ("UBCN")

UBCN, được thành lập tháng 08/2024, trực thuộc HĐQT SeABank, là cơ quan tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT liên quan đến các vấn đề về công nghệ, ngân hàng số của Ngân hàng và thực hiện một số nhiệm vụ khác do HĐQT phân công (nếu có).

UBCN có tối thiểu 03 thành viên biểu quyết bao gồm Chủ tịch Ủy ban và các thành viên khác. Tại thời điểm 31/12/2025, danh sách thành viên cụ thể bao gồm:

TT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm/Chuyên môn
1.	**Bà Lê Thu Thủy**	Phó Chủ tịch HĐQT – Chủ tịch Ủy ban	Cử nhân Tài chính, Ngân hàng - Quản trị kinh doanh (Đại học George Mason - Virginia, Hoa Kỳ), 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng.
2.	**Bà Trần Thị Thanh Thủy**	Thành viên HĐQT – Thành viên Ủy ban	Thạc sỹ kinh tế (Học viện Ngân hàng), có 37 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính - ngân hàng tại các tổ chức như Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
3.	**Ông Mathew Nevil Welch**	Thành viên HĐQT, thành viên không điều hành - Thành viên Ủy ban	• Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Kinh doanh Harvard (Hoa Kỳ). • 41 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính quốc tế, 11 năm kinh nghiệm quản trị ngân hàng
4.	**Ông Matthew Sander Hosford**	Thành viên độc lập HĐQT, thành viên không điều hành - Thành viên Ủy ban	• Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (Trường Kinh doanh Harvard, Hoa Kỳ); Cử nhân Khoa học (Đại học Brigham Young, Hoa Kỳ). • Hơn 35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, từng giữ chức vụ TGĐ Ngân hàng Santander (Hồng Kông); chuyên gia ngân hàng cao cấp tại IFC (thành viên của Ngân hàng Thế giới).
5	**Ông Lê Quốc Long**	TGĐ - Thành viên không biểu quyết Ủy ban	• Cử nhân Đại học kinh tế (Đại học Tài chính - Kế toán Hà Nội); Cử nhân Luật. • Hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tại các TCTD, trong đó gần 18 năm giữ chức vụ quan trọng tại SeABank như: PTGĐ, PTGĐ thường trực, Quyền TGĐ và TGĐ của SeABank; phụ trách nhiều lĩnh vực chuyên môn như tín dụng, bán lẻ, QTRR...

TT	Họ và tên	Chức danh	Kinh nghiệm/Chuyên môn
6	**Ông Nguyễn Tuấn Cường**	PTGĐ - Thành viên không biểu quyết Ủy ban	• Kỹ sư Công nghệ thông tin (Đại học Bách khoa Vienna, Cộng hòa Áo). • Gần 20 đóng góp cho sự phát triển công nghệ mạnh mẽ của SeABank, giữ các vị trí quan trọng tại Khối CNNHS. Trước đó, ông đã có thời gian dài làm việc tại Cộng hòa Áo với các vị trí chuyên môn như: Lập trình viên, Quản trị mạng.
7	**Bà Nguyễn Thị Thu Hương**	PTGĐ - Thành viên không biểu quyết Ủy ban	• Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế). • Gần 30 năm kinh nghiệm về Tài chính - Ngân hàng, trong đó 18 năm giữ các vị trí quan trọng tại SeABank như: Kế toán trưởng, Trưởng phòng KTNB, Giám đốc Khối Kế toán, PTGĐ.
8	**Ông Nguyễn Tuấn Anh**	PTGĐ – thành viên không biểu quyết, thư ký ủy ban	• Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Hawaii (Manoa, Hoa Kỳ). • Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng (ACCA); Kiểm toán viên Nội bộ được Chứng nhận (CIA) của Viện Kiểm toán viên Nội bộ và Kế toán Công chứng Hoa Kỳ và Việt Nam; 20 năm kinh nghiệm trong ngành kiểm toán, 6 năm kinh nghiệm về QTRR của SeABank.

Đề cử và lựa chọn quản lý cấp cao

Đối với việc đề cử và lựa chọn thành viên Hội đồng Quản trị:



(Quy trình chi tiết được thực hiện theo Điều lệ, Quy định nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT)

Bước 1: Xác định cơ cấu, số lượng, tiêu chí, hồ sơ ứng viên kỳ vọng

ĐHĐCĐ của Ngân hàng đã thiết lập các mục đích, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển cho Ngân hàng, trong đó bao gồm cả chiến lược về nhân sự. Với những định hướng, chiến lược phát triển của Ngân hàng, HĐQT và UBNS đánh giá về tính hợp lý của quy mô, cơ cấu và thành phần của HĐQT cũng như các Ủy ban trực thuộc HĐQT với quy định của pháp luật, của SeABank, các nguyên tắc, thông lệ tốt về quản trị trong nước và quốc tế nhằm đảm bảo tính đa dạng về cơ cấu giới, chuyên môn, kỹ năng và văn hóa của HĐQT Ngân hàng; đánh giá về tính phù hợp, chất lượng, năng lực và hiệu quả, nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT hiện tại.



Theo đó, các nguyên tắc cơ bản để đánh giá HĐQT hiện tại như sau:

- **Tính đa dạng:** Là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả hoạt động của HĐQT vì cho phép HĐQT tận dụng được lợi thế của các quan điểm khác nhau để ra quyết định có cơ sở vững chắc và đáng tin cậy hơn. SeABank đã xác định rõ các đối tượng có thể đề cử như: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn/chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, vị trí, văn hóa (nguồn gốc quốc gia, vùng miền) và nhiệm kỳ, hành vi trong các lĩnh vực khác nhau. Việc có thành viên đến từ các lĩnh vực khác nhau, có nhiều kinh nghiệm và quan điểm khác nhau sẽ giúp cho quá trình đưa ra quyết định trở nên chính xác và bao quát hơn. Việc đa dạng hóa giới tính trong HĐQT giúp đảm bảo sự đa dạng và khách quan trong quá trình ra quyết định. Sự hiện diện của nữ giới trong HĐQT giúp đưa ra góc nhìn khác nhau và phong phú hơn trong quá trình quản lý và điều hành tổ chức. Đồng thời, SeABank cũng tạo điều kiện cho các ứng viên trẻ tuổi - những người có tiềm năng, đam mê và có thể đem lại giá trị gia tăng cho Ngân hàng.
- **Tính độc lập:** Là yếu tố quan trọng trong việc đưa ra quyết định chính xác và minh bạch. Các thành viên HĐQT độc lập sẽ không bị ảnh hưởng bởi những lợi ích cá nhân hoặc tập thể, và sẽ có thể tập trung đưa ra quyết định vì lợi ích chung của Ngân hàng và các bên liên quan.
- **Tính đổi mới và liên tục:** Là yếu tố giúp HĐQT PTBV. Tính liên tục cho phép các thành viên HĐQT có thể được bầu lại để đảm bảo trong cơ cấu của HĐQT có những thành viên gắn bó, tận tâm, hiểu về hệ thống, lịch sử và văn hóa của SeABank. Tính đổi mới đòi hỏi các thành viên HĐQT hiện tại phải không ngừng học hỏi, bổ sung kĩ năng, chuyên môn để đáp ứng nhu cầu thực tế của Ngân hàng cũng như mở rộng cơ hội cho các nhân tố mới tham gia HĐQT, có thể đóng góp những góc nhìn, quan điểm mới để HĐQT có thể quyết định bao trùm, hợp lý, hiệu quả.
- **Tính phù hợp:** Các thành viên HĐQT cần có năng lực, trình độ, chuyên môn, kinh nghiệm (i) đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các TCTD năm 2024, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các quy định của pháp luật có liên quan; (ii) phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện theo thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam và yêu cầu của các đối tác là tổ chức quốc tế của Ngân hàng; (iii) phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng giai đoạn, và hiện tại giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

là PTBV dựa trên 03 trụ cột ESG, phát triển thành Ngân hàng Xanh theo định hướng, chiến lược phát triển của ngành Ngân hàng; (iv) đáp ứng yêu cầu của các lĩnh vực liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Trong giai đoạn chiến lược quốc tế hóa và triển khai các thông lệ tốt về quản trị công ty quốc tế và PTBV, SeABank ưu tiên lựa chọn các ứng viên có kinh nghiệm ngân hàng quốc tế và quản trị công ty MTXH nói riêng, về PTBV nói chung. Hiện nay, HĐQT SeABank đã có 02 thành viên HĐQT là người nước ngoài đáp ứng tiêu chí này và dự kiến tiếp tục tăng số lượng trong thời gian tới nhằm triển khai mạnh mẽ hơn nữa chiến lược PTBV dựa trên 03 trụ cột ESG của Ngân hàng.



Trường hợp sau khi đánh giá và thấy cần thiết phải bầu bổ sung thành viên HĐQT để gia tăng quy mô, chất lượng, năng lực hoặc thay thế thành viên hiện hữu, HĐQT sẽ thông qua quy mô, cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và hướng dẫn trình tự thủ tục, hồ sơ đề cử, ứng cử cho từng nhiệm kỳ, từng trường hợp, để thông báo tới cổ đông để thực hiện quyền đề cử, ứng cử. Hồ sơ của ứng viên phải phù hợp với quy định của NHNN để trình NHNN chấp thuận.

Bước 2: Tìm kiếm ứng viên

Cổ đông/nhóm cổ đông sẽ tìm kiếm ứng viên từ nguồn thông tin nội bộ của Ngân hàng hoặc từ bên thứ ba hoặc từ chính nội bộ của cổ đông. Cổ đông cá nhân có thể tự ứng cử nếu xét thấy mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng. Trường hợp cần thiết, cổ đông/nhóm cổ đông có thể đề xuất với HĐQT hoặc UBNS giới thiệu ứng viên tiềm năng và phù hợp với các yếu tố trên. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử hoặc ứng cử không đủ số lượng cần thiết hoặc theo thông báo, HĐQT tiến hành đề cử theo quy định.

Việc đề cử, ứng cử được thực hiện theo trình tự, thủ tục và chuẩn bị hồ sơ ứng cử theo thông báo của HĐQT và đảm bảo phù hợp với các quy định của SeABank.

Bước 3: Thẩm định và sàng lọc ứng viên

Hồ sơ đề cử các thành viên HĐQT sẽ được gửi về UBNS để tiến hành rà soát, sàng lọc về mặt hồ sơ đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để thông báo cho ứng cử viên bổ sung hồ sơ, làm rõ thông tin (nếu cần). UBNS xem xét, thẩm định từng ứng viên theo các tiêu chí về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ cụ thể; trong đó tập trung vào khả năng đóng góp của ứng viên khi được bầu, vị trí ứng viên đã từng đảm nhiệm tại những nơi khác (nếu có), tính độc lập, cam kết của ứng viên, việc đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật liên quan.

UBNS báo cáo kết quả tới HĐQT để HĐQT thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT theo quy định của NHNN.

Bước 4: HĐQT trình NHNN chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT

Dựa trên kết quả thẩm định đánh giá từng hồ sơ ứng viên theo đề xuất của UBNS, HĐQT thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu và chuẩn bị hồ sơ trình NHNN chấp thuận.

NHNN thẩm định và chấp thuận hồ sơ của các ứng viên theo quy định của pháp luật trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ngân hàng.

Bước 5: Thông báo danh sách và hồ sơ nhân sự ứng viên dự kiến bầu thành viên HĐQT để cổ đông biết và thẩm định

Trên cơ sở kết quả thẩm định và/hoặc kết quả chấp thuận từ NHNN, HĐQT công bố danh sách và hồ sơ nhân sự ứng viên dự kiến bầu thành viên HĐQT để cổ đông xem xét, thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện của từng cá nhân trước 10 ngày tối thiểu kể từ ngày dự kiến họp ĐHĐCĐ để bầu thành viên HĐQT.

Cổ đông có trách nhiệm theo dõi, cập nhật hồ sơ của các ứng viên để có thể có những đánh giá, thẩm định phù hợp khi bầu tại ĐHĐCĐ.

Bước 6: Tiến hành bầu cử thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ

Cổ đông tiến hành bầu cử thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ bằng phương pháp bầu dồn phiếu. Theo đó, tổng số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc theo Điều lệ Ngân hàng.

Kết quả bầu cử được thông qua ngay tại phiên họp ĐHĐCĐ và được thông báo đến NHNN trong vòng 10 ngày kể từ ngày có kết quả bầu cử theo mẫu Thông báo của NHNN.

Thành viên HĐQT mới nhận nhiệm vụ kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thông qua kết quả bầu cử và đảm bảo tuân thủ các quy định có liên quan.

Đối với việc đề cử, lựa chọn quản lý cấp cao như các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối/Phòng/Ban/Đơn vị kinh doanh

- HĐQT hoặc TGĐ ban hành các tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chí về trình độ, chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm và năng lực cá nhân cho từng vị trí trong đội ngũ quản lý cấp cao để làm cơ sở cho đội ngũ tuyển dụng của SeABank tìm kiếm các ứng viên phù hợp. Việc xây dựng các tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chí để tuyển dụng các quản lý cấp cao cũng dựa trên các nguyên tắc sau:
  - **Tính đa dạng:** Đa dạng về giới, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ quản lý cấp cao phù hợp và đảm bảo tính toàn diện cho các nghiệp vụ ngân hàng, tức là ngân hàng có các lĩnh vực hoạt động nào sẽ tuyển dụng các vị trí tương ứng với nghiệp vụ đó. Trong giai đoạn hiện tại, SeABank ưu tiên tuyển dụng nhân sự cho đội ngũ quản lý cấp cao trong các lĩnh vực công nghệ ngân hàng số, bán lẻ...
  - **Năng lực phù hợp:** Các quản lý cấp cao phải có năng lực phù hợp với nhu cầu thực tế của Ngân hàng, phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Ví dụ: đội ngũ nhân sự quản lý cấp cao giàu kinh nghiệm sẽ được ưu tiên tuyển dụng cho những lĩnh vực QTRR, tín dụng, kiểm soát tuân thủ...; đội ngũ nhân sự quản lý cấp cao được đào tạo bài bản, có tuổi đời trẻ sẵn sàng học hỏi sẽ được ưu tiên tuyển dụng cho các lĩnh vực bán lẻ, công nghệ ngân hàng số...
- Sau khi đội ngũ tuyển dụng tìm kiếm, các nhân sự quản lý cấp cao sẽ được đánh giá và tuyển dụng bởi TGĐ hoặc HĐQT, tùy vào vị trí được xem xét.
- Ngoài ra, việc đề cử và lựa chọn quản lý cấp cao còn được thực hiện thông qua nguồn nội bộ trong Ngân hàng. Trên cơ sở những tiêu chuẩn, điều kiện, tiêu chí cho từng chức danh, đội ngũ nhân sự kế cận sẽ được theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc từng năm và được bồi dưỡng, đào tạo kiến thức, kỹ năng về quản trị, quản lý, điều hành hàng năm thông qua các chương trình đào tạo của Ngân hàng. Trên cơ sở kết quả hiệu quả công việc, HĐQT hoặc TGĐ sẽ xem xét việc bổ nhiệm cho vị trí quản lý cấp cao.

Như vậy, việc đề cử, lựa chọn nhân sự quản lý cấp cao của SeABank được thực hiện bắt đầu từ chiến lược phát triển của Ngân hàng và từ nguồn nội bộ cũng như tuyển dụng bên ngoài nhằm đảm bảo tính đa dạng về giới, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ cũng như năng lực phù hợp với chiến lược phát triển trong từng thời kỳ của Ngân hàng.



CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

HĐQT cam kết mạnh mẽ với mục tiêu PTBV, đảm bảo hài hòa giữa hiệu quả kinh doanh, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. SeABank nhận thức việc PTBV không chỉ là một xu hướng tất yếu mà còn là chiến lược cốt lõi giúp ngân hàng nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo dựng giá trị lâu dài và đóng góp tích cực vào sự phát triển của chính Ngân hàng cũng như nền kinh tế và xã hội.

Theo đó, SeABank đã công bố bộ giá trị cốt lõi, xây dựng chiến lược và mục tiêu PTBV cụ thể cho từng trụ cột PTBV. Chi tiết theo nội dung tại Chiến lược và định hướng Phát triển bền vững, trang 38-39 của Báo cáo này.

Tình hình triển khai thực hiện các cam kết PTBV năm 2025

a. Thể chế hóa, xây dựng hành lang pháp lý và hệ thống quản trị liên quan đến PTBV của SeABank

Xây dựng chính sách tín dụng xanh - tín dụng có trách nhiệm	• Ban hành Chiến lược Phát triển bền vững của SeABank theo Quyết định số 1497/2025/QĐ-HĐQT trong đó đề ra mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể về PTBV như: tăng trưởng tín dụng xanh, tín dụng xã hội, giảm phát thải khí nhà kính, đóng góp các giá trị cho cộng đồng... • Ban hành Chương trình ưu đãi thúc đẩy tăng trưởng dành cho tín dụng xanh năm 2021 và 2023, tiếp tục triển khai trong năm 2024-2025. Qua đó, thúc đẩy tiếp cận khách hàng thuộc các ngành, lĩnh vực thân thiện với môi trường. • Ban hành Quy định chính sách cấp tín dụng xanh tại SeABank giai đoạn 2021-2025 kèm theo Quyết định số 5151/2021/QĐ-TGĐ ngày 13/04/2021. • Ban hành Danh sách loại trừ không cấp tín dụng cho các ngành nghề có tác động tiêu cực đến MTXH. Theo đó không cấp vốn cho các dự án gây nguy hại đến môi trường như: » Khai thác tài nguyên không bền vững, khai thác gỗ rừng nguyên sinh; » Sản xuất công nghiệp có năng lượng phát thải cao (ví dụ: ngành sản xuất dược phẩm, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, chất làm suy giảm tầng ô-zôn...); » Sản xuất vũ khí, đạn dược; » Sản xuất hoặc hoạt động có liên quan đến lao động trẻ em...
Xây dựng và cải tiến hệ thống quản lý rủi ro môi trường - xã hội (ESMS)	ESMS tại SeABank được thiết lập nhằm giảm thiểu rủi ro và tác động tiêu cực từ hoạt động Ngân hàng đến môi trường - xã hội, hướng đến tài chính bền vững và cam kết về biến đổi khí hậu. Theo đó, SeABank ban hành, cải tiến và cập nhật liên tục các quy định, hướng dẫn đối với ESMS tại SeABank: • 2021: Ban hành Quyết định 20365/2021/QĐ-TGĐ Quy định về hệ thống quản lý rủi ro môi trường - xã hội; • 2022: Ban hành Hướng dẫn đánh giá và thẩm định rủi ro môi trường - xã hội ban hành kèm theo Văn bản số 12668/2022/HD-TGĐ; • 2023: Tiếp tục sửa đổi, bổ sung Quy định về hệ thống quản lý rủi ro môi trường - xã hội kèm theo Quyết định số 318/2023/QĐ-TGĐ; • 2025: Cải tiến, nâng cấp ESMS tại Quyết định số 17593/2025/QĐ-TGĐ bổ sung thêm: yêu cầu về quản lý rủi ro liên quan chuỗi cung ứng; đánh giá rủi ro vật chất liên quan tới biến đổi khí hậu; mở rộng phạm vi áp dụng tiêu chuẩn đánh giá rủi ro MTXH theo các thông lệ quốc tế tiên tiến (tiêu chuẩn hoạt động của IFC, hướng dẫn EHS của nhóm Ngân hàng thế giới...) so với các quy định đã công bố.

Triển khai các chính sách giảm thiểu phát thải carbon trong vận hành	• Ban hành các quy định và tăng cường công tác giám sát theo quy định về sử dụng năng lượng, tài nguyên hiệu quả tại trụ sở làm việc: » Quy định về yêu cầu kỹ thuật của thiết bị điện cho việc lựa chọn, lắp đặt các trang thiết bị điện tại trụ sở làm việc; » Nội quy sử dụng điện và các trang thiết bị điện, quy định rõ về số giờ bật tắt các thiết bị điện; » Quy định nội bộ về sử dụng nước, giấy, phân loại rác... • Ứng dụng công nghệ số để tối ưu hóa quy trình và xanh hóa vận hành, áp dụng các phần phần mềm lưu trữ, luân chuyển giấy tờ và hồ sơ online như: SeAOffice, SeAPurchase... và chuyển đổi sử dụng hóa đơn, chứng từ điện tử nhằm giảm thiểu giấy, mực in.
Xây dựng văn hóa kinh doanh có đạo đức	• Ban hành **Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp** áp dụng cho CBNV trên toàn hệ thống để ngăn ngừa hành vi cạnh tranh không lành mạnh, tăng cường chất lượng dịch vụ. Một số quy tắc trọng tâm: » CBNV SeABank phải chủ động, tự giác tuân thủ các quy định của pháp luật, văn bản quy định nội bộ, chỉ đạo và hướng dẫn của Ngân hàng, xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, lành mạnh và bình đẳng. Theo đó, nghiêm cấm các hành vi bạo lực, hành vi quấy rối tình dục, quấy nhiễu, phân biệt chủng tộc, kỳ thị dân tộc, kỳ thị giới tính; sử dụng tiết kiệm điện, nước, thiết bị vật tư của Ngân hàng, tích cực bảo vệ môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp... » Hướng tới xây dựng môi trường kinh doanh đảm bảo công bằng, trung thực với khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, nhà phân phối, đối thủ cạnh tranh (được gọi chung là bên thứ ba) và CBNV. SeABank cung cấp quyền tiếp cận bình đẳng và công bằng đối với hàng hóa, dịch vụ sản phẩm, cơ sở vật chất, lợi ích dựa trên các tiêu chí khách quan; không phân biệt đối xử với bên thứ ba dựa trên màu da, tôn giáo, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, giới tính, xu hướng tính dục, bản dạng giới, tình trạng khuyết tật, tình trạng hôn nhân và tình trạng gia đình. » Thực thi trách nhiệm xã hội bám sát 17 mục tiêu SDGs của Liên Hợp Quốc thông qua hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ, các hoạt động an sinh – môi trường xã hội trong đa lĩnh vực: giáo dục; y tế & sức khỏe cộng đồng; xóa đói giảm nghèo; chống biến đổi khí hậu; giảm bất bình đẳng, trao quyền và cơ hội cho các nhóm đối tượng yếu thế... • Ban hành **Bộ Quy tắc ứng xử dành cho Nhà cung cấp** nhằm thiết lập các tiêu chuẩn và nguyên tắc mà các đối tác, nhà cung cấp cần tuân thủ khi hợp tác với SeABank, đảm bảo sự minh bạch, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động kinh doanh giữa SeABank và các đối tác. Đồng thời, hạn chế các tác động gián tiếp lên MTXH trong các hoạt động kinh doanh của SeABank. • Ban hành **Thỏa ước lao động tập thể** và **Nội quy lao động** của Ngân hàng nhằm thể chế hóa các quy định của Luật Lao động. Đồng thời, duy trì một số chính sách phúc lợi ở mức cao hơn so với quy định của pháp luật như: chính sách nghỉ phép năm cao hơn mức tiêu chuẩn của pháp luật mở rộng theo chức danh, thâm niên và cống hiến cho Ngân hàng; chính sách bảo hiểm sức khỏe cho CBNV và gia đình...

Tình hình triển khai thực hiện các cam kết PTBV năm 2025 *(tiếp)*

a. Thể chế hóa, xây dựng hành lang pháp lý và hệ thống quản trị liên quan đến PTBV của SeABank	
Xây dựng văn hóa kinh doanh có đạo đức *- tiếp -*	• Công bố thông tin trên website của Ngân hàng về nội dung chi tiết của **Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp** và **Sổ tay đạo đức nghề nghiệp** như một cam kết của Ngân hàng với các bên liên quan. • Công bố đầu mối liên hệ báo cáo sai phạm chi tiết trên website SeABank, theo đó: các hành vi có dấu hiệu vi phạm có thể được báo cáo trực tiếp, qua điện thoại hoặc email baocaosaipham@seabank.com.vn; hoặc qua văn bản tới Khối PC&TT, các Giám đốc Khu vực, Giám đốc Khối phụ trách đơn vị mà CBNV đó công tác; thành viên BTGĐ phụ trách Khối PC&TT, trưởng BKS hoặc trưởng phòng KTNB.
Xây dựng các chính sách PCRT	• Ban hành quy định về PCRT: quy định này đưa ra các biện pháp ngăn ngừa rủi ro rửa tiền tại SeABank một cách cụ thể, từ việc nhận biết khách hàng, các dấu hiệu phát hiện giao dịch đáng ngờ đến các biện pháp ứng xử tạm thời khi gặp trường hợp nghi ngờ giao dịch của khách hàng. • Đầu tư hệ thống PCRT: các giao dịch nếu có liên quan hoặc có dấu hiệu liên quan đến rửa tiền/giao dịch đáng ngờ đều được cảnh báo tự động trước khi thực hiện giao dịch (trước khi giao dịch được duyệt bởi cấp có thẩm quyền). • Tăng cường truyền thông, cập nhật các thông tin pháp lý, các thủ đoạn và cảnh báo mới về PCRT cho toàn bộ CBNV qua các bản tin pháp lý dưới dạng email gửi cho toàn hệ thống. • Đào tạo về PCRT: tổ chức các khóa đào tạo cho toàn bộ CBNV nhằm cập nhật các thay đổi về pháp luật liên quan đến PCRT, các thủ đoạn rửa tiền mới nhất tại Việt Nam và trên thế giới. Đảm bảo các CBNV mới gia nhập được đào tạo về PCRT trong vòng 02 tháng kể từ ngày gia nhập SeABank. • Thành lập Ban điều hành PCRT với người đứng đầu là PTGĐ phụ trách Khối PC&TT. Các thành viên bao gồm các PTGĐ, Giám đốc Khối của các Khối kinh doanh Hội sở và Giám đốc Khối Vận hành. Ban điều hành PCRT tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc tuân thủ trong mọi hoạt động Ngân hàng. • Ban hành các quy định về PCRT phù hợp với quy định của pháp luật và phê duyệt các giao dịch theo thẩm quyền. • Hoạt động PCRT được kiểm toán thường niên bởi Phòng KTNB của SeABank và được báo cáo trực tiếp về HĐQT.
Xây dựng và thực thi hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng (PCTN)	• Trên cơ sở thực tiễn hoạt động và nhằm mục tiêu xây dựng, thúc đẩy phát triển văn hóa tổ chức, trách nhiệm liêm chính, trung thực, trong sạch, SeABank đã ban hành Quyết định số 12664/2022/QĐ-TGĐ ngày 08/08/2022 quy định về PCTN, tiêu cực và tội phạm tại SeABank. Theo đó: » Chính sách đã đưa ra những nguyên tắc thực hiện và quy định về PCTN, tiêu cực và tội phạm tại SeABank trong toàn bộ hoạt động kinh doanh, giao dịch với khách hàng, đối tác bên ngoài (nhà cung cấp, nhà thầu hoặc bất cứ một cá nhân, tổ chức nào liên quan), các hoạt động khác thay mặt cho SeABank; đưa ra các yêu cầu về quy tắc ứng xử của CBNV, trách nhiệm của SeABank và các CBNV trong công tác PCTN, tiêu cực và tội phạm. » Chính sách đáp ứng các yêu cầu của các đối tác quốc tế như IFC, DFC, Moody's... liên quan đến các hành động về ESG. • Ban hành và công bố trên website SeABank Tuyên bố Chính sách Phòng chống tham nhũng và tiêu cực, cung cấp cho các đối tác, nhà thầu và nhà cung cấp những nguyên tắc thực hiện nhằm ngăn ngừa các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong quá trình hợp tác và cung cấp đầu mối liên hệ trong trường hợp đối tác, nhà thầu, nhà cung cấp muốn liên hệ và phản ánh sai phạm của CBNV Ngân hàng.
Xây dựng quy trình và tuân thủ công bố thông tin minh bạch	• Xác định tính minh bạch là yếu tố then chốt để phát triển doanh nghiệp bền vững, SeABank xây dựng quy trình và thực hiện công khai thông tin chung về quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động tín dụng. Đồng thời, SeABank đề nghị khách hàng tham gia đối thoại với các bên liên quan của họ, xác định và tương tác với các cộng đồng có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án/hoạt động kinh doanh của họ (công khai thông tin liên quan về dự án/hoạt động kinh doanh với cộng đồng và bên liên quan, tham khảo ý kiến của cộng đồng). • SeABank cam kết khắc phục/phối hợp khắc phục các tác động tiêu cực được xác định là do SeABank gây ra/góp phần gây ra (ảnh hưởng đến môi trường, xã hội - khách hàng, các bên liên quan khác, kinh tế - sự cố liên ngân hàng...) (nếu có). • Ban hành Quy trình nội bộ về công bố thông tin ra bên ngoài, đảm bảo thông tin được đăng tải chính xác, kịp thời trên đa kênh, đa ngôn ngữ, theo hướng dễ tiếp cận với các đối tượng khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư... • Cập nhật và tuân thủ công bố thông tin chính xác, phát hành các báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn theo yêu cầu và quy định của pháp luật hiện hành, theo thông lệ tốt quốc tế và khuyến nghị của các đối tác quốc tế.

b. Tích cực triển khai, thực thi các thể chế, chính sách nhằm hiện thực hóa các cam kết PTBV
• Tích cực đào tạo về các chính sách PTBV cho CBNV trên toàn hệ thống, truyền thông thông qua các bản tin của khối QTRR, các ấn phẩm khác có liên quan của Ngân hàng. • Triển khai hàng loạt hoạt động an sinh xã hội và hành động vì môi trường ý nghĩa với tổng ngân sách hơn 34 tỷ đồng: » Quỹ UMUM nhận đỡ đầu thêm 10 em học sinh, hoàn thành 100% mục tiêu nhận mới đỡ đầu năm 2025; hoàn thành mục tiêu nâng mức học bổng khuyến học lên 1.500.000 đồng/em/tháng vào Quý I/2025. » Trồng mới gần 671.000 cây xanh hỗ trợ phục hồi rừng và sinh kế sau bão cho người dân tỉnh Hà Tĩnh, hoàn thành sớm 3 năm và vượt mục tiêu trồng mới 1 triệu cây xanh trước năm 2030. » Bàn giao 856 căn nhà tình nghĩa cho người có hoàn cảnh khó khăn, vượt gấp 8,5 lần mục tiêu trao 100 căn nhà năm 2025. » Chủ động triển khai 100% theo kế hoạch các chương trình từ thiện - vì môi trường thường niên với tổng ngân sách hơn 5,1 tỷ đồng (tăng gần gấp 3 lần so với năm 2024), bao gồm: SeABankers vì trẻ thơ; Xuân yêu thương; Ngày của yêu thương – Day of Love 7/9; Tuần lễ công dân. » Ủng hộ gần 6,5 tỷ đồng ngoài ngân sách dự kiến nhằm hỗ trợ các tỉnh miền Bắc – miền Trung và Tây Nguyên chịu ảnh hưởng của loạt cơn bão. » Hoàn thành 100% các chương trình tài trợ từ thiện, an sinh xã hội (do các cơ quan, đối tác tổ chức) theo kế hoạch năm 2025 như: Quỹ học bổng Ngân hàng, Xóa nhà tạm nhà dột nát...

Tình hình triển khai thực hiện các cam kết PTBV năm 2025 *(tiếp)*

b. Tích cực triển khai, thực thi các thể chế, chính sách nhằm hiện thực hóa các cam kết PTBV (tiếp)

- Tăng cường tối ưu hóa, xanh hóa vận hành theo các chính sách, quy định nội bộ và đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn của Việt Nam:
  - » **Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng**: 100% hệ thống chiếu sáng chuyển đổi sang đèn LED; 100% thiết bị điều hòa không khí được chuyển đổi sang dùng Gas R32, R410A thân thiện với môi trường; 100% thiết bị có nhãn năng lượng có chỉ số CSPF>4 và được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ nhằm tối ưu hiệu suất...
  - » **Quản lý nước:** lượng nước bình quân đầu người tiêu thụ năm 2025 là 20,5 lít/người/ngày thấp hơn 32% so với định mức; nguồn nước sinh hoạt sạch theo chuẩn QCVN 01-1: 2018/BYT và 6-1:2010/BYT của Bộ Y tế; 100% nước thải được xử lý trước khi thải ra môi trường theo chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT của Bộ Tài nguyên & Môi trường...
  - » **Tòa nhà xanh:** áp dụng công nghệ quản lý tòa nhà thông minh đảm bảo tối ưu sử dụng tránh lãng phí (02 tòa văn phòng là Hội sở 198 Trần Quang Khải và trụ sở tại 16 Láng Hạ có chứng nhận công trình xanh theo chuẩn EDGE); ưu tiên các đồ dùng, văn phòng phẩm, vật liệu thân thiện với môi trường, có khả năng tái chế (100% sử dụng cây lọc nước, bình nước thủy tinh thay thế bình nhựa); 100% trụ sở trang bị máy lọc không khí, hệ thống thông gió và lọc khí tươi; trồng cây xanh trong văn phòng và tối ưu hóa việc sử dụng ánh sáng tự nhiên...
  - » **Chuỗi cung ứng bền vững:** ưu tiên hợp tác với các đối tác có cam kết bền vững, phù hợp với "Bộ Quy tắc ứng xử dành cho Nhà cung cấp" của SeABank, đảm bảo 100% chuỗi cung ứng không vi phạm các tiêu chuẩn về MTXH.
  - » **Lan tỏa lối sống xanh qua các hoạt động của Quỹ SeAGreen:** Ngày hội đổi rác nhận quà; chương trình dọn rác thải biển "Ocean Cleanup"; giảm phát thải carbon từ phương tiện giao thông SeAHero và SeAHero Kids...
- Công tác công bố thông tin: đảm bảo 100% tuân thủ công tác báo cáo và giải trình với các cơ quan nhà nước; phát hành độc lập Báo cáo Phát triển bền vững; nâng cao tính minh bạch thông qua áp dụng các chuẩn quốc tế trong nhiều lĩnh vực như: Basel III, ESG, COSO, IFRS...

Báo cáo, khiếu nại/thắc mắc liên quan đến chính sách môi trường - xã hội

Trong năm 2025, SeABank ***không nhận được bất cứ phản ánh tiêu cực nào của các bên liên quan*** (cộng đồng, khách hàng, người lao động...) đối với các hoạt động của SeABank cũng như các dự án/hoạt động của khách hàng mà SeABank tài trợ.

Báo cáo và xử lý sai phạm nội bộ về môi trường – xã hội



Việc khiếu nại/tố giác nội bộ tại SeABank áp dụng theo

Quy định số 12714/2022/QĐ-TGĐ ngày 09/08/2022 v/v Báo cáo và xử lý sai phạm nội bộ tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.



Bước 1: Báo cáo sai phạm

CBNV báo cáo sai phạm thông qua Đường dây nóng Tuân thủ, bao gồm số điện thoại/ email của Giám đốc Khối QTRR, PC&TT hoặc người được phân công/ủy quyền trong từng thời kỳ, hoặc gửi tới email: ***baocaosaipham@seabank.com.vn***.



Bước 2: Tiếp nhận & phân luồng xử lý

Đơn vị quản lý Đường dây nóng Tuân thủ hoặc Giám đốc Khối QTRR, PC&TT hoặc người được phân công/ủy quyền chuyển tiếp thông tin báo cáo/ tố giác tới các Đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và làm việc với CBNV liên quan để làm rõ các nội dung sai phạm (nếu có).



Bước 3: Kiểm tra xác minh & báo cáo

Đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, xác minh thực hiện báo cáo kết quả và đề xuất biện pháp khắc phục, hình thức xử lý sai phạm (nếu có) tới cấp có thẩm quyền để có các phương án xử lý kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.



Bước 4: Theo dõi & xử lý

Chuyển báo cáo kết quả xác minh tới Bộ phận CS&QT Tuân thủ - Khối QTRR, PC&TT và/ hoặc các Đơn vị liên quan để theo dõi và thực hiện các biện pháp xử lý theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Quy trình tiếp nhận ý kiến thắc mắc/khiếu nại từ khách hàng

Bước 1: Tiếp nhận

- SeABank tiếp nhận các ý kiến thắc mắc/khiếu nại (nếu có) liên quan đến chính sách MTXH của SeABank và/hoặc các dự án do SeABank tài trợ thông qua email: contact@seabank.com.vn hoặc hotline 1900555587.
- Trường hợp khách hàng gọi qua hotline và thắc mắc của khách hàng liên quan đến dự án/khách hàng do SeABank tài trợ, hotline SeABank đề nghị khách hàng cung cấp thắc mắc/khiếu nại bằng văn bản qua email.

Bước 2: Đánh giá, phân loại, xử lý & phản hồi khiếu nại

- Bộ phận Phát triển bền vững – Khối CL&TCQT là đầu mối thực hiện các đánh giá, phân loại nội dung khiếu nại hoặc truy vấn nhận được.
- Dựa trên đánh giá phân loại, khiếu nại được xử lý và phản hồi tới người gửi:

1 Trường hợp là yêu cầu làm rõ/đề nghị cung cấp thông tin

Bộ phận PTBV xử lý, cung cấp thông tin cho bộ phận quản lý hotline → Bộ phận quản lý hotline trả lời khách hàng dựa trên thông tin do Bộ phận PTBV cung cấp

2 Trường hợp là khiếu nại liên quan đến việc khách hàng vi phạm nghiêm trọng chính sách của SeABank

Bộ phận PTBV chuyển ý kiến khiếu nại đến đơn vị phụ trách khách hàng → Bộ phận PTBV phối hợp với đơn vị phụ trách khách hàng xác minh ý kiến khiếu nại thông qua (các) cuộc thảo luận với khách hàng và thực địa khách hàng.

- Yêu cầu khách hàng lập và thực hiện Kế hoạch hành động khắc phục bổ sung (nếu cần thiết), hỗ trợ khách hàng trong việc lên kế hoạch và theo dõi, đồng hành triển khai đúng quy định.

→ Bộ phận PTBV chuyển ý kiến khiếu nại đến đơn vị phụ trách khách hàng

3 Trường hợp người gửi khiếu nại yêu cầu ẩn danh

SeABank tiếp nhận, làm việc với khách hàng để lấy ý kiến phản hồi.

** Bộ phận PTBV chịu trách nhiệm theo dõi và duy trì nhật ký đầy đủ các khiếu nại đã nhận được cùng với ngày nhận, tính chất và mức độ nghiêm trọng của khiếu nại, bản tóm tắt và phản hồi được cung cấp.*

→ SeABank chuyển ý kiến phản hồi của khách hàng đến người gửi khiếu nại.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp, lấy ý kiến HĐQT năm 2025

Số lượng cuộc họp trong năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị SeABank đã tổ chức họp và/hoặc lấy ý kiến thành viên với tổng số 100 lần, bao gồm các phiên họp định kỳ, họp chuyên đề và lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định nội bộ. Cơ chế này nhằm bảo đảm các vấn đề trọng yếu được xem xét kịp thời, đúng thẩm quyền và phù hợp với mức độ rủi ro của từng quyết định.

04 phiên họp định kỳ

<100 phiên lấy ý kiến

Các nội dung được HĐQT xem xét, tập trung vào chiến lược, QTRR, an toàn vốn, huy động vốn, công nghệ, PTBV, nhân sự cấp cao và các vấn đề cần phê duyệt theo yêu cầu pháp lý. HĐQT đồng thời áp dụng nghiêm nguyên tắc quản trị xung đột lợi ích; các thành viên có liên quan không tham gia biểu quyết đối với các giao dịch liên quan.

HĐQT tiếp tục rà soát định kỳ cơ chế họp và phân cấp phê duyệt nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản trị, bảo đảm HĐQT tập trung vào các vấn đề chiến lược và giám sát trọng yếu, đồng thời nâng cao tính linh hoạt và tốc độ ra quyết định trong điều hành.

Kết quả của các cuộc họp:

Các cuộc họp tập trung vào quyết sách trọng yếu nhằm bảo đảm tăng trưởng an toàn, nâng cao năng lực cạnh tranh và củng cố nền tảng quản trị bền vững, phù hợp với các thông lệ quản trị công ty tốt của Việt Nam, ACGS và OECD. HĐQT đã xem xét quyết định 08 vấn đề trọng yếu, cụ thể:

- Chiến lược & cơ cấu tổ chức: Định hướng và phê duyệt các nội dung kiện toàn mô hình tổ chức, chức năng – nhiệm vụ của các khối/đơn vị trọng yếu nhằm triển khai hiệu quả chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- Quản trị rủi ro tổng thể: Ban hành và cập nhật các chiến lược, chính sách QTRR trọng yếu; giám sát khẩu vị rủi ro, hệ thống cảnh báo sớm và năng lực QTRR theo chuẩn mực quốc tế.
- An toàn vốn & quản trị vốn: Giám sát việc tuân thủ các tỷ lệ an toàn, phê duyệt kế hoạch vốn và phân bổ vốn; xem xét và thông qua các báo cáo tài chính định kỳ theo quy định pháp luật.
- Huy động vốn & thị trường vốn: Phê duyệt các phương án huy động vốn và giao dịch trên thị trường vốn nhằm đa dạng hóa nguồn vốn, tăng cường nguồn vốn trung – dài hạn và tối ưu cấu trúc tài chính.
- Công nghệ & chuyển đổi số: Thông qua các chương trình đầu tư công nghệ tập trung vào ổn định hệ thống, số hóa hành trình khách hàng, tối ưu vận hành và tăng cường nền tảng quản trị rủi ro – tuân thủ – dữ liệu (GRC).
- Phát triển bền vững & ESG: Giám sát việc tích hợp quản lý rủi ro môi trường – xã hội trong hoạt động tín dụng; xem xét và thông qua các khung/chính sách tài chính bền vững, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn.
- Nhân sự cấp cao & kế thừa lãnh đạo: Quyết định các vấn đề nhân sự thuộc thẩm quyền; giám sát công tác bổ nhiệm, kế thừa và chính sách đãi ngộ nhằm bảo đảm năng lực điều hành và tính bền vững của đội ngũ lãnh đạo.
- Quản trị giao dịch liên quan & minh bạch: Áp dụng nghiêm nguyên tắc quản trị xung đột lợi ích; thành viên có liên quan không tham gia biểu quyết, bảo đảm tính liêm chính và minh bạch trong ra quyết định.



Nội dung này đã được SeABank công bố tại Báo cáo nội bộ về tình hình quản trị công ty năm 2025 của Ngân hàng, cụ thể như sau:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	**1499/2025/QĐ-HĐQT**	31/12/2025	Bãi bỏ Quyết định số 616/2025/QĐ- HĐQT	100%
2	**1496/2025/NQ-HĐQT**	31/12/2025	Thông qua việc ban hành Quy định Chiến lược Phát triển bền vững tại SeABank	100%
3	**1488/2025/QĐ-HĐQT**	30/12/2025	Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về chế độ thù lao của HĐQT, BKS Ngân hàng TMCP Đông Nam Á số 246/2023/QĐ-HĐQT ngày 26/4/2023	100%
4	**1483/2025/NQ-HĐQT**	29/12/2025	Phê duyệt cấp hạn mức giao dịch khách hàng Định chế tài chính đợt 4 năm 2025	100%
5	**1461/2025/NQ-HĐQT**	19/12/2025	Phê duyệt giá thuê và các điều kiện thương mại khi thuê thêm diện tích để mở rộng Trung tâm KHDN tại Chi nhánh Đà Nẵng	100%
6	**1460/2025/NQ-HĐQT**	19/12/2025	Phê duyệt giá thuê và các điều kiện thương mại khi thuê thêm diện tích để mở rộng Trung tâm KHDN tại Chi nhánh Đống Đa	100%
7	**1449/2025/QĐ-HĐQT**	16/12/2025	Ban hành Chiến lược Quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng	100%
8	**1448/2025/NQ-HĐQT**	16/12/2025	Thông qua việc ban hành Chiến lược Quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng	100%
9	**1435/2025/QĐ-HĐQT**	12/12/2025	Ủy quyền cho Giám đốc Khối Vận hành tại SeABank	100%
10	**1412/2025/NQ-HĐQT**	08/12/2025	Thông qua việc ban hành Chiến lược Quản trị rủi ro thị trường	100%
11	**1369/2025/NQ-HĐQT**	25/11/2025	Phê duyệt phát hành trái phiếu riêng lẻ ra thị trường quốc tế cho Asian Infrastructure Investment Bank ("AIIB")	100%
12	**1368/2025/NQ-HĐQT**	25/11/2025	Phê duyệt phát hành trái phiếu riêng lẻ ra thị trường quốc tế cho International Finance Corporation ("IFC")	100%
13	**1356/2025/NQ-HĐQT**	21/11/2025	Phê duyệt việc cấp tín dụng theo sản phẩm SeAHome 1 đối với khách hàng Lê Ngọc Anh – Nguyễn Thị Thùy tại SeABank Âu Cơ – CN Tân Bình	100%
14	**1355/2025/NQ-HĐQT**	21/11/2025	Phê duyệt việc cấp tín dụng theo sản phẩm SeAHome 1 đối với khách hàng Nguyễn Đỗ Trung Tuyến – Nguyễn Thị Ngọc Hà tại SeABank Phú Mỹ Hưng	100%
15	**1342/2025/NQ-HĐQT**	19/11/2025	Thông qua bộ hồ sơ chào bán trái phiếu quốc tế	100%
16	**1341/2025/QĐ-HĐQT**	19/11/2025	Triển khai chào bán và điều khoản, điều kiện của trái phiếu quốc tế	100%
17	**1340/2025/NQ-HĐQT**	19/11/2025	Thông qua một số nội dung bổ sung của Phương án Phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế 2025	100%
18	**1336/2025/NQ-HĐQT**	18/11/2025	Thông qua ban hành Chiến lược Quản trị rủi ro hoạt động tại SeABank	100%
19	**1329/2025/NQ-HĐQT**	17/11/2025	Thông qua việc thuê địa điểm đặt trụ sở Chi nhánh Hà Đông	100%
20	**1326/2025/QĐ-HĐQT**	17/11/2025	Phê duyệt sửa đổi phát hành chứng chỉ tiền gửi (CCTG) lần 3 năm 2025	100%
21	**1299/2025/NQ-HĐQT**	07/11/2025	Ban hành Quy định Chiến lược Quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank	100%
22	**1298/2025/NQ-HĐQT**	07/11/2025	Phê duyệt Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ ra thị trường quốc tế năm 2025 và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ ra thị trường quốc tế năm 2025	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
23	**1297/2025/NQ-HĐQT**	07/11/2025	Phê duyệt Khung trái phiếu xanh và Trái phiếu xanh bảo vệ biển và đại dương	100%
24	**1279/2025/QĐ-HĐQT**	04/11/2025	Phương án nhân sự tại Chi nhánh SeABank Tiền Giang_Bổ nhiệm	100%
25	**1278/2025/QĐ-HĐQT**	04/11/2025	Phương án nhân sự tại Chi nhánh SeABank Tiền Giang_Miễn nhiệm	100%
26	**1277/2025/NQ-HĐQT**	04/11/2025	Phương án nhân sự tại Chi nhánh SeABank Tiền Giang	100%
27	**1266/2025/QĐ-HĐQT**	30/10/2025	Ủy quyền ký duyệt BCTC của SeABank	100%
28	**1264/2025/NQ-HĐQT**	30/10/2025	Thông qua việc phát hành BCTC Quý III/2025 và ủy quyền ký BCTC của SeABank	100%
29	**1257/2025/QĐ-HĐQT**	29/10/2025	Phê duyệt sửa đổi phương án phát hành CCTG của SeABank lần 3 năm 2025	100%
30	**1244/2025/NQ-HĐQT**	22/10/2025	Thông qua việc phát hành và thanh toán LC chuyển khẩu cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư CDH	100%
31	**1237/2025/NQ-HĐQT**	21/10/2025	Phương án nhân sự vị trí nhân sự tại chi nhánh Thủ Đức	100%
32	**1236/2025/NQ-HĐQT**	21/10/2025	Phương án nhân sự vị trí nhân sự tại chi nhánh Tân Bình	100%
33	**1231/2025/QĐ-CTHĐQT**	16/10/2025	Điều chỉnh điều kiện phê duyệt đối với việc phát hành bảo lãnh thanh toán của CTCP Phát triển TN	100%
34	**1226/2025/QĐ-HĐQT**	16/10/2025	Điều chỉnh điều kiện phê duyệt đối với việc phát hành bảo lãnh thanh toán của CTCP Phát triển TN	100%
35	**1224/2025/NQ-HĐQT**	16/10/2025	Thông qua việc triển khai Phương án tăng vốn điều lệ của SeABank	100%
36	**1219/2025/QĐ-CTHĐQT**	15/10/2025	Bổ sung ngoại lệ cho khoản bảo lãnh thanh toán cho CTCP triển TN	100%
37	**1218/2025/NQ-HĐQT**	15/10/2025	Phê duyệt việc phát hành bảo lãnh thanh toán cho CTCP phát triển TN	100%
38	**1211/2025/QD-HĐQT**	14/10/2025	Thành viên UBQLRR tại SeABank	100%
39	**1202/2025/NQ-HĐQT**	13/10/2025	Thông qua việc ban hành Quyết định chung về hoạt động cấp tín dụng tại SeABank	100%
40	**1201/2025/QĐ-HĐQT**	13/10/2025	Điều chỉnh điều kiện phê duyệt khoản bảo lãnh thanh toán của CTCP Đầu tư Phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội	100%
41	**1175/2025/QĐ-HĐQT**	06/10/2025	Cử Đoàn công tác làm việc tại Nhật Bản	100%
42	**1174/2025/QĐ-HĐQT**	06/10/2025	Chấm dứt hiệu lực thi hành đối với Quy định 555/2018/QĐ-HĐQT về Quy định tiền gửi tiết kiệm của SeABank & Quyết định số 616/2022/QĐ-HĐQT v/v sửa đổi Quy định tiền gửi tiết kiệm của SeABank	100%
43	**1162/2025/QĐ-HĐQT**	02/10/2025	Phương án sửa đổi phương án phát hành chứng chỉ tiền gửi SeABank lần 3 năm 2025	100%
44	**1158/2025/NQ-HĐQT**	01/10/2025	Thông qua việc phát hành và thanh toán LC chuyển khẩu theo món cho CTCP Thương mại và Đầu tư META	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
45	**1151/2025/QĐ-HĐQT**	30/09/2025	Ban hành cơ cấu tổ chức của Khối KHCN trực thuộc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	100%
46	**1150/2025/QĐ-HĐQT**	30/09/2025	Ban hành cơ cấu tổ chức của Khối Chuyển đổi kinh doanh và Dịch vụ số KHCN trực thuộc Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	100%
47	**1149/2025/NQ-HĐQT**	30/09/2025	Thông qua việc thành lập và ban hành cơ cấu tổ chức của Khối KHCN	100%
48	**1148/2025/NQ-HĐQT**	30/09/2025	Thông qua việc thành lập và ban hành cơ cấu tổ chức của Khối Chuyển đổi kinh doanh và Dịch vụ số KHCN	100%
49	**1145/2025/NQ-HĐQT**	30/09/2025	Phê duyệt việc phát hành bảo lãnh thanh toán đối với CTCP đầu tư phát triển Thành phố thông minh Bắc Hà Nội	100%
50	**1117/2025/NQ-HĐQT**	15/09/2025	Nghị quyết HĐQT Quý II/2025	100%
51	**1116/2025/QĐ-HĐQT**	15/09/2025	Giấy giới thiệu người đại diện SeABank làm việc với NHNN Khu vực 5	100%
52	**1115/2025/QĐ-HĐQT**	15/09/2025	Quyết định ủy quyền của Chủ tịch HĐQT cho Ông Hà Văn Mạnh - Giám đốc CN Thái Nguyên	100%
53	**1114/2025/QĐ-HĐQT**	15/09/2025	Ủy quyền ký kết các Hợp đồng, văn bản phát sinh liên quan đến công tác nhân sự đối với Bà Bùi Thị Hải Yến - Giám đốc Khối Quản trị và Phát triển nguồn nhân lực	100%
54	**1106/2025/QĐ-HĐQT**	11/09/2025	Danh sách cán bộ tham dự Lotusmiles Partnership Day do Vietnam Airlines tổ chức	100%
55	**1102/2025/QĐ-HĐQT**	10/09/2025	Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Lê Thu Thủy ký LOI với OPEC Fund	100%
56	**1101/2025/QĐ-HĐQT**	10/09/2025	Ủy quyền cho ông Nguyễn Tuấn Anh và/ hoặc ông Vo Long Nhi (Andrew Vo) ký LOI với OPEC Fund	100%
57	**1096/2025/NQ-HĐQT**	09/09/2025	Thông qua Cấu trúc thu nhập áp dụng đối với Giám đốc Chi nhánh kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm KHCN, Giám đốc Trung tâm KHDN	100%
58	**1086/2025/QĐ-HĐQT**	05/09/2025	Ủy quyền ký duyệt BCTC đã được soát xét Công ty kiểm toán kỳ kế toán 6 tháng kết thức ngày 30/06/2025	100%
59	**1081/2025/NQ-HĐQT**	04/09/2025	Thông qua BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2025	100%
60	**1072/2025/NQ-HĐQT**	03/09/2025	Thông qua việc cấp hạn mức giao dịch cho Khách hàng Định chế tài chính đợt 1 năm 2025	100%
61	**1058/2025/QĐ-HĐQT**	29/08/2025	Ông Vũ Đình Khoán - PTGĐ kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối QTRR, Pháp chế & Tuân thủ tiếp nhận ủy quyền để phê duyệt nội dung báo cáo, văn bản, cung cấp thông tin theo yêu cầu NHNN	100%
62	**1052/2025/NQ-HĐQT**	28/08/2025	Thông qua báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng số tiền thu được từ các đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ còn dư nợ tại ngày 30/6/2025	100%
63	**1046/2025/NQ-HĐQT**	26/08/2025	Thông qua một số vấn đề liên quan đến con dấu của Ngân hàng	100%
64	**1036/2025/QĐ-HĐQT**	20/08/2025	Áp dụng thù lao bổ sung đối với Ông Matthew Sander Hosford - Thành viên độc lập HĐQT	100%
65	**1035/2025/QĐ-HĐQT**	20/08/2025	Áp dụng thù lao bổ sung đối với Ông Mathew Nevil Welch - Thành viên HĐQT	100%
66	**1024/2025/QĐ-HĐQT**	15/08/2025	Quyết định cử cán bộ công tác tại Pháp	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
67	**1020/2025/NQ-HĐQT**	15/08/2025	Thông qua việc cấp hạn mức tín dụng cho CTCP Chứng khoán SSI	100%
68	**1015/2025/QĐ-HĐQT**	13/08/2025	Mua lại ESOP 2022, 2023	100%
69	**1014/2025/NQ-HĐQT**	13/08/2025	Thông qua phát hành CCTG lần 3 năm 2025	100%
70	**1006/2025/QĐ-HĐQT**	12/08/2025	Ủy quyền ký Biên bản làm việc với NHNN	100%
71	**1005/2025/QĐ-HĐQT**	12/08/2025	Cử đoàn cán bộ đi công tác tại Indonesia	100%
72	**1000/2025/NQ-HĐQT**	11/08/2025	Thông qua việc cấp bảo lãnh thanh toán cho SeABank AMC	100%
73	**997/2025/NQ-HĐQT**	11/08/2025	Thông qua việc ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán năm 2025 của Ngân hàng	100%
74	**994/2025/QĐ-HĐQT**	11/08/2025	Cử đoàn cán bộ đi công tác tại Hà Lan	100%
75	**995/2025/QĐ-HĐQT**	11/08/2025	Cử đoàn cán bộ đi công tác tại Pháp	100%
76	**993/2025/NQ-HĐQT**	08/08/2025	Thông qua việc phát hành và thanh toán LC chuyển khẩu cho CTCP Thương mại và Đầu tư CDH	100%
77	**985/2025/NQ-HĐQT**	06/08/2025	Thông qua việc cấp ngân sách đầu tư các hạng mục công nghệ năm 2025 của Khối KHCN, Khối QTRR PC&TT, Khối PDTD, Khối Vận hành, Học viện SeABank - Khối QT&PTNNL	100%
78	**956/2025/NQ-HĐQT**	30/07/2025	Thông qua Báo cáo tài chính Quý II/2025	100%
79	**943/2025/NQ-HĐQT**	29/07/2025	Thông qua việc phát hành và thanh toán LC chuyển khẩu cho CTCP Thương mại và Đầu tư META	100%
80	**939/2025/NQ-HĐQT**	28/07/2025	Thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
81	**938/2025/QĐ-HĐQT**	28/07/2025	Cử cán bộ tham dự Lễ trao giải TSCFP của ADB tổ chức tại Singapore	100%
82	**934/2025/QĐ-HĐQT**	25/07/2025	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Đồng Nai	100%
83	**933/2025/QĐ-HĐQT**	25/07/2025	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Đồng Nai	100%
84	**932/2025/NQ-HĐQT**	25/07/2025	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Đồng Nai	100%
85	**931/2025/NQ-HĐQT**	25/07/2025	Thông qua Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2024 theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế IFRS của Ngân hàng	100%
86	**930/2025/QĐ-HĐQT**	25/07/2025	Chấm dứt hiệu lực Quyết định số 635/2023 về Cơ cấu tổ chức của Khối Bán hàng & Dịch vụ	100%
87	**929/2025/QĐ-HĐQT**	25/07/2025	Điều chuyển Giám sát sau giải ngân, Khối Bán hàng & Dịch vụ về Khối Vận hành	100%
88	**928/2025/NQ-HĐQT**	25/07/2025	Chương trình Thi đua – Khen thưởng 06 tháng đầu năm 2025 cho các Đơn vị từ Quỹ Khen thưởng của Ngân hàng	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
89	**912/2025/QĐ-HĐQT**	21/07/2025	Cử cán bộ công tác tại Hà Lan	100%
90	**802/2025/NQ-HĐQT**	14/07/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ	100%
91	**801/2025/QĐ-HĐQT**	14/07/2025	Bãi bỏ Quyết định 983/2017/QĐ-HĐQT ngày 30/10/2017	100%
92	**791/2025/QĐ-HĐQT**	11/07/2025	Cơ cấu tổ chức của Khối QT&PTNNL	100%
93	**790/2025/NQ-HĐQT**	11/07/2025	Thông qua việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Khối QT&PTNNL	100%
94	**789/2025/QĐ-HĐQT**	11/07/2025	Cơ cấu tổ chức của Khối Đầu tư	100%
95	**788/2025/NQ-HĐQT**	11/07/2025	Thông qua việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Khối Đầu tư	100%
96	**781/2025/QĐ-HĐQT**	08/07/2025	Đổi tên và chuyển địa điểm trụ sở PGD Phố Huế	100%
97	**771/2025/QĐ-HĐQT**	04/07/2025	Thông báo v/v Thay đổi Người đứng đầu CN Bình Chánh	100%
98	**770/2025/NQ-HĐQT**	04/07/2025	Thông qua việc Điều chỉnh Dự án "Trung tâm CNC SeABank" tại Khu trung tâm CNC Hòa Lạc - km29 Đại lộ Thăng Long	100%
99	**752/2025/NQ-HĐQT**	02/07/2025	Bổ nhiệm nhân sự CN Bình Chánh	100%
100	**751/2025/NQ-HĐQT**	02/07/2025	Miễn nhiệm Giám đốc CN Bình Chánh	100%
101	**750/2025/NQ-HĐQT**	02/07/2025	Thông qua việc cấp tín dụng cho Công ty TNHH Thương mại quốc tế và dịch vụ siêu thị BigC Thăng Long tại Trung tâm KHDNL Miền Nam	100%
102	**746/2025/QĐ-HĐQT**	01/07/2025	Đổi tên và chuyển địa điểm trụ sở PGD Hồng Bàng thuộc CN Hải Phòng	100%
103	**742/2025/QĐ-HĐQT**	01/07/2025	Ủy quyền ký văn bản liên quan đến thủ tục đổi địa chỉ ĐVKD do sắp xếp đơn vị hành chính	100%
104	**741/2025/QĐ-HĐQT**	01/07/2025	Ủy quyền ký liên quan đến công tác nhân sự đối với Ông Nguyễn Hồng Quang	100%
105	**740/2025/QĐ-HĐQT**	01/07/2025	Ủy quyền ký liên quan đến công tác nhân sự đối với Bà Bùi Thị Hải Yến	100%
106	**739/2025/QĐ-HĐQT**	01/07/2025	Ủy quyền ký liên quan đến công tác nhân sự đối với Ông Mai Xuân Thành	100%
107	**732/2025/QĐ-HĐQT**	26/06/2025	Giao và ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Anh và Ông Vo Long Nhi trong việc ký kết thư ủy quyền thu xếp và các văn bản khác liên quan SMBC, DFIs	100%
108	**726/2025/QĐ-CTHĐQT**	26/06/2025	Giao và ủy quyền cho Bà Lê Thu Thủy trong việc đàm phán, quyết định và ký kết Thư ủy quyền thu xếp các văn bản liên quan SMBC, DFIs	100%
109	**721/2025/NQ-HĐQT**	25/06/2025	Thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc CN Long An	100%
110	**720/2025/NQ-HĐQT**	25/06/2025	Thông qua việc miễn nhiệm Giám đốc CN Long An	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
111	**712/2025/NQ-HĐQT**	23/06/2025	Thông qua việc cấp ngân sách đầu tư các hạng mục công nghệ năm 2025 của Khối CNNHS và Khối KHDN	100%
112	**709/2025/NQ-HĐQT**	20/06/2025	Thông qua việc phát hành và thanh toán LC chuyển khẩu theo món cho CTCP Thương mại và Đầu tư META tại SeABank Hà Nội	100%
113	**704/2025/NQ-HĐQT**	19/06/2025	Thông qua việc phát hành và thanh toán LC chuyển khẩu theo món cho CTCP Thương mại và Đầu tư META tại SeABank Hà Nội	100%
114	**688/2025/QĐ-HĐQT**	16/06/2025	Ông Hoàng Mạnh Phú kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty kiêm Người đại diện pháp luật SeABank AMC	100%
115	**687/2025/QĐ-HĐQT**	16/06/2025	Ông Vũ Đình Khoán thôi kiêm nhiệm chức vụ chủ tịch Công ty kiêm Người đại diện pháp luật SeABank AMC	100%
116	**678/2025/NQ-HĐQT**	12/06/2025	Bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự cấp cao tại SeABank	100%
117	**677/2025/NQ-HĐQT**	12/06/2025	Thông qua việc phát hành CCTG lần 2 năm 2025	100%
118	**652/2025/NQ-HĐQT**	09/06/2025	Bổ nhiệm Giám đốc CN Bình Phước	100%
119	**651/2025/NQ-HĐQT**	09/06/2025	Miễn nhiệm Giám đốc CN Bình Phước	100%
120	**636/2025/QĐ-HĐQT**	06/06/2025	Ban hành Điều lệ của SeABank	100%
121	**635/2025/QĐ-HĐQT**	06/06/2025	Ban hành cơ cấu tổ chức của Khối KHCN	100%
122	**634/2025/NQ-HĐQT**	06/06/2025	Thông qua việc ban hành cơ cấu tổ chức của Khối KHCN	100%
123	**633/2025/QĐ-HĐQT**	06/06/2025	Ban hành cơ cấu tổ chức của Khối KHDNL	100%
124	**632/2025/NQ-HĐQT**	06/06/2025	Thông qua việc ban hành cơ cấu tổ chức của Khối KHDNL	100%
125	**631/2025/QĐ-HĐQT**	06/06/2025	Ban hành cơ cấu tổ chức của Khối KHDN	100%
126	**630/2025/NQ-HĐQT**	06/06/2025	Thông qua việc ban hành cơ cấu tổ chức của Khối KHDN	100%
127	**624/2025/NQ-HĐQT**	06/06/2025	Tuyên hủy Quyết định số 616 của HĐQT	100%
128	**622/2025/NQ-HĐQT**	05/06/2025	Thông qua việc điều chỉnh nội dung về Vốn điều lệ tại Điều lệ SeABank	100%
129	**616/2025/QĐ-HĐQT**	04/06/2025	Ban hành cơ cấu tổ chức của Khối Quản trị rủi ro, Pháp chế & Tuân thủ	100%
130	**598/2025/NQ-HĐQT**	30/05/2025	Phương án nhân sự - Bổ nhiệm GĐCN Sài Gòn	100%
131	**597/2025/NQ-HĐQT**	30/05/2025	Phương án nhân sự - Miễn nhiệm GĐCN Sài Gòn	100%
132	**585/2025/QĐ-HĐQT**	28/05/2025	Cử cán bộ đi công tác tại Hà Lan	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
133	**584/2025/QĐ-HĐQT**	28/05/2025	Cử cán bộ đi công tác tại Trung Quốc	100%
134	**583/2025/QĐ-HĐQT**	28/05/2025	Cử cán bộ đi công tác tại Áo	100%
135	**582/2025/QĐ-HĐQT**	28/05/2025	Sửa đổi cơ cấu tổ chức Khối Nguồn vốn & Thị trường tài chính	100%
136	**581/2025/NQ-HĐQT**	28/05/2025	Thông qua việc sửa đổi cơ cấu tổ chức Khối Nguồn vốn & Thị trường tài chính	100%
137	**576/2025/QĐ-HĐQT**	28/05/2025	QĐ bổ nhiệm PTGĐ Nguyễn Tuấn Anh kiêm nhiệm GĐK chiến lược và tài chính quốc tế	100%
138	**575/2025/QĐ-HĐQT**	28/05/2025	QĐ bổ nhiệm PTGĐ Vũ Đình Khoán kiêm nhiệm GĐK QTRR, PCTT	100%
139	**574/2025/NQ-HĐQT**	28/05/2025	NQ bổ nhiệm nhân sự quản lý	100%
140	**569/2025/NQ-HĐQT**	27/05/2025	Chủ trương và ngân sách tổ chức hoạt động Teambuilding 2025 "Teambuilding - Believe"	100%
141	**565/2025/QĐ-HĐQT**	27/05/2025	Thù lao/phụ cấp đối với Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký Ủy ban Công nghệ của Ngân hàng	100%
142	**560/2025/NQ-HĐQT**	26/05/2025	Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ	100%
143	**559/2025/NQ-HĐQT**	26/05/2025	Lựa chọn đơn vị kiểm toán tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu	100%
144	**558/2025/QĐ-HĐQT**	26/05/2025	Ban hành Cơ cấu tổ chức Khối Chiến lược & TCQT	100%
145	**557/2025/NQ-HĐQT**	26/05/2025	Thành lập Khối Chiến lược & TCQT	100%
146	**556/2025/QĐ-HĐQT**	26/05/2025	Ban hành Cơ cấu tổ chức Khối QTRR,PC&TT	100%
147	**555/2025/NQ-HĐQT**	26/05/2025	Thành lập Khối QTRR,PC&TT	100%
148	**520/2025/QĐ-HĐQT**	16/05/2025	Thành viên của Ủy ban nhân sự trực thuộc Hội đồng quản trị SeABank	100%
149	**517/2025/NQ-HĐQT**	15/05/2025	Thông qua việc phát hành LC chuyển khẩu theo món cho Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư META tại SeABank Hà Nội	100%
150	**511/2025/QĐ-HĐQT**	14/05/2025	Cử cán bộ đi dự Hội thảo 2025 UK Banking Forum do JPMorgan Chase tổ chức	100%
151	**510/2025/QĐ-HĐQT**	14/05/2025	Xác nhận thông tin đối với Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	100%
152	**495/2025/QĐ-HĐQT**	09/05/2025	Thành viên Ủy ban công nghệ trực thuộc HĐQT SeABank	100%
153	**488/2025/NQ-HĐQT**	08/05/2025	Thông qua kế hoạch ngân sách 2025 của AMC	100%
154	**471/2025/QĐ-HĐQT**	29/04/2025	Quyết định các khoản bổ sung khác của Bà Nguyễn Thanh Ngọc - Tổng Giám đốc SeAbank AMC	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
155	**470/2025/QĐ-HĐQT**	29/04/2025	Quyết định tiền lương của Bà Nguyễn Thanh Ngọc - Tổng Giám đốc SeAbank AMC	100%
156	**469/2025/QĐ-HĐQT**	29/04/2025	Quyết định áp dụng thời gian thử thách đối với Bà Nguyễn Thanh Ngọc - Tổng Giám đốc SeAbank AMC	100%
157	**468/2025/QĐ-HĐQT**	29/04/2025	Quyết định về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Bà Nguyễn Thanh Ngọc đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc SeAbank AMC	100%
158	**466/2025/QĐ-HĐQT**	29/04/2025	Quyết định về việc Ông Vũ Đình Khoán thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc SeAbank AMC	100%
159	**452/2025/QĐ-HĐQT**	25/04/2025	Phân công công việc đối với Ông Matthew Sander Hosford – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	100%
160	**450/2025/QĐ-HĐQT**	25/04/2025	Thù lao đối với Ông Ông Matthew Sander Hosford – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	100%
161	**449/2025/QĐ-CTHĐQT**	25/04/2025	Điều chỉnh điều kiện PD đối với NHSC tại TTKHDNL Miền Bắc	100%
162	**446/2025/QĐ-HĐQT**	24/04/2025	Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về chế độ về thù lao của HĐQT, BKS Ngân hàng TMCP Đông Nam Á số 246/2023/QĐ-HĐQT ngày 26/4/2023	100%
163	**445/2025/NQ-HĐQT**	24/04/2025	Nghị quyết Phiên họp Quý I.2025	100%
164	**442/2025/QĐ-HĐQT**	24/04/2025	Cử đoàn công tác làm việc tại Nhật Bản	100%
165	**429/2025/QĐ-HĐQT**	22/04/2025	Ủy quyền ký phê duyệt BCTC và hợp đồng cung ứng dịch vụ chuyên môn	100%
166	**428/2025/NQ-HĐQT**	22/04/2025	Phê duyệt phát hành BCTC Quý I năm 2025	100%
167	**424/2025/NQ-HĐQT**	22/04/2025	Phương án nhân sự vị trí GĐCN SeABank_Bổ nhiệm SB Đồng Nai	100%
168	**423/2025/NQ-HĐQT**	22/04/2025	Phương án nhân sự vị trí GĐCN SeABank_ thôi đảm nhiệm SB Đồng Nai	100%
169	**422/2025/NQ-HĐQT**	22/04/2025	Phương án nhân sự vị trí GĐCN SeABank_Bổ nhiệm SB Sài Gòn	100%
170	**406/2025/TB-HĐQT**	17/04/2025	Phương án nhân sự vị trí Tổng Giám đốc SeABank AMC_Tiếp nhận	100%
171	**405/2025/TB-HĐQT**	17/04/2025	Phương án nhân sự vị trí Tổng Giám đốc SeABank AMC_Thôi kiêm nhiệm	100%
172	**404/2025/NQ-HĐQT**	17/04/2025	Thông qua việc bổ sung một số nội dung hoạt động và giấy phép	100%
173	**382/2025/QĐ-HĐQT**	11/04/2025	Thành lập ban chỉ đạo dự án mô hình kinh doanh ngành dọc	100%
174	**369/2025/NQ-HĐQT**	09/04/2025	Phương án nhân sự vị trí giám đốc chi nhánh Quảng Ninh_Tiếp nhận	100%
175	**368/2025/NQ-HĐQT**	09/04/2025	Phương án nhân sự vị trí giám đốc chi nhánh Quảng Ninh_Thôi kiêm nhiệm	100%
176	**358/2025/NQ-HĐQT**	08/04/2025	Thông qua báo cáo thường niên năm 2024 của Ngân hàng	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
177	**356/2025/QĐ-HĐQT**	03/04/2025	Đổi tên và địa điểm trụ sở Chi nhánh Thanh Xuân	100%
178	**334/2025/NQ-HĐQT**	28/03/2025	Thông qua một số nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
179	**319/2025/QĐ-HĐQT**	24/03/2025	Danh sách cán bộ tham gia hạng mục học tập và nâng cao nghiệp vụ tại Trung Quốc NFX 2024	100%
180	**316/2025/QĐ-HĐQT**	24/03/2025	Ban hành cơ cấu tổ chức của Khối khách hàng Doanh nghiệp lớn	100%
181	**315/2025/NQ-HĐQT**	24/03/2025	Thông qua điều chỉnh cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Khối khách hàng Doanh nghiệp lớn	100%
182	**314/2025/NQ-HĐQT**	24/03/2025	Phê duyệt việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Ngân hàng	100%
183	**312/2025/NQ-HĐQT**	24/03/2025	Phê duyệt chương trình phúc lợi đối với Cán bộ nhân viên nhân dịp kỷ niệm 31 năm thành lập Ngân hàng từ Quỹ Phúc lợi của Ngân hàng	100%
184	**306/2025/NQ-HĐQT**	21/03/2025	Phê duyệt khoản vay từ Proparco và FMO, và ký kết các Tài liệu Tín dụng	100%
185	**298/2025/QĐ-HĐQT**	19/03/2025	Nghị quyết về tăng cường công tác đảm bảo an ninh, trật tự	100%
186	**297/2025/QĐ-HĐQT**	19/03/2025	Một số vấn đề liên quan đến việc thưởng cổ phiếu cho Cán bộ quản lý của Ngân hàng năm 2024	100%
187	**287/2025/NQ-HĐQT**	17/03/2025	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện dịch vụ kiểm toán về báo cáo thay đổi vốn điều lệ	100%
188	**264/2025/QĐ-HĐQT**	11/03/2025	Sửa đổi Giấy phép về mức vốn điều lệ của SeABank	100%
189	**256/2025/QĐ-HĐQT**	10/03/2025	Cử cán bộ đi dự Hội thảo 2025 Payments Banking Forum ASEAN do JPMorgan Chase tổ chức tại Malaysia	100%
190	**254/2025/NQ-HĐQT**	10/03/2025	Phê duyệt nội dung Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	100%
191	**246/2025/QĐ-HĐQT**	07/03/2025	Ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Anh hoặc Ông Andrew Vo trong việc ký kết thư thỏa thuận với Linklaters	100%
192	**239/2025/QĐ-HĐQT**	06/03/2025	Giao Công đoàn SeABank hội sở mua lại, thu hồi cổ phiếu ESOP 2021, 2022	100%
193	**238/2025/NQ-HĐQT**	06/03/2025	Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện dịch vụ bảo đảm về hoạt động của hệ thống KTNB đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm kết thúc 31/12/2024	100%
194	**226/2025/NQ-HĐQT**	04/03/2025	Thông qua việc đề nghị NHNN cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của SeABank	100%
195	**225/2025/NQ-HĐQT**	04/03/2025	Thông qua một số nội dung liên quan đến kế hoạch Ngân sách năm 2025 của Ngân hàng	100%
196	**208/2025/NQ-HĐQT**	28/02/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
197	**203/2025/NQ-HĐQT**	26/02/2025	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Cần Thơ_Tiếp nhận	100%
198	**202/2025/NQ-HĐQT**	26/02/2025	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Cần Thơ_Miễn nhiệm	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
199	**201/2025/NQ-HĐQT**	26/02/2025	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Quảng Ninh_Bổ nhiệm	100%
200	**200/2025/NQ-HĐQT**	26/02/2025	Phương án nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh SeABank Quảng Ninh_Thôi kiêm nhiệm	100%
201	**188/2025/QĐ-HĐQT**	25/02/2025	Quyết định v/v Tổng kết đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2024	100%
202	**186/2025/QĐ-HĐQT**	25/02/2025	Quyết định công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc"	100%
203	**177/2025/QĐ-PCTHĐQT**	24/02/2025	Giao và ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Anh hoặc Ông Vo Long Nhi trong việc ký kết hợp đồng Dịch vụ tư vấn luật cà các VB liên quan Khoản TD Proparrco và FMO	100%
204	**170/2025/NQ-HĐQT**	21/02/2025	Ban hành Quy định phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro đối với khoản nợ của khách hàng tại SeABank gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của cơn bão số 3 năm 2024	100%
205	**166/2025/NQ-HĐQT**	20/02/2025	Thông qua kết quả phân phối cổ phiếu đợt 1 và phương án phân phối cổ phiếu đợt 2 theo Chương trình ESOP năm 2024	100%
206	**157/2025/QĐ-HĐQT**	17/02/2025	Giao Công đoàn SeABank hội sở mua lại, thu hồi cổ phiếu ESOP 2021, 2022	100%
207	**149/2025/NQ-HĐQT**	14/02/2025	Thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT	100%
208	**146/2025/NQ-HĐQT**	13/02/2025	Phê duyệt kế hoạch về vốn và phân bổ vốn năm 2025	100%
209	**134/2025/QĐ-PCTHĐQT**	10/02/2025	Giao và ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Anh và/hoặc Ông Vo Long Nhi trong việc ký kết Thỏa thuận dịch vụ dự án IFC	100%
210	**133/2025/QĐ-CTHĐQT**	10/02/2025	Giao và ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Anh và/hoặc Ông Vo Long Nhi trong việc ký kết các văn bản thanh toán cho HSC	100%
211	**117/2025/QĐ-HĐQT**	03/02/2025	Bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 137/2025/QĐ- HĐQT về việc phân công công việc, phân cấp thẩm quyền đối với Ông Lê Quốc Long	100%
212	**112/2025/QĐ-HĐQT**	03/02/2025	Bà Nghiêm Thị Thu Nga thôi đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng PTF	100%
213	**111/2025/QĐ-HĐQT**	03/02/2025	Ông Nguyễn Quang Thắng thôi đảm nhiệm chức vụ Thành viên BKS của PTF	100%
214	**110/2025/QĐ-HĐQT**	03/02/2025	Ông Nguyễn Anh Tuấn thôi đảm nhiệm chức vụ Thành viên BKS chuyên trách của PTF	100%
215	**109/2025/QĐ-HĐQT**	03/02/2025	Bà Lã Thị Hiền thôi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐTV của PTF	100%
216	**108/2025/QĐ-HĐQT**	03/02/2025	Ông Hoàng Huy Chương thôi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐTV của PTF	100%
217	**107/2025/QĐ-HĐQT**	03/02/2025	Ông Nguyễn Minh Thắng thôi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐTV, chủ tịch HĐTV của PTF và thôi là người đại diện theo pháp luật	100%
218	**106/2025/QĐ-HĐQT**	03/02/2025	Bà Nguyễn Thị Thu Hương thôi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐTV, Phó chủ tịch HĐTV	100%
219	**105/2025/QĐ-HĐQT**	03/02/2025	Ông Lê Quốc Long thôi đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐTV, Phó chủ tịch HĐTV	100%
220	**99/2025/NQ-HĐQT**	24/01/2025	Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 của PTF	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
221	**89/2025/NQ-HĐQT**	23/01/2025	Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý IV năm 2024	100%
222	**81/2025/QĐ-SeABank**	22/01/2025	Ủy quyền cho Ông Nguyễn Tuấn Cường - Phó Tổng Giám đốc ký kết thỏa thuận hỗ trợ với PTF	100%
223	**78/2025/QĐ-HĐQT**	22/01/2025	Áp dụng thù lao bổ sung đối với Thành viên HĐQT	100%
224	**80/2025/NQ-HĐQT**	22/01/2025	Thông qua việc ký kết Thỏa thuận hỗ trợ với PTF	100%
225	**76/2025/NQ-HĐQT**	22/01/2025	Thông qua việc áp dụng thù lao bổ sung đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS	100%
226	**75/2025/NQ-HĐQT**	22/01/2025	Thông qua chương trình thưởng cuối năm cho các Đơn vị và cá nhân năm 2024 từ Quỹ khen thưởng	100%
227	**67/2025/NQ-HĐQT**	21/01/2025	Phê duyệt Kế hoạch Ngân sách PTF 2025	100%
228	**45/2025/NQ-HĐQT**	15/01/2025	Thông qua việc ban hành Quy định Đánh giá và quản lý tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo Basel II	100%
229	**41/2025/QĐ-HĐQT**	13/01/2025	Sửa đổi, bổ sung PCCV, phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quyết định đối với Ông Lê Quốc Long	100%
230	**37/2025/QĐ-HĐQT**	11/01/2025	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Bùi Quốc Hiệu	100%
231	**36/2025/QĐ-HĐQT**	11/01/2025	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Lê Thanh Hải	100%
232	**35/2025/NQ-HĐQT**	11/01/2025	Thông qua việc bổ nhiệm nhân sự cấp cao của SeABank	100%
233	**32/2025/QD-HĐQT**	10/01/2025	Áp dụng thù lao bổ sung đối với Ông Fergus Macdonald Clark - Thành viên độc lập HDQT	100%
234	**31/2025/QĐ-HĐQT**	10/01/2025	Áp dụng thù lao bổ sung đối với Ông Mathew Nevil Welch - Thanh vien HDQT	100%
235	**24/2025/NQ-HĐQT**	09/01/2025	Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm 2025	100%
236	**17/2025/QĐ-HĐQT**	03/01/2025	Thay đổi địa chỉ 2 phòng giao dịch trực thuộc chi nhánh SeABank Đà Nẵng	100%
237	**12/2025/NQ-HĐQT**	03/01/2025	Thông qua kế hoạch Ngân sách năm 2025 của SeABank	100%
238	**11/2025/QĐ-HĐQT**	02/01/2025	Thực hiện giải tỏa cổ phiếu trước hạn năm 2023	100%
239	**07/2025/NQ-HĐQT**	02/01/2025	Thông qua chương trình hành động và kế hoạch họp định kỳ năm 2025	100%
240	**02/2025/NQ-HĐQT**	02/01/2025	Thông qua việc triển khai chương trình ESOP năm 2024	100%

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị

Hoạt động giám sát thực thi chiến lược của HĐQT

SeABank thiết lập và vận hành một hệ thống kiểm soát nội bộ toàn diện, hiệu quả và tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, các thông lệ quản trị công ty tốt theo chuẩn quốc tế, đảm bảo khả năng giám sát, kiểm tra và thích ứng liên tục với rủi ro trong mọi hoạt động của Ngân hàng.

Giám sát thực thi chiến lược của HĐQT	Triển khai thực tế năm 2025
Giám sát BTGĐ theo khuôn khổ pháp lý và quy chế nội bộ	Triển khai thực tế: • HĐQT thực hiện giám sát BTGĐ theo đúng Điều lệ hoạt động, Quy định tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ quản trị công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Lợi ích triển khai: • Đảm bảo vai trò giám sát và trách nhiệm giải trình của HĐQT đối với Ban Điều hành theo thông lệ quốc tế, góp phần bảo vệ quyền lợi cổ đông và các bên liên quan.
Thể chế hóa chiến lược qua quy định nội bộ	Triển khai thực tế: • Năm 2025, HĐQT ban hành các Quy định/Quy chế nội bộ thuộc thẩm quyền nhằm cụ thể hóa các chiến lược của Ngân hàng, tạo cơ sở cho Ban TGĐ thực thi chiến lược một cách đồng bộ và có hệ thống. Lợi ích triển khai: • Đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc quản trị công ty quốc tế về thiết lập khung quản trị rõ ràng để đảm bảo thực thi chiến lược hiệu quả. **Chi tiết theo Danh sách Nghị quyết/Quyết định HĐQT ban hành năm 2025 tại mục 5 Phần II Báo cáo này.*
Đánh giá định kỳ và đột xuất hoạt động toàn diện	Triển khai thực tế: • HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng quý, hoặc đột xuất khi cần thiết, để đánh giá tổng thể hoạt động của Ngân hàng, bao gồm: » Kết quả hoạt động kinh doanh; » Công tác nhân sự và phát triển lãnh đạo; » Công tác quản trị rủi ro; » Tình hình kiểm soát tuân thủ; » Hoạt động vận hành và các yếu tố chiến lược khác. • Trên cơ sở đánh giá này, HĐQT ban hành Nghị quyết, Chỉ thị, Thông báo để đưa ra định hướng, chủ trương và chỉ đạo Ban TGĐ triển khai thực thi. • Sau đó, Ban TGĐ có trách nhiệm tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của HĐQT, các Ủy ban trực thuộc HĐQT cũng như BKS để giám sát kết quả thực hiện. Lợi ích triển khai: • Đáp ứng yêu cầu về vai trò và trách nhiệm của HĐQT trong ACGS phần "Responsibilities of the Board" và OECD Principles về giám sát toàn diện chiến lược và rủi ro.
Báo cáo định kỳ và theo chuyên đề	Triển khai thực tế: • Ban TGĐ thực hiện báo cáo định kỳ (tuần, tháng, quý) và báo cáo theo chuyên đề tại các cuộc họp giao ban với HĐQT và các ủy ban trực thuộc HĐQT. • Nội dung báo cáo bao gồm: các lĩnh vực quản trị, hoạt động kinh doanh, rủi ro, kiểm soát tuân thủ, nhân sự và các vấn đề chuyên môn theo từng thành viên Ban TGĐ. Lợi ích triển khai: • Đảm bảo HĐQT nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, tăng cường tính minh bạch nội bộ và hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát hiệu quả theo chuẩn quốc tế.
Phân bổ chỉ tiêu và kế hoạch hàng năm	Triển khai thực tế: • HĐQT giao chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm phù hợp với bối cảnh kinh tế vĩ mô và mục tiêu phát triển của từng lĩnh vực. Lợi ích triển khai: • Tạo điều kiện để Ban TGĐ triển khai các kế hoạch thống nhất xuyên hệ thống, thể hiện trách nhiệm giám sát chiến lược dài hạn.
Hệ thống thông tin minh bạch và trao đổi hiệu quả	Triển khai thực tế: • Hệ thống thông tin và cơ chế trao đổi được xây dựng xuyên suốt, đảm bảo các thông tin về mục tiêu, chiến lược và chỉ đạo của HĐQT đều được đưa vào quy định, văn bản chỉ đạo (chỉ thị, thông báo...). Lợi ích triển khai: • Đảm bảo thông tin được truyền đạt rõ ràng từ cấp cao đến các đơn vị và cá nhân liên quan, từ đó nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực thi nhiệm vụ. • Góp phần đáp ứng tiêu chí "Disclosure and Transparency" trong ACGS, giúp tăng cường khả năng công bố thông tin minh bạch.
Giải trình và tiếp thu ý kiến kiểm soát nội bộ	Triển khai thực tế: • Các kiến nghị của Ban Kiểm soát được trao đổi và tham mưu tới HĐQT để thực hiện khắc phục và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ. Lợi ích triển khai: • Góp phần củng cố vai trò giám sát của HĐQT đối với toàn bộ hệ thống QTRR và kiểm soát.

Hoạt động giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm soát nội bộ

SeABank thiết lập và vận hành một hệ thống kiểm soát nội bộ toàn diện, hiệu quả và tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước, các thông lệ quản trị công ty tốt theo chuẩn quốc tế, đảm bảo khả năng giám sát, kiểm tra và thích ứng liên tục với rủi ro trong mọi hoạt động của Ngân hàng.

Giám sát đối với kiểm soát nội bộ	Triển khai thực tế năm 2025
Khung kiểm soát nội bộ toàn diện và vai trò giám sát của quản lý cấp cao	• Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ hoàn chỉnh, bao gồm bộ phận chuyên trách kiểm soát nội bộ độc lập – Tuân Thủ (thuộc Khối QTRR, PC & TT). • Áp dụng mô hình ba tuyến bảo vệ nhằm đảm bảo chức năng giám sát và đối sánh rủi ro hiệu quả ở mọi cấp quản lý.
Giám sát liên tục từ HĐQT đến quản lý điều hành	Triển khai thực tế: • Hoạt động giám sát kiểm soát nội bộ được thực hiện xuyên suốt từ HĐQT và các ủy ban chuyên trách, Ban TGĐ đến các Giám đốc Đơn vị/Trung tâm. Lợi ích triển khai: • Đảm bảo mọi hoạt động kiểm soát, vận hành và các quy trình nội bộ đều được duy trì, đánh giá và cập nhật phù hợp với các quy định pháp luật, thông lệ và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.
Đánh giá và giám sát rủi ro, tuân thủ và hệ thống thông tin	Triển khai thực tế: • Triển khai kiểm soát nội bộ qua các hoạt động kiểm soát trực tiếp, hệ thống thông tin quản lý và quy trình trao đổi thông tin minh bạch Lợi ích triển khai: • Thúc đẩy nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn, đảm bảo các báo cáo và dữ liệu phục vụ giám sát được cập nhật đúng thời hạn và chính xác.
Phạm vi kiểm soát nội bộ toàn tổ chức	Triển khai thực tế: • Các hoạt động kiểm soát nội bộ được thực hiện đối với mọi quy trình nghiệp vụ, đơn vị chức năng, hội sở chính, chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác Lợi ích triển khai: • Đảm bảo tuân thủ pháp luật, quy định ngành và văn bản nội bộ của SeABank
Văn hóa kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp	Triển khai thực tế: • Duy trì và thúc đẩy văn hóa kiểm soát nội bộ mạnh mẽ gắn với hệ thống chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ban hành các quy định nêu rõ hành vi bị nghiêm cấm, tiêu chí đánh giá hành vi và chế tài xử lý tương ứng, bao gồm: » Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp; » Nội quy lao động; » Sổ tay đạo đức nghề nghiệp Lợi ích triển khai: • Đảm bảo tính kỷ luật và đạo đức trên toàn hệ thống.
Xử lý tồn tại và phản hồi theo yêu cầu	Triển khai thực tế: • Chủ động rà soát, xử lý và khắc phục các tồn tại, hạn chế được chỉ ra qua các kết luận, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác Lợi ích triển khai: • Không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
Xử lý vi phạm pháp luật và nội bộ	Triển khai thực tế: • Thực hiện xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp theo quy định hiện hành, đồng thời cập nhật và cải thiện quy trình kiểm soát Lợi ích triển khai: • Ngăn ngừa các hành vi chưa chuẩn mực, nâng cao ý thức tuân thủ và đảm bảo nhất quán trên toàn hệ thống.

Hoạt động giám sát của quản lý cấp cao trong quản lý rủi ro Ngân hàng:

SeABank thiết lập và thực thi một khung quản lý rủi ro toàn diện và hiệu quả, với vai trò giám sát rõ ràng của quản lý cấp cao, phù hợp với các nguyên tắc quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế và yêu cầu của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Thông tư này.

Giám sát đối với quản lý rủi ro Ngân hàng	Triển khai thực tế năm 2025
Khung chính sách quản lý rủi ro toàn diện	• HĐQT giám sát việc xây dựng và duy trì khung chính sách quản lý rủi ro tổng thể và các chính sách đặc thù cho các loại rủi ro trọng yếu, bao gồm rủi ro tín dụng, thị trường, hoạt động, thanh khoản và pháp lý. • Các chính sách này được hoàn thiện thành các quy định, quy trình, hướng dẫn, mô hình và công cụ quản lý theo chuẩn mực quốc tế (ví dụ: chuẩn Basel III) và phù hợp với các quy định pháp luật, bao gồm Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và các văn bản hướng dẫn có liên quan.
Giám sát việc thực thi biện pháp phòng ngừa rủi ro	Triển khai thực tế: • Giám sát của quản lý cấp cao bao gồm theo dõi việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro tại mọi cấp điều hành, qua đó đảm bảo chất lượng danh mục tín dụng và tuân thủ các giới hạn rủi ro mà HĐQT đã phê duyệt. » Theo dõi chất lượng tín dụng và cơ cấu danh mục theo ngành, lĩnh vực, đối tượng khách hàng; » Áp dụng các chỉ báo cảnh báo sớm để nhận diện rủi ro trước khi vượt ngưỡng; » Đề xuất và thực thi các giải pháp xử lý đối với danh mục hoặc khoản vay có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro; Lợi ích triển khai: • Đảm bảo các rủi ro không chỉ được nhận diện mà còn được quản lý, giảm thiểu tối đa khả năng gây ảnh hưởng đến an toàn và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
Giám sát định kỳ và phản hồi quản lý	Triển khai thực tế: • UBQLRR chủ trì các phiên họp định kỳ để đánh giá việc thực thi chính sách và hiệu quả hoạt động quản lý rủi ro. Kết quả đánh giá được trình bày trực tiếp với HĐQT. Lợi ích triển khai: • Giúp HĐQT đưa ra chỉ đạo kịp thời, đảm bảo các quyết định chiến lược cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và an toàn tài chính, phù hợp với chuẩn mực quản trị rủi ro được đề xuất trong OECD Principles.
Quản lý rủi ro môi trường và xã hội	Triển khai thực tế: • Giám sát việc xây dựng và thực thi chính sách PTBV, tích hợp quản lý rủi ro môi trường – xã hội vào quá trình thẩm định và phê duyệt tín dụng. • 100% đề xuất cấp tín dụng mới hoặc tái cấp tín dụng đều được sàng lọc và/hoặc đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội theo quy định nội bộ. Lợi ích triển khai: • Nâng cao tính bền vững và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về quản lý rủi ro toàn diện.
Xử lý tồn tại và phản hồi theo yêu cầu	Triển khai thực tế: • Chủ động rà soát, xử lý và khắc phục các tồn tại, hạn chế được chỉ ra bởi NHNN, kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác. Lợi ích triển khai: • Tuân thủ yêu cầu pháp luật, đồng thời đảm bảo khung quản lý rủi ro liên tục được cải tiến, cập nhật, đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng cao của Việt Nam và quốc tế.

Hoạt động giám sát của quản lý cấp cao đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của HĐQT

HĐQT đảm nhiệm vai trò giám sát toàn diện và chiến lược đối với quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn của Ngân hàng, đảm bảo hoạt động này không chỉ tuân thủ quy định pháp luật mà còn phản ánh thực chất khẩu vị rủi ro và chiến lược kinh doanh dài hạn.

Giám sát đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn	Triển khai thực tế năm 2025
Thiết lập và phê duyệt khuôn khổ ICAAP	Triển khai thực tế: • HĐQT phê duyệt chính sách, phương pháp và tài liệu hướng dẫn cho quá trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn, đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực quản lý rủi ro và vốn quốc tế (như Basel III) và phù hợp với quy định của NHNN. • Khung ICAAP được phê duyệt bao gồm các giả định, kịch bản, stress testing (kiểm tra sức chống chịu) và các tiêu chí định lượng/định tính. Lợi ích triển khai: • Đảm bảo tuân thủ và đáp ứng các quy định hiện hành, thiết lập cơ chế đánh giá toàn diện giúp phản ánh đầy đủ, chính xác mức độ rủi ro tổng hợp và yêu cầu vốn.
Giám sát thực thi định kỳ	Triển khai thực tế: • Ban TGĐ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo khung chính sách đã phê duyệt. • Ban TGĐ trình bày định kỳ báo cáo tình hình an toàn vốn và kết quả đánh giá ICAAP cho HĐQT để theo dõi kịp thời mức độ đảm bảo vốn trong các điều kiện kinh tế khác nhau và khả năng phản ứng trước biến động thị trường. Việc báo cáo đảm bảo tuân thủ nội dung quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN cũng như các báo cáo nội bộ khác của Ngân hàng. Lợi ích triển khai: • Đảm bảo tính nhất quán trong hoạt động thực tế bám sát với chủ trương của HĐQT, nâng cao trách nhiệm giải trình và kỷ luật quản trị vốn trong toàn hệ thống.
Đánh giá chiến lược và phân tích giả định	Triển khai thực tế: • HĐQT xem xét các giả định, kịch bản và kết quả mô phỏng của ICAAP, đảm bảo các yếu tố này phù hợp với chiến lược kinh doanh và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng. • HĐQT yêu cầu Ban TGĐ thực hiện kiểm tra đối chiếu, cập nhật các yếu tố ảnh hưởng tới vốn khi có biến động lớn trong môi trường kinh tế – tài chính. Lợi ích triển khai: • Bảo đảm sự gắn kết giữa chiến lược, khẩu vị rủi ro và năng lực vốn, nâng cao khả năng thích ứng linh hoạt, kịp thời điều chỉnh kế hoạch vốn và củng cố sức chống chịu trong các điều kiện bất lợi.
Xử lý tồn tại và phản hồi theo yêu cầu quản lý	Triển khai thực tế: • Hệ thống hoá và xử lý các tồn tại, hạn chế liên quan đến đánh giá nội bộ mức đủ vốn theo kiến nghị của NHNN, kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác. Lợi ích triển khai: • Cải thiện chất lượng kiểm soát và khả năng dự phòng vốn trong các tình huống rủi ro cao.

Hoạt động giám sát khác của HĐQT đối với Ban TGĐ

HĐQT thực hiện giám sát rộng hơn đối với Ban TGĐ, nhằm đảm bảo trình độ, năng lực điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả, xuyên suốt và phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng.

Hoạt động giám sát khác	Triển khai thực tế năm 2025
Ban hành hệ thống phân cấp thẩm quyền	**Triển khai thực tế:** • HĐQT ban hành và thường xuyên rà soát hệ thống phân cấp thẩm quyền, trách nhiệm và giới hạn phê duyệt đối với các thành viên Ban TGĐ. Hệ thống này được xây dựng phù hợp với nhu cầu quản trị, trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm của từng thành viên. **Lợi ích triển khai:** • Phát huy tối đa năng lực cá nhân trong việc thực thi chiến lược và kiểm soát rủi ro.
Giám sát qua Quyết định/Nghị quyết và các Ủy ban chuyên trách	**Triển khai thực tế:** • Hoạt động giám sát của HĐQT được thực hiện trực tiếp qua việc ban hành các Quyết định, Nghị quyết về quản trị chiến lược, rủi ro và vận hành, cũng như gián tiếp thông qua các Ủy ban/Hội đồng giúp việc như: » Ủy ban Quản lý rủi ro » Ủy ban Nhân sự » Ủy ban Công nghệ • Các ủy ban này có nhiệm vụ tham mưu, đánh giá chuyên sâu và báo cáo định kỳ cho HĐQT về các vấn đề thuộc phạm vi giám sát của mình. **Lợi ích triển khai:** • Tạo cơ chế kiểm soát và phản hồi đa chiều, nâng cao chất lượng tham mưu, tính kịp thời trong phản hồi và hiệu quả quản trị chiến lược, rủi ro và vận hành.
Cơ chế trao đổi thông tin và báo cáo nội bộ	Triển khai thực tế: • Duy trì hệ thống trao đổi thông tin minh bạch và nhất quán theo mô hình “ba tuyến bảo vệ”. Thông tin được lưu chuyển theo hai chiều: » Từ HĐQT/Ban TGĐ xuống các đơn vị vận hành qua hệ thống thông tin quản lý. » Từ các đơn vị/đơn vị chức năng phản hồi lên Ban TGĐ và HĐQT thông qua hệ thống báo cáo định kỳ và theo sự kiện. Lợi ích triển khai: • Đảm bảo các cấp quản lý và cá nhân liên quan được tiếp cận đầy đủ về mục tiêu, chiến lược, chính sách, quy trình và trách nhiệm.
Quản lý phản hồi và xử lý sai phạm	Triển khai thực tế: • Nền tảng báo cáo nội bộ bao gồm cả cơ chế ghi nhận và xử lý thông tin sai phạm, giúp Tuân thủ (thuộc Khối QTRR, PC&TT) thực hiện chức năng tiếp nhận, phân loại và xử lý các vấn đề về vi phạm pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Lợi ích triển khai: • Củng cố tính minh bạch trong quản trị, phát huy vai trò phản hồi nhanh và trách nhiệm giải trình trong toàn tổ chức.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giới thiệu về thành viên Hội đồng Quản trị độc lập:

HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 có 02 thành viên độc lập là ông Fergus Macdonald Clark và ông Matthew Sander Hosford.



Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- 28 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, chuyên sâu về QTRR, luật và tham gia làm cố vấn, chuyên gia cao cấp của các dự án tại nhiều tổ chức Việt Nam và quốc tế, trong đó có 17 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng.
- Ông Fergus Macdonald Clark hiện cũng là thành viên UBQLRR của Ngân hàng.

ÔNG FERGUS MACDONALD CLARK

Thành viên độc lập HĐQT

Thành viên UBQLRR



Kinh nghiệm/Chuyên môn:

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Trường Kinh doanh Harvard; Cử nhân Khoa học – Đại học Brigham Young. Ông Matthew Sander Hosford có hơn 35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.
- Ông từng giữ chức vụ Giám đốc rủi ro (CRO) tại Ngân hàng Santander Asia (Hồng Kông); chuyên gia ngân hàng cao cấp tại Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) - thành viên của Ngân hàng Thế giới. Ông hiện cũng là thành viên của UBCN của Ngân hàng.

ÔNG MATTHEW SANDER HOSFORD

Thành viên độc lập HĐQT

(*) Được bầu bổ sung vào ngày 25/4/2025

Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập năm 2025

Trong năm 2025, các thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, chức năng, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến tích cực, chủ động và kịp thời trong các phiên họp/lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT và hoạt động trong UBQLRR của Ngân hàng, cụ thể:

Đối với ông FERGUS MACDONALD CLARK

- Tham dự đầy đủ 04 phiên họp định kỳ của HĐQT trong năm 2025 và tham gia biểu quyết bằng văn bản đối với gần 100 hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản, đưa ra những ý kiến tham vấn cho HĐQT (khi cần thiết).
- Thành viên độc lập không phát sinh các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
- Tham dự 02 phiên định kỳ của UBQLRR, tham gia biểu quyết bằng văn bản các hồ sơ lấy ý kiến qua email.
- Trực tiếp trao đổi với thành viên BTGĐ, các Khối/Phòng/Ban nghiệp vụ để chia sẻ kinh nghiệm QTRR, mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế để SeABank xem xét áp dụng cho phù hợp với thị trường.
- Tham gia các khóa đào tạo/workshop về quản trị công ty như: Diễn đàn Ngân hàng Việt Nam: Triển vọng tín dụng và tài chính bền vững.
- Tham dự các cuộc họp sơ kết hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025 và tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2025 của Ngân hàng, một số cuộc họp giao ban của BTGĐ theo lời mời của TGĐ.
- Tham dự một số cuộc họp và lễ ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài ở trong và ngoài nước: thăm và làm việc tại Pháp.

Đối với ông MATTHEW SANDER HOSFORD

- Kể từ khi được bầu bổ sung vào ngày 25/4/2025, ông Matthew tham dự đầy đủ 03 phiên họp định kỳ của HĐQT trong năm 2025 và tham gia biểu quyết bằng văn bản đối với 65 hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản, đưa ra những ý kiến tham vấn cho HĐQT (khi cần thiết).
- Thành viên độc lập không phát sinh các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
- Tham dự các phiên họp của UBCN và tham gia biểu quyết bằng văn bản các hồ sơ lấy ý kiến qua email.
- Trực tiếp trao đổi với thành viên BTGĐ, các Khối/Phòng/Ban nghiệp vụ để chia sẻ về các kinh nghiệm quản trị, tài chính quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực tín dụng quốc tế.
- Tham gia các khóa đào tạo/workshop về quản trị công ty như "Định hướng thành viên HĐQT" (VIOD).
- Tham dự các cuộc họp sơ kết hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2025 và tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2025 của Ngân hàng, và một số cuộc họp giao ban của BTGĐ theo lời mời của TGĐ.
- Tham dự một số cuộc họp và lễ ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài ở trong và ngoài nước: thăm và làm việc tại Hà Lan.

Đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thành viên độc lập HĐQT đánh giá hoạt động của HĐQT Ngân hàng như sau:

Đánh giá chung:

- Trong năm báo cáo, HĐQT đã duy trì vai trò quản trị ở cấp chiến lược, giám sát chặt chẽ hoạt động của BTGĐ. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở thông tin đầy đủ và cân nhắc tác động dài hạn đối với cổ đông và các bên liên quan.
- HĐQT đã xem xét thường xuyên các nội dung quan trọng thuộc thẩm quyền như: kế hoạch kinh doanh, chiến lược rủi ro, giao dịch với bên liên quan, đầu tư tài sản, phương án vốn và nhân sự cấp cao. Việc xem xét được thực hiện thông qua họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản nhằm bảo đảm tính kịp thời của quyết định quản trị.
- Các nghị quyết được thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản được lập đầy đủ và lưu trữ theo quy định, bảo đảm tính minh bạch và khả năng kiểm chứng.
- Từ góc độ độc lập, HĐQT đã thực hiện đúng vai trò "fiduciary duty" — hành động vì lợi ích tốt nhất của Ngân hàng và cổ đông, đồng thời cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và kiểm soát rủi ro.

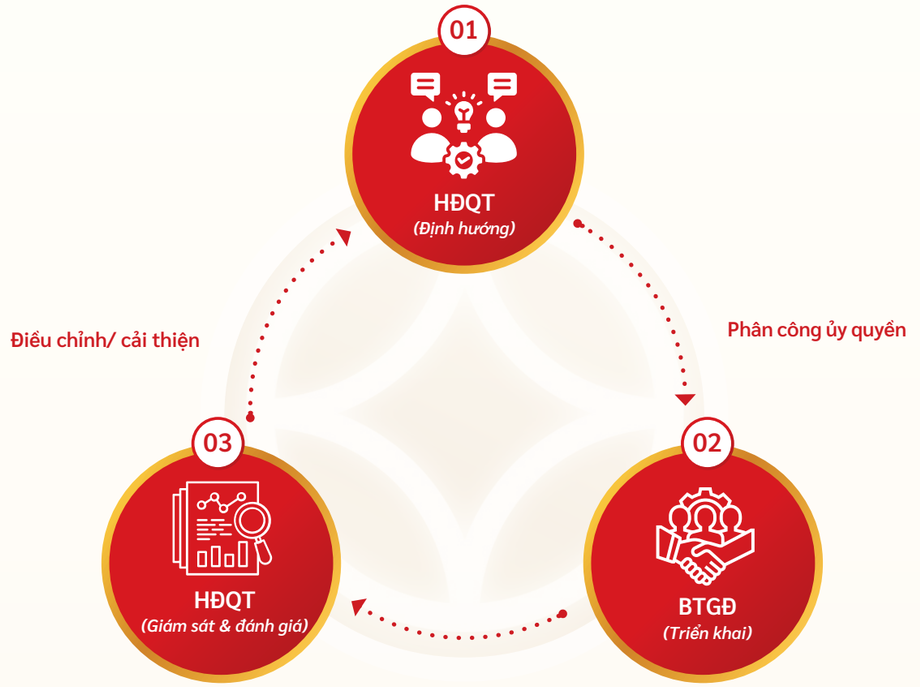
Đánh giá cơ cấu HĐQT và năng lực giám sát: cơ cấu HĐQT tạo điều kiện cho sự cân bằng giữa giám sát và hỗ trợ điều hành:

THẨM QUYỀN	• Vai trò, trách nhiệm, và phạm vi quyền hạn của HĐQT được quy định rõ ràng trong Điều lệ, Quy định nội bộ về quản trị công ty và Quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT Ngân hàng. • Các quy định rõ ràng, thống nhất và đảm bảo phù hợp với quy định của Luật các TCTD năm 2024, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật Chứng khoán năm 2019, và ghi nhận các thông lệ tốt về quản trị công ty của VNCG/OECD và ACGS.
QUY MÔ	Trong năm 2025, HĐQT có tất cả 08 thành viên, trong đó: • 02/08 thành viên độc lập theo tiêu chuẩn của Luật các TCTD năm 2024 và 03/08 theo Luật Doanh nghiệp năm 2020 và thông lệ tốt về quản trị công ty VNCG, OECD. • 02/08 thành viên là người có liên quan, không có thành viên HĐQT tham gia điều hành, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, hướng đến các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về quản trị tốt.
ĐA DẠNG	Năm 2025, HĐQT bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT người nước ngoài là ông Matthew Sander Hosford. Kinh nghiệm chuyên môn: từng làm việc cho IFC, có hơn 35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt là tín dụng và quản trị điều hành Ngân hàng.
ĐỘC LẬP	Các thành viên HĐQT giữ được tính độc lập trong việc đưa ra đánh giá và khách quan khi đưa ra quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền, đặc biệt là độc lập với Ban Điều hành và các cổ đông lớn (hiện SeABank không có cổ đông lớn).
HIỆU QUẢ	• Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty. • Các Ủy ban chuyên trách hoạt động hiệu quả, hỗ trợ HĐQT ra quyết định. **Chi tiết trình bày tại Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT, trang 200-205 của Báo cáo này.*

Đánh giá cơ chế vận hành hoạt động:

- Năm 2025, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ và tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản gần 100 hồ sơ. Các cuộc họp, phiên lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu đầy đủ, tuân thủ quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật. Nội dung các cuộc họp, các nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá và thông qua cẩn trọng.
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tài chính, giao dịch với Người có liên quan của Ngân hàng, chiến lược/chính sách QTRR, phương án tăng vốn điều lệ... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Điều hành.
- Các thay đổi về kế hoạch ngân sách, chiến lược đầu tư tài sản làm trụ sở Ngân hàng đều được nghiên cứu độc lập, có ý kiến phản hồi giữa HĐQT và Ban Điều hành.
- Mối quan hệ giữa HĐQT và BTGĐ thể hiện đúng nguyên tắc: HĐQT định hướng - BTGĐ triển khai - HĐQT giám sát.

SƠ ĐỒ MỐI QUAN HỆ TƯƠNG TÁC GIỮA HĐQT VÀ BTGĐ



Đánh giá kết quả công tác quản trị và giám sát:

- Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương, định hướng chiến lược do ĐHĐCĐ đề ra.
- HĐQT đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.
- HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban Điều hành thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Ngân hàng và các cổ đông.
- HĐQT cũng thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban Điều hành. Các quyết định quan trọng của BTGĐ đều được phân tích, phản biện và tham vấn từ các thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT nhằm bảo đảm lợi ích của Ngân hàng.
- Các thành viên HĐQT nhận diện một cách chủ động vai trò, trách nhiệm hỗ trợ đối với Ban Điều hành và có sự chia sẻ kinh nghiệm, tương tác, trao đổi đối với Ban Điều hành về nghiệp vụ quản trị công ty.

Cơ chế này giúp HĐQT nâng cao chất lượng quyết định quản trị; giảm rủi ro thông tin bất cân xứng; bảo đảm kiểm soát nhưng không làm giảm tính linh hoạt điều hành.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Trong năm 2025, Ủy ban Quản lý Rủi ro (UBQLRR) và Ủy ban Nhân sự (UBNS) trực thuộc HĐQT tiếp tục được kiện toàn theo cơ cấu của HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 và nhân sự của BTGĐ, bám sát định hướng quốc tế hóa, hướng đến tiệm cận các tiêu chuẩn, điều kiện và thông lệ quốc tế hiện hành trên thị trường.

UBQLRR và UBNS cũng đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy định của SeABank; tham mưu và giúp việc cho HĐQT trong các lĩnh vực trọng yếu của Ngân hàng, giúp HĐQT đưa ra các quyết định phù hợp, cụ thể:



Uỷ ban Quản lý rủi ro

Chức năng, nhiệm vụ của UBQLRR:

- Tham mưu cho HĐQT trong việc:
  - » Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro.
  - » Ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.
  - » Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
  - » Quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.
  - » Giám sát của quản lý cấp cao đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định của pháp luật.
  - » Các nội dung khác do HĐQT quy định.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản lý rủi ro hiện hành của Ngân hàng để tham mưu, đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Đối với phát triển bền vững:
  - » Tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc: (i) Quản lý rủi ro MTXH và phát triển bền vững trong hoạt động tín dụng và đầu tư; (ii) Ban hành chính sách quản lý rủi ro MTXH thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của SeABank.
  - » Giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách/quy định quản lý rủi ro MTXH.
  - » Đề xuất với HĐQT phương án cải tiến hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro MTXH trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.
- Các nhiệm vụ khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

Kết quả hoạt động của UBQLRR trong năm 2025

Hoạt động	Chi tiết và kết quả triển khai
Lập chương trình, kế hoạch hoạt động năm 2025	**Mục tiêu:** • Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết trong cuộc họp, triển khai các công việc của kỳ tiếp theo, rà soát quản lý rủi ro và các công việc khác có liên quan. **Kết quả:** • UBQLRR đã thông qua kế hoạch hoạt động năm 2025 với trọng tâm: » Kiểm soát rủi ro tín dụng, tăng cường cảnh báo sớm và thu hồi nợ; » Nâng cao công tác giám sát tài sản bảo đảm; » Hoàn thiện các quy định, công cụ quản trị rủi ro, hệ thống GRC; » Đẩy mạnh đào tạo, truyền thông về nhận diện rủi ro cho các ĐVKD; » Đảm bảo tuân thủ khẩu vị rủi ro, các hạn mức nội bộ và yêu cầu của NHNN trong toàn hệ thống.
Tổ chức họp UBQLRR định kỳ 06 tháng một lần	Kết quả triển khai kỳ họp UBQLRR trong năm 2025: • Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung quản lý rủi ro trong năm 2025 theo đúng định hướng của HĐQT, đảm bảo tuân thủ Luật các TCTD 2024, các Thông tư của NHNN và phù hợp với mục tiêu tăng trưởng kinh doanh an toàn, bền vững. • Rà soát, cập nhật và hoàn thiện các văn bản nội bộ, đặc biệt là các văn bản thuộc thẩm quyền HĐQT; tăng cường giám sát việc tuân thủ định hướng tín dụng, hạn mức và khẩu vị rủi ro. • Thực hiện các chương trình nhằm nâng cao năng lực đánh giá và thẩm định các sản phẩm tín dụng hiện hành, tập trung đặc biệt vào các sản phẩm thanh toán không dùng tiền mặt nhằm rút ngắn quy trình cho vay, phù hợp với kế hoạch chuyển đổi số và đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động thanh toán. • Thực hiện giám sát tín dụng chặt chẽ đối với các phân khúc khách hàng, sản phẩm, khu vực theo các chỉ tiêu tại Định hướng tín dụng 2025 và Báo cáo UBQLRR định kỳ hằng quý. • Chủ động rà soát, phát hiện và cảnh báo rủi ro sớm đối với hoạt động cấp tín dụng, đặc biệt trong lĩnh vực cấp tín dụng qua thẻ nhằm đáp ứng chiến lược phát triển thẻ của Ngân hàng. • Nhiều dự án trọng điểm về QTRR tín dụng và dữ liệu đã được hoàn thiện và đưa vào vận hành, bao gồm: hệ thống phân loại nợ tự động, mô hình xếp hạng tín dụng, hệ thống cảnh báo sớm, báo cáo CIC theo quy định, nâng cấp cơ sở dữ liệu quản trị rủi ro (Risk Datamart), góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và báo cáo rủi ro.

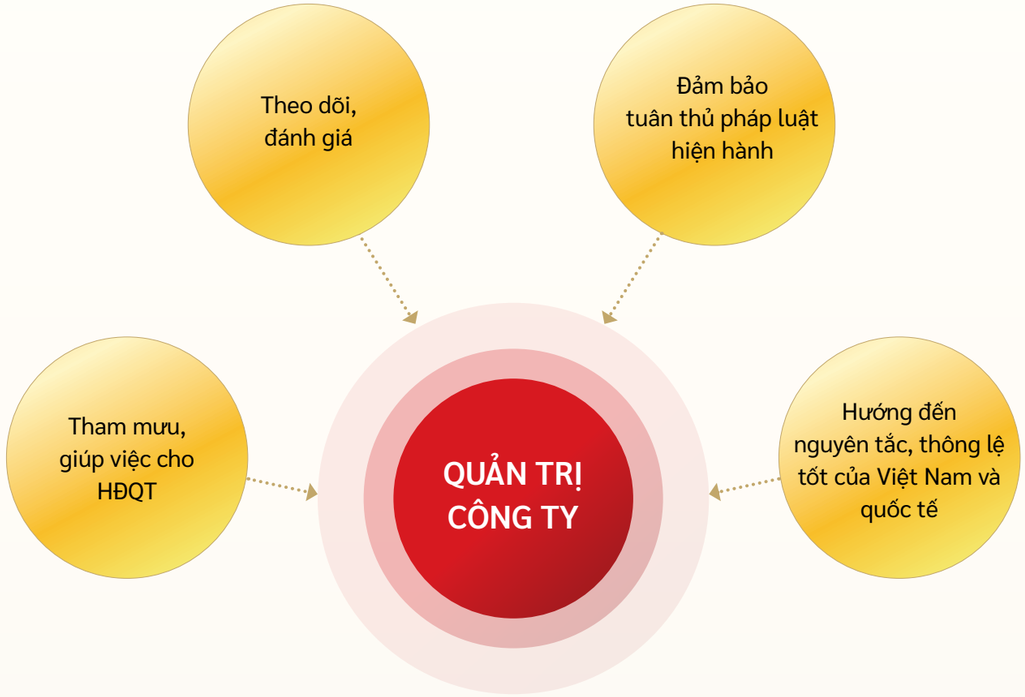
Kết quả hoạt động của UBQLRR trong năm 2025 *(tiếp)*

Hoạt động	Chi tiết và kết quả triển khai
Tổ chức họp UBQLRR định kỳ 06 tháng một lần *- tiếp -*	• Công tác quản lý rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động và an toàn vốn tiếp tục được chú trọng; đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn, quản trị vốn theo khẩu vị rủi ro, đồng thời từng bước triển khai các chuẩn mực Basel III. • Đối với công tác PTBV: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro môi trường - xã hội (ESMS), phát triển các chính sách và chương trình thúc đẩy tín dụng xanh, gắn với mục tiêu bền vững
Tổ chức xin ý kiến các thành viên UBQLRR	**Mục tiêu:** • Tham mưu, hỗ trợ HĐQT trong việc ban hành/sửa đổi/bổ sung các Quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT. **Kết quả:** Tổ chức xin ý kiến đối với các quy trình, chính sách liên quan đến quản lý rủi ro hoạt động của SeABank, bao gồm: • Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng tại SeABank • Chiến lược Quản trị rủi ro hoạt động tại SeABank • Chiến lược Quản lý rủi ro thị trường tại SeABank • Chiến lược Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tại SeABank • Chiến lược Phát triển bền vững tại SeABank • Khẩu vị rủi ro tại SeABank 2026-2030 • Tờ trình kế hoạch vốn và phân bổ vốn năm 2025
Công tác báo cáo, giám sát định kỳ (theo quý)	• Khối QTRR, PC&TT là đầu mối thực hiện các Báo cáo nội bộ về quản lý rủi ro và trình UBQLRR (thông qua Thư ký UBQLRR). • Một số nội dung báo cáo đã triển khai trong năm 2025: » Các loại rủi ro trọng yếu (rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thanh khoản); » Báo cáo tỷ lệ an toàn vốn CAR; » Báo cáo công tác phòng chống rửa tiền... • Qua đó, UBQLRR có cơ sở thực hiện đánh giá, tham vấn cho HĐQT trong công tác QTRR của ngân hàng.

Ủy ban Nhân sự

Chức năng, nhiệm vụ của UBNS

- Về phát triển bền vững: tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị công ty và theo dõi, đánh giá công tác quản trị công ty, đảm bảo việc tuân thủ pháp luật hiện hành về quản trị công ty của Ngân hàng và hướng đến các nguyên tắc, thông lệ tốt về quản trị công ty của Việt Nam và quốc tế.



- Nghiên cứu, tham mưu, trình phê duyệt cho HĐQT đối với các nội dung:
  - » Quy mô và cơ cấu HĐQT, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
  - » Xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và Người điều hành Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.
  - » Chiến lược nhân sự, ngân sách và kế hoạch kế thừa nhân sự của Ngân hàng.
  - » Phương án bổ nhiệm, miễn nhiệm và các mức lương, thưởng, lợi ích, phúc lợi áp dụng cho các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ của SeABank trong từng thời kỳ.
  - » Ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của ngân hàng.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động hằng ngày, phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban.

Kết quả hoạt động của UBNS trong năm 2025

Hoạt động	Chi tiết và kết quả triển khai
Tham mưu, giúp việc v/v tái cấu trúc cơ cấu tổ chức	Hoàn thành tái cấu trúc cơ cấu tổ chức của các Đơn vị phù hợp với chiến lược phát triển và mục tiêu của định hướng kinh doanh, bao gồm: • Khối Nguồn vốn & Thị trường tài chính; • Khối Đầu tư; • Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn; • Khối Khách hàng doanh nghiệp; • Khối Khách hàng cá nhân; • Khối Chuyển đổi Kinh doanh & Dịch vụ số KHCN; • Khối Quản trị rủi ro, Pháp chế & Tuân thủ; • Khối Chiến lược & Tài chính quốc tế; • Khối Quản trị & Phát triển nguồn nhân lực.
Tham mưu, giúp việc v/v tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT	• Tham mưu cho HĐQT trong việc trình ĐHĐCĐ bầu bổ sung 01 thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2023- 2028 là ông Matthew Sander Hosford - thành viên có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và PTBV, có thâm niên công tác tại IFC. • Tham mưu cho HĐQT bổ nhiệm 02 Giám đốc Khối giữ chức vụ PTGĐ; miễn nhiệm và bổ nhiệm các chức vụ quan trọng tại Công ty con, Ban dự án của SeABank, bao gồm: » Bổ nhiệm ông Lê Thanh Hải – Giám đốc Khối KHCN giữ chức vụ PTGĐ; » Bổ nhiệm ông Bùi Quốc Hiệu – Giám đốc Khối PDTD giữ chức vụ PTGĐ; » Ông Vũ Đình Khoán thôi đảm nhiệm chức vụ TGĐ SeABank AMC; » Tiếp nhận bà Nguyễn Thanh Ngọc đảm nhiệm vị trí TGĐ SeABank AMC; » Miễn nhiệm 08 chức vụ quản lý tại SeABank căn cứ theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn điều lệ giữa SeABank và AEON Financial ngày 20/10/2023; » Bổ nhiệm các thành viên Ban chỉ đạo Dự án Mô hình kinh doanh ngành dọc. • Tham mưu cho HĐQT trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Giám đốc CN tại SeABank như: CN Quảng Ninh; CN Cần Thơ, CN Sài Gòn, CN Đồng Nai, CN Bình Phước, CN Long An, CN Bình Chánh...
Tham mưu v/v các chính sách nhân sự thường niên, chính sách đánh giá/thúc đẩy hiệu quả	• Một số chính sách nhân sự được tham mưu và triển khai theo đúng kế hoạch, phát huy hiệu quả tri ân và gia tăng phúc lợi cho CBNV, tiêu biểu: » Chính sách Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVICare năm 2025; » Khám sức khỏe định kỳ 2025; » Chương trình đánh giá năng lực, quy hoạch và bổ nhiệm theo lộ trình nghề nghiệp định kỳ đối với CBNV năm 2025...; » Chính sách phúc lợi nhân dịp 31 năm thành lập Ngân hàng. • Hệ thống KPIs tiếp tục được triển khai và giao mục tiêu theo kế hoạch kinh doanh bám sát định hướng chiến lược phát triển của Ngân hàng năm 2025. Đồng thời, đánh giá hiệu quả và điều chỉnh, cập nhật các chính sách: KPIs, Lương kinh doanh bổ sung đối với đội ngũ cán bộ kinh doanh... theo định hướng thúc đẩy hiệu quả và năng suất vượt trội, nhất quán theo mục tiêu và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của từng phân khúc.

Ủy ban Công nghệ

Chức năng, nhiệm vụ của UBCN

Theo Quyết định số 703/2024/QĐ-HĐQT ban hành ngày 19/08/2024 v/v Thành lập UBCN trực thuộc HĐQT, chức năng, nhiệm vụ của UBCN bao gồm:

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc phê duyệt chiến lược phát triển, các dự án và ngân sách (bao gồm nhưng không hạn chế quy mô và cơ cấu đầu tư) liên quan đến công nghệ, ngân hàng số của Ngân hàng.
- Theo dõi, đánh giá các chiến lược, dự án nêu trên, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng, ngân sách đầu tư đã được phê duyệt trong từng thời kỳ, nhất quán với chiến lược phát triển chung của Ngân hàng.
- Thẩm định, đánh giá trước khi HĐQT phê duyệt và chỉ đạo tổ chức triển khai các dự án, phương án, kế hoạch đầu tư công nghệ, ngân hàng số thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ SeABank.
- Tham mưu cho HĐQT về các chương trình chuyển đổi để thực thi các chiến lược, dự án về công nghệ, ngân hàng số của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về công nghệ, ngân hàng số phát sinh trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.
- Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về cơ chế, chính sách liên quan đến công nghệ, ngân hàng số trong từng thời kỳ.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động hàng ngày, phát sinh trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban.

Kết quả hoạt động của UBNS trong năm 2025

UBCN đã thực hiện nhiều phiên họp để đánh giá đề xuất của các Khối nghiệp vụ, Khối CNNHS về việc triển khai các dự án/hạng mục công nghệ thông tin mới trong năm 2025. Các dự án được phê duyệt nhằm đạt được 04 nhóm mục tiêu trọng yếu sau:

ĐẢM BẢO NỀN TẢNG HOẠT ĐỘNG ỔN ĐỊNH VÀ TUÂN THỦ

- Đáp ứng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu của pháp luật và cơ quan quản lý Nhà nước.
- Đầu tư và hiện đại hóa hạ tầng CNTT thiết yếu, đảm bảo hệ thống vận hành liên tục, ổn định và an toàn.

THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH

- Ứng dụng công nghệ mới nhằm phát triển các sản phẩm, dịch vụ có giá trị cạnh tranh, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh.
- Số hóa và cải tiến hành trình khách hàng, mang lại trải nghiệm dịch vụ vượt trội

TỐI ƯU HÓA VẬN HÀNH VÀ NÂNG CAO HIỆU SUẤT

- Tự động hóa các quy trình, tác nghiệp thủ công nhằm giảm thiểu sai sót, tiết kiệm chi phí và gia tăng năng suất lao động.

TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, tuân thủ và kiểm soát nội bộ (GRC) một cách tích hợp, toàn diện.
- Nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm và thông tin tín dụng.

ĐÀO TẠO VÀ CHỨNG CHỈ LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động đào tạo quản trị công ty tại SeABank chủ yếu được thực hiện thông qua việc đào tạo nội bộ và phát triển đội ngũ lãnh đạo, quản lý nhằm triển khai các chiến lược, các chính sách và quy định về quản trị công ty của Ngân hàng:

(i) Tính đến tháng 12/2025, có 6/8 thành viên HĐQT đã qua đào tạo chuyên sâu về Quản trị công ty của Ngân hàng, bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh	Các khóa đào tạo đã tham dự
1	**Lê Văn Tần**	Chủ tịch HĐQT	• Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) tích hợp ESG
2	**Khúc Thị Quỳnh Lâm**	Phó Chủ tịch HĐQT	• Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) tích hợp ESG
3	**Trần Thị Thanh Thủy**	Thành viên HĐQT	• Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) tích hợp ESG
4	**Fergus Macdonald Clark**	Thành viên độc lập HĐQT	• Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) tích hợp ESG
5	**Mathew Nevil Welch**	Thành viên HĐQT	• Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) tích hợp ESG
6	**Matthew Sander Hosford (*)**	Thành viên độc lập HĐQT	• Chương trình Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) tích hợp ESG

(*) Ông Matthew Sander Hosford được bầu bổ sung làm Thành viên độc lập HĐQT của Ngân hàng kể từ ngày 25/4/2025.

(ii Tính đến tháng 12/2025, đội ngũ Thư ký Quản trị Công ty – bộ phận giúp việc của HĐQT tham gia khóa đào tạo chuyên sâu về Thư ký Quản trị Công ty có tích hợp ESG, bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	**Vũ Quốc Tuấn**	Phó Giám đốc Phụ trách Văn phòng HĐQT kiêm Thư ký Công ty, Người Phụ trách Quản trị Công ty
2	**Đào Minh Nguyệt**	Phó Giám đốc Văn phòng HĐQT kiêm Thư ký Công ty, Người Phụ trách Quản trị Công ty
3	**Hoàng Tuyết Mai**	Trưởng Phòng Thư ký Quản trị Công ty – Văn phòng HĐQT kiêm Thư ký Công ty, Người Phụ trách Quản trị Công ty
4	**Nguyễn Thị Ngọc**	Phó Phòng Thư ký Quản trị công ty – Văn phòng HĐQT

(iii) Trong năm 2025, các thành viên HĐQT cùng đội ngũ Thư ký Quản trị Công ty – Văn phòng HĐQT, BKS và Phòng Kiểm toán nội bộ còn tham dự các khóa học/hội thảo chuyên đề, chuyên sâu về quản trị công ty và thúc đẩy chuyển đổi bền vững, bao gồm nhưng không giới hạn:

STT	Khóa học/Diễn đàn	Nội dung	Đối tượng	Số người tham gia đào tạo
1	**Diễn đàn Ngân hàng Việt Nam: Triển vọng tín dụng và tài chính bền vững**	Thảo luận về triển vọng tín dụng và các xu hướng ESG của hệ thống ngân hàng Việt Nam, các thách thức, bao gồm khoảng trống trong khung pháp lý và quy định, hạn chế về dữ liệu.	Thành viên HĐQT	01
2	**Khóa học ESG Pioneers - Thúc đẩy chuyển đổi bền vững 2025**	Trang bị kiến thức và công cụ để triển khai thành công chiến lược ESG, thiết kế hệ thống quản trị ESG gắn với KPI, lập báo cáo chuẩn quốc tế (GRI, IFRS), và tận dụng cơ hội từ xu hướng xanh để nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dài hạn, biến trách nhiệm thành lợi thế.	Thư ký Quản trị công ty	02
3	**Hội nghị Doanh nghiệp niêm yết 2025**	Báo cáo "Tình hình công ty niêm yết, tổng kết Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2025"	• Thành viên HĐQT • Thư ký Quản trị công ty	03
4	**Hội thảo "Hội đồng Quản trị kiến tạo tương lai: Góc nhìn từ quản trị số và phát triển bền vững"**	Tập trung vào những chủ đề trọng tâm như vai trò định hướng và dẫn dắt của HĐQT trong thúc đẩy công nghệ gắn với PTBV; cách HĐQT và Ban Điều hành ứng dụng công nghệ số và AI trong quá trình xây dựng chiến lược và ra quyết định chiến lược, dự báo gián đoạn thương mại và tối ưu chuỗi cung ứng	Thành viên HĐQT	03
5	**Diễn đàn thường niên về Quản trị công ty**	Tập trung thảo luận chương trình hành động với tinh thần HĐQT bứt phá, bắt đầu từ nhận thức và thay đổi cách thức để định danh Niềm tin và Danh tiếng – hai thành tố phi tài chính trong năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị doanh nghiệp	Thư ký Quản trị công ty	02

STT	Khóa học/Diễn đàn	Nội dung	Đối tượng	Số người tham gia đào tạo
6	**Hội thảo chuyên đề Director Talk (VIOD)**	Vai trò trung tâm của HĐQT trong việc xem xét và đánh giá các chính sách và quy trình quản lý rủi ro của doanh nghiệp	Thư ký Quản trị công ty	02
7	**Hội thảo chuyên đề Director Talk (VIOD)**	Quản trị biến đổi khí hậu và Vai trò của HĐQT: Bài học từ Đông Nam Á & Định hướng cho Doanh nghiệp Việt Nam – Vai trò của HĐQT trong quản trị biến đổi khí hậu tại Đông Nam Á	• Thành viên HĐQT • Thư ký Quản trị Công ty	04
8	**Hội thảo chuyên đề Director Talk (VIOD)**	Thu hút đầu tư qua Thị trường Chứng khoán Việt Nam & Hành trình nâng hạng quốc tế	• Thành viên HĐQT • Thư ký Quản trị Công ty	04
9	**Hội thảo chuyên đề Director Talk (VIOD)**	Sự kiện kỉ niệm và chào mừng Hành trình 8 năm phát triển Đồng kiến tạo & Nâng tầm Quản trị	• Thành viên HĐQT • Thư ký Quản trị Công ty	04
10	**Hội thảo chuyên đề Director Talk (VIOD)**	Thuế đối ứng: Góc nhìn từ HĐQT	• Thành viên HĐQT • Thư ký Quản trị Công ty	04
11	**Hội thảo do UBCKNN cùng VIOD, HOSE, HNX phối hợp tổ chức**	Hội thảo: "Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân: Cơ hội nào cho các Doanh nghiệp Niêm yết và Công ty Đại chúng"	• Thành viên HĐQT • Thư ký Quản trị Công ty	02
12	**Chương trình chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán lần thứ 8 (ACMP8)**	• Tập trung đào tạo chi tiết, chuyên sâu về cơ cấu, chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán theo quy định pháp luật hiện hành, bao gồm các văn bản hướng dẫn thi hành luật, nghị định liên quan. • Chia sẻ các thông lệ thực tiễn tại các Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam nhằm giúp các thành viên áp dụng hiệu quả mô hình Ủy ban Kiểm toán trong tổ chức của mình.	• Thành viên chuyên trách BKS • Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ	02
13	**Chương trình chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán lần thứ 9 (ACMP9)**	• Tập trung đào tạo chi tiết, chuyên sâu về cơ cấu, chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán theo quy định pháp luật hiện hành, bao gồm các văn bản hướng dẫn thi hành luật, nghị định liên quan. • Chia sẻ các thông lệ thực tiễn tại các Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam nhằm giúp các thành viên áp dụng hiệu quả mô hình Ủy ban Kiểm toán trong tổ chức của mình.	Thành viên BKS	01

(iv) Một số chương trình đào tạo tiêu biểu về quản trị do SeABank tự triển khai nhằm nâng cao năng lực QTRR cho lực lượng bán tại ĐVKD, gồm các khóa đào tạo hướng dẫn quy trình quy định đánh giá rủi ro môi trường - xã hội dành cho:

- Cán bộ bán mảng KHDN từ cấp Chuyên viên - Trưởng nhóm;
- Giám đốc quan hệ KHDNL;
- Chuyên viên Thẩm định KHDN, KHDNL, Đầu tư và Định chế tài chính.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát năm 2025

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Kinh nghiệm/Chuyên môn	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu
1	**Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh**	Trưởng BKS	Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng	1.238.989	0,0435%
2	**Ông Nguyễn Thành Luân**	Thành viên BKS chuyên trách	Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Đầu tư - Trường Đại học Kinh tế quốc dân.	194.782	0,0068%
3	**Bà Vũ Thu Thủy**	Thành viên BKS chuyên trách	Thạc sĩ quản trị kinh doanh tài chính - Trường Đại học Nam Colombia.	20.000	0,0007%
4	**Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh**	Thành viên BKS	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học California Miramar Hoa Kỳ.	8.009.737	0,2815%
5	**Ông Lương Duy Đông**	Thành viên BKS	Cử nhân Kế toán kiểm toán- Trường Đại học Kinh tế quốc dân.	42.623	0,0015%

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

BKS đã triển khai họp định kỳ hàng tháng nhằm rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình HĐQT; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động trong tháng tiếp theo.

Trong năm 2025, BKS đã triển khai 11 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của toàn bộ thành viên. Cụ thể:

Thành viên BKS tham gia họp định kỳ:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	**Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh**	11	100%	100%	-
2	**Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh**	11	100%	100%	-
3	**Bà Vũ Thu Thủy**	11	100%	100%	-
4	**Ông Nguyễn Thành Luân**	11	100%	100%	-
5	**Ông Lương Duy Đông**	11	100%	100%	-

Các cuộc họp BKS 2025

Nội dung 11 cuộc họp cụ thể như sau:

(i) Tổng kết hoạt động theo quý và kế hoạch hoạt động quý tiếp theo;

(ii) Phân công nhiệm vụ các thành viên BKS;

(iii) Thông qua kế hoạch kiểm toán năm & kế hoạch đột xuất;

(iv) Thông qua kết quả thẩm định báo cáo tài chính;

(v) Thông qua nội dung về văn bản thực hiện giám sát cấp cao của Ban Kiểm soát đối với Kiểm toán nội bộ;

(vi) Thông qua các nội dung cụ thể khác.

STT	Danh sách cuộc họp định kỳ	Nội dung	Kết quả
1	**Biên bản họp số 1**	• Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trong Quý IV/2024 và Báo cáo kế hoạch hoạt động của các thành viên trong Quý I/2025. • Tiến hành phân công công việc cho các Thành viên BKS và triển khai kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ của BKS trong Quý I/2025.	Thống nhất kế hoạch hành động và nhiệm vụ của các thành viên trong Quý I/2025.
2	**Biên bản họp số 2**	Biên bản họp BKS về việc thảo luận về thù lao bổ sung năm 2024 đối với các thành viên BKS.	Thông qua việc áp dụng thù lao bổ sung năm 2024 đối với các thành viên BKS.
3	**Biên bản họp số 3**	Biên bản họp BKS về nội dung Phân công công việc của Phòng Kiểm toán nội bộ.	Thông qua nôi dung Phân công công việc của Phòng Kiểm toán nôi bộ.
4	**Biên bản họp số 4**	• Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trong Quý I/2025 và Báo cáo kế hoạch hoạt động của các thành viên trong Quý II/2025. • Tiến hành phân công công việc cho các Thành viên BKS và triển khai kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong Quý II/2025. • Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024.	• Thống nhất kế hoạch hành động của các thành viên trong Quý II/2025. • Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024.

Các cuộc họp BKS 2025 *(tiếp)*

STT	Danh sách cuộc họp định kỳ	Nội dung	Kết quả
5	**Biên bản họp số 5**	Cử nhân sự tham dự khóa đào tạo chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán lần thứ 8 (ACMP8).	Thống nhất cử ông Nguyễn Thành Luân (thành viên BKS chuyên trách), ông Trần Anh Dũng (Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ) tham dự khóa đào tạo chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán lần thứ 8 (ACMP8).
6	**Biên bản họp số 6**	Biên bản họp của BKS về việc thực hiện giám sát cấp cao của Ban BKS đối với Đoàn Kiểm toán nội bộ theo đợt.	Thông qua việc ban hành Hướng dẫn thực hiện giám sát cấp cao của BKS đối với Đoàn Kiểm toán nội bộ theo đợt.
7	**Biên bản họp số 7**	Cử nhân sự tham dự khóa đào tạo chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán lần thứ 9 (ACMP9).	Thống nhất cử ông Lương Duy Đông (thành viên BKS) tham dự khóa đào tạo chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán lần thứ 9 (ACMP9).
8	**Biên bản họp số 8**	Biên bản họp của BKS về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2025 và năm 2026	Trình ĐHĐCĐ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2025 và năm 2026
9	**Biên bản họp số 9**	• Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trong Quý II/2025 và Báo cáo kế hoạch hoạt động của các thành viên trong Quý III/2025. • Tiến hành phân công công việc cho các Thành viên BKS và triển khai kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ của BKS trong Quý III/2025.	Thống nhất kế hoạch hành động của các thành viên trong Quý III/2025 và chỉ đạo công tác thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm.
10	**Biên bản họp số 10**	Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025.	Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025.
11	**Biên bản họp số 11**	• Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trong Quý III/2025 và Báo cáo kế hoạch hoạt động của các thành viên trong Quý IV/2025. • Tiến hành phân công công việc cho các Thành viên BKS và triển khai kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ của BKS trong Quý IV/2025.	Thống nhất kế hoạch hành động của các thành viên trong Quý IV/2025.



Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BTGĐ được thực hiện thường xuyên và theo các chuyên đề, trên cơ sở định hướng chỉ đạo điều hành của Chính Phủ và NHNN đối với các hoạt động của TCTD liên quan đến:
  - » Thực hiện chính sách tiền tệ, tín dụng và ngoại hối,
  - » Phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố,
  - » Phòng chống tham nhũng,
  - » Nâng cao năng lực quản trị, điều hành, quản trị rủi ro,
  - » Nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo an toàn hoạt động Ngân hàng...
- BKS giám sát việc HĐQT triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách, chỉ thị của NHNN và Nghị Quyết của ĐHĐCĐ thông qua việc việc ban hành các Nghị Quyết, Chỉ thị về định hướng mục tiêu, chỉ tiêu kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm. Giám sát việc các Ủy Ban trực thuộc HĐQT được thành lập đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và phát huy vai trò của mình trong hoạt động quản trị của Ngân hàng.
- BKS giám sát BTGĐ trong việc tổ chức triển khai nhiệm vụ, kế hoạch kinh doanh theo đúng định hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT. Đảm bảo nhiệm vụ điều hành của BTGĐ có phân công, phân nhiệm rõ ràng đến từng Đơn vị nghiệp vụ. Đồng thời liên tục rà soát các quy định nội bộ nhằm chuẩn hóa hệ thống văn bản nội bộ và đảm bảo cập nhật kịp thời các quy định của NHNN, quy định của pháp luật và đảm bảo hoạt động của Ngân hàng được thông suốt, an toàn và hiệu quả.



- BKS thực hiện giám sát BTGĐ trong việc thực hiện Phương án Cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025 và thông qua hệ thống thông tin nội bộ (Báo cáo hoạt động, Báo cáo Giám sát từ các Đơn vị thuộc tuyến số 1 và 2).

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- BKS đã tham gia các phiên họp thường kỳ của HĐQT và các cuộc họp giao ban của BTGĐ. HĐQT và BTGĐ đảm bảo việc cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, phục vụ cho chức năng nhiệm vụ của BKS.
- BKS và Kiểm toán nội bộ tổ chức các phiên họp để kịp thời thông báo, làm việc với HĐQT, BTGĐ để có các quyết định, chỉ đạo quyết liệt nhằm ngăn ngừa và xử lý các tồn tại trong hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện các quy định, cải tiến quy trình, sản phẩm, quản trị rủi ro trong kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.
- HĐQT, Ban Điều hành đã nỗ lực khắc phục các tồn tại theo khuyến nghị của BKS và Kiểm toán nội bộ, tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ.
- Tăng cường Cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa BKS với HĐQT và BTGĐ thông qua hệ thống báo cáo thông tin nội bộ, cử đại diện tham dự các phiên họp của các Ủy ban/Tiểu ban với tư cách khách mời.
- Chỉ đạo Kiểm toán nội bộ tiếp tục phối hợp với Khối/Phòng/Ban xây dựng dự án Phần mềm QTRR và tuân thủ. Đây là phần mềm tích hợp luồng quy trình và dữ liệu (GRC) nhằm áp dụng CNTT/tự động hóa trong hoạt động tác nghiệp, dự báo xu hướng rủi ro và lưu trữ dữ liệu phục vụ cho công tác quản trị, chuyên nghiệp hóa hoạt động.

Hoạt động khác của BKS:

Trong kỳ BKS cũng thực hiện một số chức năng nhiệm vụ khác như sau:

- Thực hiện chức năng Giám sát quản lý cấp cao đối với kiểm toán nội bộ theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN, trong kỳ BKS đã đôn đốc Phòng Kiểm toán nội bộ hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm.

- BKS chỉ đạo Kiểm toán nội bộ tiếp tục triển khai Chương trình đảm bảo & cải thiện chất lượng kiểm toán nội bộ (QAIP) đáp ứng yêu cầu, kỳ vọng của đối tác nước ngoài trong hợp tác quốc tế, phù hợp với chuẩn mực IIA (Hiệp Hội Kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ).
- BKS chỉ đạo Kiểm toán nội bộ tiếp tục phối hợp với Khối QTRR, PC&TT xây dựng các bộ Đánh giá hiệu quả chốt kiểm soát (MCA) theo mô hình kiểm soát nội bộ chuẩn mực COSO, hướng tới khẳng định vị thế của SeABank trên thị trường quốc tế.
- Thực hiện đánh giá và trình ĐHĐCĐ danh sách công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán BCTC để quyết định lựa chọn theo quy định của pháp luật.
- Theo dõi, lập danh sách người có liên quan và rà soát các giao dịch đối với người có liên quan của Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật các TCTD hiện hành.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 và Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2025 của Ngân hàng.
- Chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ đánh giá rủi ro và lập kế hoạch kiểm toán năm 2026. Kế hoạch kiểm toán nội bộ được cập nhật tiêu chí đánh giá mức độ trọng yếu đối với hoạt động của SeABank, các vấn đề theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như các vấn đề được dư luận xã hội quan tâm. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của NHNN, cơ quan quản lý.
- Thực hiện triển khai tăng cường hoạt động kiểm soát theo các công văn chỉ đạo của NHNN.



TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, CƠ QUAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Cơ chế xác định mức tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích

Thù lao của HĐQT, BKS của Ngân hàng do ĐHĐCĐ thông qua. Trên cơ sở phê duyệt của ĐHĐCĐ, HĐQT đã ban hành Quy định về chế độ thù lao của HĐQT, BKS Ngân hàng số 246/2023/QĐ- HĐQT.



- ***Thù lao hằng tháng:*** Khung thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS được xây dựng gồm 7 thang mức và 9 cấp bậc để đảm bảo có sự phân cấp phù hợp về năng lực, sự đóng góp cho Ngân hàng và tình hình thực tế.
- ***Thù lao bổ sung:***
  - » Đối với các thành viên HĐQT đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên độc lập HĐQT sẽ được cộng thêm hệ số chức danh tương ứng theo các tỷ lệ quy định. Đối với các thành viên HĐQT chuyên trách sẽ được cộng tối đa 50% mức thù lao của thành viên không chuyên trách cùng cấp bậc, theo các thang mức tương ứng.
  - » Đối với thành viên BKS đảm nhiệm chức vụ Trưởng BKS hoặc thành viên BKS chuyên trách cũng sẽ được cộng thêm hệ số chức danh tương ứng theo quy định.
  - » Quy định cũng nêu cụ thể các nguyên tắc trong việc quản lý, chi trả thù lao, thưởng và các chế độ khác đối với HĐQT, BKS; chế độ thưởng thành tích và các lợi ích khác áp dụng đối với thành viên HĐQT, BKS của Ngân hàng.
- ***Bổ sung chế độ phúc lợi:*** Năm 2025, HĐQT đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chế độ thù lao của HĐQT, BKS Ngân hàng số 246/2023/QĐ- HĐQT. Theo đó, bổ sung quy định về chính sách phúc lợi áp dụng cho thành viên HĐQT và BKS bao gồm:
  - » Chi phí công vụ khi thực hiện nhiệm vụ đặc thù, đột xuất hoặc thường xuyên được giao;
  - » Quyền lợi bảo hiểm PVICare và khám sức khỏe tổng quát định kỳ hàng năm cho từng chức danh;
  - » Các phúc lợi khác theo quy định trong từng thời kỳ.

Quy trình chi trả thù lao

ĐHĐCĐ thông qua khung chính sách về thù lao HĐQT, BKS → HĐQT ban hành chính sách thù lao áp dụng đối với HĐQT, BKS của Ngân hàng → Định kỳ hàng tháng, Khối TC&KH chi trả thù lao đối với các thành viên HĐQT, BKS của Ngân hàng trên cơ sở phê duyệt của ĐHĐCĐ, HĐQT

Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

HĐQT, BKS được hưởng thù lao/lương và một số phúc lợi khác nhau, cụ thể:

Về thù lao/ lương và chi phí hoạt động

STT	Nội dung	Năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
A	**Tổng Thù lao (*), thưởng và lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2025**	**45.065**	
1	**Thù lao của Hội đồng quản trị ("HĐQT")**	**29.403**	
1.1	**Ông Lê Văn Tần - Chủ tịch HĐQT**	7.000	
1.2	**Bà Nguyễn Thị Nga - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT**	6.300	
1.3	**Bà Lê Thu Thủy - Phó Chủ tịch HĐQT**	5.600	
1.4	**Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm - Phó Chủ tịch HĐQT**	3.402	
1.5	**Ông Mathew Nevil Welch - Thành viên HĐQT**	1.752	
1.6	**Ông Fergus Macdonald Clark - Thành viên độc lập HĐQT**	1.885	
1.7	**Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên HĐQT**	2.414	

Về thù lao/ lương và chi phí hoạt động *(tiếp)*

STT	Nội dung	Năm 2025 (triệu đồng)	Ghi chú
1.8	**Ông Matthew Sander Hosford – Thành viên độc lập HĐQT**	1.050	Được bầu giữ chức vụ Thành viên độc lập HĐQT ngày bổ nhiệm ngày 25/04/2025
2	**Thù lao của Ban kiểm soát ("BKS")**	9.219	
2.1	**Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh – Trưởng BKS**	3.080	
2.2	**Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh – Thành viên BKS**	1.540	
2.3	**Ông Nguyễn Thành Luân – Thành viên BKS chuyên trách**	1.827	
2.4	**Bà Vũ Thu Thủy – Thành viên BKS chuyên trách**	1.512	
2.5	**Ông Lương Duy Đông – Thành viên BKS**	1.260	
3	**Lợi ích khác của HĐQT, BKS**	6.689	
3.1	**Bảo hiểm sức khỏe PVI Care**	522	
3.2	**Khám sức khỏe**	246	Chi phí phát sinh năm 2025 ghi nhận năm 2026
3.3	**Chi phí khác**	5.921	
B	**Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác**	45.123	

(*) Các khoản thù lao, tiền lương là số liệu sau khi đã khấu trừ thuế TNCN.

Kế hoạch chi trả thù lao, các phúc lợi khác và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026

Trên cơ sở quy định về thù lao, chi tiêu của HĐQT và BKS đã được ban hành và đánh giá các chỉ tiêu kinh doanh và kế hoạch nhân sự của HĐQT, BKS trong năm 2026, HĐQT đã đề nghị ĐHĐCĐ thông qua tổng mức thù lao, thưởng và chi phí hoạt động năm 2026 của HĐQT và BKS như sau:

STT	Nội dung	Tổng Ngân sách năm 2026
1	**Tổng mức thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động khác của HĐQT**	1,2% Lợi nhuận trước thuế năm 2026
2	**Tổng mức thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động khác của BKS**	0,6% Lợi nhuận trước thuế năm 2026
	Tổng cộng	1,8% Lợi nhuận trước thuế năm 2026

Trên cơ sở kế hoạch ngân sách này và để triển khai nghị quyết trên,

(i) HĐQT được quyết định/phê duyệt/ban hành (bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung, thay thế) quy định về chế độ thù lao, chi tiêu, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS của SeABank và mức thù lao của các thành viên HĐQT đảm bảo phù hợp với kế hoạch ngân sách của HĐQT, BKS được ĐHĐCĐ thông qua và quy định khác có liên quan của SeABank trong từng thời kỳ;

(ii) BKS quyết định mức thù lao của các thành viên BKS đảm bảo phù hợp với kế hoạch ngân sách của HĐQT, BKS được ĐHĐCĐ thông qua và quy định khác có liên quan của SeABank trong từng thời kỳ.

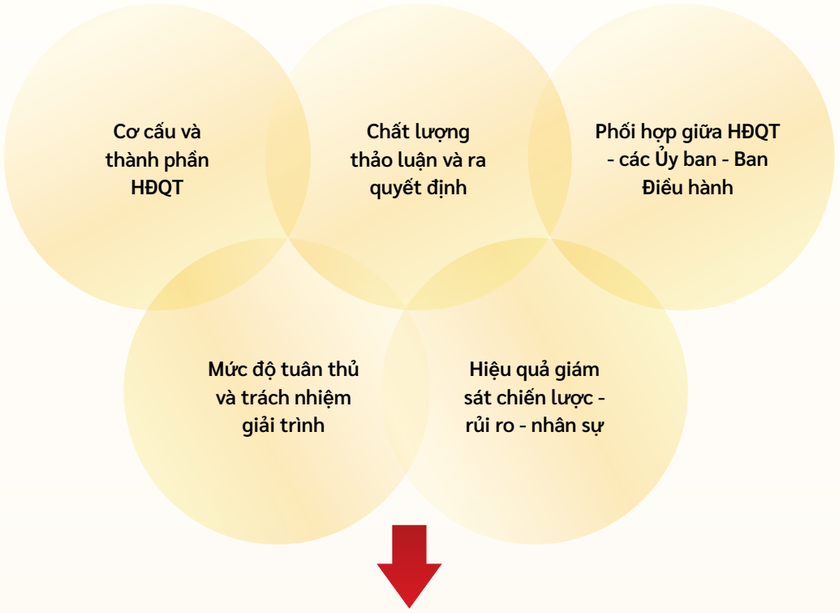


ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ KẾ HOẠCH NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

Đánh giá về công tác Quản trị công ty năm 2025

Đánh giá chung về công tác Quản trị năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT SeABank tiếp tục chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua việc tự đánh giá định kỳ vai trò, trách nhiệm và chất lượng giám sát của HĐQT và các Ủy ban trực thuộc.



HĐQT xem xét điều chỉnh chương trình hoạt động, kiện toàn cơ cấu Ủy ban, nâng cao chất lượng thông tin báo cáo và xác định các nội dung ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho thành viên HĐQT.

Trên tinh thần cải tiến liên tục, HĐQT SeABank định hướng từng bước tiệm cận các thông lệ quản trị tốt của khu vực và quốc tế, phù hợp với quy mô, đặc thù hoạt động và giai đoạn phát triển của Ngân hàng.



Đánh giá về các khía cạnh cụ thể của công tác Quản trị

Về cơ cấu – thành phần HĐQT (Board Composition)	**(i) 100% thành viên không điều hành:** • Toàn bộ 08/08 là thành viên không điều hành là điểm cộng lớn theo OECD *(giảm xung đột vai trò)* và ACGS *(tăng chất lượng giám sát).* **(ii) Đa dạng giới rất mạnh - 50% nữ (04/08):** • Đây là mức **vượt trội** so với mặt bằng Việt Nam và phù hợp với: xu hướng về đa dạng hóa HĐQT *(theo OECD)*; điểm cộng về "board diversity" *(theo ACGS).* **(iii) Kiện toàn năng lực HĐQT trong năm, bổ sung thành viên độc lập (25/4/2025):** • Việc bổ sung 01 thành viên độc lập thể hiện cơ chế "refresh" và tăng tính độc lập/khách quan của HĐQT.
Hiệu quả hoạt động HĐQT qua họp/biểu quyết (Board Process)	**(i) Tỷ lệ tham dự 100%**: • Tất cả thành viên có tỷ lệ tham dự 100% *(tính trên số buổi họp/xin ý kiến)*, cho thấy kỷ luật họp và mức độ cam kết cao. **(ii)** Cơ chế không tham gia biểu quyết khi có liên quan giao dịch được nêu rõ trong các biên bản và nghị quyết của HĐQT.
Hoạt động giám sát BTGĐ và hệ thống kiểm soát – rủi ro	**(i)** Khung giám sát theo điều lệ/quy chế/pháp luật rõ ràng với các cơ chế nghị quyết/chỉ thị/thông báo, yêu cầu báo cáo định kỳ/đột xuất. Chi tiết tại trang 188-189 của Báo cáo này . **(ii) Giám sát rủi ro - tuân thủ - ICAAP có cấu phần đầy đủ:** • Các nội dung về: khung rủi ro tổng thể, mô hình 3 tuyến bảo vệ, tuân thủ TT13/2018, ICAAP, cảnh báo sớm, Basel III... Chi tiết tại trang 228-247 của Báo cáo này . **(iii) Tích hợp rủi ro Môi trường - Xã hội vào tín dụng (ESMS) và sàng lọc 100% đề xuất tín dụng. Chi tiết tại trang 252-253 của Báo cáo này .**
Hoạt động các Ủy ban thuộc HĐQT (Board Committees)	SeABank có 3 Ủy ban quan trọng: UBQLRR, UBNS, UBCN. Đây là cấu trúc phù hợp với xu hướng quản trị hiện đại, đặc biệt là UBCN phù hợp với xu hướng quản trị thời chuyển đổi số). • **UBQLRR:** có thành viên độc lập HĐQT tham gia, nội dung giám sát sâu (risk appetite, Basel, ESMS...). • **UBNS**: tham mưu tái cấu trúc tổ chức, bổ nhiệm nhân sự cấp cao, kế thừa cho HĐQT. • **UBCN:** có yếu tố quốc tế hóa, giám sát ngân sách/dự án CNTT/GRC

Đánh giá về các vấn đề trọng yếu HĐQT đã xem xét và quyết định trong năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT SeABank đã tập trung xem xét và quyết định các vấn đề trọng yếu thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật và điều lệ, bảo đảm thực hiện đầy đủ vai trò định hướng chiến lược, giám sát rủi ro, đảm bảo an toàn vốn, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy chuyển đổi bền vững. Trên cơ sở chương trình hoạt động năm, HĐQT đã thảo luận và ban hành các nghị quyết/quyết định theo các nhóm vấn đề trọng yếu sau:

Các vấn đề trọng yếu đã xem xét/quyết định	Đánh giá của HĐQT
Định hướng chiến lược và cơ cấu tổ chức theo chiến lược	**Triển khai:** • HĐQT đã xem xét và thông qua các chủ trương quan trọng liên quan đến hoàn thiện mô hình tổ chức, tăng cường hiệu quả quản trị điều hành và triển khai chiến lược trong các mảng hoạt động trọng yếu. **Mục tiêu/kết quả:** • Các quyết định tập trung vào việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu của một số khối/đơn vị nhằm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng, tối ưu vận hành và nâng cao năng lực cạnh tranh.
QTRR tổng thể và nâng cấp khung quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế	**Triển khai:** • HĐQT đã phê duyệt và/hoặc thông qua các chiến lược, chính sách, khung QTRR đối với các nhóm rủi ro trọng yếu (tín dụng, thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng...). **Mục tiêu/kết quả:** • Cập nhật khẩu vị rủi ro giai đoạn tiếp theo, củng cố hệ thống công cụ và cơ chế giám sát, nâng cao năng lực cảnh báo sớm và quản trị dữ liệu rủi ro
An toàn vốn, quản trị vốn và các quyết sách tài chính trọng yếu	**Triển khai:** • HĐQT đã xem xét các vấn đề liên quan đến kế hoạch vốn, phân bổ vốn, quản trị tỷ lệ an toàn và các cơ chế đảm bảo an toàn tài chính theo quy định của NHNN và định hướng tiệm cận các chuẩn mực quản trị vốn quốc tế. Đồng thời, HĐQT định kỳ phê duyệt và/hoặc thông qua báo cáo tài chính quý, bán niên và năm theo quy định. **Mục tiêu/kết quả:** • Đảm bảo tuân thủ các quy định và tiệm cận các chuẩn quốc tế, đảm bảo an toàn tài chính, tính kịp thời và trách nhiệm giải trình.
Huy động nguồn vốn và các giao dịch thị trường vốn – tăng cường năng lực tài trợ dài hạn	**Triển khai:** • HĐQT đã xem xét và quyết định các chủ trương quan trọng liên quan đến huy động vốn trên thị trường vốn, bao gồm: các kế hoạch/đề án phát hành công cụ nợ và các nội dung triển khai liên quan. **Mục tiêu/kết quả:** • Đa dạng hóa nguồn vốn, tăng cường nguồn vốn trung – dài hạn, nâng cao năng lực tài trợ và tối ưu cấu trúc nguồn vốn theo định hướng PTBV.
Công nghệ, chuyển đổi số và củng cố "hạ tầng quản trị" (GRC, dữ liệu, an toàn hệ thống)	**Triển khai:** • HĐQT, thông qua UBCN và các cơ chế thẩm định nội bộ, đã phê duyệt/định hướng các chương trình đầu tư công nghệ tập trung các mục tiêu cốt lõi. **Mục tiêu/kết quả:** • (i) Bảo đảm nền tảng vận hành ổn định và tuân thủ; • (ii) Thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua số hóa hành trình khách hàng; • (iii) Tối ưu vận hành và tăng năng suất; • (iv) Tăng cường QTRR và kiểm soát nội bộ thông qua hệ thống GRC tích hợp, cảnh báo sớm và nâng cấp hệ thống dữ liệu.
Tài chính bền vững và tích hợp ESG trong quản trị - rủi ro - sản phẩm	Triển khai: • HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung liên quan đến PTBV và tài chính bền vững, bao gồm: » Ban hành/áp dụng các khung chính sách và công cụ hỗ trợ (ví dụ: khung trái phiếu xanh và các cấu phần liên quan); » Tăng cường giám sát tích hợp quản lý rủi ro môi trường – xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Mục tiêu/kết quả: • Các quyết sách bám sát định hướng đưa ESG trở thành một phần tích hợp trong nền tảng quản trị, củng cố năng lực cạnh tranh dài hạn.
Nhân sự cấp cao, kế thừa lãnh đạo và quản trị đãi ngộ theo hiệu quả	Triển khai: • HĐQT (thông qua UBNS) đã xem xét và quyết định các vấn đề trọng yếu về nhân sự thuộc thẩm quyền, bao gồm: » Kiện toàn cơ cấu lãnh đạo, bổ nhiệm/miễn nhiệm các chức danh quản lý quan trọng; » Nâng cao hệ thống chính sách nhân sự Mục tiêu/kết quả: • Đảm bảo năng lực điều hành, kế thừa lãnh đạo và phát triển đội ngũ theo chiến lược dài hạn.
Quản trị giao dịch với bên liên quan, xung đột lợi ích và cơ chế trách nhiệm giải trình	**Triển khai:** • HĐQT thực hiện cơ chế quản trị xung đột lợi ích thông qua việc ghi nhận và áp dụng nguyên tắc thành viên có liên quan không tham gia biểu quyết đối với các nội dung thuộc phạm vi giao dịch liên quan. **Mục tiêu/kết quả:** • Củng cố tính minh bạch và liêm chính trong ra quyết định, phù hợp với các nguyên tắc quản trị của OECD và các tiêu chí ACGS về quản trị giao dịch với bên liên quan.

Đánh giá về công tác Quản trị theo VNCG 2026 và Thẻ điểm Quản trị ASEAN: Chi tiết tại phục lục đính kèm Báo cáo này (từ trang 388 của Báo cáo này)

Kế hoạch nâng cao năng lực Quản trị công ty năm 2026

- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự cho HĐQT và BKS của Ngân hàng nhằm nâng cao hơn nữa năng lực của HĐQT, BKS và đáp ứng các thông lệ tốt về quản trị công ty trong PTBV theo VNCG 2026, ACGS và các quy định của NHNN:
  - » Tìm kiếm ứng viên để bầu bổ sung/thay thế vào vị trí thành viên HĐQT, tiêu chí có kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT chuyên sâu hoặc/và kiểm toán công nghệ.
  - » Bầu bổ sung/thay thế thành viên BKS theo hướng ưu tiên những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng nhằm đa dạng hóa năng lực, chuyên môn, kinh nghiệm, đáp ứng nhu cầu thực tế hoạt động của BKS ngày càng gia tăng do được bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật các TCTD năm 2024.
  - » Rà soát và thực hiện phân công công việc lại cho các thành viên HĐQT, BKS theo thực tế nhân sự được bầu bổ sung trong năm 2026 và quy định mới của NHNN tại Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026) và ACGS.
- Rà soát, tái cấu trúc và sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban trực thuộc HĐQT theo thực tế nhân sự, yêu cầu của Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026) và ACGS 2025; rà soát, cải tiến quy trình làm việc của các Ủy ban; kiện toàn nhân sự giúp việc cho các Ủy ban nhằm tăng cường nguồn lực cho các Ủy ban tham mưu cho HĐQT trong công tác PTBV, đặc biệt là trụ cột Quản trị.
- Nghiên cứu, xem xét thành lập Ủy ban Phát triển bền vững với các thành viên có kinh nghiệm thực thi chiến lược PTBV tại các tổ chức quốc tế nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc triển khai, giám sát thực thi chiến lược PTBV tại Ngân hàng.
- Thành lập và đưa vào hoạt động Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT theo Luật Doanh nghiệp 2020, được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026) và ACGS 2025, qua đó tham mưu, giúp việc cho HĐQT giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính, quản lý cấp cao hệ thống kiểm soát nội bộ, rà soát giao dịch bên liên quan.
- Tiếp tục rà soát, đánh giá để kiện toàn khung quản trị công ty theo Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Chiến lược Phát triển Bền vững của NHNN, Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026), ACGS và hướng tới Bộ nguyên tắc quản trị công ty của OECD/G20, cũng như đảm bảo các cam kết của Ngân hàng với các đối tác quốc tế như IFC, DFC, AIIB, Norfund..., đặt mục tiêu trở thành nhóm công ty thuộc VNCG50, ACGS20.
- Rà soát, đánh giá chiến lược PTBV của SeABank theo Chiến lược Phát triển Bền vững của NHNN, và Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho công ty đại chúng Việt Nam (ấn bản năm 2026), Bộ Thẻ điểm Quản trị Công ty của ASEAN và hướng tới Bộ nguyên tắc quản trị công ty của OECD/G20, và thực tế hoạt động của Ngân hàng để đảm bảo chất lượng, hiệu quả, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên liên quan.
- Rà soát, đánh giá công tác công bố thông tin, hệ thống Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên và Báo cáo PTBV theo các chuẩn mực báo cáo quốc tế, phù hợp với thực tế ngành ngân hàng và SeABank.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại không dùng tiền mặt trong hoạt động ngân hàng gắn với đảm bảo an ninh, an toàn, trong đó ưu tiên chỉ đạo triển khai các dự án công nghệ số và vận hành tập trung để hỗ trợ hoạt động kinh doanh theo chiến lược mới của Ngân hàng, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị năm 2026 và Kế hoạch số 01/KH-NHNN ngày 10/1/2026. Cụ thể:
  - » Triển khai các sáng kiến số hóa quy trình, sản phẩm dịch vụ số.
  - » Đảm bảo an toàn thông tin, phòng ngừa các nguy cơ cyber, bảo vệ quyền lợi khách hàng;
  - » Tích hợp dữ liệu lớn (big data), AI và công nghệ mới để nâng cao trải nghiệm khách hàng, đồng thời tăng cường kiểm soát rủi ro.
  - » HĐQT tiếp tục rà soát định kỳ cơ chế họp và phân cấp phê duyệt nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản trị, bảo đảm HĐQT tập trung vào các vấn đề chiến lược và giám sát trọng yếu, đồng thời nâng cao tốc độ ra quyết định và tính linh hoạt trong điều hành.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Tình hình thực hiện trong năm 2025



- Tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 vào ngày 25/04/2025.
- Tổ chức lấy ý kiến cổ đông 01 lần trong năm vào tháng 07-08/2025.
- Số lượng cổ đông của SeABank tại ngày 31/12/2025 là hơn 10.800 cổ đông, tăng gần 32% so với thời điểm cuối năm 2024.
- Hoàn thành việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 13,6%.
- Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời đến cổ đông, nhà đầu tư thông qua các kênh thông tin đa dạng và dễ tiếp cận như website, mạng xã hội Facebook, thư điện tử, SMS... Các thông tin được cung cấp bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- Tổ chức thành công, tham gia nhiều chương trình, sự kiện tiếp xúc với các nhà đầu tư:

Số lượng cổ đông SeABank

10.800 cổ đông

(thời điểm 31/12/2025)

32%

so với cuối năm

Kế hoạch tăng cường quan hệ cổ đông năm 2026

- Duy trì việc cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời đến cổ đông, các nhà đầu tư.
- Tiếp tục rà soát để cải thiện việc công bố thông tin trên website của Ngân hàng, trong đó đặc biệt là website tiếng Anh và các nội dung trọng điểm thể hiện đúng các nguyên tắc quản trị công ty theo VNCG 2026 và yêu cầu từ ACGS.
- Nghiên cứu, đề xuất áp dụng công nghệ trong việc gửi thư mời họp, tài liệu ĐHĐCĐ, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để tăng cơ hội tham gia biểu quyết cho cổ đông thiểu số.
- Tiếp tục làm việc với các Nhà đầu tư quốc tế để đẩy mạnh quan hệ hợp tác của SeABank trên thị trường quốc tế: thu hút nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức quốc tế; thiết lập mối quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực ưu tiên theo chiến lược của ngân hàng như chuyển đổi số, hợp tác về fintech, cho vay dự án xanh, cho vay doanh nghiệp nữ làm chủ, cho vay các dự án chống biến đổi khí hậu...



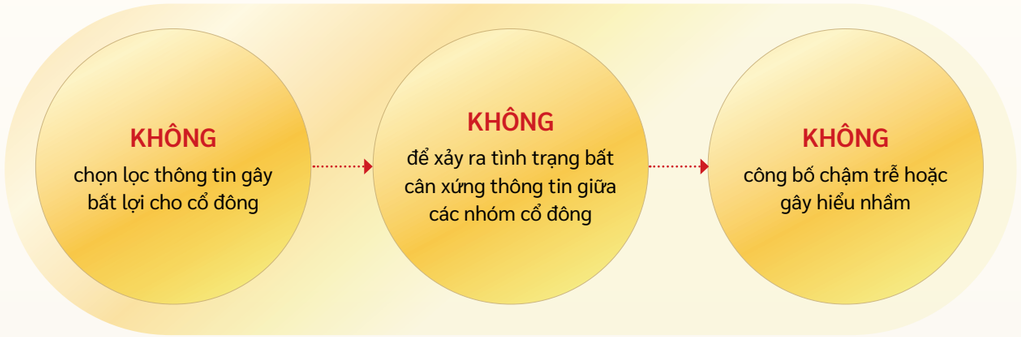
Cam kết của SeABank

Cam kết bảo vệ quyền và đối xử công bằng với cổ đông

- SeABank khẳng định việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông là một trong những nguyên tắc nền tảng trong quản trị công ty. Ngân hàng cam kết bảo đảm mọi cổ đông, bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài, đều được đối xử công bằng, bình đẳng và được tạo điều kiện thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- SeABank đảm bảo:
  - » Quyền tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời và chính xác;
  - » Quyền tham dự, biểu quyết và đề xuất nội dung tại Đại hội đồng cổ đông;
  - » Quyền được chia sẻ giá trị hợp lý từ kết quả hoạt động của Ngân hàng;
  - » Quyền được bảo vệ trước các giao dịch có khả năng phát sinh xung đột lợi ích.
- Ngân hàng cam kết không có sự phân biệt đối xử giữa các nhóm cổ đông và duy trì cơ cấu cổ đông ổn định, minh bạch, phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn.

Minh bạch và công bố thông tin

- SeABank thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế. Thông tin được công bố không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu tuân thủ mà còn hướng tới nâng cao mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình với thị trường.
- Sử dụng website chính thức làm kênh công bố thông tin trọng yếu, đồng thời thực hiện công bố trên các hệ thống của cơ quan quản lý, sở giao dịch chứng khoán và tổ chức lưu ký theo quy định. Ngoài ra, SeABank chủ động sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng và nền tảng số để tăng cường khả năng tiếp cận thông tin của nhà đầu tư.
- Việc công bố thông tin được thực hiện theo nguyên tắc "3 không":



Chính sách cổ tức và tối đa hóa giá trị cổ đông

- SeABank xây dựng chính sách cổ tức trên cơ sở cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng dài hạn và lợi ích hiện tại của cổ đông.
- Kể từ khi niêm yết cổ phiếu SSB trên HOSE, Ngân hàng duy trì việc chi trả cổ tức và/hoặc cổ phiếu thưởng theo đúng quy định, đảm bảo thực hiện trong thời hạn luật định sau ĐHĐCĐ thường niên.
- Trong giai đoạn tới, SeABank cam kết:
  - » Duy trì chính sách cổ tức ổn định, hướng tới tăng trưởng bền vững;
  - » Cập nhật chính sách chi trả phù hợp với điều kiện hoạt động, yêu cầu an toàn vốn và định hướng của cơ quan quản lý;
  - » Đảm bảo việc phân phối lợi nhuận minh bạch, công bằng và dựa trên cơ sở tài chính thận trọng.

Tăng cường tương tác và đối thoại với cổ đông

- SeABank nhận thức rằng đối thoại thường xuyên với cổ đông là một phần quan trọng của quản trị công ty tốt. Ngân hàng duy trì nhiều kênh tương tác để bảo đảm cổ đông được lắng nghe, có thể tiếp cận thông tin và thực hiện đầy đủ quyền lợi.



ĐHĐCĐ thường niên và bất thường



Chương trình gặp gỡ nhà đầu tư, hội nghị, roadshow



Kênh chuyên trách (Zalo, Facebook, Tiktok, website)

- Ngân hàng cam kết nâng cao hơn nữa tính minh bạch, chất lượng thông tin và mức độ phản hồi trong tương tác với cổ đông.

Bảo vệ quyền lợi các bên liên quan

- SeABank thừa nhận vai trò quan trọng của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động, đối tác, nhà đầu tư và cộng đồng trong quá trình tạo giá trị dài hạn.
- Ngân hàng cam kết:
  - » Tôn trọng và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan;
  - » Thiết lập cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, khiếu nại minh bạch;
  - » Lồng ghép yếu tố môi trường – xã hội – quản trị (ESG) vào chiến lược phát triển;
  - » Thực hiện kinh doanh có trách nhiệm, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và thông lệ quốc tế.

Đầu mối liên hệ và cơ chế tiếp nhận thông tin

SeABank duy trì đầu mối chuyên trách nhằm đảm bảo việc tiếp nhận và xử lý thông tin từ cổ đông và nhà đầu tư được thực hiện minh bạch, chuyên nghiệp và kịp thời:



Phòng Thư ký Quản trị công ty - Văn phòng HĐQT

Tầng 5, BRG Tower, 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Email: *thukycongty@seabank.com.vn*

Điện thoại: (+84) 24 3944 8688



Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư (IR) – Văn phòng

Tầng 5, BRG Tower, 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Email: *ir@seabank.com.vn*

Điện thoại: (+84) 24 3944 8688

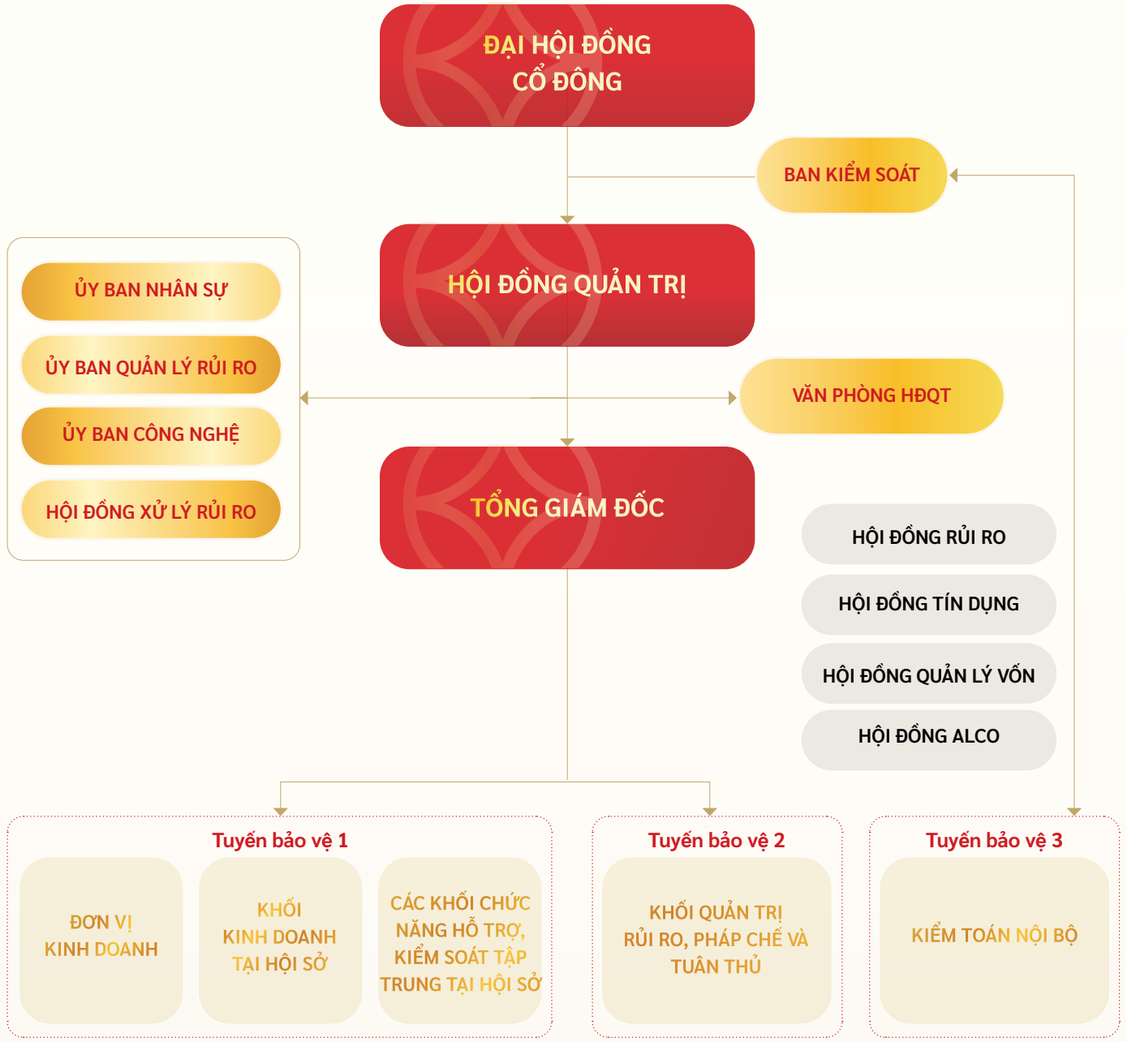
SeABank cam kết duy trì và cải tiến liên tục các kênh thông tin đa dạng, dễ tiếp cận, nhằm hỗ trợ nhà đầu tư đưa ra quyết định chính xác và hiệu quả

V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ

TỔNG QUAN VÀ MÔ HÌNH 3 TUYẾN

Công tác QTRR & Tuân thủ tại SeABank được triển khai theo mô hình 3 tuyến phòng thủ (Three Lines of Defense), phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN. Mô hình này nhằm đảm bảo nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro một cách toàn diện, độc lập và hiệu quả. Vai trò của 3 tuyến được phát huy tối đa bằng các hoạt động tự kiểm tra, giám sát và các kiểm tra chéo giữa các tuyến.





Tổng quan về hoạt động quản trị rủi ro năm 2025

- Nâng cao chất lượng QTRR thông qua việc xây dựng và duy trì hệ thống báo cáo rủi ro minh bạch, nhất quán và kịp thời:
  - » Các báo cáo rủi ro được chuẩn hóa về nội dung, phương pháp và tần suất, cung cấp đầy đủ thông tin cho HĐQT, BTGĐ và các cấp quản lý trong quá trình ra quyết định.
  - » Đảm bảo dữ liệu chính xác, có thể truy vết và được kiểm soát chặt chẽ nhằm tăng cường tính minh bạch và hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, giám sát và ra quyết định.
- Tập trung nhận diện đầy đủ và phát hiện sớm các rủi ro trọng yếu, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất sổ ngân hàng, rủi ro tập trung, rủi ro môi trường - xã hội và các rủi ro mới phát sinh trong bối cảnh môi trường kinh doanh thay đổi nhanh chóng. Thông qua việc ứng dụng các mô hình, công cụ cảnh báo sớm và phân tích dữ liệu, SeABank tăng cường công tác phát hiện rủi ro ngay từ giai đoạn đầu, từ đó đề xuất các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát phù hợp, hạn chế tổn thất và bảo vệ an toàn hoạt động kinh doanh.
- Các chính sách, quy trình và khẩu vị rủi ro được xây dựng và rà soát định kỳ nhằm cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và khả năng chịu đựng rủi ro của Ngân hàng. Điều này giúp Ngân hàng định hình chiến lược tăng trưởng có chọn lọc, gắn kết chặt chẽ giữa hiệu quả kinh doanh và tính bền vững trong dài hạn.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO - NHẬN DIỆN VÀ QUẢN LÝ RỦI RO TRỌNG YẾU

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động và thay đổi nhanh, SeABank luôn giữ vững niềm tin theo tinh thần "Believe", từng bước nâng cao hiệu quả nhận diện và quản lý rủi ro. Nhờ đó, Ngân hàng bền bỉ trước các thách thức và tiếp tục tăng trưởng kinh doanh ổn định.

Danh mục rủi ro được nhận diện và quản lý

Danh mục rủi ro	Nhận diện và phương thức quản lý
RỦI RO VỀ TÍN DỤNG	• Là một trong các rủi ro trọng yếu do tín dụng là hoạt động chính của ngân hàng. • Nhằm quản lý rủi ro tín dụng, SeABank triển khai: » Áp dụng mô hình quản lý rủi ro tín dụng tập trung, xuyên suốt từ xây dựng sản phẩm tín dụng, triển khai bán, thẩm định, định giá, phê duyệt, giải ngân, quản lý sau cho vay đến thu hồi nợ. » Thiết lập các tiêu chuẩn rủi ro tín dụng trên cơ sở khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro tín dụng được xác định trước. Việc quản lý rủi ro tín dụng được triển khai cho từng phân khúc khách hàng và sản phẩm tín dụng, đặc biệt các sản phẩm mới luôn được đánh giá kỹ lưỡng, cân nhắc biện pháp kiểm soát thích hợp trước khi chính thức triển khai. » Đo lường bởi các mô hình rủi ro tín dụng theo chuẩn quốc tế. » Số hóa toàn diện quy trình tín dụng, từ đó có hệ thống dữ liệu đầy đủ phục vụ cho công tác nhận diện rủi ro tín dụng chủ động, thực hiện cảnh báo sớm, quản lý diễn biến chất lượng nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro.
RỦI RO THỊ TRƯỜNG	• Là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Mục tiêu chính trong việc quản lý rủi ro thị trường là kiểm soát mức rủi ro trong các thông số có thể chấp nhận, đồng thời tối ưu hóa lợi nhuận của rủi ro. • SeABank quản lý rủi ro thị trường theo giao dịch hàng ngày và trên tổng thể danh mục, đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro thị trường đã được xác định trước. • Các hạn mức rủi ro thị trường trên luôn tuân thủ khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thị trường, được xây dựng đầy đủ và được rà soát, đánh giá lại (điều chỉnh nếu cần thiết) tối thiểu một năm một lần hoặc khi có thay đổi lớn ảnh hưởng đến trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của SeABank
RỦI RO THANH KHOẢN	• Nguyên tắc của SeABank: thiết lập một mức tối thiểu tài sản thanh khoản cần được duy trì, qua đó đảm bảo các khoản nợ phải trả khi đến ngày đáo hạn dự kiến và các nghĩa vụ giải ngân khác.

RỦI RO THANH KHOẢN *- tiếp -*	• Chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản của SeABank bao gồm: » Quản lý dựa trên: nguyên tắc quản lý thanh khoản; chiến lược đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn vốn huy động để tăng sự ổn định nợ phải trả, hỗ trợ thanh khoản hàng ngày; nguyên tắc thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản. » Các hạn mức rủi ro được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản trong điều kiện thị trường bình thường và rủi ro, giám sát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro và tổng tài sản có rủi ro phân bổ cho rủi ro thanh khoản. » Xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động, qua đó thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. » Xây dựng cơ chế quản lý tài sản hiệu quả, cơ chế điều hành công khai, minh bạch và ổn định, tránh tạo ra những cú sốc rút tiền ào ạt. • Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có của SeABank (ALCO) theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản, xây dựng và vận hành các chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ và các kế hoạch dự phòng để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đảm bảo an toàn vốn như đánh giá các dòng tiền dự kiến và các tài sản thế chấp có thể được sử dụng để bù đắp thiếu hụt thanh khoản.
RỦI RO LÃI SUẤT	• Chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của SeABank » Các biện pháp quản lý: quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng tối thiểu theo các chỉ số về trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap profile); sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; xây dựng hệ thống điều chuyển vốn nội bộ FTP cho phép tối ưu hóa việc sử dụng và phân bổ nguồn vốn trong toàn hệ thống. » Xây dựng hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, bao gồm: hạn mức về chênh lệch giữa giá trị tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có lãi suất có cùng thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất; hạn mức về thay đổi của thu nhập lãi thuần do thay đổi của lãi suất và/hoặc hạn mức về thay đổi của giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu do thay đổi của lãi suất theo chiến lược quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng. » Chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân. • ALCO sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất, cập nhật về thị trường trong nước và quốc tế để đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường trong các cuộc họp hàng tháng. Trên cơ sở này, SeABank sẽ ra quyết định về việc duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay.

Danh mục rủi ro được nhận diện và quản lý *(tiếp)*

Danh mục rủi ro	Nhận diện và phương thức quản lý
RỦI RO HOẠT ĐỘNG	• Là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài gây tổn thất về tài chính hoặc tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng. • Để giảm thiểu rủi ro hoạt động, SeABank đã triển khai đầy đủ các chính sách quản lý rủi ro hoạt động như: » Nhận diện rủi ro hoạt động trong các sản phẩm, dịch vụ, hệ thống, quy trình, hoạt động hiện tại hoặc mới, dự kiến sẽ triển khai; » Thu thập và tạo kho dữ liệu rủi ro hoạt động hoàn thiện làm xương sống cho công tác quản lý rủi ro hoạt động; » Xây dựng và theo dõi các chỉ số rủi ro hoạt động chính KRIs; » Sử dụng các phát hiện của KTNB và Kiểm soát tuân thủ để đề xuất các giải pháp hạn chế rủi ro; » Xây dựng các công cụ nhận diện, ngăn chặn rủi ro gian lận; » Giám sát hạn mức rủi ro hoạt động; » Quản lý rủi ro hoạt động thuê ngoài; » Duy trì bảo hiểm rủi ro hoạt động toàn diện; » Xây dựng và thiết lập hệ thống báo cáo rủi ro hoạt động để làm cơ sở theo dõi, đánh giá và đề xuất cải tiến hệ thống QTRR hoạt động tại Ngân hàng.
RỦI RO TẬP TRUNG	• Là rủi ro khi tập trung vốn tài trợ hoặc giao dịch quá nhiều đối với một ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ, nhóm khách hàng hoặc trong cùng một vùng địa lý nhất định, cùng một loại hình giao dịch có rủi ro cao. • SeABank thực hiện quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và hoạt động giao dịch tự doanh theo quy định của NHNN: » Đối với hoạt động cấp tín dụng: thiết lập các giới hạn tín dụng theo sản phẩm, ngành, khách hàng và người có liên quan của khách hàng để đảm bảo duy trì một danh mục cấp tín dụng đa dạng, không tập trung cao vào một nhóm sản phẩm, ngành hoặc khách hàng. » Đối với hoạt động tự doanh: xác định hạn mức giao dịch theo đối tác giao dịch, sản phẩm và loại tiền tệ để đảm bảo mức độ đa dạng và mức độ tương tác phù hợp.
RỦI RO CHUYỂN ĐỔI SỐ	Chuyển đổi số đi kèm với những rủi ro về an toàn công nghệ, tội phạm tài chính và bảo mật thông tin khách hàng. Nhận thức được các rủi ro phải đối mặt, SeABank đã triển khai các biện pháp: • Đối với an toàn công nghệ: » Đầu tư nghiêm túc về nguồn lực, có lực lượng chuyên trách cho công tác bảo đảm an toàn thông tin cho toàn hệ thống và khách hàng. » Triển khai, áp dụng một cách đồng bộ hàng loạt giải pháp, hệ thống công nghệ bảo mật uy tín, tạo dựng hệ thống bảo đảm an toàn thông tin tổng thể, có chiều sâu. SeABank đã được cấp chứng chỉ PCI DSS 3.2 về an toàn, bảo mật cho hệ thống thẻ thanh toán lần đầu tiên tại Việt Nam năm 2020 và thành công duy trì chứng chỉ tới năm 2024. • Đối với rủi ro tội phạm tài chính (tài khoản giả mạo, trộm cắp thông tin OTP, lừa chuyển tiền...): » Liên tục cập nhật các xu hướng tội phạm mới để xây dựng giải pháp ngăn chặn chủ động trên hệ thống SeABank. » Thường xuyên truyền thông, cảnh báo tới CBNV và khách hàng qua các kênh tư vấn trực tiếp, tin nhắn, email, ebank, website, mạng xã hội... nhằm nâng cao cảnh giác khi sử dụng hệ thống giao dịch ngân hàng số.
RỦI RO MÔI TRƯỜNG, THIÊN TAI, DỊCH BỆNH	Thiên tai, dịch bệnh là những rủi ro đến từ bên ngoài, nằm ngoài tầm kiểm soát. SeABank đã xây dựng Kế hoạch quản trị kinh doanh liên tục để ứng phó với những rủi ro này: • Xây dựng kịch bản và phương án ứng phó cụ thể với những tình huống xảy ra như: bão lũ, khủng bố, dịch bệnh... Trong giai đoạn Covid-19, SeABank vẫn duy trì được hoạt động kinh doanh liên tục nhờ vận dụng tốt các kịch bản phòng ngừa và ứng phó với rủi ro dịch bệnh đã xây dựng trước. • Đối với rủi ro môi trường: tích cực triển khai các chương trình thiết thực để giảm thiểu tác động đến môi trường như: sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hoạt động hàng ngày, phân loại rác và hạn chế rác thải, không sử dụng chai nhựa, tiết kiệm giấy in, triển khai 5S... • Chủ động triển khai ESMS trong hoạt động cấp tín dụng trước khi có Thông tư 17/2022/TT-NHNN của NHNN. Theo đó, SeABank từ chối cấp tín dụng với những dự án có tác động xấu với MTXH mà không có biện pháp khắc phục/giảm thiểu.

Chính sách, quy trình quản lý rủi ro

Chính sách quản lý rủi ro toàn diện

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TOÀN DIỆN

PHẠM VI QUẢN LÝ

- Toàn bộ rủi ro trọng yếu của ngân hàng trong hoạt động tín dụng, vận hành, thanh toán, và các dự án đầu tư

CƠ CHẾ GIÁM SÁT

- Thành lập ủy ban, hội đồng chuyên trách về quản lý rủi ro để giám sát và thực thi các chính sách.

NGUYÊN TẮC

- Phòng ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro một cách kịp thời.
- Đảm bảo hoạt động kinh doanh luôn tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và quy định pháp lý.

Quy trình quản lý rủi ro ESG

Nhận diện rủi ro:

- Nhận diện rủi ro theo các nhóm: rủi ro môi trường *(khí thải, tài nguyên)*, rủi ro xã hội *(an toàn lao động, tác động cộng đồng)* và rủi ro quản trị *(tuân thủ, minh bạch)*.

Đánh giá rủi ro:

- Sử dụng công cụ thẩm định rủi ro MTXH để đánh giá rủi ro của các dự án trước khi cấp tín dụng.

Kiểm soát rủi ro:

- Xây dựng kế hoạch giảm thiểu rủi ro cho các dự án có mức độ rủi ro đáng kể cần có biện pháp khắc phục.

Giám sát rủi ro:

- Thực hiện đánh giá và báo cáo định kỳ, đảm bảo khách hàng/dự án tuân thủ các cam kết đã ký kết.

Tích hợp ESG vào quản lý rủi ro

SeABank đã tích hợp các yếu tố ESG vào ESMS nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh không gây tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, bám sát các mục tiêu bền vững theo Quy định Phát triển bền vững tại SeABank được ban hành theo Nghị quyết số 1496/2025/NQ-HĐQT và các quy định của Việt Nam, quốc tế. Cụ thể:



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

- Sử dụng danh sách loại trừ cấp tín dụng đối với các lĩnh vực gây hại cho môi trường như: khai thác tài nguyên không bền vững, khai thác gỗ rừng nguyên sinh, sản xuất công nghiệp có năng lượng phát thải cao...
- Đánh giá sàng lọc rủi ro môi trường – xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, tuân theo các tiêu chuẩn của IFC và quy định pháp luật.
- Ban hành và áp dụng khung trái phiếu xanh và các cấu phần liên quan.



RỦI RO XÃ HỘI

- Đánh giá tác động của các dự án đến cộng đồng, đảm bảo an toàn lao động và quyền lợi người lao động.
- Không cấp tín dụng cho các lĩnh vực có tác động tiêu cực tới xã hội như hoạt động liên quan đến các hình thức cưỡng bức lao động có hại hoặc có bóc lột lao động trẻ em; sản xuất vũ khí, đạn dược...
- Xây dựng các biện pháp khắc phục khi phát hiện rủi ro xã hội, giám sát chặt chẽ trong suốt thời gian tài trợ.



RỦI RO QUẢN TRỊ

- Tăng cường công khai, minh bạch thông tin, chuẩn hóa các báo cáo theo quy định Việt Nam và thông lệ quốc tế.
- Phòng chống tham nhũng, phòng chống rửa tiền và sai phạm trong hoạt động nội bộ.
- Tăng cường giám sát Quản trị xung đột lợi ích và cơ chế trách nhiệm giải trình.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh có đạo đức.



Quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu năm 2025

Năm 2025, SeABank đặt mục tiêu tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng một cách chủ động, đồng thời triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm kiểm soát và hạn chế nợ xấu phát sinh; qua đó quy hoạch rõ trách nhiệm xử lý nợ quá hạn và hỗ trợ các ĐVKD nâng cao hiệu quả hoạt động. Cụ thể:

Danh mục rủi ro	Chiến lược, chính sách QTRR	Thực tế triển khai năm 2025
Rủi ro tín dụng	• Chủ động điều chỉnh chính sách tín dụng theo sát các thay đổi về chủ trương, chính sách và chỉ đạo của Chính phủ, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận vốn; đồng thời đảm bảo tăng trưởng bền vững danh mục khách hàng chiến lược, phân bổ hợp lý theo từng phân khúc và kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản. • Rà soát, cập nhật khẩu vị rủi ro tín dụng (Risk Appetite) phù hợp với định hướng kinh doanh, năng lực vốn và diễn biến kinh tế vĩ mô; đồng thời lượng hóa khẩu vị rủi ro theo từng phân khúc, ngành nghề và sản phẩm • Tăng cường quản lý danh mục tín dụng nhằm đảm bảo tuân thủ các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt; thực hiện phân tích xu hướng biến động trên toàn danh mục để kịp thời nhận diện và dự báo sớm các rủi ro tiềm ẩn. • Đẩy mạnh tự động hóa hệ thống báo cáo, phát triển các báo cáo quản trị đa chiều, linh hoạt, phản ánh sát diễn biến kinh tế vĩ mô và đặc thù danh mục tín dụng của SeABank, phục vụ hiệu quả công tác điều hành và ra quyết định. • Đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản trị rủi ro tín dụng, đặc biệt trong các lĩnh vực phân tích dữ liệu, mô hình định lượng và quản trị danh mục, đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro trong giai đoạn chuyển đổi số. • Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá độc lập đối với hoạt động tín dụng, kịp thời phát hiện các tồn tại, hạn chế và đề xuất biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu rủi ro phát sinh	• Công tác quản lý danh mục tín dụng được tăng cường theo hướng chủ động, thực hiện theo dõi thường xuyên các chỉ tiêu rủi ro trọng yếu, mức độ tập trung theo ngành nghề, phân khúc và khu vực địa lý; kịp thời nhận diện các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro để đề xuất biện pháp kiểm soát phù hợp. • Dự án xây dựng Kho dữ liệu phục vụ Quản trị Rủi ro (Risk Datamart) đã được hoàn thiện và đưa vào vận hành, hình thành nền tảng dữ liệu tập trung phục vụ công tác quản trị rủi ro tín dụng, phát triển mô hình và báo cáo quản trị. Trên cơ sở đó, SeABank tiếp tục triển khai các hạng mục nâng cấp và mở rộng trong năm 2025 nhằm đáp ứng nhu cầu quản trị ngày càng chuyên sâu. • Bên cạnh việc vận hành ổn định các mô hình xếp hạng tín dụng phục vụ cấp tín dụng mới, SeABank đã xây dựng và triển khai các mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ dựa trên hành vi cho toàn bộ danh mục KHCN và KHDN để ứng dụng trong công tác tái cấp nhanh, tăng hạn mức chủ động và hỗ trợ bán chéo sản phẩm, góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng đồng thời kiểm soát rủi ro. • Hệ thống báo cáo và cơ chế kiểm soát việc cấp tín dụng đối với khách hàng và nhóm khách hàng có liên quan đã được nâng cấp, đảm bảo theo dõi đầy đủ, kịp thời và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cũng như quy định nội bộ của SeABank. • Hệ thống khung dấu hiệu cảnh báo sớm (EWS) đã được xây dựng trên cơ sở các mô hình phân tích định lượng khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu nội bộ của SeABank, kết hợp với dữ liệu thu thập được từ bên ngoài trong quá trình giám sát sau vay. Hệ thống cho phép đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng trong thời gian tới, qua đó nhận diện sớm các đối tượng khách hàng tiềm ẩn rủi ro và kịp thời đề xuất các biện pháp phòng ngừa nhằm nâng cao chất lượng tín dụng. • Hoạt động giám sát sau cấp tín dụng được đẩy mạnh, đặc biệt đối với các khách hàng và nhóm khách hàng có dấu hiệu rủi ro; tăng cường phối hợp với các Đơn vị Kinh doanh trong việc theo dõi, đánh giá và xử lý sớm các khoản vay có dấu hiệu suy giảm chất lượng. **Kết quả hoạt động:** • Chất lượng tài sản của SeABank duy trì ở mức an toàn trong bối cảnh năng lực thanh toán của khách hàng bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế vĩ mô: • Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ và hợp nhất: **2,06%** Kết quả trên cho thấy hiệu quả của việc triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị rủi ro tín dụng, đặc biệt là việc ứng dụng dữ liệu, mô hình và hệ thống cảnh báo sớm trong công tác quản lý danh mục và kiểm soát chất lượng tín dụng.
Rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng	• Nghiên cứu và hoàn thiện các phương pháp luận, chính sách quy định đáp ứng tiêu chuẩn cao hơn về quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo quy định của NHNN và Basel. • Tuân thủ tốt các giới hạn an toàn về trạng thái rủi ro thị trường, giới hạn thanh khoản do NHNN, đối tác và quy định nội bộ đặt ra.	**Đối với rủi ro thị trường** • Triển khai đo lường vốn rủi ro thị trường theo phương pháp mô hình nội bộ (IMA) nhằm tính được lượng vốn cần thiết trong các trường hợp căng thẳng có thể xảy ra. • Duy trì hệ thống đo lường ảnh hưởng lợi nhuận hàng ngày thông qua các yếu tố rủi ro trọng yếu (P&L Explainer) giúp nâng cao hiệu quả giám sát biến động rủi ro thị trường trên sổ kinh doanh. **Đối với rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất sổ ngân hàng:** • Áp dụng mô hình hành vi từ các hợp đồng tiền gửi để đo lường, dự báo chính xác dòng tiền phục vụ cho công tác dự báo, cảnh báo sớm rủi ro thanh khoản và lãi suất sổ ngân hàng. • Duy trì đo lường rủi ro theo tiêu chuẩn Basel III (hai chỉ số quản trị thanh khoản NFSR, LCR) trong những năm trước, SeABank dần điều chỉnh tối ưu bảng cân đối song song với mục tiêu QTRR hướng đến đáp ứng theo yêu cầu của các đối tác quốc tế.

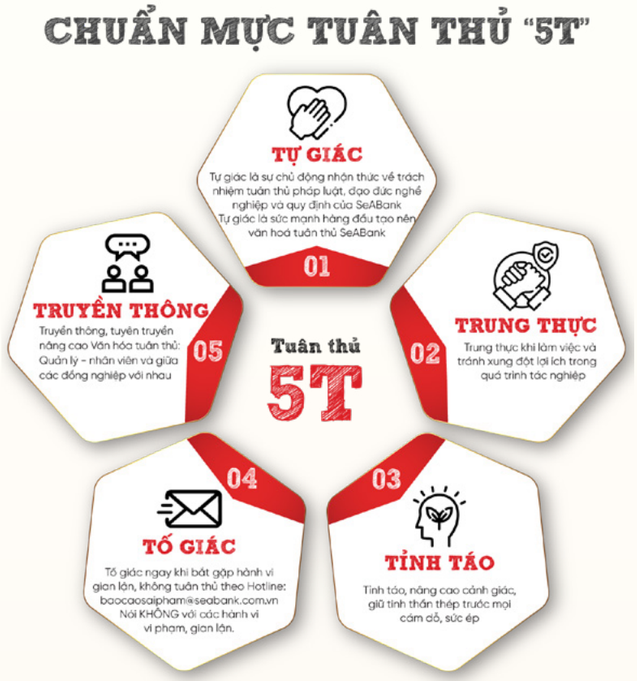
Quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu năm 2025: *(tiếp)*

Danh mục rủi ro	Chiến lược, chính sách QTRR	Thực tế triển khai năm 2025
Rủi ro hoạt động	• Chủ động nhận diện, đánh giá và cảnh báo sớm các rủi ro phát sinh từ con người, quy trình, hệ thống và các yếu tố bên ngoài, qua đó hạn chế tổn thất và bảo đảm hoạt động kinh doanh được duy trì an toàn, liên tục. • Chú trọng hoàn thiện nền tảng phân tích dữ liệu và hệ thống quản trị rủi ro hoạt động, nâng cao hiệu quả các công cụ như các chỉ số rủi ro chính, công tác tự đánh giá rủi ro hoạt động và các chốt kiểm soát, thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất, nhằm hỗ trợ công tác ra quyết định và phòng ngừa rủi ro trong dài hạn. Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro được ưu tiên triển khai đối với các vấn đề trọng yếu như rủi ro công nghệ thông tin, an ninh mạng, gian lận, gián đoạn hoạt động và rủi ro tuân thủ, đồng thời gắn kết chặt chẽ với việc nâng cao nhận thức và văn hóa quản trị rủi ro trong toàn Ngân hàng.	• Trong năm 2025, SeABank tiếp tục duy trì mức độ kiểm soát rủi ro hoạt động hiệu quả; số lượng sự kiện rủi ro phát sinh ở mức thấp và không gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động kinh doanh. Các biện pháp quản trị rủi ro được triển khai nhất quán và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị nghiệp vụ và các bộ phận chức năng. • SeABank đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu và công nghệ trong công tác quản trị rủi ro hoạt động, tập trung nâng cao năng lực nhận diện sớm các giao dịch, hành vi và xu hướng bất thường. Các công cụ phân tích và cảnh báo được cải tiến nhằm hỗ trợ phòng ngừa rủi ro gian lận, rủi ro công nghệ thông tin và an ninh mạng. • Công tác quản trị rủi ro hoạt động được triển khai theo hướng toàn diện và chủ động, bao phủ các nhóm rủi ro chính như rủi ro gian lận nội bộ và bên ngoài, rủi ro công nghệ thông tin và an ninh mạng, rủi ro vận hành, rủi ro tuân thủ và rủi ro trách nhiệm nghề nghiệp. SeABank tiếp tục chú trọng công tác đào tạo, truyền thông nội bộ và hoàn thiện quy trình nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm quản trị rủi ro của cán bộ nhân viên. • Bên cạnh đó, SeABank tăng cường các biện pháp phòng ngừa rủi ro từ sớm, đặc biệt đối với các rủi ro mới phát sinh trong bối cảnh chuyển đổi số và thay đổi môi trường kinh doanh. Trong năm 2025, SeABank không ghi nhận các sự kiện rủi ro hoạt động trọng yếu phát sinh yêu cầu bồi thường từ bảo hiểm.
Rủi ro phát triển bền vững	• Thực hiện mục tiêu kinh doanh bền vững, tiếp tục tiên phong triển khai quản lý rủi ro môi trường – xã hội và hoàn thiện hệ thống để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về ESG, thực hiện mục tiêu chung của quốc gia về chuyển đổi xanh và phát thải ròng bằng 0. • Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro môi trường – xã hội với cơ cấu vững chắc, tuyên bố chiến lược về khẩu vị rủi ro MTXH rõ ràng và quy trình quản lý rủi ro hiệu quả. • Chủ động kiểm soát rủi ro môi trường – xã hội thông qua: Hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng (ESMS); thu hút vốn từ các tổ chức nước ngoài nhằm thúc đẩy tài trợ cho các dự án bền vững và hoạt động tài chính xanh.	• Tiến hành cải tiến, nâng cấp Hệ thống quản lý rủi ro MTXH nhằm đáp ứng yêu cầu của các đối tác nước ngoài, bổ sung thêm các yêu cầu như: » Quản lý rủi ro chuỗi cung ứng; » Đánh giá rủi ro vật chất liên quan tới biến đổi khí hậu; » Mở rộng phạm vi áp dụng tiêu chuẩn đánh giá rủi ro MTXH theo thông lệ quốc tế tiên tiến (Tiêu chuẩn hoạt động của IFC, hướng dẫn EHS của nhóm Ngân hàng thế giới) so với quy định đã công bố năm 2022. • Phát hành trái phiếu xanh lam đầu tiên của Việt Nam và là Ngân hàng TMCP tư nhân đầu tiên phát hành trái phiếu xanh lá với tổng trị giá 150 triệu USD nhằm mục đích tài trợ cho các dự án và lĩnh vực xanh, đồng hành cùng khách hàng tạo ra giá trị bền vững. • Trở thành một trong các Ngân hàng tư nhân đầu tiên tại Việt Nam ban hành Khung Trái phiếu Xanh tuân thủ các nguyên tắc của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA) và được S&P Global Ratings đánh giá đạt mức “Medium Green” – mức cao nhất tại Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT TUÂN THỦ

Cam kết về tuân thủ - Các nghĩa vụ tuân thủ và xây dựng văn hóa tuân thủ

Thông qua các cam kết về nghĩa vụ và xây dựng văn hóa tuân thủ, SeABank hướng tới nâng cao năng lực QTRR và tuân thủ theo thông lệ quốc tế, bảo vệ lợi ích hợp pháp của khách hàng, cổ đông và các bên liên quan và bảo đảm sự phát triển an toàn, bền vững của Ngân hàng.



Cam kết nghĩa vụ tuân thủ

Hệ thống chính sách tuân thủ: Cam kết xây dựng và triển khai hệ thống chính sách, quy định và quy trình tuân thủ chặt chẽ, nhằm bảo đảm rủi ro tuân thủ được nhận diện, kiểm soát và quản lý hiệu quả. Hệ thống chính sách, quy định nội bộ được rà soát, cập nhật và điều chỉnh định kỳ, kịp thời đáp ứng các thay đổi của quy định pháp luật và phù hợp với thông lệ, xu hướng chung của ngành Ngân hàng.

Tuân thủ pháp luật, nội quy: Cam kết tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định của pháp luật, quy định của NHNN, Điều lệ Ngân hàng và toàn bộ hệ thống quy định nội bộ trong mọi hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh.

Tuân thủ chủ động: Cam kết đề cao tuân thủ như một giá trị cốt lõi trong quản trị doanh nghiệp, chủ động nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro tuân thủ trong từng quyết định quản trị và hoạt động nghiệp vụ; đảm bảo mọi hoạt động của Ngân hàng được thực hiện minh bạch, an toàn và phù hợp với chuẩn mực quản trị tiên tiến.

Hệ thống kiểm soát tuân thủ: Cam kết củng cố và nâng cao hiệu quả kiểm soát tuân thủ thông qua việc duy trì mô hình ba tuyến phòng thủ, tăng cường vai trò độc lập đối với chức năng Tuân thủ và Kiểm toán nội bộ, thường xuyên rà soát, cập nhật quy định nội bộ, tăng cường giám sát việc thực thi các quy trình, quy định của SeABank và pháp luật trong toàn hệ thống.

Cam kết xây dựng văn hóa tuân thủ

SeABank không ngừng nỗ lực nâng cao văn hóa tuân thủ nhằm đảm bảo sự minh bạch, an toàn trong hoạt động. Cam kết xây dựng và lan tỏa văn hóa tuân thủ chủ động được SeABank chú trọng, đảm bảo mỗi CBNV nhận thức rõ trách nhiệm; đồng thời có chế tài xử lý nghiêm minh, công khai và minh bạch các trường hợp vi phạm.

Cam kết văn hóa tuân thủ được triển khai thông qua chương trình hành động tuân thủ và ban hành bộ Chuẩn mực tuân thủ "5T" trên tinh thần "nói KHÔNG với vi phạm và gian lận" bao gồm 05 tiêu chí Tự giác – Trung thực – Tỉnh táo – Tố giác – Truyền thông.

Chiến lược và biện pháp quản lý, kiểm soát tuân thủ

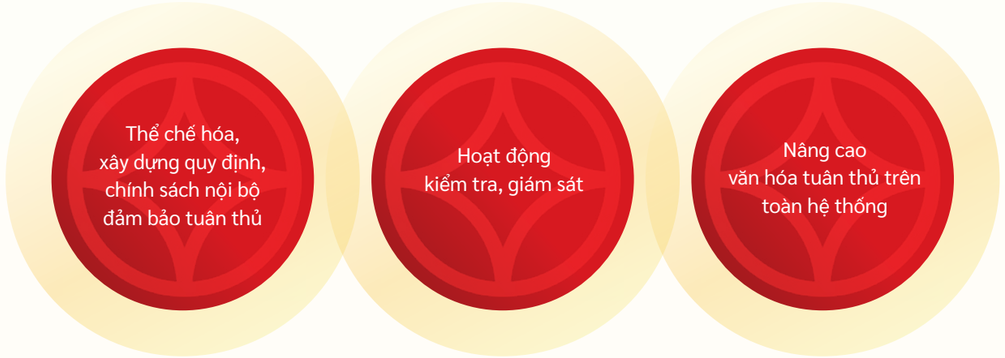
Dưới sự giám sát của HĐQT và BTGĐ, các trụ cột chiến lược về quản lý tuân thủ tại SeABank bao gồm:



- **Nhận diện và quản lý rủi ro tuân thủ:** Từng bước hoàn thiện khung quản lý rủi ro tuân thủ, tích hợp vào hệ thống QTRR tổng thể. Các rủi ro tuân thủ được nhận diện theo từng lĩnh vực hoạt động trọng yếu (tín dụng, huy động vốn, đầu tư, công nghệ thông tin, PCRT...), được đánh giá mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra, làm cơ sở để thiết lập biện pháp kiểm soát phù hợp. Cách tiếp cận dựa trên rủi ro giúp Ngân hàng chuyển dịch từ kiểm soát mang tính hình thức sang QTRR mang tính phòng ngừa.
- **Bảo đảm thực thi chính sách, quy định nội bộ:** Duy trì cơ chế rà soát, cập nhật và chuẩn hóa hệ thống quy định nội bộ theo sự thay đổi của pháp luật và định hướng chiến lược. Quy trình ban hành, sửa đổi văn bản được thiết lập rõ ràng, bảo đảm tính thống nhất, khả thi và khả năng triển khai trong toàn hệ thống. Công tác phổ biến, đào tạo và giám sát việc thực thi quy định được tăng cường, qua đó nâng cao mức độ tuân thủ tại các ĐVKD và đơn vị hỗ trợ.
- **Phát hiện, ngăn ngừa và xử lý vi phạm:** Triển khai đồng bộ các hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ định kỳ và đột xuất; tăng cường công cụ giám sát từ xa và cơ chế cảnh báo sớm. Các trường hợp vi phạm được ghi nhận, phân loại theo mức độ rủi ro, yêu cầu khắc phục và theo dõi đến khi hoàn tất. Cơ chế xử lý vi phạm được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, gắn với trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm quản lý, góp phần nâng cao tính răn đe và phòng ngừa tái diễn.
- **Nâng cao văn hóa tuân thủ và ý thức tuân thủ chủ động cho CBNV:** Triển khai các chương trình đào tạo, truyền thông và lồng ghép tuân thủ vào hệ thống đánh giá hiệu quả công việc và quản trị nhân sự. Tuân thủ được xác định là trách nhiệm của mọi cấp, mọi cá nhân, từ tuyến phòng thủ thứ nhất đến tuyến phòng thủ thứ ba. Nhận thức và thái độ tuân thủ của cán bộ nhân viên từng bước được cải thiện, chuyển dịch từ "tuân thủ bị động" sang "tuân thủ chủ động".
- **Thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong kiểm soát tuân thủ:** Ngân hàng đặt mục tiêu từng bước số hóa công tác tuân thủ, triển khai các công cụ giám sát tuân thủ dựa trên dữ liệu, hệ thống cảnh báo sớm, phân tích giao dịch và báo cáo tự động, qua đó nâng cao hiệu quả giám sát và giảm phụ thuộc vào kiểm tra thủ công.
- **Củng cố uy tín, thương hiệu và niềm tin của thị trường:** Thông qua việc duy trì hệ thống kiểm soát tuân thủ hiệu quả, Ngân hàng hướng tới củng cố niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác, nâng cao uy tín thương hiệu và khả năng cạnh tranh trên thị trường tài chính.
- **Tăng cường phối hợp giữa các tuyến phòng thủ:** Công tác giám sát tuân thủ được thực hiện trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa tuyến phòng thủ thứ nhất, tuyến phòng thủ thứ hai và tuyến phòng thủ thứ ba. Chức năng Tuân thủ đóng vai trò điều phối, tổng hợp và cảnh báo rủi ro, trong khi các ĐVKD chịu trách nhiệm kiểm soát tại nguồn. Kết quả giám sát được chia sẻ với Kiểm toán nội bộ để phục vụ đánh giá độc lập và cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

Tình hình hoạt động và kết quả về tuân thủ

Để hiện thực hóa các trụ cột chiến lược, SeABank tích cực thực thi kế hoạch tuân thủ trong năm 2025 tập trung vào 3 nhóm hoạt động chính, bao gồm:



Thể chế hóa, xây dựng và hoàn thiện quy định, chính sách nội bộ đảm bảo tuân thủ quy định

- Năm 2025, SeABank tiếp tục kiện toàn hệ thống văn bản nội bộ đảm bảo tuân thủ các quy định mới của pháp luật hiện hành: Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi 2025 (Luật số 96/2025/QH15); Luật Đất đai; Luật Cư trú; Luật Bảo hiểm xã hội; Thông tư số 25/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2024/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; Thông tư 31/2025/TT-NHNN quy định về hoạt động của công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản; Thông tư 21/2025/TT-NHNN quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư 45/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Thông tư 30/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2024/TT-NHNN quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Thông tư 27/2025/TT-NHNN hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền...
- Xây dựng và phát triển các chính sách, quy định và thủ tục nội bộ về tuân thủ, kiểm soát nội bộ và đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở chính sách, quy định pháp luật và đảm bảo kịp thời, chính xác, phù hợp với thực tế, định hướng hoạt động của SeABank.
  - » Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, Sổ tay đạo đức nghề nghiệp;
  - » Triển khai xây dựng chuẩn mực ứng xử cho thành viên HĐQT;
  - » Thỏa ước lao động tập thể , Nội quy lao động, Điều lệ SeABank...

Tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm phát hiện sớm và ngăn chặn các rủi ro tuân thủ

- ***Tần suất và trọng tâm tiếp cận:*** định kỳ và đột xuất, tập trung vào các lĩnh vực rủi ro trọng yếu như: tín dụng, quản lý TSBĐ, PCRT, CNTT, bảo mật thông tin và bảo vệ dữ liệu khách hàng. Phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro được áp dụng trong lập kế hoạch kiểm soát, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao.
- ***Phương thức kiểm tra, giám sát:*** kết hợp đồng bộ giữa giám sát từ xa (Off-site monitoring) và giám sát tại chỗ (On-site review).
  - » Giám sát từ xa: được thực hiện thông qua phân tích dữ liệu, báo cáo quản trị, chỉ báo rủi ro chính (KRI) và hệ thống cảnh báo sớm nhằm phát hiện các dấu hiệu bất thường trong hoạt động nghiệp vụ.
  - » Giám sát tại chỗ: tập trung vào các lĩnh vực rủi ro cao, đánh giá mức độ tuân thủ quy trình, chất lượng hồ sơ, tính đầy đủ và hiệu lực của kiểm soát nội bộ.
  - » Các chuyên đề trọng điểm trong năm 2025 bao gồm: sản phẩm thi công xây lắp, chuyên đề TSBĐ, chuyên đề bảo mật thông tin, các khoản vay quá hạn/giải ngân mới giá trị lớn...

- ***Cơ sở triển khai:***
  - » Dựa trên cơ sở kế hoạch năm do Tuân thủ (Khối QTRR, PC&TT) xây dựng và thiết kế lộ trình, bao gồm: kế hoạch giám sát từ xa; kiểm tra giám sát định kỳ/đột xuất tại ĐVKD, các Khối Hội sở; kiểm tra chuyên đề chuyên sâu thông qua việc sử dụng các phương pháp kiểm tra, giám sát, tiêu chí chọn mẫu phù hợp...
  - » Hoạt động kiểm tra, giám sát dựa trên cơ sở phân tích rủi ro và ứng dụng CNTT nhằm cải tiến phương pháp, mô hình kiểm tra. Trên cơ sở rủi ro, thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ đối với hoạt động kinh doanh thuộc tất cả các nghiệp vụ và đưa ra những cảnh báo, kiến nghị nhằm khắc phục, ngăn ngừa rủi ro.
  - » Đối với các hoạt động nghiệp vụ, khi xây dựng quy trình thực hiện đều được thiết lập các chốt kiểm soát, đảm bảo nguyên tắc giám sát độc lập, khách quan và tuân thủ. Tất cả các Tuyến phòng thủ của SeABank đều có các đơn vị kiểm tra, giám sát, hậu kiểm kịp thời các nghiệp vụ trọng yếu, đảm bảo phát hiện và khắc phục sớm nhất các lỗi tuân thủ.
- ***Thực tế triển khai:***
  - » Phát triển, xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả các quy trình và hệ thống kiểm soát nội bộ, đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ đáp ứng hoạt động kinh doanh.
  - » Tiếp tục rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ theo khung COSO và các chuẩn mực, yêu cầu của đối tác, tổ chức nước ngoài.
  - » Thực hiện đánh giá MCA đối với các quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường hiệu quả của các chốt kiểm soát giảm thiểu rủi ro.

Xây dựng văn hóa tuân thủ chủ động – đẩy mạnh truyền thông, đào tạo

Dựa trên nguyên tắc 5T và cam kết văn hóa tuân thủ (chi tiết tại trang 240 của Báo cáo này), văn hóa tuân thủ được tiếp tục phát huy và lan tỏa trên toàn bộ hệ thống SeABank thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, đào tạo. Nhằm xây dựng nguyên tắc làm việc tích cực, tự giác, chủ động, khách quan, hiệu quả cho toàn bộ đối tượng CBNV, công tác truyền thông, đào tạo được triển khai đồng bộ, trải dài từ kiến thức tuân thủ cơ bản – nâng cao, tập trung vào 3 yếu tố chính:



Đào tạo - truyền thông nâng cao năng lực tuân thủ chủ động và đạo đức nghề nghiệp cho CBNV trên toàn hệ thống thông qua đa dạng hình thức: khóa đào tạo trực tiếp/e-learning tại Học viện SeABank; đào tạo trực tiếp bởi lãnh đạo của Trung tâm Tuân thủ tại các đơn vị; hội thảo bàn luận, tháo gỡ vướng mắc; kỳ thi sát hạch nghiệp vụ định kỳ; các bản tin truyền thông; cảnh báo thông qua email nội bộ; các báo cáo danh mục tuân thủ; xây dựng các công cụ hỗ trợ như cẩm nang, sổ tay hướng dẫn tuân thủ...

Tình hình hoạt động và kết quả về tuân thủ *(tiếp)*

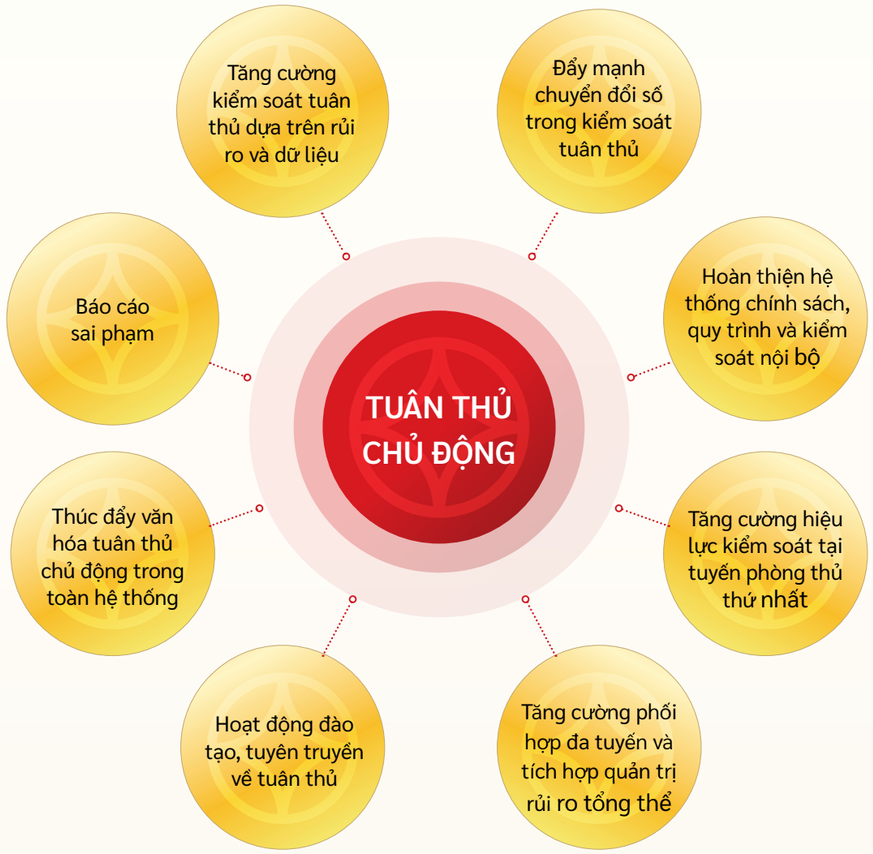
Một số hoạt động tiêu biểu năm 2025:

Chuỗi workshop "Nâng cao năng lực tuân thủ chủ động, ngăn ngừa rủi ro"	• Hướng dẫn rà soát hồ sơ tín dụng, đào tạo trực tiếp tại ĐVKD sau kiểm tra, nâng cao kiến thức nghiệp vụ và ý thức tuân thủ (tại 19 Cụm ĐVKD với 75 giờ đào tạo) • Truyền thông tăng cường nhận biết pháp lý cho CBNV thông qua các buổi chia sẻ như: » Chia sẻ cho CBNV Khối KHCN về các quy định pháp luật liên quan tới khuyến mại, hỗ trợ triển khai chương trình, thúc đẩy kinh doanh sản phẩm/dịch vụ; » Chia sẻ chuyên môn cho CBNV Khối PDTD xoay quanh các tình huống, vướng mắc thường gặp trong quá trình thẩm định và xét duyệt khoản vay đối với KHCN; » Đào tạo trực tiếp tại CN Hà Nội về những nội dung pháp lý cơ bản về doanh nghiệp và bảo lãnh ngân hàng.
Chương trình đào tạo về PCRT và tuân thủ FATCA (AML & FATCA)	• Triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống, bám sát quy định của pháp luật Việt Nam, yêu cầu của NHNN, các thông lệ và chuẩn mực quốc tế liên quan. • Nội dung đào tạo được thiết kế phù hợp với từng nhóm đối tượng, bao gồm: » Đào tạo cơ bản cho toàn thể CBNV » Đào tạo chuyên sâu cho các đơn vị, bộ phận có liên quan trực tiếp đến công tác PCRT và tuân thủ FATCA. • Hình thức đào tạo được triển khai linh hoạt nhằm đảm bảo tính hiệu quả và khả năng tiếp cận rộng rãi: » Đào tạo tập trung, » Đào tạo trực tuyến » Các chương trình truyền thông nội bộ. • Yêu cầu bắt buộc đối với 100% CBNV mới gia nhập phải tham gia và hoàn thành các khóa đào tạo về AML&FATCA trước khi chính thức đảm nhiệm công việc. • Tổ chức các chương trình đào tạo định kỳ và đánh giá kết quả học tập nhằm củng cố kiến thức, cập nhật quy định mới và nâng cao ý thức tuân thủ trong toàn hệ thống.
Đào tạo đối với các cấp quản lý	• Được triển khai trọng điểm trên tinh thần "lãnh đạo làm gương", đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng và dẫn dắt các CBNV thực hiện theo các quy định của Ngân hàng. • Các học phần đào tạo chuyên sâu về tuân thủ và đạo đức nghề nghiệp dành cho cán bộ cấp quản lý như: SeAManager, SeAHIPO tiếp tục được triển khai.
Các khóa học, bài giảng mới	• Xây dựng, cập nhật thêm các khóa học, làm mới phương thức giảng dạy, cách tiếp cận: » Phương pháp nhận biết chữ ký, con dấu, chứng từ giả mạo; » Quy định về quản lý và sử dụng con dấu tại SeABank... • Liên tục làm mới nội dung, cập nhật xu hướng và các thay đổi trong quy định pháp lý, giúp CBNV nắm bắt kịp thời và chủ động tuân thủ.
Phát triển các công cụ hỗ trợ	• Tích cực phát triển các công cụ hỗ trợ giúp CBNV dễ dàng tiếp thu kiến thức và áp dụng trong thực tế: » Hướng dẫn xác định lỗi tuân thủ và xác định mức độ rủi ro; » Hướng dẫn kiểm tra phát hiện hồ sơ, chứng từ giả mạo; » Hướng dẫn tra cứu thông tin KH trên Cổng Dịch vụ công quốc gia...
Truyền thông đa kênh	• Đẩy mạnh truyền thông theo hướng đa dạng hóa hình thức, nâng cao tần suất, gia tăng tương tác và tối ưu tiếp cận CBNV: » Bản tin nội bộ (53 bản tin về pháp lý, 9 bản tin tuân thủ), » Mini game "Thứ Tư Tuân thủ"...

Kế hoạch, mục tiêu và định hướng - Quản lý tuân thủ chủ động

Quản lý tuân thủ chủ động là định hướng mục tiêu quan trọng của SeABank tới năm 2030 nhằm đạt được lợi thế cạnh tranh trên thị trường và hoàn thành các mục tiêu về PTBV. Theo đó, SeABank tiếp cận chủ động các vấn đề tuân thủ tiềm ẩn để xác định, đánh giá và ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro trước khi những vấn đề này xảy ra, hoặc gây nguy cơ thiệt hại về tài sản và uy tín cho ngân hàng, khách hàng.

Nhóm các giải pháp quản lý tuân thủ chủ động triển khai thực hiện như sau:



- **Tăng cường kiểm soát tuân thủ dựa trên rủi ro và dữ liệu:** Tiếp tục hoàn thiện phương pháp tiếp cận kiểm soát dựa trên rủi ro, kết hợp với ứng dụng phân tích dữ liệu và các chỉ báo rủi ro tuân thủ (KRI). Hoạt động giám sát sẽ được ưu tiên theo mức độ trọng yếu và xu hướng rủi ro mới phát sinh, nhằm tối ưu hóa nguồn lực kiểm soát và nâng cao khả năng phát hiện sớm rủi ro.
- **Đẩy mạnh chuyển đổi số trong kiểm soát tuân thủ:** Tập trung vào số hóa quy trình kiểm soát tuân thủ, triển khai công cụ giám sát từ xa, hệ thống cảnh báo sớm và báo cáo quản trị tự động, nâng cao tính kịp thời, chính xác của hoạt động giám sát.
- **Hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình và kiểm soát nội bộ:** Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa và cập nhật hệ thống chính sách, quy định và quy trình nội bộ theo các thay đổi của pháp luật và thông lệ quản trị. Kiểm soát tuân thủ sẽ được tích hợp ngay từ khâu thiết kế quy trình và sản phẩm mới (Compliance by Design), nhằm giảm thiểu rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành.
- **Tăng cường hiệu lực kiểm soát tại tuyến phòng thủ thứ nhất:** Củng cố vai trò tự kiểm soát của các ĐVKD và Đơn vị hỗ trợ thông qua cơ chế tự đánh giá tuân thủ, tự kiểm tra và gắn trách nhiệm tuân thủ với đánh giá hiệu quả công việc của lãnh đạo đơn vị. Kiểm soát tuân thủ tại tuyến phòng thủ thứ hai sẽ tập trung vào giám sát hiệu lực của tuyến phòng thủ thứ nhất và tư vấn, cải thiện, nâng cao năng lực tự kiểm soát.
- **Tăng cường phối hợp đa tuyến và tích hợp quản trị rủi ro tổng thể:** Hoạt động kiểm soát tuân thủ sẽ được triển khai phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị (Khối QTRR, PC&TT, Phòng Kiểm toán nội bộ và Khối CNNHS) nhằm đảm bảo cách tiếp cận thống nhất trong QTRR và kiểm soát nội bộ. Ngân hàng hướng tới mô hình quản trị rủi ro tích hợp (Integrated Risk Management) trong toàn hệ thống.
- **Hoạt động đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ:** Tiếp tục thực hiện thường xuyên, đa dạng các hình thức, cách thức tiếp cận, lan tỏa nhận thức tuân thủ tới đông đảo CBNV, từ đó biến kiến thức thành năng lực chủ động thực hiện tuân thủ. Hoạt động đào tạo, truyền thông hướng tới việc đảm bảo CBNV hiểu được trách nhiệm tuân thủ của mình và những hậu quả của việc không tuân thủ; tầm quan trọng của việc tuân thủ và lợi ích mà nó mang lại; việc cập nhật các hành vi vi phạm, thủ đoạn mới trên thị trường sẽ giúp CBNV phòng tránh và giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong tác nghiệp, nâng cao năng lực phòng ngừa của bản thân.
- **Thúc đẩy văn hóa tuân thủ chủ động trong toàn hệ thống:** Xây dựng văn hóa tuân thủ thông qua truyền thông nội bộ, đào tạo, cơ chế cam kết và lồng ghép tuân thủ vào quản trị nhân sự. Mục tiêu là chuyển dịch từ "tuân thủ bị động" sang "tuân thủ chủ động", nơi mỗi CBNV là một tuyến phòng thủ trong quản trị rủi ro.
- **Báo cáo sai phạm:** Đẩy mạnh truyền thông và khuyến khích CBNV thực hiện báo cáo sai phạm thông qua các hotline (trong đó có Đường dây nóng Tuân thủ - Email: baocaosaipham@seabank.com.vn) và triển khai các cơ chế tuyên dương, khen thưởng phù hợp.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Cơ cấu chức năng nhiệm vụ của Kiểm toán nội bộ

KTNB của SeABank được tổ chức thống nhất tại Hội sở chính và hoạt động dưới sự chỉ đạo và giám sát trực tiếp từ BKS SeABank. KTNB đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ 3 thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của TCTD; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm TCTD hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Dưới sự chỉ đạo của BKS, Phòng KTNB đã thực hiện kế hoạch kiểm toán trên cơ sở định hướng về rủi ro. Ngoài ra, Phòng KTNB cũng thực hiện các nghiệp vụ giám sát và rà soát khác theo yêu cầu của BKS và công văn của cơ quan quản lý.

Hoạt động kiểm toán nội bộ trong năm 2025

Kiểm toán định kỳ năm 2025

- Phòng KTNB hoàn thành kế hoạch kiểm toán đối với các ĐVKD, Khối/Phòng/Ban Hội sở và các cuộc kiểm toán theo chuyên đề và bắt buộc theo quy định của NHNN như: PCRT, Hệ thống tính tỷ lệ an toàn vốn, thẩm định, bảo hiểm...
- Các kiến nghị sau kiểm toán đã được báo cáo đến HĐQT, BTGĐ, BKS góp phần cải tiến quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động.

Nâng cao hiệu quả hoạt động năm 2025

- Tham gia triển khai các dự án công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kiểm toán.
- Thực hiện các nghiệp vụ giám sát, báo cáo theo chỉ đạo của BKS và tăng cường phối hợp với tuyến bảo vệ số 1 và số 2 thông qua hệ thống báo cáo nội bộ và cơ chế phối hợp.
- Cải tiến quy trình KTNB, đôn đốc thực hiện khắc phục triệt để các kiến nghị kiểm toán. Hoàn thiện quy trình, hướng dẫn giám sát hoạt động theo yêu cầu của Ban Kiểm soát nhằm tăng cường vai trò theo quy định tại Luật TCTD năm 2024.
- Tăng cường các hoạt động đào tạo nhằm nâng cao năng lực KTNB và năng lực quản lý đội ngũ.

Mục tiêu kế hoạch 2026 - Hoàn thiện và nâng cao vai trò KTNB

- Tiếp tục cải tiến hệ thống phần mềm phục vụ kiểm toán, tăng cường sử dụng công nghệ AI phục vụ cho việc phân tích dữ liệu chuyên sâu.
- Hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao chức năng giám sát và hiệu quả của KTNB.

VII. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tầm nhìn dài hạn

Cam kết của SeABank được tích hợp vào chiến lược phát triển dài hạn, hướng tới một hệ sinh thái tài chính bền vững, đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng cho thế hệ tương lai.

Cam kết về Phát triển bền vững

Cam kết triển khai hoạt động PTBV của Ngân hàng không chỉ là một tuyên bố, mà là một lộ trình thực tế với các hành động cụ thể và kết quả đo lường được. Dựa trên các nguyên tắc đã đề ra, chúng tôi đưa ra các cam kết cụ thể nhằm thúc đẩy PTBV trong lĩnh vực tài chính, tập trung vào bốn nhóm chính: mục tiêu toàn cầu, khí hậu, cộng đồng và khách hàng.

Cam kết với mục tiêu toàn cầu – 17 mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) do Liên Hợp Quốc đề ra	SeABank cam kết thúc đẩy toàn bộ 17 mục tiêu, tích hợp vào các định hướng, hoạt động ngân hàng: • **Kinh doanh bền vững, có trách nhiệm:** Tích hợp ESG trong các hoạt động, tăng cường quản trị công ty và rủi ro hiệu quả, đảm bảo tăng trưởng kinh doanh có trách nhiệm và hạn chế tác động môi trường - xã hội. • **Phát triển định hướng Ngân hàng xanh:** Xanh hóa hoạt động kinh doanh và vận hành trên toàn hàng nhằm tăng trưởng bền vững, giảm thiểu tác động xấu, tạo ra giá trị đối với môi trường - xã hội. • **Xây dựng văn hóa tổ chức gắn kết:** Hướng đến trở thành Ngân hàng dẫn đầu về văn hóa tổ chức, đảm bảo môi trường làm việc bình đẳng, tôn trọng, mức độ hài lòng và cam kết cao, nâng cao hiệu suất. • **Phát triển cộng đồng bền vững trong đa lĩnh vực**: Duy trì hoạt động của 4 quỹ từ thiện nội bộ và tiếp tục triển khai các hoạt động an sinh xã hội trong đa dạng lĩnh vực như hỗ trợ người nghèo, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường...
Cam kết về khí hậu	• **Phát thải ròng bằng 0:** Cam kết giảm mức phát thải khí nhà kính trong hoạt động của Ngân hàng và danh mục tín dụng theo định hướng của Chính phủ để góp phần đạt mức thải ròng bằng 0 của quốc gia vào năm 2050. • **Hỗ trợ tài chính xanh**: Cung cấp các gói tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi nhằm hỗ trợ các dự án giảm phát thải như nhà máy năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng và các sáng kiến bảo vệ môi trường. • **Chuyển đổi xanh hoạt động nội bộ:** Tích cực giảm phát thải các-bon trong hoạt động nội bộ, bao gồm số hóa các quy trình giao dịch, giảm thiểu sử dụng giấy, đầu tư vào văn phòng thân thiện môi trường.

Cam kết với cộng đồng	• **Thúc đẩy tài chính toàn diện:** Cung cấp các sản phẩm tín dụng vi mô và dịch vụ tài chính với chi phí hợp lý cho các nhóm dân cư thu nhập thấp, phụ nữ, các nhóm yếu thế. • **Hỗ trợ cộng đồng chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu:** Đồng hành cùng các địa phương bị tác động nặng nề bởi biến đổi khí hậu, cung cấp các khoản vay cho tái thiết và PTBV. • **Hoạt động thiện nguyện:** Tổ chức các chương trình thiện nguyện trong đa dạng lĩnh vực như xóa đói giảm nghèo, tài trợ khuyến học, sức khỏe cộng đồng...
Cam kết với khách hàng	• **Phát triển sản phẩm tài chính xanh:** tài trợ xanh dành riêng cho các dự án bền vững, tạo điều kiện để KHCN và tổ chức tham gia vào quá trình chuyển đổi xanh; tín dụng xanh ưu đãi dành cho doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn hoặc công nghệ thân thiện môi trường. • **Hỗ trợ tài chính cá nhân xanh:** Phát triển các gói vay ưu đãi cho cá nhân mua sắm các sản phẩm thân thiện với môi trường như ô tô điện, hệ thống năng lượng mặt trời cho gia đình, căn hộ có chứng chỉ công trình xanh. • **Phát triển sản phẩm tài chính xã hội:** tài trợ cho các dự án về giáo dục, y tế, nhà ở cho người thu nhập thấp, các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ... • **Tăng cường tư vấn ESG:** Cung cấp dịch vụ tư vấn miễn phí cho KHDN về cách tích hợp các yếu tố ESG vào hoạt động kinh doanh, giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tốt hơn, chuyển đổi xanh và nâng cao khả năng cạnh tranh. • **Trải nghiệm dịch vụ bền vững:** Đẩy mạnh số hóa các dịch vụ ngân hàng, cung cấp nền tảng giao dịch trực tuyến hiện đại, giúp giảm thiểu tài nguyên và tiết kiệm thời gian cho khách hàng.
Cam kết về nhân quyền và người lao động	• **Tôn trọng sự đa dạng, bình đẳng:** SeABank xây dựng môi trường làm việc nhân văn, lành mạnh, đề cao nhân quyền, đảm bảo sự tôn trọng, bình đẳng. • **Phát triển nhân tài:** Cơ hội công bằng, lộ trình đào tạo và thăng tiến rõ ràng nhằm phát triển và giữ chân nhân tài. • **Đảm bảo chế độ đãi ngộ, lương thưởng:** Được xây dựng dựa trên nhiều yếu tố, bám sát quy định, đảm bảo lợi ích, công bằng.
Cam kết với cổ đông và nhà đầu tư	• **Tích hợp các yếu tố ESG trong quản trị:** tích hợp các thủ tục quản lý MTXH vào quy trình tín dụng, đảm bảo không tài trợ các giao dịch có rủi ro MTXH cao nhưng không có biện pháp khắc phục, giảm thiểu. • **Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế:** áp dụng các khuyến nghị, tiêu chuẩn hoạt động của đối tác chiến lược vào hoạt động. • **Minh bạch thông tin:** xây dựng cơ chế tiếp nhận, xử lý khiếu nại và công khai các thông tin trên website của SeABank hoặc trên các kênh theo quy định.
Đo lường và báo cáo tiến độ	• **Công bố Báo cáo Phát triển Bền vững hàng năm:** bao gồm các chỉ số cụ thể như lượng phát thải giảm, số lượng dự án xanh được tài trợ và tỷ lệ danh mục tín dụng xanh. • **Tích cực tham gia vào các đánh giá và xếp hạng ESG quốc tế** để nâng cao uy tín và cải thiện hiệu quả hoạt động. • **Đặt mục tiêu xây dựng chỉ số phát triển bền vững nội bộ:** theo dõi đóng góp của từng bộ phận vào chiến lược PTBV tổng thể.

NGƯỜI CAO NHẤT CHỊU TRÁCH NHIỆM/TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH, VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Người cao nhất chịu trách nhiệm/triển khai liên quan đến phát triển bền vững:

Chủ tịch HĐQT – Lê Văn Tần

Các thành viên HĐQT có trách nhiệm cùng phối hợp quản lý, giám sát và tham mưu, cho ý kiến đối với các vấn đề ESG, biến đổi khí hậu, tín dụng xanh và các vấn đề liên quan. Đồng thời, HĐQT giao nhiệm vụ cho BTGĐ tổ chức thực hiện, điều hành, phân cấp cho các Hội đồng/Ủy ban, Khối/Đơn vị của SeABank trong việc triển khai chiến lược PTBV theo định hướng do HĐQT phê duyệt. Bên cạnh đó, để giúp việc cho HĐQT, UBQLRR (hoặc Ủy ban/Hội đồng khác trực thuộc HĐQT được phân công tham mưu, giúp việc trong lĩnh vực PTBV) đã được giao nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT, giám sát và đánh giá hiệu quả của hệ thống PTBV cũng như đề xuất phương án cải tiến hiệu quả của hệ thống này với hoạt động của Ngân hàng.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG:

- **Xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường: không bị xử phạt.**
- **Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường: không bị xử phạt.**

ĐỊNH HƯỚNG, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG - XÃ HỘI TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Định hướng quản lý tác động về môi trường - xã hội tại SeABank

NHẬN DIỆN TÁC ĐỘNG VÀ RỦI RO TIỀM ẨN:	Bên cạnh việc tạo ra giá trị kinh tế, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng còn tạo những tác động đáng kể đến môi trường và xã hội. SeABank nhận diện và quản lý các rủi ro tiềm ẩn như sau: • **Rủi ro danh tiếng:** Ngân hàng có thể bị tổn hại danh tiếng nếu tài trợ cho các dự án hoặc khách hàng gây tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, đặc biệt khi bị phản ánh tiêu cực trên truyền thông. • **Rủi ro tín dụng:** Rủi ro về thu hồi nợ đối với những khách hàng bị đình trệ hoạt động để khắc phục vấn đề môi trường, xã hội hoặc chịu các khoản phạt lớn.
TÍCH HỢP CHIẾN LƯỢC	Các chủ đề trọng yếu được lồng ghép vào chiến lược PTBV và kế hoạch kinh doanh dài hạn của SeABank. SeABank cụ thể hóa từng chủ đề thành các chương trình hành động như thúc đẩy tín dụng xanh, tín dụng xã hội, quản lý rủi ro môi trường - xã hội trong hoạt động tín dụng, số hóa quy trình và hỗ trợ cộng đồng.
XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH VÀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ	• **Chính sách MTXH:** Áp dụng tiêu chí môi trường - xã hội trong toàn bộ quy trình quản lý tín dụng và đầu tư, đảm bảo các hoạt động tài trợ không gây hại đến môi trường hoặc xã hội. • **Hệ thống ESMS:** Đánh giá và quản lý rủi ro môi trường - xã hội đối với tất cả các dự án vay vốn và đầu tư, các hoạt động cấp tín dụng của SeABank và các công ty con. • **Hệ thống quản trị:** Nhất quán hướng đến mục tiêu bền vững từ cấp HĐQT đến BTGĐ và các cấp thực thi. • **Bảo mật thông tin:** Ban hành quy chế bảo mật, phân quyền truy cập chặt chẽ để đảm bảo an toàn dữ liệu khách hàng.
GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO	• **Sử dụng chỉ số đo lường rõ ràng cho từng chủ đề:** Tỷ lệ tín dụng xanh, mức giảm phát thải khí nhà kính từ các hoạt động nội bộ, hỗ trợ tài chính cho khách hàng nữ tại các địa phương, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và doanh nghiệp nhỏ/siêu nhỏ, số lượng/tác động chương trình cộng đồng triển khai... • **Minh bạch thông tin:** Công bố Báo cáo Phát triển bền vững định kỳ, công bố thông tin minh bạch liên quan tới môi trường - xã hội. • **Hoàn thiện bộ chỉ số ESG:** Từng bước xây dựng và chuẩn hóa bộ chỉ số ESG làm cơ sở cho việc giám sát kết quả thực hiện chiến lược PTBV. Bộ chỉ số được rà soát, cập nhật định kỳ nhằm bảo đảm phản ánh đầy đủ các cam kết phát triển bền vững, phù hợp với bối cảnh hoạt động, yêu cầu QTRR cũng như các thông lệ quốc tế. Đây là nền tảng quan trọng để đo lường hiệu quả, đánh giá xu hướng cải thiện và hỗ trợ ra quyết định trong toàn hệ thống.
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	• **Đổi mới công nghệ:** Đầu tư vào hệ thống quản trị ESG và các công cụ đo lường hiện đại để nâng cao hiệu quả quản lý. • **Tăng cường hợp tác quốc tế:** Tham gia các sáng kiến toàn cầu như Net Zero Banking Alliance (NZBA) để cập nhật xu hướng và nâng cao chuẩn mực quản lý. • **Đào tạo nội bộ:** Đưa ESG vào chương trình đào tạo nhân viên và ban lãnh đạo, đảm bảo sự đồng nhất trong triển khai các chiến lược bền vững.

Chính sách môi trường - xã hội và hệ thống quản lý rủi ro môi trường - xã hội

Hệ thống các chính sách, nguyên tắc quản lý rủi ro môi trường - xã hội tại SeABank

SeABank đã triển khai hệ thống quản lý môi trường và xã hội (ESMS) từ tháng 01/2022 nhằm đảm bảo ngân hàng không tài trợ cho các hoạt động gây hại đến môi trường và cộng đồng. Tính đến thời điểm 2025, SeABank tích hợp các nguyên tắc về MTXH sau đây trong các hoạt động tín dụng và đầu tư:

(a) Truyền thông chính sách quản lý MTXH của SeABank đến CBNV, cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các bên liên quan.

(b) Yêu cầu và định hướng để khách hàng là tổ chức/doanh nghiệp mà SeABank cấp tín dụng/đầu tư đều tiến hành quản lý rủi ro MTXH phù hợp với các tiêu chuẩn hoạt động MTXH của SeABank trong quá trình kinh doanh.

(c) Đánh giá các rủi ro và cơ hội liên quan đến MTXH đối với từng sản phẩm tài trợ hoặc đầu tư nhằm đạt được hiệu quả bền vững lâu dài tốt nhất và giảm thiểu các tác động bất lợi tiềm tàng về MTXH.

(d) Khuyến khích, đánh giá và nỗ lực triển khai các giải pháp, sản phẩm và dịch vụ mang lại tác động tích cực về MTXH.

(e) Yêu cầu khách hàng/dự án được SeABank cấp tín dụng/đầu tư tuân thủ hoặc cam kết tuân thủ các yêu cầu về MTXH sau đây:

i. Danh sách loại trừ MTXH: SeABank không đầu tư/cấp tín dụng cho bất kỳ khách hàng/hoạt động nào thuộc Danh sách loại trừ MTXH của SeABank.

ii. Danh sách loại trừ MTXH của SeABank được xây dựng trên cơ sở tham khảo các thông lệ quốc tế tiên tiến nhưng đồng thời phù hợp với thực trạng và điều kiện phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

iii. Các quy định hiện hành của Việt Nam về MTXH.

iv. Các Công ước lao động cốt lõi của Tổ chức Lao động Quốc tế, 8 Tiêu chuẩn hoạt động của IFC** và Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng Thế giới (đối với các giao dịch có rủi ro MTXH cao cần áp dụng, theo quy định ESMS từng thời kỳ của SeABank)*

(f) Giám sát hiệu quả MTXH của các khách hàng, tổ chức hoặc dự án được SeABank cấp tín dụng/đầu tư, đồng thời thu thập các báo cáo về sự cố hay tai nạn MTXH (nếu có) kịp thời, tác động hoặc hậu quả phát sinh hoặc có khả năng phát sinh từ sự cố/tai nạn đó và các biện pháp đang được thực hiện hoặc có kế hoạch thực hiện để xử lý/khắc phục.

(g) Thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả nguyên liệu và tài nguyên trong hoạt động của SeABank và của khách hàng, bao gồm việc sử dụng hàng hóa và vật liệu tái chế được sản xuất trong nước cho các hoạt động/dự án nếu phù hợp, áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng và nước nếu khả thi.

(h) Nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính nhằm hạn chế biến đổi khí hậu và đảm bảo SeABank đóng vai trò tích cực trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp.

(i) Duy trì cơ chế giải quyết khiếu nại để CBNV, khách hàng và các bên liên quan khác có thể phản ánh mối quan ngại hoặc khiếu nại về hiệu quả hoạt động MTXH và việc tuân thủ chính sách MTXH cũng như các yêu cầu về tiêu chuẩn hoạt động MTXH của SeABank, đồng thời xử lý các mối quan ngại/khiếu nại này một cách có hệ thống.

(j) Đảm bảo cung cấp đủ nguồn lực về nhân sự, tài chính và vật chất để triển khai hiệu quả ESMS của SeABank.

(k) Xem xét kết quả đánh giá hiệu quả thực thi ESMS hàng năm và chỉ đạo việc thay đổi/cải tiến để đạt hiệu suất phát triển bền vững như định hướng.

(l) Công khai hiệu quả hoạt động MTXH của SeABank theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

* *https://www.ilo.org/global/standards/introduction-to-international-labour-standards/conventions-and-recommendations*

** *Performance Standards on Environmental and Social Sustainability | International Finance Corporation (IFC)*



Danh sách loại trừ môi trường - xã hội

DANH SÁCH LOẠI TRỪ: Không đầu tư/cấp tín dụng với khách hàng/hoạt động thuộc các ngành/lĩnh vực có tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, tiêu biểu:

- Sản xuất/buôn bán thuốc lá;
- Sản xuất/kinh doanh đồ uống có cồn (trừ bia, rượu vang);
- Hoạt động cờ bạc/sòng bạc;
- Sản xuất/kinh doanh vật liệu phóng xạ;
- Hoạt động khai thác gỗ từ rừng nguyên sinh, sản xuất/kinh doanh gỗ có nguồn gốc không phải từ rừng được quản lý bền vững;
- Hoạt động ngành than;
- Hoạt động sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bóc lột lao động trẻ em...

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ: SeABank thực hiện sàng lọc, phân loại và đánh giá rủi ro môi trường xã hội với tất cả các khoản tín dụng. Đối với những khách hàng có rủi ro môi trường xã hội và cần thực hiện các biện pháp khắc phục, SeABank phối hợp với khách hàng xây dựng kế hoạch khắc phục, giám sát xuyên suốt thời gian cấp tín dụng.

Kết quả thực hiện:

>10.000 đề xuất tín dụng đã được sàng lọc, đánh giá rủi ro môi trường - xã hội (tương đương 100% khoản cấp tín dụng, trừ vay tiêu dùng và thẻ tín dụng).

100% các dự án có rủi ro cao không có biện pháp giảm thiểu hoặc dự án/phương án thuộc danh sách loại trừ đều bị SeABank từ chối cấp tín dụng.

CHÍNH SÁCH VỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG - ĐỀ CAO NHÂN VĂN, PHÁT TRIỂN NHÂN TÀI



BÁO CÁO TỔNG SỐ NHÂN VIÊN:

Tổng số lượng nhân sự bình quân năm 2025 là:

5.396 người

Tổng số lượng nhân sự thời điểm 31/12/2025 là:

5.427 người

THU NHẬP TRUNG BÌNH:

Tổng số lượng nhân sự bình quân năm 2025 là:

31,6 triệu đồng/người/tháng

4,9 %

so với thu nhập trung bình năm 2024

CHỈ SỐ HÀI LÒNG:

90,37% CBNV cảm thấy hài lòng khi làm việc tại SeABank.

90,5% CBNV sẽ gắn bó với SeABank ít nhất trong 2 năm tiếp theo.

Hệ thống chính sách nhân sự - đề cao phúc lợi người lao động

Xác định nguồn nhân lực là cốt lõi của phát triển, SeABank xây dựng môi trường làm việc đề cao niềm tin - nơi mỗi cá nhân tin vào giá trị của mình, tin vào sự chỉ đạo định hướng của HĐQT, Ban Điều hành, tin vào các mục tiêu chung của tổ chức đúng với tinh thần "Believe!".

Bám sát cam kết về nhân quyền, SeABank cải tiến hệ thống phúc lợi theo hướng công bằng, minh bạch và xứng đáng với cống hiến, thúc đẩy phát huy tối đa năng lực. Đồng thời, Ngân hàng tạo dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, bảo đảm sức khỏe thể chất - tinh thần và phúc lợi toàn diện cho đội ngũ.

Believe

Môi trường làm việc an toàn, đảm bảo sức khỏe thể chất - tinh thần

An toàn, sức khỏe người lao động	• SeABank trang bị cơ sở vật chất, điều kiện làm việc an toàn, sạch sẽ, hiện đại, đảm bảo sức khỏe và năng suất lao động của CBNV trên toàn hệ thống: » CBNV SeABank được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công việc: máy tính để bàn, bàn phím, chuột, hệ thống điện thoại nội bộ Cisco, tủ đựng tài liệu, văn phòng phẩm hàng tháng... » Các tòa nhà và trụ sở SeABank cũng được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất hiện đại, ưu tiên thiết bị thân thiện với môi trường có nhãn năng lượng có chỉ số CSPF>4. » 100% trụ sở trang bị máy lọc không khí, hệ thống thông gió và lọc khí tươi nhằm loại bỏ vi khuẩn, bụi bẩn và đảm bảo sức khỏe. » Tăng cường trồng cây xanh trong văn phòng và tối ưu hóa việc sử dụng ánh sáng tự nhiên. » 100% nguồn nước sinh hoạt trên toàn hệ thống được đảm bảo theo Quy chuẩn nước sinh hoạt của Việt Nam: QCVN 01-1: 2018/BYT của Bộ Y tế và QCVN 14:2008/BTNMT của Bộ Tài nguyên & Môi trường. • Chế độ chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp: » **Bảo hiểm toàn diện PVICare:** bảo hiểm sức khỏe dành cho CBNV và gia đình, gói quyền lợi được gia tăng và mở rộng theo năm, chức danh, thâm niên... » **Chương trình khám sức khỏe định kỳ:** ngoài gói khám tổng quát cơ bản, SeABank đảm bảo các danh mục khám chuyên khoa theo giới tính; các danh mục khám chuyên sâu được bổ sung và gia tăng theo chức danh, thâm niên... Chương trình được triển khai tại các bệnh viện uy tín, có chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp và cơ sở y tế hiện đại. • Cam kết về nhân quyền, không sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức và không tài trợ/hợp tác với các bên có hành vi sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức.
Xây dựng môi trường đa dạng, bình đẳng	• **Chính sách tuyển dụng không phân biệt:** SeABank đảm bảo quy trình tuyển dụng công bằng, không thiên vị hay phân biệt đối với bất kỳ yếu tố nào khác ngoài năng lực chuyên môn, chào đón và thu hút nhân tài từ mọi vùng miền, giới tính, độ tuổi, sắc tộc, tôn giáo... • **Thúc đẩy sự hòa nhập:** Các chương trình đào tạo về văn hóa đa dạng và kỹ năng làm việc nhóm được tổ chức thường xuyên, giúp nhân viên học cách tôn trọng và hợp tác hiệu quả trong môi trường đa dạng. • **Bình đẳng giới:** SeABank luôn tạo điều kiện cho nữ giới khẳng định bản thân và giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng. Tỷ lệ quản lý và lãnh đạo nữ tại SeABank là 47%. • **Cơ hội thăng tiến công bằng:** Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc minh bạch, dựa trên thành tích và năng lực, đảm bảo tất cả nhân viên đều có cơ hội được công nhận và phát triển nghề nghiệp một cách công bằng. • **Thu nhập, đãi ngộ bình đẳng:** SeABank thực hiện chính sách trả lương và áp dụng chế độ đãi ngộ không phân biệt giới tính hay bất kỳ yếu tố cá nhân nào, với nguyên tắc "trả lương theo giá trị công việc".

Xây dựng môi trường đa dạng, bình đẳng *(tiếp)*	• **Xây dựng văn hóa phản hồi cởi mở:** SeABank khuyến khích nhân viên chia sẻ ý kiến và đóng góp để cải thiện môi trường làm việc, thông qua các khảo sát định kỳ và tương tác trên các kênh giao tiếp nội bộ. • **Phát triển cộng đồng nội bộ:** Các câu lạc bộ và các chương trình thiện nguyện, hoạt động tập thể đa dạng tạo sự gắn kết và lan tỏa tinh thần đồng đội trong toàn hệ thống.
Nâng cao trải nghiệm, tăng cường gắn và lan tỏa các giá trị văn hóa nội bộ	Năm 2025, hơn 20 sự kiện và chương trình đã được triển khai, kết hợp linh hoạt giữa hoạt động trực tiếp và nền tảng số, giúp kết nối hiệu quả đội ngũ nhân sự tại các đơn vị trên toàn quốc. Các chương trình tiêu biểu: • **Chương trình SeAProud** tri ân hơn 1.500 CBNV gắn bó lâu năm với Ngân hàng. • **Chương trình "Đại sứ Văn hóa"** với sự tham gia của khoảng 160 CBNV, tìm kiếm gương mặt tiêu biểu, xuất sắc để lan tỏa các giá trị văn hóa nội bộ. • **Các hoạt động kỷ niệm dịp đặc biệt như:** Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, sinh nhật SeABank, Ngày Quốc tế Nam giới (Men's Day) lần đầu tiên được tổ chức... • **Các chương trình tìm hiểu văn hóa doanh nghiệp và hoạt động thi đua nội bộ khác** • **Chương trình gắn kết gia đình CBNV:** SeATết, chương trình lì xì đầu năm và các hoạt động dành cho con em CBNV thông qua SeAKids, SeAHero Kids thúc đẩy thói quen xanh cho con em CBNV...

Các chính sách đãi ngộ, phúc lợi cạnh tranh

Ngoài các chính sách phúc lợi, đãi ngộ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, SeABank xây dựng và dự kiến triển khai các chế độ đãi ngộ (Total Rewards) và lương thưởng hấp dẫn trong năm 2026 như sau:

- Điều chỉnh lương định kỳ theo vị trí đảm nhiệm, hiệu quả làm việc thực tế, mức độ đóng góp và thâm niên, cống hiến của từng cá nhân, dựa trên cấu trúc lương 3P.
- Hệ thống chính sách thưởng dựa trên năng lực làm việc, kết quả làm việc, thành tích và đóng góp, cống hiến của từng cá nhân cho sự phát triển của Ngân hàng, đảm bảo khen thưởng xứng đáng nhằm khích lệ, ghi nhận sự đóng góp của mỗi thành viên.
- Các chính sách phúc lợi được mở rộng và nâng cao nhằm mang lại đãi ngộ tốt nhất cho CBNV, gia tăng theo thâm niên, kết quả làm việc để tạo động lực cống hiến và gắn kết: Chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện PVICare cho CBNV và người thân; SeAESOP; chính sách vay vốn ưu đãi SeAStaff Privilege; chính sách về chế độ nghỉ phép năm mở rộng...

Các chính sách đãi ngộ, phúc lợi của SeABank được nêu chi tiết tại Chính sách lương, thưởng và phúc lợi trang 106 - 109 của báo cáo này.

Đào tạo và phát triển năng lực CBNV:

Giải pháp toàn diện về đào tạo và phát triển năng lực CBNV:

- Thiết kế chương trình đào tạo cho từng đối tượng về chuyên môn, kỹ năng.
- Đa dạng hóa hình thức học tập, giúp nhân viên vừa chủ động nâng cao kiến thức vừa đảm bảo tiến độ công việc.
- Xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng, khuyến khích nhân viên không ngừng nâng cao năng lực và đổi mới sáng tạo.

Đánh giá chung hoạt động đào tạo và phát triển năng lực năm 2025:

Số lượng khóa đào tạo:
1.541 khóa
6,7% so với năm 2024

Số giờ đào tạo trung bình/ CBNV:
62 giờ/CBNV
5,4 giờ so với năm 2024

Số lượng CBNV tham gia:
6.690 người
16,8% so với năm 2024

Số lượt tham gia đào tạo:
79.038 lượt
9,1% so với năm 2024

Điểm đánh giá bình quân:
9,49/10 điểm

Đảm bảo đào tạo:
100% nhóm năng lực
nhóm đối tượng
nhóm chức danh
CBNV tân tuyển

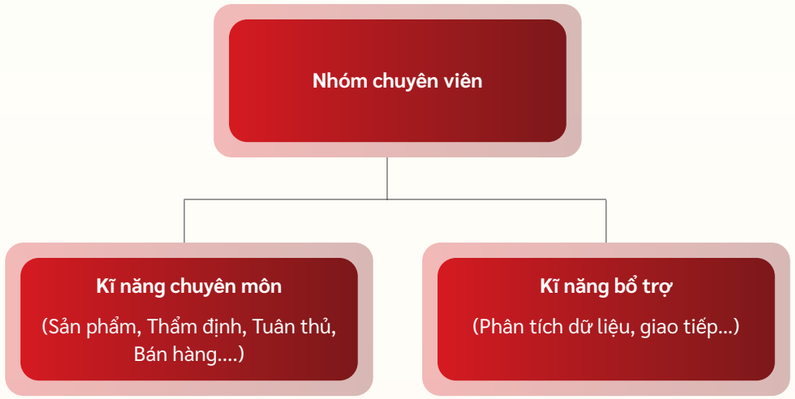
- **Phương pháp đào tạo và phát triển năng lực liên tục được đổi mới, tối ưu hóa nguồn lực giảng viên, coach nội bộ:** sự tham gia đào tạo, giảng dạy, huấn luyện của Ban Lãnh đạo từ HĐQT, BTGĐ tới Ban Giám đốc các Khối Hội sở, Giám đốc Vùng, Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Nghiệp vụ Hội sở...
- **Hình thức tổ chức:** blended learning (kết hợp cả 3 hình thức: classroom, online và e-learning), đặc biệt hình thức e-learning giúp tiết kiệm được chi phí tổ chức và vận hành lớp học, chi phí giảng dạy, chi phí in ấn tài liệu, chi phí ăn ở đi lại cho học viên và giảng viên, giảm thời gian học tập trung của học viên, song vẫn đảm bảo nâng cao năng lực và hiệu quả công việc.
- **Đội ngũ giảng viên nội bộ:** Năm 2025, đội ngũ giảng viên, coach nội bộ trên toàn hệ thống lên tới 268 người.
- **Hoạt động đào tạo hướng dẫn chia sẻ nâng cao kiến thức, kỹ năng cho giảng viên, coach nội bộ:** Kỹ năng đối thoại trong huấn luyện (Coaching Conversations), Huấn luyện giải quyết vấn đề thông qua phương pháp học hành động (Action Learning), Huấn luyện nhóm (Team Coaching)...

Các chương trình, hoạt động phát triển năng lực năm 2025:

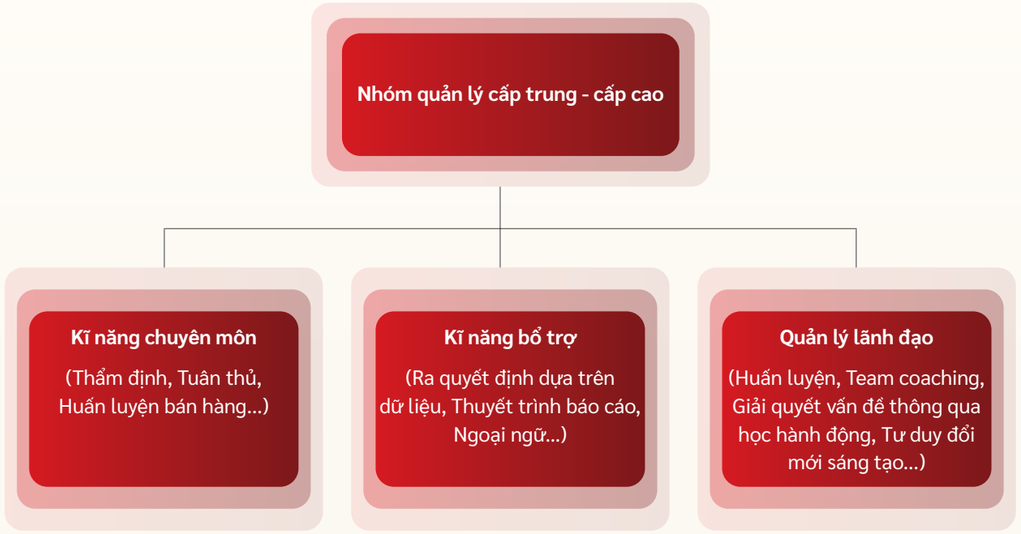
Chương trình chuẩn hóa theo khung năng lực:

100% các nhóm chức danh (từ Chuyên viên đến Quản lý cấp cao) đều được đào tạo và phát triển năng lực, trong đó:

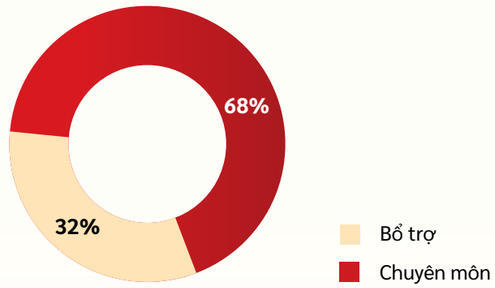
- **Nhóm Chuyên viên:** tập trung vào 2 nhóm kĩ năng chính là chuyên môn và bổ trợ.



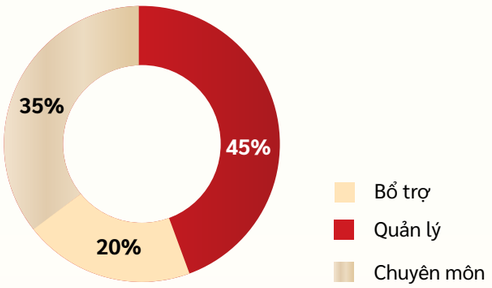
- **Nhóm Quản lý cấp trung và cấp cao:** tập trung vào 3 nhóm năng lực gồm chuyên môn - bổ trợ - quản lý lãnh đạo.



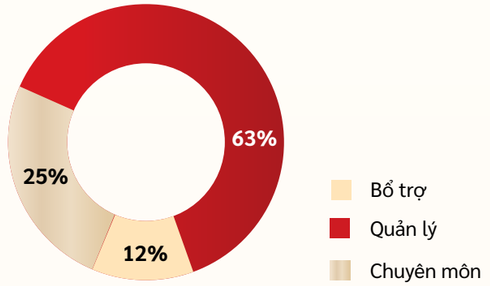
TỶ LỆ SỐ KHÓA DÀNH CHO CHUYÊN VIÊN



TỶ LỆ SỐ KHÓA DÀNH CHO QUẢN LÝ CẤP TRUNG



TỶ LỆ SỐ KHÓA DÀNH CHO QUẢN LÝ CẤP CAO



Chương trình đào tạo trọng điểm:

- **Nâng cao năng lực quản trị:**
  - » 05 khóa nâng cao năng lực quản trị cho thành viên HĐQT: *Chương trình chứng nhận thành viên HĐQT: DCP33, DCP40; Chương trình đào tạo chuyên sâu về Ủy ban Kiểm toán: ACMP8, ACMP9*; Hội thảo *"Hội đồng Quản trị kiến tạo tương lai: Góc nhìn từ Quản trị số & phát triển bền vững"*.
  - » 05 khóa theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước: *PCRT & chống tài trợ khủng bố; ESG; AI; Phân biệt tiền thật tiền giả; Nhận biết chứng từ tài liệu chữ ký con dấu giả mạo.*
- **Đóng GAP năng lực theo mô hình mới:**
  - » Xây dựng khung năng lực theo mô hình mới cho 100% chức danh tại ĐVKD,
  - » Đánh giá nhu cầu đào tạo theo khung năng lực mới,
  - » Đào tạo đóng GAP theo mô hình mới cho 100% GDV đa năng trên toàn hệ thống.
- **Tạo nguồn/Sau bổ nhiệm:**
  - » 100% quản lý mới được đào tạo và huấn luyện sau bổ nhiệm,
  - » 100% Giám đốc mảng và Giám đốc Trung tâm tại ĐVKD được huấn luyện tạo nguồn.

Rà soát, đánh giá năng lực, phát triển nhân tài:

Chương trình	Chi tiết và kết quả triển khai năm 2025
Xây dựng Bản đồ năng lực, bộ chỉ số thành công và đánh giá nhu cầu đào tạo dành cho các chức danh tại ĐVKD	**Mục tiêu:** • Cập nhật, chuẩn hóa khung năng lực các vị trí chức danh tại ĐVKD theo mô hình kinh doanh mới. • Giúp các ĐVKD có cơ sở phối hợp cùng Khối QT&PTNNL trong việc quản lý và giữ chân nhân sự có chất lượng, phù hợp với văn hóa và yêu cầu phát triển của SeABank thông qua việc xây dựng tổng thể khung năng lực, bản đồ năng lực và đánh giá nhu cầu đào tạo. **Chi tiết triển khai:** Đối tượng được đánh giá/khảo sát/xây dựng bản đồ năng lực, bộ chỉ số thành công và nhu cầu đào tạo gồm các nhóm chức danh tại ĐVKD: • Giám đốc Vùng • Giám đốc Trung tâm kinh doanh • Giám đốc Mảng • Trưởng nhóm • Vị trí nhân viên CV/CVC/CVCC/CG **Kết quả triển khai:** Kết quả ghi nhận trong 3 tháng triển khai (từ tháng 9-11/2025) với các sản phẩm: • Bộ từ điển năng lực được cập nhật, bổ sung chức danh mới. • Bản đồ năng lực theo các lộ trình phát triển nghề nghiệp • Lộ trình học tập gắn với khung năng lực chức danh • Bản đồ học tập gắn với lộ trình phát triển nghề nghiệp cá nhân • Bộ chỉ số thành công • Báo cáo đánh giá, phân tích, đề xuất nhu cầu đào tạo (TNA: Training Needs Analysis). **Tác động:** Tạo tiền đề và cơ sở hữu ích cho các hoạt động lập kế hoạch đào tạo và phát triển năng lực, đánh giá năng lực tiếp theo.
Thi sát hạch nghiệp vụ định kỳ	**Mục tiêu:** Kiểm tra thường xuyên chất lượng nguồn nhân lực các cấp từ chuyên viên đến trưởng nhóm/chuyên gia, đảm bảo duy trì nguồn nhân lực tinh anh và tạo động lực phát triển cho CBNV. **Chi tiết triển khai & kết quả:** • Thực hiện thành công kỳ thi sát hạch nghiệp vụ định kỳ 2 lần/ năm dành cho các nhóm chức danh từ vị trí chuyên viên đến trưởng nhóm/chuyên gia. • Cập nhật nội dung và cơ cấu bộ đề thi. • Áp dụng hình thức giám sát và quản lý ca thi qua camera trong suốt kỳ thi từ các điểm đầu cầu online nhằm nâng cao tính nghiêm túc và hiệu quả.

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG



Hỗ trợ tài chính toàn diện cho các nhóm khách hàng yếu thế

Mở rộng hợp tác, kiến tạo xã hội thịnh vượng

Với mục tiêu xây dựng cộng đồng thịnh vượng, hạnh phúc với cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi đối tượng, SeABank đã mở rộng hợp tác quốc tế, thành công huy động hơn 1,1 tỷ USD từ các định chế tài chính uy tín như Proparco, FMO, IFC, DFC, AIIB, Norfund... Với nguồn vốn cùng với sự hỗ trợ chuyên môn của các đối tác, SeABank sẽ nâng cao hiệu quả các dự án bền vững, cải thiện hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng các mục tiêu bền vững với trọng tâm ESG tập trung vào các lĩnh vực:

- **Tài chính toàn diện cho doanh nghiệp nữ chủ, SME:** SeABank triển khai hàng loạt dự án và chính sách tài chính, phi tài chính nhằm hỗ trợ toàn diện cho các SME, doanh nghiệp nữ chủ, tiêu biểu: Dự án Banking on women, Câu lạc bộ SeAPower, loạt sản phẩm ưu đãi cho các đối tượng mục tiêu...
- **Các hoạt động tài chính khí hậu, tín dụng xanh, đầu tư xanh, tài trợ kinh tế bền vững:** SeABank triển khai các sản phẩm dịch vụ xanh cho nhiều phân khúc cá nhân, doanh nghiệp và đẩy mạnh tài trợ các dự án trong lĩnh vực xanh – bền vững như nông nghiệp sạch, năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng...
- **Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao tiếp cận dịch vụ ngân hàng:** SeABank mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước như VISA, MoneyGram, MobiFone... nhằm đẩy mạnh, cải tiến dịch vụ thanh toán số, tạo điều kiện tiếp cận dễ dàng cho các đối tượng chưa sử dụng dịch vụ ngân hàng.

Thông qua các dự án, hoạt động này, SeABank hướng đến một nền kinh tế tuần hoàn, bền vững, nơi mọi cá nhân và doanh nghiệp đều có cơ hội phát triển bình đẳng, đồng thời gián tiếp tạo việc làm cho người lao động, thúc đẩy kinh tế bao trùm.



Hoạt động hỗ trợ tài chính toàn diện - tài chính xanh năm 2025

GÓI CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ

- Hỗ trợ một cách toàn diện các dịch vụ tài chính và phi tài chính với mức giá ưu đãi nhất và hình thức cấp tín dụng đa dạng (cho vay, bảo lãnh, TTTM, thẻ, dịch vụ tài khoản, huy động...).
- Các chính sách ưu đãi tài chính đồng bộ, thiết kế phù hợp đặc thù doanh nghiệp nữ chủ như: miễn phí năm đầu khi đăng ký gói tài khoản, chính sách giá ưu đãi hơn so với các đối tượng khách hàng khác, miễn phí trả nợ trước hạn, tỷ lệ cấp tín dụng/giá trị TSBĐ cạnh tranh...

THẺ TÍN DỤNG VISA CORPORATE

Hỗ trợ SME và doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tháo gỡ các rào cản trong việc tiếp cận vốn.

- Hạn mức thấu chi không TSĐB lên tới 5 tỷ đồng;
- Miễn phí năm đầu các loại phí trọng yếu (phí thường niên thẻ, phí mở tài khoản combo) nhằm giảm rào cản tham gia và tăng khả năng kích hoạt sử dụng;
- Tối ưu điều kiện tín dụng với tỷ lệ cấp tín dụng/giá trị tài sản bảo đảm lên tới 100% theo chính sách áp dụng.



CÂU LẠC BỘ NỮ CHỦ DOANH NGHIỆP - SEAPOWER

- Tổ chức chương trình đào tạo, khóa học nâng cao năng lực cho nữ chủ doanh nghiệp.
  - » Tổ chức 2 khóa học chuyên sâu về thuế - tài chính, quản trị doanh nghiệp đã thu hút 5.000 hội viên tham dự.
  - » Phối hợp với các Cục thuế tại địa phương tổ chức chuỗi 5+ hội thảo chuyên sâu về thuế trên toàn quốc, cập nhật kịp thời các thay đổi quan trọng trong chính sách Thuế 2025 và lộ trình áp dụng IFRS.
- Hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp và tổ chức phi lợi nhuận để triển khai hội thảo/sự kiện quy mô, mở rộng kết nối và chia sẻ kinh nghiệm quản trị.
- Cung cấp gói hỗ trợ truyền thông - quảng bá thương hiệu, kết nối hệ sinh thái đối tác nhằm tăng giá trị gia tăng cho khách hàng.





THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ SEALADY

- Nổi bật với tính năng hoàn tiền lên đến 2% giá trị giao dịch vào tất cả các ngày, đặc biệt cao vào những ngày đặc biệt dành cho phái nữ như ngày sinh nhật, ngày 8/3, 20/10 hoặc tại các đối tác bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe và làm đẹp.
- Với dòng thẻ này, SeABank là một trong những ngân hàng tiên phong ra mắt sản phẩm có yếu tố từ thiện thông qua việc chia sẻ với những bệnh nhân ung thư. Cụ thể, với mỗi giao dịch thanh toán từ 1 triệu đồng của khách hàng bằng thẻ SeALady Cashback, Ngân hàng sẽ ủng hộ 2.000 đồng cho Quỹ hỗ trợ bệnh nhân ung thư Ngày mai tươi sáng. Tính đến năm 2025, SeABank đã đóng góp tổng cộng 4.122.140.000 đồng cho quỹ.
- Ra mắt lần đầu năm 2017, sản phẩm đạt giải thưởng "Thẻ tín dụng của năm 2019" do The Asian Banker trao tặng. Tính tới hết 2025, SeABank đã phát hành hơn 98.000 thẻ SeALady.

CHO VAY DÀNH CHO HỘI VIÊN HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ SEAWOMEN

- Hạn mức cho vay tối đa 150 triệu đồng và kỳ hạn vay tối đa 60 tháng, miễn phí trả nợ trước hạn và tinh gọn thủ tục/hồ sơ vay vốn cho hội viên nữ. Kể từ khi triển khai, đây vẫn luôn là dòng sản phẩm cho vay tiêu dùng không TSBĐ tiếp cận rộng rãi được với nhiều khách hàng nhờ các đặc tính hấp dẫn cũng như ý nghĩa của sản phẩm.
- Tính đến cuối năm 2025, sản phẩm SeAWomen có tổng số hơn 22.300 khách hàng lũy kế, đạt dư nợ 1.183 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2024.

THẺ ĐA NĂNG SEASOUL 2IN1

Năm 2025, SeABank đã ra mắt thẻ đa năng SeASoul 2in1 hợp tác cùng ca sỹ Mỹ Tâm mang đến đặc quyền tài chính gắn với các giá trị tinh thần Tâm An - Tâm Lành - Tâm Giao:

- Tích hợp tính năng thẻ tín dụng – thẻ ghi nợ, ưu đãi lên tới 15% khi thanh toán thẻ trên các nền tảng giải trí.
- Với mỗi Thẻ SeASoul mở mới và kích hoạt thành công, SeABank sẽ đóng góp 3.000 đồng cho Quỹ từ thiện của SeABank/MT Foundation của Mỹ Tâm để ủng hộ các hoạt động thiện nguyện.



TÍN DỤNG XANH

Năm 2025, SeABank ban hành Chiến lược phát triển bền vững của SeABank theo Quyết định số 1497/2025/QĐ-HĐQT trong đó đề ra mục tiêu nâng tỷ trọng tín dụng xanh trong tổng danh mục tín dụng lên 5% vào năm 2030.

- Chương trình thúc đẩy tăng trưởng dành cho tín dụng xanh: quy định được xây dựng theo đặc thù từng ngành nghề và chính sách ưu đãi về giá theo từng thời kỳ. Năm 2025, SeABank tập trung các dự án thuộc danh mục phân loại xanh theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, hoặc cho các lĩnh vực được các tổ chức quốc tế công nhận là xanh, bao gồm: công trình xanh, năng lượng tái tạo, hiệu quả năng lượng, xe điện (EV)/trạm sạc EV, thủy sản, hóa chất và nhựa thân thiện với đại dương, du lịch bền vững, nông nghiệp thông minh...
- Hỗ trợ tài chính xanh: Cung cấp các gói tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi nhằm hỗ trợ các dự án giảm phát thải như nhà máy năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng và các sáng kiến bảo vệ môi trường...
- Phát triển sản phẩm tài chính xanh: tài trợ xanh dành riêng cho các dự án bền vững, tạo điều kiện để KHCN và tổ chức tham gia vào quá trình chuyển đổi xanh; Tín dụng xanh ưu đãi dành cho doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn hoặc công nghệ thân thiện môi trường...

Hoạt động an sinh xã hội, phát triển cộng đồng

Với các giá trị nhân văn được xây dựng từ nội tại văn hóa doanh nghiệp, SeABank hướng tới lan tỏa sâu rộng hơn nữa những giá trị này tới cộng đồng xã hội, từ đó kiến tạo những giá trị bền vững và đóng góp xây dựng cộng đồng thịnh vượng.

Năm 2025, SeABank đã triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội ý nghĩa với tổng chi phí hơn 34 tỷ đồng, bao gồm nhiều hoạt động, chương trình ý nghĩa phủ rộng nhiều khía cạnh đời sống theo 17 mục tiêu phát triển bền vững SDGs của Liên Hợp Quốc.

Ngân sách an sinh xã hội năm 2025

>34 tỷ đồng

41,67%
so với năm 2024



Một số chương trình tiêu biểu:

CHƯƠNG TRÌNH DO QUỸ ONE DAY ONE SMILE CỦA SEABANK TRIỂN KHAI

CHƯƠNG TRÌNH THIỆN NGUYỆN SEABANKERS VÌ TRẺ THƠ

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Chương trình thường niên lan tỏa yêu thương tới các em nhỏ vùng sâu vùng xa, các bệnh nhi, các em có hoàn cảnh khó khăn trên toàn quốc. Năm 2025, chương trình xây dựng thư viện, phòng đọc sách; trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó; tặng đồ dùng thiết yếu, quần áo, cơ sở vật chất, nhu yếu phẩm... cho các trường học, trung tâm bảo trợ xã hội...	**790** TRIỆU ĐỒNG	1, 2, 3, 4, 8, 10, 11

CHƯƠNG TRÌNH THIỆN NGUYỆN XUÂN YÊU THƯƠNG

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Xuân Yêu thương 2025 đã trao nhiều suất quà cho trẻ em, người già, bệnh nhân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại các bệnh viện, trường học và trung tâm bảo trợ ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.	**725** TRIỆU ĐỒNG	1, 2, 3, 4, 8, 10, 11

CHƯƠNG TRÌNH THƯỜNG NIÊN NGÀY CỦA YÊU THƯƠNG - DAY OF LOVE



Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Day of Love 7/9 là ngày CBNV SeABank trên toàn hệ thống lan tỏa giá trị nhân văn tới cộng đồng. Day of Love 2025 được triển khai với 2 trọng tâm lớn bao gồm: • Hoạt động thiện nguyện tại nhiều tỉnh, thành. • Hoạt động gây quỹ ủng hộ Quỹ SeAGreen và SeADreams.	**1,5** TỶ ĐỒNG	1, 2, 3, 4, 8, 10, 11

CHƯƠNG TRÌNH DO QUỸ ƯƠM MẦM ƯỚC MƠ CỦA SEABANK TRIỂN KHAI

TRAO HỌC BỔNG KHUYẾN HỌC CHO >130 EM HỌC SINH NGHÈO VƯỢT KHÓ

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Tăng mức học bổng hằng tháng lên 1.500.000 đồng/em. Học bổng được trao cho các em học sinh nghèo hiếu học do Quỹ đỡ đầu. Thời điểm 31/12/2025, Quỹ đang đỡ đầu 124 em học sinh.	**>2** TỶ ĐỒNG	1, 2, 3, 4, 8, 10, 11

CHƯƠNG TRÌNH DO QUỸ ƯƠM MẦM ƯỚC MƠ CỦA SEABANK TRIỂN KHAI

HỌC BỔNG KHỞI NGHIỆP CHO 15 TÂN SINH VIÊN TỐT NGHIỆP TỪ QUỸ UMUM

Quỹ học bổng Ươm mầm Ước mơ

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Học bổng trị giá 10 triệu đồng/ em được trao cho các em học sinh UMUM tốt nghiệp Trung học Phổ thông như một phần hành trang cho chặng đường tương lai của các em.	150 TRIỆU ĐỒNG	1 2 3 4 8 10 11

CHƯƠNG TRÌNH KHÁC DO SEABANK TRIỂN KHAI

TUẦN LỄ CÔNG DÂN

TUẦN LỄ CÔNG DÂN

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Chương trình triển khai chuỗi hoạt động tập trung vào: • Hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai, bão lũ tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước; • Thực hành lối sống xanh - trồng cây, dọn rác, hạn chế nhựa dùng một lần; • Hiến máu nhân đạo, trao tặng sự sống.	~1 TỶ ĐỒNG	3 11 12 13 15

CHƯƠNG TRÌNH KHÁC SEABANK THAM GIA

HỖ TRỢ ĐỒNG BÀO BỊ THIỆT HẠI BỞI CÁC CƠN BÃO NĂM 2025

SEA GREEN

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Hỗ trợ gần 6,5 tỷ đồng cho người dân và CBNV SeABank bị ảnh hưởng nặng nề trên toàn quốc (miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên).	~6,5 TỶ ĐỒNG	1 11 13

ỦNG HỘ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Phối hợp xây mới, sửa chữa và bàn giao 856 căn nhà đại đoàn kết cho các hộ nghèo, cận nghèo. Tổng lũy kế số căn nhà đã được SeABank xây mới/sửa chữa trên cả nước đạt gần 1.800 căn.	30 TỶ ĐỒNG	1 2 3 9 11

HỌC BỔNG NHNN

Chi tiết triển khai	Ngân sách	Mục tiêu SDGs
Tài trợ học bổng khuyến học cho các em học sinh xuất sắc có hoàn cảnh khó khăn ngành Tài chính - Ngân hàng.	160 TRIỆU ĐỒNG	1 2 3 4 8 10 11

Believe

GIỮ GÌN MÔI TRƯỜNG XANH, GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH



Xác định bảo vệ môi trường và giảm phát thải các-bon là những mục tiêu trọng yếu trong chiến lược PTBV, SeABank triển khai các hoạt động toàn diện tập trung vào: Tối ưu hiệu quả, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên; Giảm phát thải các-bon và xanh hóa vận hành; Đẩy mạnh các hoạt động tài chính xanh, kinh tế tuần hoàn.

Quản lý tài nguyên nước và điện

Nguyên tắc, định hướng quản lý tài nguyên điện, nước tại SeABank:

- **Chuẩn hóa khung pháp lý nội bộ:** Thiết lập hệ thống quy định và hướng dẫn chi tiết về sử dụng tài nguyên tiết kiệm, áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống và các đơn vị trực thuộc.
- **Thiết lập mạng lưới giám sát đa tầng:** Các bộ phận đầu mối (Kỹ thuật, Giám sát an ninh, Bảo vệ) phối hợp chặt chẽ để kiểm soát việc vận hành thiết bị, đảm bảo tính liên tục và minh bạch.
- **Duy trì kỷ luật vận hành:** Thực hiện kiểm tra, hậu kiểm định kỳ hàng ngày; nhận diện và xử lý triệt để các hành vi lãng phí hoặc sử dụng tài nguyên sai mục đích ngay tại thời điểm phát sinh.
- **Lan tỏa văn hóa tiết kiệm:** Triển khai các chiến dịch truyền thông nội bộ định kỳ, đặc biệt vào các giai đoạn cao điểm (mùa nóng) nhằm chuyển hóa ý thức thành hành động tự giác cho toàn thể CBNV.



Quản lý nước và xả thải

Mục tiêu, biện pháp quản lý nước và xả thải:

- Quản lý sử dụng nước theo định mức dưới **30 lít/người/ngày** cho CBNV.
- Đảm bảo nguồn nước sinh hoạt sạch, đáp ứng các quy chuẩn của Việt Nam.
- Xử lý 100% nước thải trước khi thải ra môi trường, áp dụng các quy chuẩn/hướng dẫn của Việt Nam.

Kết quả triển khai năm 2025

Lượng nước tiêu thụ bình quân đầu người:

~20 lít /CBNV/ngày

↘ 32% so với định mức

Lượng nước tiêu thụ/CBNV năm 2025:

~7,5 m^3 /CBNV

- **Nước sạch:** 100% nguồn nước sinh hoạt được đảm bảo theo Quy chuẩn nước sinh hoạt của Việt Nam QCVN 01-1: 2018/BYT, Tiêu chuẩn nước cấp sinh hoạt 6-1:2010/BYT của Bộ Y tế.
- **Tiêu thụ nước:** Lượng nước sinh hoạt được tiêu thụ năm 2025 xấp xỉ 20 lít/người/ngày, thấp hơn 32% so với định mức đề ra nhờ đẩy mạnh 4 trụ cột Chuẩn hóa khung pháp lý nội bộ - Thiết lập mạng lưới giám sát đa tầng - Duy trì kỷ luật vận hành - Lan tỏa văn hóa tiết kiệm. Cụ thể:
  - » Lắp đặt thiết bị tiết kiệm: Trang bị vòi nước tự ngắt và bồn cầu xả hai chế độ tại các khu vực vệ sinh.
  - » Bảo trì hệ thống: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống cấp thoát nước để phát hiện và khắc phục kịp thời tình trạng rò rỉ, tránh thất thoát tài nguyên.
  - » Nâng cao nhận thức: Tuyên truyền hướng dẫn sử dụng nước tiết kiệm tại khu vực pantry và vệ sinh, nâng cao ý thức CBNV về việc sử dụng nước đúng mục đích.
- **Xả thải:** 100% nước thải được xử lý trước khi thải ra môi trường. Cụ thể, tại các trụ sở làm việc có cấp giấy phép xả nước thải ra môi trường do SeABank quản lý vận hành, nước thải được quan trắc chỉ số theo QCVN 14:2008/BTNMT định kỳ 3 tháng/lần. Kết quả phân tích cho thấy, tất cả các thông số đều thấp hơn giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, k = 1,2).

Quản lý tài nguyên điện

Mục tiêu, biện pháp quản lý:

- Quản lý sử dụng điện năng theo định mức, đo lường lượng tiêu thụ hàng năm trên mỗi mét vuông diện tích sàn (kWh/m^2/năm).
- Xây dựng định mức đo lường năng lượng tiêu thụ tại văn phòng làm việc theo thời tiết đặc thù của vùng miền để làm cơ sở theo dõi, đánh giá.
- Tuyên truyền nội bộ, nâng cao ý thức về nội quy sử dụng điện an toàn, hiệu quả theo Quy định số 5211/2021/QĐ-TGĐ.

Kết quả triển khai năm 2025

Lượng điện tiêu thụ trên CBNV năm 2025

1.385,7 kWh/CBNV

-0,22% YoY

Cường độ tiêu thụ điện theo doanh thu

2,89 kWh/tỷ đồng

-9,91% YoY

Năm 2025, các chỉ số về hiệu quả năng lượng có thay đổi tích cực so với năm 2024 nhờ đẩy mạnh các hoạt động:

- **Chuyển đổi thiết bị hiệu suất cao:**
  - » Thay thế và lựa chọn trang thiết bị văn phòng hiệu suất cao và công nghệ tiết kiệm điện năng. Chi tiết được trình bày tại trang 272 - 273 của Báo cáo này.
  - » Thực hiện quản lý nghiêm ngặt công tác sử dụng điện tại các trụ sở theo Quy định số 5211/2021/QĐ-TGĐ, vừa giảm thiểu chi phí điện năng, vừa giảm thiểu rủi ro nguy cơ cháy nổ tại văn phòng.
- **Quản lý vận hành:**
  - » Tuyên truyền, quy định, hướng dẫn sử dụng điện tiết kiệm tại trụ sở và các đơn vị trực thuộc.
  - » Phân công bộ phận đầu mối (bộ phận kỹ thuật, giám sát an ninh và lực lượng bảo vệ) theo dõi, kiểm soát tuân thủ các quy định sử dụng điện tại đơn vị.
  - » Thực hiện kiểm tra, tuần tra định kỳ hàng ngày việc sử dụng điện, kịp thời chấn chỉnh các trường hợp sử dụng điện chưa hợp lý như: sử dụng điện cho các thiết bị cá nhân không rõ nguồn gốc/chất lượng; cắm nhiều thiết bị trên cùng một ổ cắm; không tắt máy tính, điều hòa, chiếu sáng...
  - » Tuyên truyền nội bộ, nâng cao ý thức về các quy định/hướng dẫn, đặc biệt tăng cường truyền thông vào đầu mùa nóng - mùa cao điểm sử dụng điện.

Quản lý rác thải

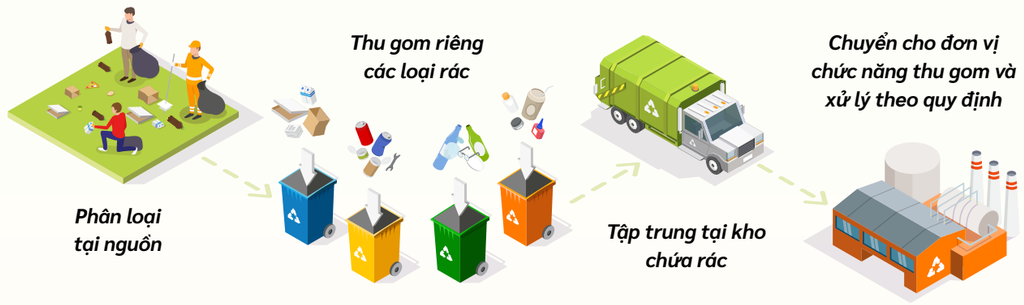
Mục tiêu, biện pháp quản lý

- Chuẩn hóa quy trình quản lý rác thải tại nguồn, mục tiêu chuyển đổi 100% thùng rác phân loại.
- Giảm khối lượng rác thải chôn lấp, tăng khả năng tái chế và hình thành thói quen phân loại rác cho toàn bộ nhân viên.

Triển khai năm 2025

- **Tăng cường kiểm soát, đảm bảo quy định về xử lý rác thải**
  - » Tòa nhà văn phòng SeABank hiện nay không tổ chức bếp ăn tập thể nên lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh không đáng kể.
  - » Chất thải được thu gom và phân loại tại từng tòa nhà bởi các đơn vị cung cấp dịch vụ vệ sinh văn phòng, các đơn vị thu gom và xử lý rác thải được cấp phép, đảm bảo rác thải được thu gom hàng ngày và xử lý đúng quy trình.
  - » Tăng cường hướng dẫn, kiểm soát hoạt động phân loại tại nguồn. Yêu cầu, giám sát nhân viên vệ sinh và CBNV tuân thủ quy định phân loại.
  - » Bố trí thùng rác phân loại tại các khu vực làm việc gồm 3 loại: rác tái chế, rác sinh hoạt và rác thải nguy hại.

- **Quy trình thu gom rác thải:**



- **Hoạt động phong trào:** Triển khai đổi rác thải tái chế (bìa, vỏ hộp) lấy cây xanh, lan tỏa ý thức sống xanh theo chương trình "Ngày hội đổi rác lấy quà".
  - » Đơn vị triển khai: Quỹ vì môi trường SeAGreen phối hợp cùng Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội (URENCO)
  - » Thời gian: Định kỳ sáng thứ 6, tuần thứ 2 mỗi tháng (từ tháng 6-11/2025)
  - » Mục tiêu: Tuyên truyền, hướng dẫn kiến thức về rác tái chế. Nâng cao ý thức, nhận thức vì môi trường qua hành động thiết thực.
  - » Thể lệ: CBNV, người dân địa phương thực hiện thu gom và phân loại rác tái chế tại nguồn. Người tham gia mang rác tái chế đã phân loại (giấy, bìa, nhựa, kim loại...) tới quầy của chương trình để đổi các phần quà xanh như: cây xanh mini, túi vải eco-bag, dung dịch tẩy rửa thân thiện với môi trường...
  - » Kết quả: Sau 6 đợt triển khai, chương trình đã thu hút gần 2.500 lượt tham gia của CBNV và người dân tại khu vực, tổng cộng thu gom hơn 3,6 tấn rác tái chế.



Đợt 1:	Đợt 2:	Đợt 3:	Đợt 4:	Đợt 5:	Đợt 6:
272kg	479kg	516kg	543kg	577kg	1.247kg

Quản lý và giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Đo lường khí nhà kính

SeABank xác định 3 phạm vi phát thải khí nhà kính (GHG) chủ yếu của Ngân hàng, từ đó tiến hành theo dõi và đo lường lượng phát thải để đưa ra phương án kiểm soát/giảm thiểu phù hợp.

- **Phạm vi 1 (Scope 1):** Phát thải trực tiếp từ hoạt động do ngân hàng kiểm soát/tổ chức.
- **Phạm vi 2 (Scope 2):** Phát thải gián tiếp từ tiêu thụ năng lượng.
- **Phạm vi 3 (Scope 3):** Phát thải gián tiếp từ các nguồn SeABank không sở hữu/kiểm soát.

Lượng phát thải khí nhà kính năm 2025:

Phát thải trực tiếp (phạm vi 1):

624 tCO_2eq

- Phát thải GHG trực tiếp của SeABank đến từ việc sử dụng nhiên liệu (xăng dầu) cho các phương tiện vận chuyển thuộc sở hữu của SeABank

Phát thải gián tiếp (phạm vi 2):

4.957 tCO_2eq

-2,3% YoY

- Nguồn phát thải GHG gián tiếp chính (phạm vi 2) của SeABank chủ yếu đến từ việc sử dụng năng lượng điện.
- SeABank sử dụng các hướng dẫn của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC - *Good Practice Guidance and Uncertainty Management in National Greenhouse Gas Inventories*) về kiểm kê khí nhà kính và hệ số phát thải gián tiếp của mạng lưới điện Việt Nam để tính toán tổng lượng GHG phát thải trong năm kiểm kê.
- SeABank sử dụng điện năng của EVN, không mua bán điện với các công ty cấp điện xanh (điện gió, điện mặt trời).

Đơn vị đo lường:

- Lượng phát thải GHG tính bằng tấn CO_2 tương đương **(tCO_2eq)**.
- Các khí bao gồm trong tính toán: CO_2, CH_4, N_2O được quy đổi tương đương ra tCO_2eq.

Năm tính toán: 2025

- Lý do lựa chọn năm cơ sở: căn cứ theo quy định pháp luật tại Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 về Quy định giảm nhẹ phát thải GHG và bảo vệ tầng ô-dôn.
- Bối cảnh cho bất kỳ thay đổi đáng kể nào về lượng khí thải dẫn đến việc tính toán lại lượng khí thải của năm cơ sở: Cơ quan quản lý nhà nước ban hành hệ số phát thải của lưới điện mới.
- Nguồn dữ liệu của các hệ số phát thải được sử dụng: hệ số phát thải của lưới điện được tham chiếu theo văn bản số 1726/BĐKH-PTCBT ngày 03/12/2024 về công bố kết quả tính toán hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam năm 2023 *(do cơ quan có thẩm quyền chưa công bố hệ số phát thải của lưới điện năm 2024 và 2025 nên SeABank sử dụng số liệu năm gần nhất để làm cơ sở tính toán).*
- Phương pháp hợp nhất phát thải: bao gồm cổ phần vốn chủ sở hữu, kiểm soát tài chính hoặc kiểm soát hoạt động.
- Các tiêu chuẩn, phương pháp luận, giả định và/hoặc công cụ tính toán được sử dụng: Thống kê mức tiêu thụ điện năng toàn hàng năm 2025 (không bao gồm các công ty con, công ty liên kết của SeABank).

Tiêu chuẩn, phương pháp luận ứng dụng trong đo lường khí nhà kính:

- Tỷ lệ lượng phát thải GHG theo chỉ số của tổ chức.
- Chỉ số dành riêng cho tổ chức (mẫu số) được chọn để tính tỷ lệ.
- Các loại phát thải GHG có trong tỷ lệ được báo cáo: điện năng tiêu thụ.
- Khí bao gồm trong tính toán CO_2, CH_4, N_2O được quy đổi theo tCO_2 tương đương.

Các sáng kiến giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Ban hành Chiến lược phát triển bền vững của SeABank theo Quyết định số 1497/2025/QĐ-HĐQT, đề ra các mục tiêu nhằm giảm phát thải khí nhà kính.
- Theo dõi và đo lường lượng phát thải GHG: ban hành quy định về sử dụng năng lượng tài nguyên hiệu quả tại trụ sở làm việc nhằm quy định các chỉ số sử dụng năng lượng hiệu quả (BEI - chỉ số tiêu thụ điện năng; COP - chỉ số hiệu quả của máy lạnh) nhằm tạo cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng tại SeABank.
- Giảm phát thải GHG phạm vi 1-2:
  - » Chuyển đổi sử dụng các thiết bị/nhiên liệu thân thiện với môi trường. Chi tiết được trình bày tại trang 277 của Báo cáo này.
  - » Đẩy mạnh "Hội tụ số", số hóa toàn diện quy trình vận hành và sản phẩm dịch vụ. Chi tiết được trình bày tại trang 274 - 275 và trang 118 của Báo cáo này.
  - » Xây dựng thói quen sống xanh cho CBNV thông qua hoạt động của Quỹ vì môi trường SeAGreen như: Tuần lễ công dân, SeAHero, Ocean Cleanup... Chi tiết được trình bày tại trang 278 - 280 của Báo cáo này.







- Giảm phát thải GHG phạm vi 3:
  - » Áp dụng ESMS và tích hợp ESG vào các hoạt động kinh doanh, giảm cho vay các doanh nghiệp thuộc ngành/lĩnh vực có lượng phát thải lớn. Chi tiết được trình bày tại trang 252 - 253 của Báo cáo này.
  - » Ưu tiên các đối tác, nhà cung cấp có hoạt động xanh - bền vững trong hoạt động mua sắm, cung ứng và hợp tác kinh doanh của Ngân hàng theo **Bộ Quy tắc ứng xử dành cho Nhà cung cấp** được ban hành và công bố trên website Ngân hàng.
  - » Lan tỏa thói quen sống xanh tới cộng đồng và các bên hữu quan thông qua chương trình SeAHero Kids, Ngày hội đổi rác nhận quà. Chi tiết được trình bày tại trang 278 - 280 của Báo cáo này.

Xanh hóa vận hành và lan tỏa lối sống xanh trong hoạt động Ngân hàng



Theo định hướng Ngân hàng xanh và mục tiêu phát thải ròng bằng 0 (net-zero), trong năm 2025, SeABank triển khai xanh hóa vận hành trong các hoạt động nội bộ. SeABank đẩy mạnh tối ưu hóa và số hóa quy trình, ưu tiên mua sắm xanh và sử dụng các đồ dùng văn phòng thân thiện với môi trường. Một số giải pháp tiêu biểu:

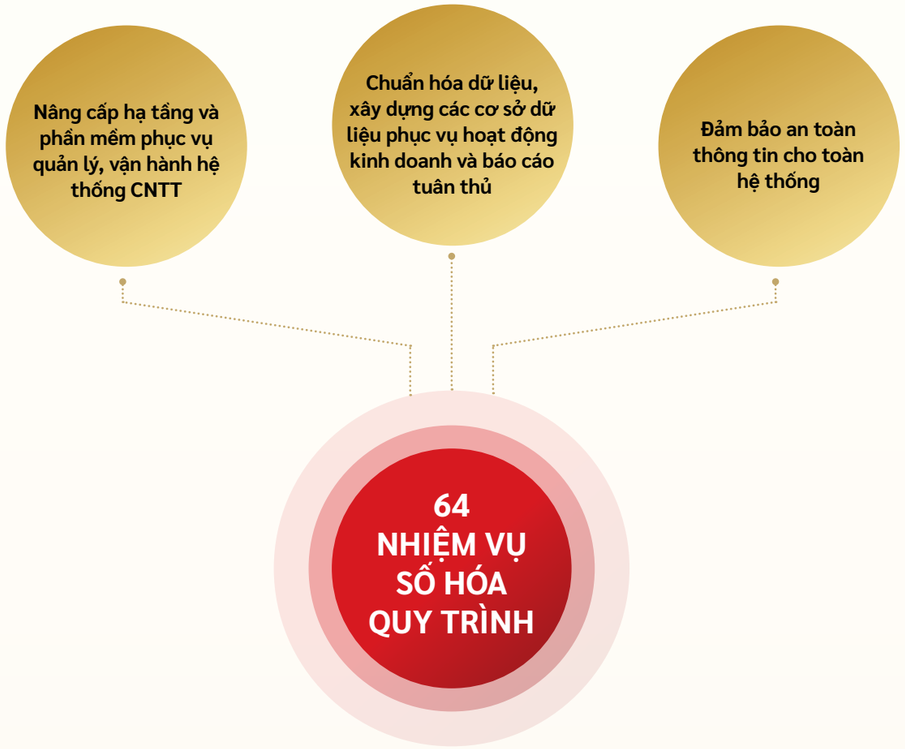
- **Số hóa quy trình:** Đẩy mạnh hiện đại hóa hạ tầng công nghệ nhằm tối ưu vận hành và hạn chế tiêu hao tài nguyên năng lượng. Tăng cường số hóa quy trình vận hành và tương tác với khách hàng, hạn chế tối đa in ấn tài liệu không cần thiết và giảm phụ thuộc vào tài nguyên vật lý.
- **Văn phòng xanh:** Tăng cường giám sát sử dụng nguyên liệu xanh và tiết kiệm năng lượng tại các văn phòng, trụ sở. Chuyển đổi xanh trong hoạt động văn phòng thường nhật thông qua mua sắm, sử dụng nguyên vật liệu và đồ dùng xanh, trồng cây xanh...
- **Lan tỏa lối sống xanh:** Khuyến khích các hành động vì môi trường như: tái chế, trồng cây, sử dụng phương tiện công cộng, dọn vệ sinh môi trường... thông qua nhiều hoạt động, phong trào do Ngân hàng và Quỹ SeAGreen triển khai.

Các giải pháp trên không chỉ giúp tiết kiệm chi phí mà còn góp phần giảm tiêu thụ tài nguyên, tối ưu sử dụng năng lượng và giảm phát thải.



Số hóa vận hành, giảm sử dụng giấy và tài nguyên vật lý

Năm 2025, SeABank đã triển khai 64 nhiệm vụ số hóa cải tiến quy trình theo 3 trọng tâm:



Hoạt động tiêu biểu:

- Nâng cấp toàn diện, hiện đại hóa hạ tầng CNTT tại các Trung tâm dữ liệu chính (DC) và Trung tâm dự phòng (DR) nhằm tối ưu và sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Đầu tư, nâng cấp thiết bị mạng, máy chủ, lưu trữ, firewall, cân bằng tải.
- Triển khai mạng WAN tốc độ cao, SASE, DWDM.
- Tăng cường ảo hóa và tối ưu phân bổ tài nguyên hệ thống.
- ***Hệ thống New LOS:*** Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành trên nền tảng công nghệ mới, triển khai các luồng quy trình luân chuyển chứng từ ổn định, hiệu quả, thay thế hệ thống LOS cũ, tiết kiệm chi phí vận hành hằng năm.
- ***Hệ thống báo cáo:*** Hệ thống báo cáo mới được xây dựng và đưa vào sử dụng, thay thế hệ thống báo cáo của Temenos, tiếp tục mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc giảm chi phí hoạt động và nâng cao khả năng khai thác dữ liệu.
- ***Mô hình chuyển đổi công nghệ Data Warehouse:*** Xây dựng và từng bước chuyển đổi từ mô hình xử lý dữ liệu theo lô, độ trễ T-1 sang Realtime Data Warehouse (T0), cho phép tổng hợp và cung cấp dữ liệu theo thời gian thực ngay khi phát sinh từ các hệ thống nguồn. Mô hình này sẽ hỗ trợ kịp thời công tác ra quyết định, nâng cao năng lực báo cáo quản trị, đảm bảo cung cấp dữ liệu chính xác, đầy đủ cho các báo cáo tuân thủ theo yêu cầu của các đơn vị liên quan.

**Chi tiết tình hình đầu tư và triển khai các dự án được trình bày chi tiết tại trang 52 - 57 của Báo cáo này.*

Hiệu quả triển khai:

- Giảm đáng kể chi phí vận hành và chi phí bản quyền hằng năm.
- Giảm đáng kể tiêu hao tài nguyên xử lý sự cố và phát thải gián tiếp.
- Góp phần rút ngắn đáng kể thời gian thực hiện giao dịch, nâng cao hiệu quả và trải nghiệm khách hàng. Tăng cường các lớp bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin và tài sản cho người dùng.
- Giảm phụ thuộc vào giao dịch tại quầy, giúp tối ưu nguồn lực và nâng cao chất lượng phục vụ tổng thể.

Mức độ sẵn sàng của hệ thống CNTT

~100%

Số sự cố CNTT ảnh hưởng hoạt động

-60%

Lượng giấy tiêu thụ tại Hội sở chính

9.678 ram

(đạt mục tiêu <10.000 ram)

Lượng giấy tiêu thụ/doanh thu:

-7,57% YoY

**Lượng giấy tiêu thụ tại Hội sở*

Văn phòng xanh - Giảm phát thải từ hoạt động văn phòng

TÒA NHÀ XANH VÀ TÒA NHÀ THÔNG MINH:

Việc chuyển dịch không gian làm việc sang mô hình Tòa nhà xanh (Green Building) kết hợp giải pháp thông minh (Smart Building) là bước đi chiến lược nhằm tối ưu hóa vận hành theo hướng ngân hàng xanh, đồng thời bảo vệ sức khỏe người lao động.



Mục tiêu:

- Cắt giảm phát thải: Đặt mục tiêu giảm ít nhất 10-20% lượng tiêu thụ năng lượng và nước so với các tòa nhà văn phòng thông thường.
- Tối ưu hóa hiệu suất: Tự động hóa các quy trình vận hành, giảm thiểu sai sót do con người và kéo dài tuổi thọ thiết bị.
- Cải thiện môi trường làm việc: Đảm bảo chất lượng không khí, ánh sáng tự nhiên, trồng cây xanh tại văn phòng giúp nâng cao hiệu quả và sức khỏe của CBNV.

Triển khai năm 2025:

- Ưu tiên đặt trụ sở, thuê văn phòng tại các tòa nhà văn phòng đạt chứng nhận xanh quốc tế:
  - » Tập trung vào các tiêu chuẩn như LEED (Mỹ), LOTUS (Việt Nam) và đặc biệt là EDGE (IFC - World Bank).
  - » Có 2 tòa văn phòng đạt chứng chỉ xanh:
    - *EDGE: tòa Hội sở tại BRG Tower, 198 Trần Quang Khải (Hà Nội). Theo đó, yêu cầu mức giảm tối thiểu 20% trong việc sử dụng năng lượng, nước và vật liệu bền vững.*
    - *LEED (Silver): tòa văn phòng SeABank Láng Hạ tại Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ (Hà Nội). LEED là tiêu chuẩn quốc tế phổ biến về công trình xanh với nhiều yêu cầu về giảm thiểu carbon, tái sử dụng tài nguyên và tối ưu hiệu suất.*
- Ứng dụng công nghệ thông minh trong vận hành tòa nhà:
  - » ***Hệ thống cảm biến thông minh (Sensors):*** Lắp đặt cảm biến chuyển động (Motion Sensor) và cảm biến hiện diện (Presence Sensor) tại các khu vực ít người qua lại như hành lang, nhà vệ sinh, phòng họp. Đèn và điều hòa sẽ tự động ngắt khi không có người và tự động bật khi có người sử dụng.
  - » ***Chiếu sáng theo ánh sáng tự nhiên:*** Hệ thống rèm cửa và đèn chiếu sáng tự động điều chỉnh cường độ dựa trên mức độ ánh sáng mặt trời bên ngoài, giúp duy trì độ sáng tiêu chuẩn mà vẫn tiết kiệm điện.
  - » ***Quản trị tập trung (BMS - Building Management System):*** Tích hợp toàn bộ hệ thống điện, nước, phòng cháy chữa cháy vào một phần mềm quản lý tập trung. Hệ thống này cho phép cài đặt giờ tự động ngắt toàn bộ thiết bị điện văn phòng sau 18:00 (trừ các khu vực ưu tiên), tránh tình trạng quên tắt thiết bị khi hết giờ làm việc.

CÔNG TÁC MUA SẮM VÀ QUẢN LÝ TRANG THIẾT BỊ, CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỒ DÙNG VĂN PHÒNG:

Mục tiêu:

Xây dựng văn phòng xanh - sạch - đẹp, ưu tiên mua sắm và sử dụng các đồ dùng có thể tái chế, tái sử dụng, đồng thời tiết kiệm giấy và mực in.

Triển khai năm 2025

- **Văn phòng xanh - sạch - đẹp và thân thiện với môi trường**
  - » 100% trang bị máy lọc không khí, hệ thống thông gió và lọc khí tươi để loại bỏ bụi, vi khuẩn và các chất gây ô nhiễm.
  - » Trồng cây xanh trong văn phòng.
  - » Thiết kế cửa sổ tối ưu hóa việc sử dụng ánh sáng tự nhiên.
  - » Trang bị biến tần cho quạt thông gió công suất lớn tại các tòa nhà do SeABank quản lý.
  - » Sử dụng bình nước thủy tinh và cây lọc nước tại văn phòng thay vì chai/bình nước nhựa dùng một lần.
  - » Quản lý sử dụng văn phòng phẩm và tiện ích theo định mức.
- **Tiết kiệm giấy và mực in từ hoạt động in ấn**
  - » Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số, hồ sơ điện tử, hạn chế in ấn các tài liệu không cần thiết.
  - » Cài đặt chế độ in hai mặt mặc định đối với các máy in văn phòng. Khuyến khích tái sử dụng giấy in một mặt cho các công việc nội bộ.
  - » Tăng cường trao đổi, gửi nhận tài liệu qua hệ thống email, phần mềm quản lý nội bộ (SeAOffice, SeAPurchase...).
  - » Kết quả đạt được đã lượng giấy in tiêu thụ (tại Hội sở) trên doanh thu đã giảm 7,57% so với năm 2024.

CHUYỂN ĐỔI THIẾT BỊ, ƯU TIÊN CÔNG NGHỆ TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG:

Trong giai đoạn vừa qua, trụ sở làm việc đã tập trung rà soát, thay thế các thiết bị cũ tiêu thụ nhiều điện năng bằng các thiết bị có hiệu suất cao, cụ thể:

- Nâng cấp hệ thống điện, hạn chế tổn hao trong quá trình sử dụng: Nâng cấp tiến diện dây dẫn và chất lượng lắp đặt, tránh phát sinh năng lượng dưới dạng nhiệt trên đường dây.
- 100% thiết bị (điều hòa không khí, thang máy, máy phát điện...) được bảo dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật và hãng sản xuất để đảm bảo tình trạng hoạt động tối ưu và tiết kiệm nhiên liệu, điện.
- Tăng cường giám sát, truyền thông, đảm bảo sử dụng thiết bị điện đúng mục đích, đúng công suất thiết kế tại văn phòng làm việc.

100%

thay thế hệ thống chiếu sáng truyền thống bằng đèn LED tiết kiệm điện trong công tác xây mới trụ sở làm việc

Loại bỏ 100%

bóng đèn truyền thống trong công tác vận hành

Lựa chọn trang thiết bị văn phòng đạt nhãn năng lượng có chỉ số

CSPF>4

100%

thay thế điều hòa không khí Inverter sử dụng Gas R32, R410A thân thiện môi trường trong công tác xây mới trụ sở

CÔNG TÁC MUA SẮM VÀ QUẢN LÝ TRANG THIẾT BỊ, CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỒ DÙNG VĂN PHÒNG:

Trong giai đoạn tiếp theo, SeABank tiếp tục xác định công tác tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, với các giải pháp trọng tâm sau:

- Thay thế, hiện đại hóa hệ thống thiết bị, ưu tiên công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, hướng tới tỷ lệ 100% thiết bị đạt CSPF>4.
- Tiếp tục ban hành, điều chỉnh và tăng cường giám sát tuân thủ đối với những quy định về tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, môi trường.
- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của CBNV, nghiên cứu áp dụng mô hình gắn chỉ tiêu về tiết kiệm tài nguyên với đánh giá thi đua, khen thưởng.
- Từng bước nghiên cứu, triển khai các giải pháp vận hành xanh, phù hợp với định hướng và các mục tiêu đề ra tại Chiến lược phát triển bền vững theo Quyết định số 1497/2025/QĐ-HĐQT, mục tiêu từng thời kỳ.
- Ưu tiên tìm kiếm địa điểm đạt chứng chỉ xanh trong công tác mở mới/chuyển trụ sở (LEAD, EDGE, LOTUS...).
- Xây dựng mô hình ứng dụng dữ liệu để dự đoán nhu cầu năng lượng, nước và tài nguyên, tối ưu hóa việc cung cấp. Dự đoán hỏng hóc thiết bị trước khi xảy ra sự cố, giảm thời gian ngừng hoạt động.
- Hợp tác với các đối tác có cam kết về môi trường và xã hội, đảm báo các tiêu chí theo Bộ quy tắc ứng xử dành cho nhà cung cấp được công bố trên website Ngân hàng, đảm bảo toàn bộ chuỗi cung ứng tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững.
- Xây dựng các kế hoạch và kịch bản, phương án thích ứng với biến đổi khí hậu và rủi ro, ứng phó thiên tai và bảo hiểm rủi ro.

Lan tỏa lối sống xanh trên toàn hàng

Với định hướng Ngân hàng xanh, SeABank tích cực xây dựng thói quen "sống xanh" cho CBNV từ những hành động nhỏ hàng ngày, đồng thời lan tỏa lối sống xanh tới các bên hữu quan thông qua các chương trình ý nghĩa.

HOÀN THÀNH SỚM MỤC TIÊU TRỒNG 1 TRIỆU CÂY XANH

Mục tiêu:

Đến năm 2030, hoàn thành trồng 1 triệu cây xanh

11 13 15

Thành tựu thực tế:

Hoàn thành sớm mục tiêu trồng 1 triệu cây xanh vào năm 2025, sớm hơn 5 năm so với mục tiêu.

- **Đơn vị triển khai:** Quỹ SeAGreen - SeABank
- **Mục đích:** Hưởng ứng đề án "Trồng 1 tỷ cây xanh" do Thủ tướng chính phủ phát động, phục hồi và bảo vệ hệ sinh thái, giảm tác động của biến đổi khí hậu, cải thiện sinh kế cho người dân địa phương.
- **Triển khai năm 2025:** Trồng và trao tặng hơn 670.000 cây cho 112 hộ dân tại Hà Tĩnh có diện tích rừng bị thiệt hại do bão lũ, hoàn thành mục tiêu trồng 1 triệu cây xanh.



LAN TỎA LỐI SỐNG XANH:

Chương trình xanh	Nội dung	Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng	Mục đích (SDGs)
SEAHERO Green life	Phát động phong trào sử dụng phương tiện xanh như xe buýt công cộng, tàu điện, xe đạp hoặc đi bộ đi làm hàng ngày. CBNV tham gia được yêu cầu gửi hình ảnh checkin khi sử dụng phương tiện xanh và đăng tải trên trang cá nhân, dần hình thành thói quen sống xanh và lan tỏa ý thức trách nhiệm với môi trường.	TỰ TRIỂN KHAI	3 11 13

** Bảng tham chiếu các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) tại trang 264 của báo cáo này.*

Believe

Chương trình xanh	Nội dung	Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng	Mục đích (SDGs)
SEAHERO KIDS Save the planet	Chương trình dành cho con em CBNV, khuyến khích các bé tham gia phân loại rác thải tái chế và đem tới quy đổi tại các đơn vị thu gom liên kết của SeABank. Sau mỗi lượt tham gia và gửi hình ảnh checkin, các bé được ghi nhận thành tích và nhận về những phần quà xanh tương ứng. Chương trình kéo dài 25 tuần giúp thế hệ trẻ của SeABank rèn luyện ý thức trách nhiệm với môi trường.	TỰ TRIỂN KHAI	4 11 12 13

Chương trình xanh	Nội dung	Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng	Mục đích (SDGs)
Ngày hội ĐỔI RÁC LẤY QUÀ	Chương trình cộng đồng do SeABank phối hợp với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội (URENCO) nhằm khuyến khích thu gom và phân loại rác tái chế (giấy, nhựa, kim loại...) để đổi lấy các phần quà thân thiện môi trường. • **6 đợt** đổi quà từ tháng 6-11/2025. • **~2.500 lượt CBNV** và người dân tham gia. • **>3,6 tấn** rác tái chế được thu gom.	TỰ TRIỂN KHAI	11 12 13

Chương trình xanh	Nội dung	Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng	Mục đích (SDGs)
Ocean CLEANUP 2025	Triển khai tại 11 tỉnh thành, bao gồm: Quảng Ninh, Quảng Nam, Hải Phòng, Nha Trang, Vũng Tàu, Thái Bình, Nam Định, Nghệ An, Thanh Hóa, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng Các hoạt động chính: dọn rác tại các bờ biển, đặt biển truyền thông kêu gọi bảo vệ môi trường, tặng thùng rác công cộng tại khu vực bãi biển du lịch và tặng túi tự hủy sinh học cho các bến phà có lượng khách du lịch đông đảo	224 TRIỆU ĐỒNG 31% so với năm 2024	11 12 14

Chương trình xanh	Nội dung	Tổng số tiền đóng góp cho cộng đồng	Mục đích (SDGs)
TUẦN LỄ CÔNG DÂN	Chương trình triển khai chuỗi hoạt động tập trung vào: • Hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai, bão lũ tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước; • Thực hành lối sống xanh - trồng cây, dọn rác, hạn chế nhựa dùng một lần; • Hiến máu nhân đạo, trao tặng sự sống.	~1 TỶ ĐỒNG	3 11 12 13 15











Minh bạch và công khai thông tin về MTXH:

SeABank công bố chính sách ESMS trên website https://www.seabank.com.vn/ và thiết lập cơ chế tiếp nhận, xử lý khiếu nại qua email contact@seabank.com.vn và hotline 1900 555 587.

Chi tiết về quy định, quy trình tiếp nhận báo cáo, ý kiến/khiếu nại liên quan tới MTXH được trình bày tại trang 162 - 164 của Báo cáo này).

Trong năm 2025, SeABank không nhận được bất cứ phản ánh tiêu cực nào của các bên liên quan (cộng đồng, khách hàng, người lao động...) đối với các hoạt động của SeABank cũng như các dự án/hoạt động của khách hàng mà SeABank tài trợ.

Hàng năm, báo cáo về triển khai quản lý rủi ro môi trường xã hội của SeABank được gửi NHNN và các đối tác quốc tế để đánh giá hiệu quả quản lý.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TOÀN DIỆN



Trọng tâm Phát triển bền vững đã triển khai năm 2025

1. Tính phù hợp	• Tích hợp PTBV vào mọi khía cạnh hoạt động kinh doanh. • Tiếp tục đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam trong mục tiêu đạt net-zero vào năm 2050, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính xanh.
2. Tác động	• **Tích hợp quản lý rủi ro MTXH trong kinh doanh:** Cải tiến hệ thống ESMS để nâng cao khả năng sàng lọc, đánh giá rủi ro MTXH của các dự án, phương án khi đầu tư hoặc cấp tín dụng. Đảm bảo không tài trợ cho các dự án gây tác động tiêu cực đến môi trường hoặc cộng đồng. • **Số hóa và cải thiện hiệu quả vận hành:** Hoàn thiện số hóa, tăng cường các giải pháp ngân hàng số nhằm tiết kiệm tài nguyên (giấy, nhiên liệu, điện năng). Ra mắt ứng dụng di động thế hệ mới, giúp khách hàng giao dịch nhanh chóng, giảm thiểu tác động môi trường. • **Quản lý tài nguyên và chất thải:** Giảm lượng chất thải rắn từ các hoạt động của Ngân hàng so với năm 2024. Tăng cường sử dụng nguyên liệu xanh và tiết kiệm năng lượng tại các văn phòng, trụ sở chi nhánh hiện có và mới mở.

3. Khách hàng	• Tiếp tục cải tiến các sản phẩm, quy trình để gia tăng giá trị và nâng cao trải nghiệm của khách hàng. • Tăng trưởng tín dụng xanh, sạch, hướng đến sự PTBV cho Ngân hàng và cộng đồng: Tập trung vào các dự án năng lượng tái tạo; dự án/sản phẩm thuộc Danh mục phân loại xanh theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. • Giảm dần dư nợ cho vay đối với các ngành có nguy cơ gây ô nhiễm qua từng năm như: khai khoáng giảm từ 2,1% năm 2022 xuống lần lượt 1,4% và 1,3% năm 2023, 2024. • Các giải pháp tài chính cho khách hàng nữ như: sản phẩm tài chính dành cho doanh nghiệp nữ chủ, phụ nữ khởi nghiệp, sản phẩm cho vay khách hàng nữ thông qua Hội Liên hiệp Phụ nữ các địa bàn. • Tín dụng cho người thu nhập thấp: sửa đổi một số sản phẩm cho vay để mở rộng đến đối tượng khách hàng có thu nhập thấp.
4. Các bên hữu quan	• **Tăng cường gắn kết:** Thực hiện các hội nghị khách hàng và đối thoại định kỳ để hiểu rõ hơn mong muốn của các bên liên quan. • **Hoạt động cộng đồng:** Tổ chức giải chạy gây quỹ cho các hoạt động cộng đồng, thực hiện các hoạt động xã hội ý nghĩa thông qua 4 quỹ từ thiện nội bộ. • **Dự án cây xanh:** Tham gia trồng trên 670.000 cây xanh trong năm 2025 để bảo vệ môi trường. • **Hỗ trợ chuỗi cung ứng:** Phát triển các sản phẩm tài trợ chuỗi cung ứng, tạo điều kiện cấp tín dụng cho các nhà cung cấp nhỏ lẻ. • **Xây dựng môi trường làm việc:** Môi trường làm việc an toàn, công bằng với chính sách phúc lợi toàn diện, khuyến khích sự sáng tạo và gắn bó lâu dài của nhân viên.
5. Quản trị và Thiết lập mục tiêu	• **Chiến lược giai đoạn 2025 - 2030:** Định hướng ngân hàng thành một tổ chức tài chính bền vững hàng đầu, gắn với các mục tiêu của quốc gia về môi trường xã hội. • Nâng cao hiệu quả quản trị: Sử dụng công nghệ để quản lý rủi ro tín dụng, đảm bảo chỉ số an toàn vốn (CAR) duy trì trên 12%.
6. Tính Minh bạch và Trách nhiệm giải trình	• **Công khai thông tin:** Cập nhật các báo cáo ESG theo chuẩn quốc tế (GRI, TCFD), đảm bảo thông tin được công khai minh bạch và kịp thời. • **Đào tạo nội bộ:** Tổ chức khóa đào tạo "Hướng dẫn quy trình quy định đánh giá rủi ro môi trường xã hội và ESG" cho hơn 400 cán bộ bán và cán bộ quản lý mảng KHDN trên toàn hệ thống.

Kế hoạch triển khai chiến lược Phát triển bền vững năm 2026

Dựa trên mục tiêu và định hướng chiến lược về PTBV được trình bày chi tiết tại Chiến lược và định hướng Phát triển bền vững tại trang 36 - 39 của Báo cáo này, SeABank đưa ra các kế hoạch triển khai như sau:

KẾ HOẠCH NGẮN HẠN (2025-2026):

Kế hoạch	Chi tiết triển khai
Tập trung vào hiệu quả vận hành	• Duy trì tỷ lệ khoản vay được sàng lọc, đánh giá rủi ro MTXH tại SeABank ở mức 100%. • Đánh giá hiệu quả của ESMS mới và cải tiến nếu cần thiết, đảm bảo đánh giá được rủi ro MTXH của những dự án phức tạp, tiềm ẩn rủi ro MTXH cao và thuê chuyên gia độc lập hỗ trợ đánh giá trong những trường hợp cần thiết. • Tăng trưởng tín dụng xanh với mục tiêu tăng lên mức 5% tổng dư nợ tín dụng vào năm 2030.
Phát triển nguồn nhân lực sẵn sàng đáp ứng các mục tiêu	• Xây dựng môi trường làm việc tôn trọng, gắn kết, bình đẳng. • Chú trọng đào tạo, chế độ đãi ngộ cho CBNV nhằm phát triển, thu hút và giữ chân nhân tài. • Trở thành Ngân hàng dẫn đầu về Văn hóa tổ chức, nâng cao tinh thần gắn kết và hiệu suất của CBNV.
Phát triển cộng đồng thịnh vượng, hạnh phúc	• Tiếp tục triển khai các dự án giáo dục: duy trì hoạt động Quỹ UMUM, với hai hoạt động chính là thực hiện các hoạt động thiện nguyện tại nhiều tỉnh/thành trên cả nước và gây quỹ ủng hộ cho Quỹ SeAGreen & Quỹ học bổng Ươm Mầm Ước Mơ - SeADreams. • Tiếp tục công tác xóa đói giảm nghèo: tập trung xóa nhà tạm nhà đột nát, trao tặng nhà và hỗ trợ người nghèo theo các chương trình của Chính phủ. • Tiếp tục các dự án vì môi trường: Quỹ SeAGreen tiếp tục các chương trình nâng cao tinh thần bảo vệ môi trường; tham gia các hoạt động trồng cây xanh với mục tiêu trồng 1 triệu cây xanh trước năm 2030.
Hỗ trợ nhóm khách hàng yếu thế	• Hỗ trợ và nâng cao khả năng tiếp cận tài chính cho doanh nghiệp nữ chủ, khách hàng nữ, khách hàng yếu thế. Đặc biệt, nâng cao năng lực và hỗ trợ phi tài chính thông qua hoạt động Câu lạc bộ SeAPower (số lượng doanh nghiệp nữ chủ năm 2025 tăng 150%, dư nợ tín dụng tăng trưởng 120%). • Xây dựng thương hiệu SeABank trở thành "điểm đến tin cậy của doanh nghiệp nữ chủ", bước đầu được vinh danh tại giải thưởng danh giá của UN Women ở hạng mục "Bình đẳng giới tại thị trường".
Nâng cao quản trị minh bạch, bền vững	• Triển khai các khóa đào tạo ESG, nâng cao nhận thức cho toàn bộ nhân viên. Năm 2025, SeABank đã tổ chức khóa "Hướng dẫn quy trình quy định đánh giá rủi ro môi trường xã hội và ESG" cho hơn 400 cán bộ bán và cán bộ quản lý mảng KHDN trên toàn hệ thống. • Tăng cường áp dụng các chuẩn quốc tế vào triển khai báo cáo.

KẾ HOẠCH DÀI HẠN TỚI 2030



4/ KIẾN TẠO THÀNH CÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH

MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

CÁC GIAO DỊCH



THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG SỐ	**0051/QĐ/NH-GP**	ngày 25 tháng 3 năm 1994
	Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp có thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày của giấy phép và lần sửa đổi gần nhất theo Quyết định số 2206/QĐ-NHNN đề ngày 28 tháng 5 năm 2025.	
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP	**Số 0200253985** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2005 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 38) được cấp ngày 7 tháng 6 năm 2024.	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ("HĐQT")	Ông Lê Văn Tần	Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch thường trực
	Bà Lê Thu Thủy	Phó Chủ tịch
	Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch
	Ông Fergus Macdonald Clark	Thành viên độc lập
	Ông Matthew Sander Hosford	Thành viên độc lập *(bổ nhiệm ngày 25/04/2025)*
	Ông Mathew Nevil Welch	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
BAN KIỂM SOÁT	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng ban
	Bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên
	Ông Nguyễn Thành Luân	Thành viên chuyên trách
	Bà Vũ Thu Thủy	Thành viên chuyên trách
	Ông Lương Duy Đông	Thành viên
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Lê Quốc Long	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Đình Khoán	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Đặng Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Mạnh Phú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Quốc Hiệu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11/01/2025)
	Ông Lê Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc *(bổ nhiệm ngày 11/01/2025 và từ nhiệm ngày 26/01/2026)*
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	Ông Lê Văn Tần	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
TRỤ SỞ CHÍNH	Tòa nhà BRG Tower, Số 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	
CÔNG TY KIỂM TOÁN	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á ("Ngân hàng") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Ngân hàng và công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Ngân hàng và công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 74. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ông Lê Quốc Long, Tổng Giám đốc của Ngân hàng để phê duyệt và ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Thư Ủy quyền ngày 30 tháng 10 năm 2025.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0200253985 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Quốc Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 6 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á ("Ngân hàng") và công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng phê chuẩn ngày 6 tháng 3 năm 2026. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 74.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán độc lập của họ đề ngày 10 tháng 3 năm 2025 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

M.S.D.N: 0100157406 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đỗ Đức Hậu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2591-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Đặng Thái Sơn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4668-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 4258
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

		Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2025 Triệu đồng	Tại ngày 31/12/2024 Triệu đồng
A.	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt và vàng**	3	**1.040.608**	**963.723**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN")**	4	**24.472.475**	**11.299.668**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác**		**91.446.961**	**70.243.963**
			91.266.961	67.919.703
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	5.1	180.000	2.324.260
2	Cho vay các TCTD khác	5.2		
IV	**Chứng khoán kinh doanh**		**11.444.995**	**8.866.716**
1	Chứng khoán kinh doanh	6.1	11.457.635	8.868.966
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	6.5	(12.640)	(2.250)
VI	**Cho vay khách hàng**	7	**233.780.410**	**206.073.210**
1	Cho vay khách hàng		237.047.100	209.354.643
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(3.266.690)	(3.281.433)
VII	**Chứng khoán đầu tư**		**25.442.298**	**19.632.455**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	8.1	25.505.427	17.555.894
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	8.2	50.458	2.427.019
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	8.6	(113.587)	(350.458)
VIII	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	9	**59.070**	**62.069**
4	Đầu tư dài hạn khác		59.070	62.432
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(363)
IX	**Tài sản cố định**		**1.489.344**	**1.367.030**
1	Tài sản cố định hữu hình	10.1	512.464	488.465
a	*Nguyên giá*		*1.193.919*	*1.091.952*
b	*Giá trị khấu hao lũy kế*		*(681.455)*	*(603.487)*
3	Tài sản cố định vô hình	10.2	976.880	878.565
a	*Nguyên giá*		*1.337.853*	*1.163.201*
b	*Giá trị khấu hao lũy kế*		*(360.973)*	*(284.636)*
X	**Bất động sản đầu tư**		**76.960**	**54.010**
a	*Nguyên giá*		*86.904*	*62.778*
b	*Giá trị khấu hao lũy kế*		*(9.944)*	*(8.768)*
XI	**Tài sản Có khác**		**7.190.010**	**7.136.004**
1	Các khoản phải thu	11.1	1.642.097	2.202.813
2	Các khoản lãi, phí phải thu	11.2	3.091.938	2.581.613
4	Tài sản Có khác	11.3	2.485.228	2.380.855
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	11.5	(29.253)	(29.277)
	TỔNG TÀI SẢN		**396.443.131**	**325.698.848**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

		Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2025 Triệu đồng	Tại ngày 31/12/2024 Triệu đồng
B.	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và NHNN**	12	**20.819.380**	**2.064.483**
1	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		20.819.380	2.064.483
II	**Tiền gửi và vay các TCTD khác**		**107.281.006**	**85.303.651**
1	Tiền gửi của các TCTD khác	13.1	85.299.617	55.895.146
2	Vay các TCTD khác	13.2	21.981.389	29.408.505
III	**Tiền gửi của khách hàng**	14	**191.807.215**	**168.320.164**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**	15	**260.398**	**303.574**
V	**Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro**		**-**	**1.020**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	16	**29.984.050**	**30.450.200**
VII	**Các khoản nợ khác**		**5.918.488**	**4.252.901**
1	Các khoản lãi, phí phải trả	17.1	3.997.234	2.922.277
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	17.2	1.921.254	1.330.624
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**356.070.537**	**290.695.993**
VIII	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	18	**40.372.594**	**35.002.855**
1	Vốn của tổ chức tín dụng		28.453.167	28.353.167
a	*Vốn điều lệ*		*28.450.000*	*28.350.000*
b	*Thặng dư vốn cổ phần*		*3.167*	*3.167*
2	Quỹ của TCTD		3.701.252	2.666.271
5	Lợi nhuận chưa phân phối		8.218.175	3.983.417
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**40.372.594**	**35.002.855**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**396.443.131**	**325.698.848**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

		Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2025 Triệu đồng	Tại ngày 31/12/2024 Triệu đồng
2	Cam kết giao dịch hối đoái			
	Cam kết mua ngoại tệ	*35*	*1.884.164*	*355.614*
	Cam kết bán ngoại tệ	*35*	*525.072*	*863.634*
	Cam kết giao dịch hoán đổi đi (ngoại tệ và VND)	*35*	*132.698.971*	*87.067.580*
	Cam kết giao dịch hoán đổi đến (ngoại tệ và VND)	*35*	*132.861.185*	*87.049.229*
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	35	7.591.049	2.228.158
5	Bảo lãnh khác	35	14.175.422	8.516.675
6	Các cam kết khác	35	13.413.700	13.106.548
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	36.1	2.365.359	3.370.203
8	Nợ khó đòi đã xử lý	36.2	15.883.819	14.056.505
9	Tài sản và chứng từ khác	36.3	1.275.085	1.378.227

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Nghiêm Thị Thu Nga	**Nguyễn Thị Hoài Phương**	**Lê Quốc Long**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 Triệu đồng	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 Triệu đồng
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	19	24.569.893	20.716.605
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	20	(14.866.059)	(10.750.195)
I	**Thu nhập lãi thuần**		**9.703.834**	**9.966.410**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	21	1.060.108	1.349.283
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	22	(334.824)	(237.588)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**		**725.284**	**1.111.695**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	23	**427.634**	**570.581**
IV	**Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	24	**217.406**	**(172.141)**
V	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	25	**268.721**	**321.407**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		359.856	802.566
6	Chi phí hoạt động khác		(210.073)	(192.964)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	26	**149.783**	**609.602**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	27	**2.621.028**	**1.445**
VIII	**Chi phí hoạt động**	28	**(4.659.453)**	**(4.130.218)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**9.454.237**	**8.278.781**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	29	**(2.585.848)**	**(2.239.382)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**6.868.389**	**6.039.399**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") - hiện hành		(1.358.850)	(1.223.373)
8	Chi phí thuế TNDN - hoãn lại		-	-
XII	**Chi phí thuế TNDN**	30	**(1.358.850)**	**(1.223.373)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**5.509.539**	**4.816.026**
	Phân bổ cho:			
	Cổ đông của Ngân hàng mẹ		**5.509.539**	**4.816.026**
	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	-
XV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	18(c)	**1.880**	**1.616**
	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	18(d)	**1.880**	**1.616**

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Nghiêm Thị Thu Nga	**Nguyễn Thị Hoài Phương**	**Lê Quốc Long**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp trực tiếp)

		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		23.991.091	21.453.849
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(13.776.340)	(11.571.384)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		671.465	1.109.034
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		687.280	973.318
05	Thu nhập khác		11.701	16.762
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro	26	136.089	592.417
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(4.018.666)	(3.990.812)
08	Tiền thuế TNDN thực nộp trong năm	33	(1.331.130)	(966.506)
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG		**6.371.490**	**7.616.678**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		2.144.260	566.290
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(10.243.695)	(4.112.640)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng		(32.007.568)	(29.602.750)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp các khoản tổn thất	7.8	(2.095.803)	(1.935.968)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động		112.992	5.093.622
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng/(giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		18.754.897	(474.154)
16	Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		24.503.025	18.605.613
17	Tăng tiền gửi của khách hàng		23.487.198	23.480.158
18	(Giảm)/tăng phát hành giấy tờ có giá		(466.150)	13.604.100
20	(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(43.176)	196.443
21	Giảm khác về công nợ hoạt động		(94.230)	(86.921)
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		**30.423.240**	**32.950.471**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

(Phương pháp trực tiếp)

		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Tiền chi mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")		(315.008)	(236.866)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		11.298	423
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		63.710	8.403
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	27	4.300.000	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		13.710	1.445
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**4.073.710**	**(226.595)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU			
01	Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu	18.1	100.000	-
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		**100.000**	**-**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**34.596.950**	**32.723.876**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM**	31	**82.183.094**	**49.459.218**
VII	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM**	31	**116.780.044**	**82.183.094**

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Nghiêm Thị Thu Nga	**Nguyễn Thị Hoài Phương**	**Lê Quốc Long**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0200253985 - C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á THÀNH PHỐ HẢ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á ("Ngân hàng") là một ngân hàng cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 0051/NH-GP đề ngày 25 tháng 3 năm 1994 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp với thời gian hoạt động là 99 năm từ ngày của giấy phép. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Ngân hàng đã được sửa đổi nhiều lần và lần sửa đổi gần nhất theo Quyết định số 2206/QĐ-NHNN của NHNN đề ngày 28 tháng 5 năm 2025. Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động gần nhất, vốn điều lệ của Ngân hàng là 28.450.000 triệu Đồng.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200253985 của Ngân hàng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2005 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 38) được cấp ngày 7 tháng 6 năm 2024.

Cổ phiếu của Ngân hàng được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là SSB.

Hoạt động chính của Ngân hàng là huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng có trụ sở chính tại Tòa nhà BRG Tower, Số 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có 1 Hội sở chính, 1 văn phòng đại diện, 49 chi nhánh, 132 phòng giao dịch trên cả nước. Ngân hàng không có văn phòng đại diện, chi nhánh hay phòng giao dịch nào nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Tại 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng và công ty con có 5.427 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.557 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có 1 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2 công ty con). Chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp /Giấy phép Hoạt động	Lĩnh vực hoạt động chính	31.12.2025		31.12.2024	
				Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản SeABank	Số 0103099985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 16 tháng 12 năm 2008 và điều chỉnh gần nhất đề ngày 10 tháng 12 năm 2024.	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%	100%	100%	100%
2	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện (đến ngày 3 tháng 2 năm 2025)	Số 96/GP-NHNN đề ngày 28 tháng 9 năm 2018 và sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 50/QĐ-NHNN đề ngày 9 tháng 1 năm 2023 của Thống đốc NHNN.	Tài chính tiêu dùng	-	-	100%	100%

Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng và công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam ("triệu VND" hoặc "triệu Đồng"), được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất. Ngân hàng và công ty con xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác VND ("ngoại tệ") được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và công nợ bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối tháng được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày cuối tháng. Chênh lệch do đánh giá lại hàng tháng được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cuối mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối năm.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con là doanh nghiệp mà Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ ít nhất một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm năng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Ngân hàng có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Ngân hàng. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Ngân hàng sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa Ngân hàng và công ty con được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Ngân hàng áp dụng.

Báo cáo tài chính của công ty con sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Ngân hàng trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi Ngân hàng mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

2.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Ngân hàng trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty con tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá gốc trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm tài chính phát sinh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi thanh toán tại NHNN, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác không kỳ hạn và đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

2.7 Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Tiền gửi tại các TCTD khác

Tiền gửi tại các TCTD khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn; tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại các TCTD nước ngoài, và được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Tiền gửi (trừ tiền gửi không kỳ hạn) tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại TCTD ở nước ngoài được phản ánh theo số dư trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại nợ đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác được thực hiện theo Thông tư 31/2024/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31").

Dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Nghị định 86/2024/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 11 tháng 7 năm 2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái ("Nghị định 86"). Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng được thực hiện tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được trình bày trong Thuyết minh 2.8.

Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại các TCTD khác.

Cho vay các TCTD khác

Cho vay các TCTD khác là các khoản cho vay các tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc dưới 1 năm.

Cho vay các TCTD khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng cụ thể.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể các khoản cho vay các TCTD khác được thực hiện theo Thông tư 31 và Nghị định 86 tương tự như chính sách áp dụng đối với cho vay khách hàng như được trình bày trong Thuyết minh 2.8.

Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản cho vay các TCTD khác tại Việt Nam.

2.8 Các khoản cho vay khách hàng

2.8.1 Kế toán đối với cho vay khách hàng

2.8.1.1 Đo lường và ghi nhận các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc đến 1 năm kể từ ngày giải ngân; các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm đến 5 năm kể từ ngày giải ngân; các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn gốc trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay khách hàng được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng.

Theo Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 1 năm 2024 và Thông tư 21/2024/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2024 quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng, kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, nghiệp vụ thư tín dụng được xác định là hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán và hoàn trả thư tín dụng. Thay đổi này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 7 năm 2024. Trừ hoạt động mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng được hạch toán là Phải thu khác theo hướng dẫn tại Công văn 4848/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 11 tháng 6 năm 2025 bổ sung các hướng dẫn hạch toán kế toán đối với các nghiệp vụ và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng theo quy định tại Thông tư 21/2024/TT-NHNN.

2.8.1.2 Phân loại các khoản cho vay khách hàng

Việc phân loại nợ, bao gồm các khoản cho vay khách hàng, nợ phát sinh từ nghiệp vụ phát hành thư tín dụng, thương lượng thanh toán thư tín dụng, hoàn trả thư tín dụng và nghiệp vụ mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng (trừ trường hợp mua lại bộ chứng từ do chính Ngân hàng phát hành) (gọi chung là "các khoản nợ"), được thực hiện theo Thông tư 31; và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Nghị định 86.

Các khoản cho vay khách hàng được phân loại thành 5 nhóm nợ căn cứ vào tình hình trả nợ và các yếu tố định lượng như sau:

Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn

(i) Khoản nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc
(ii) Khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn; hoặc
(iii) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 1 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn.

Nhóm 2: Nợ cần chú ý

(i) Khoản nợ quá hạn đến 90 ngày, trừ khoản nợ quy định tại điểm (ii) của Nợ đủ tiêu chuẩn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
(ii) Khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
(iii) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 2 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định.

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn

(i) Khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
(ii) Khoản nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
(iii) Khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận, trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn

(iv) Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:
- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; hoặc
- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; hoặc
- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

(v) Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc

(vi) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc

(vii) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(viii) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ

(i) Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày, trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(ii) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu, trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(iii) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(iv) Khoản nợ quy định tại điểm (iv) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc

(v) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc

(vi) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc

(vii) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(viii) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 4 theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn

(i) Khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc

(ii) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc

(iii) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc

(iv) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn theo quy định; hoặc

(v) Khoản nợ quy định tại điểm (iv) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc

(vi) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc

(vii) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn

(viii) Khoản nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc

(ix) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(x) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 5 theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

Nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi:

Đối với nợ quá hạn
- Khách hàng đã trả đầy đủ phần nợ gốc và lãi bị quá hạn (kể cả lãi áp dụng đối với nợ gốc quá hạn) và nợ gốc, lãi của các kỳ hạn trả nợ tiếp theo (nếu có) trong thời gian tối thiểu 3 tháng đối với nợ trung và dài hạn, 1 tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn;
- Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc khách hàng đã trả nợ; và
- Ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

Đối với nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ
- Khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại (nếu có) trong thời gian tối thiểu 3 tháng đối với nợ trung và dài hạn, 1 tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc hoặc lãi theo thời hạn được cơ cấu lại; trường hợp gốc và lãi có cùng 1 kỳ hạn trả nợ thì tính kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi;
- Có tài liệu, hồ sơ chứng minh việc khách hàng đã trả nợ; và
- Ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

Nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn khi:

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền dẫn đến khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm liên tục qua 3 lần đánh giá hoặc phân loại nợ liên tục;
- Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin tài chính theo yêu cầu của Ngân hàng để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng;
- Khoản nợ đã được phân loại vào nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 từ 1 năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn;
- Khoản nợ mà hành vi cấp tín dụng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Nợ xấu là nợ thuộc các Nhóm 3, 4 và 5.

Ngân hàng được yêu cầu sử dụng kết quả phân loại rủi ro tín dụng do Trung tâm Thông tin Tín dụng thuộc NHNN ("CIC") cung cấp để phân loại các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn giữa nhóm nợ được đánh giá bởi Ngân hàng và nhóm nợ do CIC cung cấp.

Toàn bộ dư nợ của một khách hàng tại Ngân hàng được phân loại vào cùng một nhóm nợ và là nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất trong các nhóm nợ của các khoản nợ của khách hàng đó.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn, Ngân hàng thực hiện phân loại tất cả các khoản nợ (bao gồm cả khoản cho vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao nhất theo kết quả phân loại nợ của các thành viên tham gia cấp tín dụng hợp vốn.

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng sẽ được điều chỉnh lại tương ứng với nhóm nợ sau khi được phân loại lại.

2.8.1.3 Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 ("Thông tư 02") do NHNN ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn và Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 ("Thông tư 06") do NHNN ban hành sửa, bổ sung một số điều của Thông tư 02. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ:

- dư nợ gốc phát sinh trước ngày 24 tháng 4 năm 2023 và từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính;
- phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024;
- số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận;
- được Ngân hàng đánh giá là các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm so với doanh thu, thu nhập tại phương án trả nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận; và được Ngân hàng đánh giá có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại; và
- không vi phạm pháp luật.

Thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như nhóm nợ tại thời điểm gần nhất trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

2.8.1.4 Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, sạt lở đất sau bão số 3

Từ ngày 4 tháng 12 năm 2024, việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc, lãi của khoản nợ của khách hàng gặp khó khăn trong việc trả nợ do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 được thực hiện theo quy định của Thông tư 53/2024/TT-NHNN ("Thông tư 53/2024") và Quyết định 1510/QĐ-TTg ("Quyết định 1510") do NHNN ban hành ngày 4 tháng 12 năm 2024, trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Ngân hàng.

Ngân hàng thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ và đáp ứng các điều kiện sau:

- Khách hàng trên địa bàn 26 tỉnh, thành phố gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, bao gồm:
  - Khách hàng là cá nhân có nơi ở hiện tại hoặc đang làm việc hoặc có cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc có hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh trên địa bàn 26 tỉnh, thành phố;
  - Khách hàng là tổ chức (trừ khách hàng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc có hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh trên địa bàn 26 tỉnh, thành phố.
- Có số dư nợ gốc phát sinh trước ngày 7 tháng 9 năm 2024 và từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính;
- Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong khoảng thời gian từ ngày 7 tháng 9 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025;
- Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, trả nợ đã thỏa thuận. Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ của khoản nợ đã quá hạn trên 10 (mười) ngày và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 7 tháng 9 năm 2024 đến hết ngày 16 tháng 12 năm 2024 khi thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu tiên theo quy định tại Thông tư 53/2024;
- Khách hàng được Ngân hàng đánh giá là gặp khó khăn không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc, lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận do bị ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 và có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại;
- Khoản nợ không vi phạm quy định pháp luật;
- Việc xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện từ ngày Thông tư 53 có hiệu lực thi hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và không giới hạn về số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Thời điểm trả nợ cuối cùng của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ được xác định phù hợp với mức độ khó khăn của khách hàng nhưng không vượt quá ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Chi tiết phân loại nợ và giữ nguyên nhóm nợ:

Ngân hàng giữ nguyên nhóm nợ đối với khoản nợ có số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ ("khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ") tại thời điểm gần nhất trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ:

- Đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, Ngân hàng không phải áp dụng nguyên tắc điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn theo quy định tại Thông tư 31;
- Đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại mà không được Ngân hàng tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư 53, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 31.

2.8.1.5 Phân loại khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng

Các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng là số tiền Ngân hàng trả thay khách hàng trong trường hợp khách hàng được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của mình khi đến hạn thanh toán.

Ngày quá hạn của các cam kết trả thay được tính ngay từ ngày Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng được phân loại như sau:

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn
- Nếu quá hạn dưới 30 ngày;

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ
- Nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn
- Nếu quá hạn từ 90 ngày trở lên.

Trường hợp khoản trả thay được phân loại vào nhóm rủi ro thấp hơn nhóm mà cam kết ngoại bảng được trả thay đã được phân loại thì Ngân hàng chuyển vào nhóm mà cam kết ngoại bảng đó đã phân loại.

2.8.1.6 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Dự phòng chung

Dự phòng chung được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi tháng của các khoản cho vay khách hàng, không bao gồm các khoản cho vay khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

Dự phòng cụ thể

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ áp dụng cho nợ được phân loại từ nợ nhóm 1 đến nợ nhóm 5 như sau:

Nhóm nợ	Loại	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với từng loại tài sản bảo đảm được xác định như sau:

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
(a) Số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại chính Ngân hàng	100%
(b) Trái phiếu Chính phủ, vàng miếng theo quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh vàng; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bằng ngoại tệ tại chính Ngân hàngvàng; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bằng ngoại tệ tại chính Ngân hàng	95%
(c) Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; công cụ chuyển nhượng, trái phiếu do chính Ngân hàng phát hành; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành:	
• Có thời hạn còn lại dưới 1 năm	95%
• Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm	85%
• Có thời hạn còn lại trên 5 năm	80%
(d) Chứng khoán được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán do các TCTD khác phát hành	70%
(e) Chứng khoán được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán do doanh nghiệp (trừ TCTD) phát hành	70%
(f) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c) khoản này, do TCTD khác có niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành;	70%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c) khoản này, do TCTD khác chưa niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	
(g) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành;	70%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	
(h) Bất động sản	70%
(i) Các loại tài sản bảo đảm khác	70%

Tài sản bảo đảm là động sản, bất động sản và các tài sản bảo đảm không phải là vàng miếng, chứng khoán Chính phủ được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng khoán do doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác phát hành có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và tài sản bảo đảm có giá trị để tính khấu trừ từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá vào thời điểm cuối năm tài chính. Đối với các trường hợp khác, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định thì giá trị của tài sản bảo đảm đó xem như bằng không.

Dự phòng cụ thể theo Thông tư 02

Từ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư 02. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng đã trích lập 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng cụ thể theo Thông tư 53

Từ ngày 4 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Quyết định 1510 như sau:

Số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung = A - B

Trong đó:

- A: Số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31.
- B: Số tiền dự phòng cụ thể đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 53/2024 và Quyết định 1510.

Trường hợp số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung được xác định theo công thức nêu trên là dương, Ngân hàng thực hiện trích bổ sung dự phòng cụ thể như sau:

- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024: Tối thiểu 35% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025: Trích thêm để đạt tối thiểu 70% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2026: Trích thêm số còn lại để đủ 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

2.8.1.7 Xử lý nợ xấu

Các khoản nợ xấu có thể được xử lý bằng dự phòng trong các trường hợp sau:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, cá nhân bị chết, mất tích; hoặc
- Các khoản nợ được phân loại vào nợ nhóm 5.

Sau thời gian tối thiểu 5 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Ngân hàng để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, khoản nợ có thể được xuất toán ra khỏi ngoại bảng theo quyết định của Hội đồng Xử lý Rủi ro của Ngân hàng.

2.8.2 Tài sản nhận gán nợ

Tài sản nhận gán nợ được ghi nhận theo hướng dẫn tại Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư 10/2014/TT-NHNN ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2014 sửa đổi Quyết định 479/2004/QĐ-NHNN, và trên cơ sở tham chiếu Luật Dân sự 91/2015/QH13.

2.9 Các khoản cam kết ngoại bảng

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang.

Phân loại các khoản cam kết ngoại bảng

Các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại như sau:

Nhóm 1: Các cam kết mà Ngân hàng đánh giá khách hàng có khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo cam kết.

Nhóm 2: Các cam kết mà Ngân hàng đánh giá là khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo cam kết.

Nhóm 3 trở lên: Các cam kết thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng có quyết định thu hồi:

- Các cam kết vi phạm các quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; hoặc
- Các cam kết vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; hoặc
- Các cam kết vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

Dự phòng rủi ro các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng chỉ được phân loại để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Do đó không cần thực hiện trích lập dự phòng rủi ro.

2.10 Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán được phân loại thành 3 loại theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009: i) chứng khoán kinh doanh, ii) chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc iii) chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Ngân hàng và công ty con phải phân loại chứng khoán ngay tại thời điểm mua, việc phân loại lại sau khi mua chỉ được thực hiện tối đa 01 (một) lần đối với mỗi khoản mục chứng khoán đã đầu tư.

2.10.1 Chứng khoán kinh doanh

Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được mua và nắm giữ ngắn hạn hoặc theo chủ định từ Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào thời điểm Ngân hàng và công ty con trở thành một bên đối tác của hợp đồng mua các chứng khoán kinh doanh này (kế toán theo ngày giao dịch), cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Đo lường

Chứng khoán kinh doanh là chứng chỉ tiền gửi hoặc trái phiếu chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro của các chứng khoán này được thực hiện tương tự như các khoản "Cho vay khách hàng" được trình bày tại Thuyết minh 2.8. Theo quy định của Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024) và Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024), Ngân hàng và công ty con không trích lập dự phòng chung đối với trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác trong nước phát hành.

Các chứng khoán kinh doanh khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của các chứng khoán kinh doanh này. Theo đó, đối với chứng khoán nợ đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom: giá chứng khoán nợ trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc năm tài chính.

Ngân hàng và công ty con không thực hiện trích lập dự phòng đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm tài chính. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh" trong năm. Giá vốn được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Số tiền lãi coupon thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi được thực nhận.

Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng và công ty con đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

2.10.2 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận vào thời điểm Ngân hàng và công ty con trở thành một bên đối tác của hợp đồng mua các chứng khoán này (kế toán theo ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng chỉ tiền gửi hoặc trái phiếu chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được ghi nhận theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường.

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá cho Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán tương tự như nguyên tắc áp dụng cho chứng khoán kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.10.1.

Chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác vào ngày giao dịch. Lãi dồn tích của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá và giá trị chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu khi nhận được. Lãi sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng và công ty con trên cơ sở dồn tích. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục *"Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư"*. Giá vốn được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng và công ty con đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

2.10.3 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng và công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn, trong đó bao gồm trái phiếu đặc biệt được phát hành bởi Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam ("DATC").

Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, Ngân hàng và công ty con được phép phân loại lại tối đa 1 lần sau khi mua đối với chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn (bao gồm trái phiếu DATC) được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh 2.10.2.

2.11 Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn từ hoặc dưới 11% quyền biểu quyết vào các công ty chưa niêm yết được Ngân hàng và công ty con nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Sau đó, các khoản đầu tư dài hạn khác này được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ dự phòng rủi ro. Đối với khoản đầu tư mà giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi doanh nghiệp nhận đầu tư bị lỗ. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.12 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

2.13 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí hoạt động trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	**8 - 50 năm**
Máy móc, thiết bị	**6 - 15 năm**
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	**6 - 10 năm**
Thiết bị văn phòng	**5 - 8 năm**
TSCĐ hữu hình khác	**5 - 8 năm**
Phần mềm máy tính	**3 - 15 năm**
TSCĐ vô hình khác	**10 năm**

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích kinh doanh, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.

2.14 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà công ty con bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Thời gian hữu dụng sử dụng hữu ích ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 50 năm

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

2.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ, hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian hoặc một chu kỳ kinh doanh nhất định kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

2.17 Các tài sản có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng và công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Ngân hàng có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong năm tài chính.

2.19 Tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành giấy tờ có giá được ghi giảm số dư gốc của giấy tờ có giá. Sau đó, Ngân hàng thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào khoản mục *"Chi phí lãi và các chi phí tương tự"* theo phương pháp đường thẳng dựa theo kỳ hạn của giấy tờ có giá.

2.20 Các công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá trị hợp đồng vào ngày ký kết và sau đó được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày cuối tháng. Lợi nhuận hoặc lỗ đã thực hiện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối năm.

2.21 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động (lãi) và tình hình phân phối kết quả hoạt động của Ngân hàng và công ty con.

2.22 Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo quy định của Nghị định 135/2025/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Nghị định 135") có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2025, Ngân hàng và công ty con trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	100% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Không quy định mức tối đa

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên, quỹ khen thưởng, phúc lợi và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận chưa phân phối của Ngân hàng.

2.23 Phân phối lợi nhuận

Cổ tức của Ngân hàng và công ty con được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Ngân hàng và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và công ty con được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.24 Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ thu nhập lãi của chứng khoán nợ thuộc nhóm chứng khoán kinh doanh sẽ được ghi nhận khi thực thu. Khi một khoản nợ không được phân loại là Nợ đủ tiêu chuẩn như được trình bày trong Thuyết minh 2.8.1 hoặc thuộc đối tượng được áp dụng theo Thông tư 02/2023, Thông tư 06/2024 và Thông tư 53/2024 như được trình bày trong Thuyết minh 2.8.1.3 và Thuyết minh 2.8.1.4, thì số lãi dự thu được chuyển ra theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

2.25 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

2.26 Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

2.27 Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng và công ty con xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư và thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

2.28 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng theo phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.29 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con, bao gồm cả công ty con và công ty liên doanh là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng và công ty con, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Ngân hàng và công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất là phân loại và dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Thuyết minh 2.8) và dự phòng các khoản đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 2.10). Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ bằng VND	815.319	819.034
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	216.257	139.742
Vàng	9.032	4.947
	1.040.608	**963.723**

4 TIỀN GỬI TẠI NHNN

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi thanh toán bằng VND	5.166.047	10.922.509
Tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ	19.064.428	377.159
Tiền ký quỹ bằng VND	242.000	-
	24.472.475	**11.299.668**

Tiền gửi tại NHNN bao gồm dự trữ bắt buộc và tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi trong tháng cho khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với số dư tiền gửi bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước tại Ngân hàng.

Các tỷ lệ dự trữ bắt buộc trên số dư tiền gửi bình quân của tháng trước như sau:

	31/12/2025 %	31/12/2024 %
Tiền gửi khách hàng		
• Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
• Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00
• Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
Tiền gửi của TCTD nước ngoài		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00	1,00

Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư tại ngày:

	31/12/2025 %	31/12/2024 %
Trong giới hạn dự trữ bắt buộc bằng VND	0,50	0,50
Trong giới hạn dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00	0,00
Vượt giới hạn dự trữ bắt buộc bằng VND	0,00	0,00
Vượt giới hạn dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00	0,00

5 TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

5.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
• Bằng VND	16.829.367	10.608.790
• Bằng ngoại tệ	5.165.814	766.338
	21.995.181	11.375.128
Tiền gửi có kỳ hạn		
• Bằng VND	65.600.000	37.379.520
• Bằng ngoại tệ	3.671.780	19.165.055
	69.271.780	56.544.575
	91.266.961	**67.919.703**

5.2 Cho vay các TCTD khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Bằng VND	180.000	2.324.260
Trong đó:		
• *Chiết khấu, tái chiết khấu*	-	*42.260*
	180.000	**2.324.260**

5.3 Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư tại ngày:

	31/12/2025 %	31/12/2024 %
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5,65 - 9,10	3,70 - 6,30
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3,70 - 4,20	4,40 - 5,00
Cho vay TCTD khác bằng VND	7,50 - 7,80	4,70 - 6,50

5.4 Phân tích chất lượng tiền gửi và cho vay các TCTD khác:

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn *(không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn)*	69.451.780	58.868.835

6 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

6.1 Chứng khoán nợ

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Trái phiếu Chính phủ	7.726.185	4.745.046
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	2.046.115	1.104.802
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1.685.335	3.019.118
	11.457.635	**8.868.966**

6.2 Thuyết minh về tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Niêm yết	7.726.185	4.745.046
Chưa niêm yết	3.731.450	4.123.920
	11.457.635	**8.868.966**

6.3 Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư chứng khoán nợ tại ngày:

	31/12/2025 %	31/12/2024 %
Trái phiếu Chính phủ	2,60 - 7,50	2,10 - 5,10
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	6,80 - 7,20	6,50 - 7,50
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	9,00 - 13,00	12,00 - 12,85

6.4 Phân tích chất lượng chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn *(không bao gồm trái phiếu Chính phủ)*	3.731.450	4.123.920

6.5 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Dự phòng chung	12.640	2.250

7 CHO VAY KHÁCH HÀNG

7.1 Theo loại hình cho vay

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	229.142.041	203.137.423
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	222.172	308.650
Các khoản trả thay khách hàng	47.488	74.952
Cho vay trong nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay	7.635.399	5.833.618
	237.047.100	**209.354.643**

7.2 Theo đối tượng khách hàng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Công ty TNHH khác	99.303.321	90.162.333
Công ty cổ phần khác	83.996.358	69.472.202
Hộ kinh doanh, cá nhân	47.107.980	45.013.591
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	2.853.158	2.462.030
Công ty Nhà nước	2.087.778	1.610.417
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.592.741	533.608
Doanh nghiệp tư nhân	55.344	36.973
Hợp tác xã và Liên hiệp hợp tác xã	43.411	32.786
Thành phần kinh tế khác	7.009	30.703
	237.047.100	**209.354.643**

7.3 Theo chất lượng nợ cho vay

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	230.560.428	204.036.375
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	1.612.602	1.358.912
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	325.473	202.862
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	573.164	695.091
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	3.975.433	3.061.403
	237.047.100	**209.354.643**

7.4 Theo kỳ hạn

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Cho vay ngắn hạn	111.179.661	104.496.969
Cho vay trung hạn	75.575.573	73.586.267
Cho vay dài hạn	50.291.866	31.271.407
	237.047.100	**209.354.643**

7.5 Theo loại tiền tệ

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Cho vay bằng VND	227.595.002	203.812.898
Cho vay bằng ngoại tệ	9.452.098	5.541.745
	237.047.100	**209.354.643**

7.6 Theo lĩnh vực kinh doanh

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	53.923.629	33.489.746
Hoạt động làm thuê hộ gia đình	46.997.685	45.013.587
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	38.421.178	15.489.724
Hoạt động kinh doanh bất động sản	29.436.896	9.949.817
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	26.968.260	14.386.765
Hoạt động tài chính và bảo hiểm	12.457.299	7.729.440
Công nghiệp chế biến, chế tạo	7.912.342	17.705.332
Xây dựng	6.451.388	10.463.950
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	4.350.770	12.026.908
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	2.709.189	1.563.680
Vận tải kho bãi	2.074.979	13.593.541
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.497.794	8.017.345
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	555.838	200.642
Khai khoáng	230.342	1.349.558
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	96.706	83.628
Thông tin và truyền thông	66.830	5.711.977
Giáo dục và đào tạo	12.394	2.083
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	4.943	-
Hoạt động khác	2.878.638	12.576.920
	237.047.100	**209.354.643**

7.7 Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư tại ngày:

	31/12/2025 %	31/12/2024 %
Các khoản cho vay bằng VND		
• Ngắn hạn	3,20 - 9,20	2,77 - 8,20
• Trung hạn	3,26 - 11,05	2,96 - 9,10
• Dài hạn	3,26 - 14,65	3,16 - 13,50
Các khoản cho vay bằng ngoại tệ		
• Ngắn hạn	4,00 - 5,91	3,30 - 4,50
• Trung hạn	4,84 - 7,30	7,10 - 7,63
• Dài hạn	6,18	5,73

7.8 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.644.225	1.333.794	**2.978.019**
Trích lập trong năm	2.024.918	214.464	**2.239.382**
Sử dụng trong năm	(1.935.968)	-	**(1.935.968)**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.733.175	1.548.258	**3.281.433**
Trích lập trong năm	2.354.311	231.537	**2.585.848**
Sử dụng trong năm	(2.095.803)	-	**(2.095.803)**
Giảm do bán công ty con	(475.149)	(29.639)	**(504.788)**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	1.516.534	1.750.156	**3.266.690**

8 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

8.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán Nợ		
Trái phiếu Chính phủ	14.165.033	10.340.000
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	8.413.092	3.850.364
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	1.400.000	1.900.000
Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh do các TCTD khác trong nước phát hành	727.302	733.098
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	800.000	650.378
	25.505.427	**17.473.840**
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	-	82.054
	25.505.427	**17.555.894**

8.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán Nợ		
Tín phiếu NHNN	-	2.000.000
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	50.458	427.019
- Trong đó: Trái phiếu do DATC phát hành	*19.364*	*319.364*
	50.458	2.427.019
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Dự phòng cụ thể	(50.458)	(350.458)
- Trong đó: Dự phòng cụ thể trái phiếu DATC	*(19.364)*	*(319.364)*
	-	**2.076.561**

8.3 Thuyết minh về tình trạng niêm yết của chứng khoán đầu tư

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Niêm yết	15.892.335	11.073.098
Chưa niêm yết	9.663.550	8.909.815
	25.555.885	**19.982.913**

8.4 Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn *(không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và tín phiếu do NHNN phát hành)*	9.613.092	6.477.303
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	50.458	350.458
	9.663.550	**6.827.761**

8.5 Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư chứng khoán đầu tư tại ngày:

	31/12/2025 %	31/12/2024 %
Trái phiếu Chính phủ bằng VND	2,10 - 4,90	2,20 - 6,50
Tín phiếu do NHNN phát hành bằng VND	Không có	4,00
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành bằng VND	2,50 - 8,50	2,50 - 8,50
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành bằng VND	8,60 - 13,40	8,62 - 12,50

8.6 Dự phòng chứng khoán đầu tư

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	94.967	4.270	**99.237**
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 25)	255.491	(4.270)	**251.221**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	350.458	-	**350.458**
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm (Thuyết minh 25)	(300.000)	63.129	**(236.871)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	50.458	63.129	**113.587**

9 GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

9.1 Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác	59.070	62.432
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(363)
	59.070	**62.069**

9.2 Các khoản đầu tư dài hạn khác

	31.12.2025 Giá gốc Triệu đồng	 Tỷ lệ sở hữu	31.12.2024 Giá gốc Triệu đồng	 Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	22.470	6,44%	10.000	5,00%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	11.000	2,20%	11.000	2,20%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	10.000	8,33%	10.000	8,33%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	7.500	2,83%	7.500	2,83%
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	3.300	1,06%	3.300	1,06%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	4.800	1,59%	4.800	1,59%
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	-	-	12.470	9,59%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Số liệu Toàn Cầu	-	-	2.670	2,13%
Công ty Cổ phần Phát triển Nhân trí Việt Nam	-	-	437	9,99%
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	-	-	255	0,46%
	59.070		**62.432**	

10 TSCĐ

10.1 TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc, thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn Triệu đồng	Thiết bị văn phòng Triệu đồng	Khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	18.677	480.823	434.554	118.572	39.326	**1.091.952**
Mua trong năm	-	77.181	40.059	8.195	266	**125.701**
Thanh lý, nhượng bán	(1.288)	(10.085)	(1.570)	(6.133)	(331)	**(19.407)**
Giảm do bán công ty con	-	(1.854)	-	(2.473)	-	**(4.327)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	17.389	546.065	473.043	118.161	39.261	**1.193.919**
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(7.168)	(230.115)	(259.611)	(91.143)	(15.450)	**(603.487)**
Khấu hao trong năm	(820)	(41.824)	(39.848)	(12.053)	(4.315)	**(98.860)**
Thanh lý, nhượng bán	413	9.365	1.570	6.130	331	**17.809**
Giảm do bán công ty con	-	872	-	2.211	-	**3.083**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	(7.575)	(261.702)	(297.889)	(94.855)	(19.434)	**(681.455)**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	11.509	250.708	174.943	27.429	23.876	**488.465**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	9.814	284.363	175.154	23.306	19.827	**512.464**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá TSCĐ hữu hình của Ngân hàng và công ty con đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 176.663 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 130.072 triệu đồng).

10.2 TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn Triệu đồng	Phần mềm máy tính Triệu đồng	Khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	540.735	609.018	13.448	**1.163.201**
Mua trong năm	-	189.307	-	**189.307**
Thanh lý, nhượng bán	(6.378)	(2.985)	-	**(9.363)**
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	(5.292)	**(5.292)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	534.357	795.340	8.156	**1.337.853**
Giá trị khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	-	(274.287)	(10.349)	**(284.636)**
Khấu hao trong năm	-	(81.184)	(716)	**(81.900)**
Thanh lý, nhượng bán	-	1.656	-	**1.656**
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	3.907	**3.907**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	-	(353.815)	(7.158)	**(360.973)**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	540.735	334.731	3.099	**878.565**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	534.357	441.525	998	**976.880**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá TSCĐ vô hình của Ngân hàng và công ty con đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 60.449 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 58.870 triệu đồng).

11 TÀI SẢN CÓ KHÁC

11.1 Các khoản phải thu

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Phải thu tổ chức thẻ	733.833	138.139
Xây dựng cơ bản dở dang	265.817	226.778
Quyền khai thác tài sản ủy quyền cho công ty con khai thác	248.509	254.425
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	192.381	157.723
Phải thu từ nghiệp vụ mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ do TCTD khác phát hành (*)	-	1.056.000
Phải thu khác	201.557	369.748
	1.642.097	**2.202.813**

(*) Đây là nghiệp vụ mà Ngân hàng mua bộ chứng từ và nhận chuyển giao bộ chứng từ theo thư tín dụng do TCTD khác phát hành trước ngày đến hạn và chưa được thanh toán từ khách hàng (bên thụ hưởng bộ chứng từ).

11.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	2.093.888	1.986.372
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	503.593	343.717
Lãi phải thu từ tiền gửi tại các TCTD khác	227.225	139.721
Lãi và phí phải thu khác	267.232	111.803
	3.091.938	**2.581.613**

11.3 Tài sản Có khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Lãi tiền gửi trả trước cho khách hàng	1.216.304	710.728
Chi phí trả trước chờ phân bổ (*)	1.119.646	1.263.119
Tài sản bảo đảm chờ xử lý	149.278	139.987
Lợi thế thương mại (**)	-	267.021
	2.485.228	**2.380.855**

(*) Chi phí chờ phân bổ chủ yếu liên quan đến tiền thuê địa điểm, chi phí bảo trì hệ thống, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng.

(**) Chi tiết biến động lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện Triệu VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	712.055
Giảm do bán công ty con	(712.055)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	-
Giá trị phân bổ lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(445.034)
Phân bổ trong năm	(5.934)
Giảm do bán công ty con	450.968
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	-
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	267.021
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	-

11.4 Phân tích chất lượng tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	-	1.056.000

11.5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	29.253	29.277

12 CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Giao dịch bán và cam kết mua lại Trái phiếu Chính phủ với NHNN	18.785.103	-
Vay khác	2.034.277	2.064.483
	20.819.380	**2.064.483**

13 TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

13.1 Tiền gửi của các TCTD khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
- *Bằng VND*	16.793.280	10.514.081
- *Bằng ngoại tệ*	7	-
	16.793.287	10.514.081
Tiền gửi có kỳ hạn		
- *Bằng VND*	66.145.900	41.697.920
- *Bằng ngoại tệ*	2.360.430	3.683.145
	68.506.330	45.381.065
	85.299.617	**55.895.146**

13.2 Vay các TCTD khác

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Bằng VND	2.944.857	12.183.065
Trong đó:		
- *Vay chiết khấu, tái chiết khấu*	-	*6.993.632*
Bằng ngoại tệ (*)	19.036.532	17.225.440
	21.981.389	**29.408.505**

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm khoản vay chuyển đổi của Tổ chức Tài chính Quốc tế ("IFC") với số tiền là 75 triệu USD, kỳ hạn 5 năm, đáo hạn vào ngày 14 tháng 10 năm 2027 và khoản vay chuyển đổi của the Norwegian Investment Fund for Developing Countries (‘"Norfund") với số tiền là 30 triệu USD, kỳ hạn 4 năm, đáo hạn vào ngày 24 tháng 11 năm 2028. IFC và Norfund có thể chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay này thành cổ phiếu của Ngân hàng trong thời hạn của khoản vay.

13.3 Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư tại ngày:

	31/12/2025 %	31/12/2024 %
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4,50 - 9,50	3,80 - 6,35
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3,80 - 4,20	4,70 - 4,95
Vay bằng VND	4,99 - 8,25	4,00 - 10,00
Vay bằng ngoại tệ	4,41 - 7,42	3,80 - 6,35

14 TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

14.1 Theo loại tiền gửi

	31/12/2025 Triệu VND	31/12/2024 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	26.113.574	31.560.724
- *Bằng VND*	*19.152.410*	*30.592.350*
- *Bằng ngoại tệ*	*6.961.164*	*968.374*
Tiền gửi có kỳ hạn	162.322.272	135.664.655
- *Bằng VND*	*161.703.841*	*135.262.759*
- *Bằng ngoại tệ*	*618.431*	*401.896*
Tiền gửi vốn chuyên dùng	365.197	379.872
Tiền gửi ký quỹ	3.006.172	714.913
	191.807.215	**168.320.164**

14.2 Theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Hộ kinh doanh, cá nhân	110.008.896	92.768.783
Công ty cổ phần khác	32.539.448	34.601.355
Công ty TNHH khác	23.258.009	19.298.067
Công ty Nhà nước	16.122.066	14.821.908
Công ty cổ phần có vốn Nhà nước trên 50%	7.905.503	5.034.134
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.221.106	1.038.783
Doanh nghiệp tư nhân	152.936	88.428
Hợp tác xã và Liên hiệp Hợp tác xã	31.464	49.722
Công ty hợp danh	339	2.213
Thành phần kinh tế khác	567.448	616.771
	191.807.215	**168.320.164**

14.3 Mức lãi suất hàng năm áp dụng cho số dư tại ngày:

	31/12/2025 %	31/12/2024 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,10 - 0,50	0,10 - 0,50
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm bằng VND	0,10 - 7,50	0,50 - 6,75
Tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	0,00 - 7,00	0,00 - 7,00
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	0,10 - 0,50	0,10 - 0,50
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	0,00	0,00

15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá ngày lập báo cáo) Tài sản Triệu đồng	 Công nợ Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
• Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	50.569.057	113.316	229.675
• Giao dịch hoán đổi tiền tệ	102.991.385	388.837	352.238
Các công cụ tài chính phái sinh khác			
• Giao dịch hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo	2.284.700	-	180.638
	155.845.142	502.153	762.551
Số thuần			**260.398**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
• Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	13.379.356	7.868	154.598
• Giao dịch hoán đổi tiền tệ	86.670.810	469.243	450.891
Các công cụ tài chính phái sinh khác			
• Giao dịch hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo	3.805.166	9	175.205
	103.855.332	477.120	780.694
Số thuần			**303.574**

16 PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND		
• Dưới 1 năm	25.300.000	29.000.000
• Từ 1 năm đến 5 năm	-	200.200
Trái phiếu bằng VND		
• Từ 5 năm trở lên	750.000	1.250.000
Trái phiếu bằng USD		
• Từ 1 năm đến 5 năm (*)	3.934.050	-
	29.984.050	**30.450.200**

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư bao gồm các trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, kỳ hạn 5 năm phát hành ra thị trường quốc tế cho các đối tác bao gồm Asian Infrastructure Investment Bank ("AIIB") với tổng số tiền 75 triệu USD và IFC với tổng số tiền 75 triệu USD. Ngân hàng đã nhận được Công văn 7802/UBCK-QLCB ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đã nhận được hồ sơ chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của Ngân hàng. Ngân hàng đã hoàn tất việc phát hành lô trái phiếu này vào ngày 28 tháng 11 năm 2025.

16 PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ *(tiếp theo)*

Mức lãi suất hàng năm của giấy tờ có giá phát hành của Ngân hàng như sau:

	31/12/2025 %	31/12/2024 %
Chứng chỉ tiền gửi dưới 1 năm bằng VND	5,10 - 6,80	5,10 - 5,70
Chứng chỉ tiền gửi từ 1 năm đến 5 năm bằng VND	Không có	5,50
Trái phiếu từ 5 năm trở lên bằng VND	6,60	6,60 - 9,00
Trái phiếu từ 1 năm đến 5 năm bằng USD	5,93	Không có

17 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

17.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi	2.726.592	2.096.386
Lãi phải trả tiền vay	621.675	340.174
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	434.515	369.636
Lãi phải trả các giao dịch kỳ hạn, hoán đổi	214.452	89.228
Lãi phải trả các khoản nhận cấp tín dụng khác	-	26.853
	3.997.234	**2.922.277**

17.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	467.392	18.497
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	374.599	211.157
Các khoản phải trả bên ngoài		
• Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh 33)	850.341	856.402
• Phải trả bên ngoài khác	228.922	244.568
	1.921.254	**1.330.624**

(*) Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Số đầu năm	211.157	144.982
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh 18)	235.000	110.010
Sử dụng quỹ trong năm	(71.558)	(43.835)
Số dư cuối năm	**374.599**	**211.157**

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

			Quỹ của TCTD				
	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	*Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng*	*Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng*	*Tổng cộng Quỹ của TCTD Triệu đồng*	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	**24.957.000**	**106.167**	***1.318.509***	***396.830***	***1.715.339***	**3.518.333**	**30.296.839**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	4.816.026	**4.816.026**
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	3.290.000	-	-	-	-	(3.290.000)	**-**
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	103.000	(103.000)	-	-	-	-	**-**
Trích quỹ trong năm	-	-	*475.466*	*475.466*	*950.932*	(950.932)	**-**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17.2)	-	-	-	-	-	(110.010)	**(110.010)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	**28.350.000**	**3.167**	***1.793.975***	***872.296***	***2.666.271***	**3.983.417**	**35.002.855**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	5.509.539	**5.509.539**
Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (i)	100.000	-	-	-	-	-	**100.000**
Trích quỹ trong năm	-	-	*490.253*	*544.728*	*1.034.981*	(1.034.981)	**-**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17.2) (ii)	-	-	-	-	-	(235.000)	**(235.000)**
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	(4.800)	**(4.800)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**28.450.000**	**3.167**	***2.284.228***	***1.417.024***	***3.701.252***	**8.218.175**	**40.372.594**

(i) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên đề ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Ngân hàng số 494/2024/NQ-HĐQT đề ngày 21 tháng 6 năm 2024 đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Ngày 28 tháng 6 năm 2024, NHNN có Công văn số 5373/NHNN-TTGSNH chấp thuận việc Ngân hàng tăng vốn điều lệ thêm; trong đó, thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng tối đa là 450 tỷ Đồng.

Ngày 6 tháng 3 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Thông báo số 69/UBCK-QLCB về việc đã nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Báo cáo kết quả phát hành số 191/2025/BC-SeABank ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thêm 10.000.000 cổ phiếu, tương đương với 100 tỷ Đồng. NHNN đã ban hành Quyết định số 2206/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 5 năm 2025 về việc điều chỉnh nội dung vốn điều lệ trên Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Ngân hàng lên 28.450 tỷ Đồng.

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu *(tiếp theo)*

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên để ngày 25 tháng 4 năm 2025 đã thông qua mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 235 tỷ Đồng.

18.2 Cổ phiếu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31.12.2025		Tại ngày 31.12.2024	
	Cổ phiếu phổ thông Triệu đồng	%	Cổ phiếu phổ thông Triệu đồng	%
Vốn góp của cổ đông	28.450.000	100,00	28.350.000	100,00

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng không có cổ đông lớn chiếm trên 5% vốn điều lệ.

(b) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2025		31.12.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	2.845.000.000	-	2.835.000.000	-

(c) Tình hình biến động vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu phổ thông Cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông tính theo mệnh giá Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.495.700.000	24.957.000
Cổ phiếu mới phát hành	339.300.000	3.393.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.835.000.000	28.350.000
Cổ phiếu mới phát hành	10.000.000	100.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**2.845.000.000**	**28.450.000**

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

(d) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ (nếu có). Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025	31/12/2024 Tính lại (**)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	5.509.539	4.816.026
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu đồng) (*)	(165.286)	(235.000)
	5.344.253	4.581.026
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	2.843.246.575	2.835.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**1.880**	**1.616**

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ngân hàng ước tính rằng số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bằng 3% lợi nhuận thuần trong năm. Số thực tế sẽ được phê duyệt trong Đại hội đồng Cổ đông trong năm 2026 và có thể khác số liệu ước tính này.

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu tính lại
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	4.816.026	-	4.816.026
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (triệu đồng) (**)	(144.481)	(90.519)	(235.000)
	4.671.545	(90.519)	4.581.026
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	2.835.000.000	-	2.835.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**1.648**	**(32)**	**1.616**

(**) Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông được điều chỉnh lại theo mức trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên để ngày 25 tháng 4 năm 2025.

(e) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Ngân hàng không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu. Các khoản vay chuyển đổi (Thuyết minh 13.2) không ảnh hưởng đến Lãi suy giảm trên cổ phiếu do do số lượng cổ phiếu có thể được chuyển đổi chưa thể xác định được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

19 THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Thu nhập lãi cho vay	18.694.913	18.031.205
Thu nhập lãi tiền gửi	3.595.802	1.678.542
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán Nợ	1.935.737	729.057
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	132.939	127.887
Thu khác từ hoạt động tín dụng	210.502	149.914
	24.569.893	**20.716.605**

20 CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Chi phí lãi tiền gửi	10.920.722	7.884.456
Chi phí lãi tiền vay	2.056.968	1.596.459
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	1.741.146	939.258
Chi phí hoạt động tín dụng khác	147.223	330.022
	14.866.059	**10.750.195**

21 THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Dịch vụ thanh toán	361.047	496.228
Dịch vụ đại lý bảo hiểm và các phí hỗ trợ liên quan	173.126	235.083
Dịch vụ khác	525.935	617.972
	1.060.108	**1.349.283**

22 CHI PHÍ TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Chi phí dịch vụ thanh toán	131.927	106.004
Chi phí dịch vụ ngân quỹ	16.947	18.295
Chi phí dịch vụ khác	185.950	113.289
	334.824	**237.588**

23 LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
• Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	976.102	781.860
• Thu từ kinh doanh vàng	4.085	1.533
• Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	472.020	776.351
	1.452.207	1.559.744
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
• Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(38.289)	(39.027)
• Chi về kinh doanh vàng	-	(54)
• Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(986.284)	(950.082)
	(1.024.573)	(989.163)
	427.634	**570.581**

24 LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	985.467	1.242.784
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(757.671)	(1.412.675)
Trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(10.390)	(2.250)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	**217.406**	**(172.141)**

25 LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	425.700	1.000.236
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	(393.850)	(427.608)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 8.6)	236.871	(251.221)
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	**268.721**	**321.407**

26 LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu từ nợ đã xử lý rủi ro	136.089	592.417
Thu từ nghiệp vụ phái sinh khác	118.100	164.141
Thu nhập khác	105.667	46.008
	359.856	802.566
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí nghiệp vụ phái sinh khác	(139.594)	(172.560)
Chi phí khác	(70.479)	(20.404)
	(210.073)	(192.964)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác	**149.783**	**609.602**

27 THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Thu nhập từ chuyển nhượng công ty con (*)	2.607.318	-
Cổ tức nhận được từ các khoản góp vốn	13.710	1.445
	2.621.028	**1.445**

(*) Ngày 3 tháng 2 năm 2025, Ngân hàng đã hoàn thành thương vụ chuyển nhượng 100% phần vốn góp của Ngân hàng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện cho bên nhận chuyển nhượng là AEON Financial Service Co., Ltd. với giá chuyển nhượng là 4.300 tỷ Đồng. Ngân hàng đã nhận đầy đủ khoản tiền trên và ghi nhận thu nhập vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Ngày 17 tháng 7 năm 2025, Ngân hàng và AEON Financial Service Co., Ltd. đã ký thỏa thuận thanh lý hợp đồng chuyển nhượng vốn.

28 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Thuế và các loại phí	36.480	108.046
Chi phí nhân viên	2.699.925	2.113.460
- *Chi lương và phụ cấp*	*2.033.360*	*1.954.954*
- *Các khoản chi đóng góp theo lương*	*128.636*	*120.948*
- *Chi trợ cấp*	*163*	*379*
- *Chi khác*	*537.766*	*37.179*
Chi phí về tài sản	847.813	774.028
- *Chi phí thuê tài sản*	*340.086*	*333.616*
- *Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản*	*297.796*	*255.656*
- *Chi phí khấu hao TSCĐ*	*180.760*	*140.309*
- *Chi khác*	*29.171*	*44.447*
Chi phí cho hoạt động quản lý công vụ	625.357	705.592
- *Chi phí hội nghị, lễ tân và khánh tiết*	*250.780*	*196.495*
- *Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp*	*95.700*	*122.384*
- *Công tác phí*	*40.091*	*42.927*
- *Chi bưu phí và điện thoại*	*37.888*	*40.318*
- *Chi khác cho hoạt động quản lý*	*200.898*	*303.468*
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	142.988	135.804
Phân bổ lợi thế thương mại	5.934	71.206
Chi phí hoạt động khác	300.956	222.082
	4.659.453	**4.130.218**

29 CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Trích lập dự phòng chung	231.537	214.464
Trích lập dự phòng cụ thể	2.354.311	2.024.918
	2.585.848	**2.239.382**

30 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Ngân hàng khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	6.868.389	6.039.399
Thuế tính ở thuế suất 20%	1.373.678	1.207.880
Điều chỉnh:		
• Thu nhập không chịu thuế	(2.742)	(289)
• Chi phí không được khấu trừ	191	1.282
• Điều chỉnh số thuế phải nộp năm trước	-	259
• Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất	(12.277)	14.241
Chi phí thuế TNDN	1.358.850	1.223.373
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:		
• Chi phí thuế TNDN - hiện hành	1.358.850	1.223.373
• Thu nhập thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (*)	**1.358.850**	**1.223.373**

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.040.608	963.723
Tiền gửi tại NHNN	24.472.475	11.299.668
Tiền gửi tại các TCTD khác (gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 3 tháng)	91.266.961	67.919.703
Tín phiếu NHNN với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	2.000.000
	116.780.044	**82.183.094**

32 TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	5.396	5.562
Thu nhập của cán bộ công nhân viên		
Tổng quỹ lương trong năm	2.033.360	1.954.954
Thu nhập khác trong năm	12.553	54.767
	2.045.913	**2.009.721**
Tiền lương bình quân tháng (triệu đồng/người)	31,40	29,29
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người)	31,60	30,11

33 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Tại ngày 1.1.2025 Triệu đồng	Phát sinh trong năm			Tại ngày 31.12.2025 Triệu đồng
		Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	Giảm do bán công ty con Triệu đồng	
Thuế TNDN	812.283	1.358.850	(1.331.130)	(14.212)	825.791
Thuế thu nhập cá nhân	13.270	213.600	(211.119)	(1.685)	14.066
Thuế giá trị gia tăng	30.849	104.094	(124.423)	(36)	10.484
Các loại thuế khác	-	88.761	(88.761)	-	-
	856.402	**1.765.305**	**(1.755.433)**	**(15.933)**	**850.341**

34 TÀI SẢN, GTCG THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

34.1 Tài sản, GTCG nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Của khách hàng:		
• Bất động sản	288.383.723	328.199.221
• Giấy tờ có giá	30.600.049	75.836.085
• Động sản	23.213.018	8.735.928
• Tài sản khác	203.594.593	84.579.205
	545.791.383	**497.350.439**

34.2 Tài sản, GTCG đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Chứng khoán kinh doanh	7.320.000	2.085.000
- *Trái phiếu Chính phủ*	*7.320.000*	*2.085.000*
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	16.125.000	6.906.000
- *Trái phiếu Chính phủ*	*14.410.000*	*4.998.000*
- *Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành*	*1.715.000*	*1.908.000*
	23.445.000	**8.991.000**

35 CÁC CAM KẾT

Tổng số tiền của các cam kết còn hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất như sau:

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Cam kết giao dịch hối đoái		
- *Cam kết mua ngoại tệ*	*1.884.164*	*355.614*
- *Cam kết bán ngoại tệ*	*525.072*	*863.634*
- *Cam kết giao dịch hoán đổi đi (ngoại tệ và VND)*	*132.698.971*	*87.067.580*
- *Cam kết giao dịch hoán đổi đến (ngoại tệ và VND)*	*132.861.185*	*87.049.229*
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	7.591.049	2.228.158
- *Thư tín dụng trả ngay*	*2.084.668*	*1.299.253*
- *Thư tín dụng trả chậm*	*5.982.405*	*1.044.329*
- *Trừ: Tiền ký quỹ*	*(476.024)*	*(115.424)*
Bảo lãnh khác	14.175.422	8.516.675
- *Cam kết bảo lãnh thanh toán*	*8.438.304*	*2.810.751*
- *Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng*	*2.418.460*	*1.739.524*
- *Cam kết bảo lãnh dự thầu*	*294.414*	*395.978*
- *Cam kết bảo lãnh khác*	*5.318.668*	*3.970.349*
- *Trừ: Tiền ký quỹ*	*(2.294.424)*	*(399.927)*
Cam kết khác	13.413.700	13.106.548
- *Hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo*	*4.750.038*	*8.150.314*
- *Hợp đồng mua bán giấy tờ có giá*	*8.663.662*	*4.956.234*

36 CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

36.1 Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Lãi cho vay chưa thu được	2.347.894	3.085.932
Lãi phải thu từ trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa thu được	17.234	284.234
Phí phải thu chưa thu được	231	37
	2.365.359	**3.370.203**

36.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	7.539.653	6.000.109
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	8.344.166	8.056.396
	15.883.819	**14.056.505**

36.3 Tài sản và chứng từ khác

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Tài sản thuê ngoài	1.263.489	1.358.634
Kim loại quý, đá quý giữ hộ	6.952	15.649
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	4.644	3.944
	1.275.085	**1.378.227**

37 MỨC ĐỘ TẬP TRUNG CỦA TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác Triệu đồng	Cho vay khách hàng (*) Triệu đồng	Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư (*) Triệu đồng	Góp vốn, đầu tư dài hạn (*) Triệu đồng	Tiền gửi và vay các TCTD khác Triệu đồng	Tiền gửi của khách hàng Triệu đồng	Công cụ tài chính phái sinh (**) Triệu đồng	Phát hành giấy tờ có giá Triệu đồng	Các cam kết tín dụng (**) Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025									
Trong nước	86.785.815	236.824.928	37.013.520	59.070	88.244.474	191.730.014	155.793.120	26.050.000	24.536.919
Nước ngoài	4.661.146	222.172	-	-	19.036.532	77.201	52.022	3.934.050	-
	91.446.961	**237.047.100**	**37.013.52**	**59.070**	**107.281.006**	**191.807.215**	**155.845.142**	**29.984.050**	**24.536.919**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024									
Trong nước	69.677.648	209.045.993	28.851.879	62.432	68.090.229	168.255.216	103.855.332	30.450.200	11.260.184
Nước ngoài	566.315	308.650	-	-	17.213.422	64.948	-	-	-
	70.243.963	**209.354.643**	**28.851.87**	**62.432**	**85.303.651**	**168.320.164**	**103.855.332**	**30.450.200**	**11.260.184**

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

(**) Theo tổng giá trị hợp đồng.

38 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC	Cùng thành viên HĐQT
Tập đoàn BRG - Công ty Cổ phần và các công ty con	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội	Cùng thành viên HĐQT
Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bên liên quan của các cá nhân này	Nhân sự quản lý chủ chốt

38.1 Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC		
Chi phí lãi tiền gửi	27.611	15.768
Tập đoàn BRG - Công ty Cổ phần và các công ty con		
Chi phí lãi tiền gửi	18.960	22.134
Thu nhập từ phí bảo lãnh	-	1
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam		
Chi phí lãi tiền gửi	72.864	19.618
Thu nhập lãi cho vay	-	100
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội		
Chi phí lãi tiền gửi	79.157	201.912
Thu nhập lãi cho vay	362.366	4.418
Thu nhập từ phí bảo lãnh	305	-
Lương, thưởng và thù lao cho Ban Lãnh đạo		
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị (i)	29.403	22.519
Thù lao của Ban Kiểm soát	9.219	5.060
Lương, thưởng và phúc lợi khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác	45.123	30.553
	83.745	58.132

(i) Khoản thù lao/thu nhập của HĐQT Ngân hàng trong năm chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Chủ tịch HQĐT	7.000	6.000
Phó Chủ tịch thường trực HQĐT	6.300	5.400
2 Phó Chủ tịch HQĐT	9.002	7.161
Ông Fergus Macdonald Clark - Thành viên HQĐT độc lập	1.885	1.404
Ông Matthew Sander Hosford - Thành viên HQĐT độc lập (bổ nhiệm ngày 25/04/2025)	1.050	-
Ông Mathew Nevil Welch - Thành viên HQĐT	1.752	1.200
Bà Trần Thị Thanh Thủy - Thành viên HQĐT (bổ nhiệm ngày 17/04/2024)	2.414	953
Bà Ngô Thị Nhài - Thành viên HQĐT (từ nhiệm ngày 16/04/2024)	-	401
	29.403	**22.519**

Các khoản thù lao/thu nhập nêu trên được trình bày trên cơ sở thực nhận đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định hiện hành.

38.2 Số dư cuối năm tài chính với các bên liên quan

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Công ty Cổ phần Thăng Long GTC		
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	2.957	10.350
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	1.110.500	419.900
Dự chi lãi tiền gửi	8.795	5.376
Tập đoàn BRG - Công ty Cổ phần và các công ty con		
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	106.865	130.614
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	995.901	1.060.830
Dự chi lãi tiền gửi	6.602	7.668
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam		
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	4.395.564	6
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	1.571.400	949.495
Dự chi lãi tiền gửi	36.570	9.353
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội		
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	1.337.444	15.526.074
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	990.000	-
Dự chi lãi tiền gửi	18.856	-
Tiền vay tại Ngân hàng	4.300.000	4.300.000
Dự thu lãi tiền vay	366.784	4.418

39 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

39.1 Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Ngân hàng gặp phải là rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro thanh khoản. Ngoài ra, Ngân hàng cũng chịu rủi ro hoạt động.

Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị:
- chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng.

Ủy ban Quản lý Rủi ro:
- tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng.
- phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

Ban Kiểm soát:
- chịu trách nhiệm giám sát hoạt động quản trị điều hành trong việc tuân thủ các quy định pháp luật và quy định nội bộ của ngân hàng trong việc xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro.

Kiểm toán nội bộ:
- kiểm toán các quy trình hoạt động của Ngân hàng theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ.
- thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng sẵn sàng chấp nhận. Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Ban Tổng Giám đốc sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng.

39.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Ngân hàng. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với Ngân hàng trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Rủi ro tín dụng mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cam kết bảo lãnh.

Mức độ tập trung của rủi ro tín dụng (cho dù là nội hay ngoại bảng) phát sinh từ các công cụ tài chính tồn tại theo từng nhóm đối tác khi các nhóm này có các đặc điểm kinh tế tương tự nhau mà có thể khiến khả năng trả nợ của các nhóm đối tác này sẽ bị ảnh hưởng tương tự như nhau khi có các biến động về điều kiện kinh tế hay những điều kiện khác.

Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo khu vực và theo loại khách hàng liên quan đến các hoạt động đầu tư, cho vay, cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh của Ngân hàng.

39.2.1 Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Để có thể giảm thiểu rủi ro tín dụng tập trung, Ngân hàng có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

39.2.2 Tổng mức tối đa rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác

Mức tối đa rủi ro tín dụng là giá trị ghi sổ trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính, mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác. Đối với các khoản nợ tiềm tàng, mức rủi ro tín dụng tối đa là giá trị lớn nhất mà Ngân hàng và công ty con sẽ phải thanh toán trong trường hợp nghĩa vụ đối với các công cụ tài chính này hình thành. Đối với các cam kết tín dụng, mức rủi ro tín dụng tối đa là toàn bộ giá trị của khoản tín dụng chưa được giải ngân cho khách hàng.

	31/12/2025 Triệu đồng	31/12/2024 Triệu đồng
Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất:		
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	91.446.961	70.243.963
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 6.4)	3.731.450	4.123.920
Cho vay khách hàng (Thuyết minh 7.3)	237.047.100	209.354.643
Chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 8.4)	9.663.550	6.827.761
Các tài sản tài chính khác	4.307.681	4.784.426
	346.196.742	295.334.713
Mức rủi ro tín dụng của các khoản mục ngoại bảng:		
Các hợp đồng bảo lãnh tài chính	16.469.846	8.916.602
Các cam kết trong nghiệp vụ L/C	8.067.073	2.343.582
	24.536.919	11.260.184
	370.733.661	**306.594.897**

39.2.3 Tài sản nhận thế chấp

Chi tiết tài sản nhận thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày tại Thuyết minh 34.1.

39.2.4 Chất lượng tín dụng

Phân tích chất lượng tín dụng theo giá trị ghi sổ của các tài sản có rủi ro tín dụng tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày 31.12.2025					
	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác Triệu đồng	Chứng khoán kinh doanh Triệu đồng	Cho vay khách hàng Triệu đồng	Chứng khoán đầu tư Triệu đồng	Các tài sản tài chính khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	91.446.961	3.731.450	230.528.257	9.613.092	4.278.428	**339.598.188**
Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá	-	-	473.679	-	-	**473.679**
Bị giảm giá	-	-	6.045.164	50.458	29.253	**6.124.875**
	91.446.961	3.731.450	237.047.100	9.663.550	4.307.681	**346.196.742**
Trừ dự phòng rủi ro:						
Dự phòng chung	-	(12.640)	(1.750.156)	(63.129)	-	**(1.825.925)**
Dự phòng cụ thể	-	-	(1.516.534)	(50.458)	-	**(1.566.992)**
Dự phòng rủi ro khác	-	-	-	-	(29.253)	**(29.253)**
	-	(12.640)	(3.266.690)	(113.587)	(29.253)	**(3.422.170)**
Giá trị thuần	**91.446.961**	**3.718.810**	**233.780.410**	**9.549.963**	**4.278.428**	**342.774.572**

Phân tích chất lượng tín dụng theo giá trị ghi sổ của các tài sản có rủi ro tín dụng tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày 31.12.2024					
	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác Triệu đồng	Chứng khoán kinh doanh Triệu đồng	Cho vay khách hàng Triệu đồng	Chứng khoán đầu tư Triệu đồng	Các tài sản tài chính khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	70.243.963	4.123.920	201.933.283	6.477.303	4.755.149	**287.533.618**
Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá	-	-	2.202.819	-	-	**2.202.819**
Bị giảm giá	-	-	5.218.541	350.458	29.277	**5.598.276**
	70.243.963	4.123.920	209.354.643	6.827.761	4.784.426	**295.334.713**
Trừ dự phòng rủi ro:						
Dự phòng chung	-	(2.250)	(1.548.258)	-	-	**(1.550.508)**
Dự phòng cụ thể	-	-	(1.733.175)	(350.458)	-	**(2.083.633)**
Dự phòng rủi ro khác	-	-	-	-	(29.277)	**(29.277)**
	-	(2.250)	(3.281.433)	(350.458)	(29.277)	**(3.663.418)**
Giá trị thuần	**70.243.963**	**4.121.670**	**206.073.210**	**6.477.303**	**4.755.149**	**291.671.295**

39.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường gây ra tổn thất cho Ngân hàng và công ty con. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá cổ phiếu, rủi ro giá hàng hóa.

39.3.1 Rủi ro tiền tệ

Ngân hàng và công ty con chịu rủi ro tiền tệ trong những giao dịch bằng ngoại tệ, chủ yếu bằng Đô la Mỹ. Rủi ro trong các giao dịch bằng ngoại tệ sẽ làm phát sinh lãi hoặc lỗ ngoại tệ và các khoản lãi hay lỗ ngoại tệ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và công ty con sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Các bảng sau trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng và công ty con theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ tại thời điểm cuối năm.

Tại ngày 31.12.2025	VND Triệu đồng	EUR Triệu đồng	USD Triệu đồng	Khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	815.319	32.135	170.967	22.187	**1.040.608**
Tiền gửi tại NHNN	5.408.047	-	19.064.428	-	**24.472.475**
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	82.609.367	50.867	8.432.735	353.992	**91.446.961**
Chứng khoán kinh doanh (*)	11.457.635	-	-	-	**11.457.635**
Cho vay khách hàng (*)	227.595.002	-	9.452.098	-	**237.047.100**
Chứng khoán đầu tư (*)	25.555.885	-	-	-	**25.555.885**
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	59.070	-	-	-	**59.070**
TSCĐ và bất động sản đầu tư	1.566.304	-	-	-	**1.566.304**
Các tài sản Có khác (*)	7.010.110	465	208.688	-	**7.219.263**
Tổng tài sản	**362.076.739**	**83.467**	**37.328.916**	**376.179**	**399.865.301**
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu					
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	20.819.380	-	-	-	**20.819.380**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	85.884.038	-	21.396.968	-	**107.281.006**
Tiền gửi của khách hàng	183.862.963	55.783	7.629.215	259.254	**191.807.215**
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(6.817.284)	18.614	7.025.660	33.408	**260.398**
Giấy tờ có giá	26.050.000	-	3.934.050	-	**29.984.050**
Các khoản nợ khác	5.398.980	125	519.383	-	**5.918.488**
Vốn và các quỹ	40.372.594	-	-	-	**40.372.594**
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**355.570.671**	**74.522**	**40.505.276**	**292.662**	**396.443.131**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**6.506.068**	**8.945**	**(3.176.360)**	**83.517**	**3.422.170**
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	**-**	**-**	**1.369.202**	**(10.110)**	**1.359.092**
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	**6.506.068**	**8.945**	**(1.807.158)**	**73.407**	**4.781.262**

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

Tại ngày 31.12.2024	VND Triệu đồng	EUR Triệu đồng	USD Triệu đồng	Khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản					
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	819.034	25.754	103.804	15.131	**963.723**
Tiền gửi tại NHNN	10.922.509	-	377.159	-	**11.299.668**
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	50.312.570	17.516	19.767.638	146.239	**70.243.963**
Chứng khoán kinh doanh (*)	8.868.966	-	-	-	**8.868.966**
Cho vay khách hàng (*)	203.812.898	-	5.541.745	-	**209.354.643**
Chứng khoán đầu tư (*)	19.982.913	-	-	-	**19.982.913**
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	62.432	-	-	-	**62.432**
TSCĐ và bất động sản đầu tư	1.421.040	-	-	-	**1.421.040**
Các tài sản Có khác (*)	7.089.219	400	75.662	-	**7.165.281**
Tổng tài sản	**303.291.581**	**43.670**	**25.866.008**	**161.370**	**329.362.629**
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu					
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN	2.064.483	-	-	-	**2.064.483**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	64.395.066	-	20.908.585	-	**85.303.651**
Tiền gửi của khách hàng	166.559.433	39.791	1.618.827	102.113	**168.320.164**
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(1.927.762)	-	2.199.608	31.728	**303.574**
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	1.020	-	-	-	**1.020**
Phát hành giấy tờ có giá	30.450.200	-	-	-	**30.450.200**
Các khoản nợ khác	3.858.894	112	393.889	6	**4.252.901**
Vốn và các quỹ	35.002.855	-	-	-	**35.002.855**
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**300.404.189**	**39.903**	**25.120.909**	**133.847**	**325.698.848**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**2.887.392**	**3.767**	**745.099**	**27.523**	**3.663.781**
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	**-**	**-**	**(508.020)**	**-**	**(508.020)**
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	**2.887.392**	**3.767**	**237.079**	**27.523**	**3.155.761**

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

39.3.2 Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Ngân hàng và công ty con chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Các bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng và công ty con được phân loại theo thời hạn định lại lãi suất hoặc theo ngày đáo hạn tại ngày kết thúc năm tài chính. Ngày định lại lãi suất và ngày đáo hạn dự kiến có thể khác với ngày quy định trong hợp đồng, đặc biệt với ngày đáo hạn tiền gửi của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Dưới 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	1.040.608	-	-	-	-	-	-	**1.040.608**
Tiền gửi tại NHNN	-	24.472.475	-	-	-	-	-	-	**24.472.475**
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	75.556.531	15.890.430	-	-	-	-	**91.446.961**
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	11.457.635	-	-	-	-	-	**11.457.635**
Cho vay khách hàng (*)	6.486.672	1.971.176	102.124.293	37.507.256	58.462.417	27.927.945	2.567.341	-	**237.047.100**
Chứng khoán đầu tư (*)	50.458	-	100.440	1.053.536	5.023.563	3.435.553	386.763	15.505.572	**25.555.885**
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	59.070	-	-	-	-	-	-	**59.070**
TSCĐ và bất động sản đầu tư	-	1.566.304	-	-	-	-	-	-	**1.566.304**
Tài sản Có khác (*)	29.253	7.190.010	-	-	-	-	-	-	**7.219.263**
Tổng tài sản	**6.566.383**	**36.299.643**	**189.238.899**	**54.451.222**	**63.485.980**	**31.363.498**	**2.954.104**	**15.505.572**	**399.865.301**
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	1.971.176	9.416.092	9.369.012	46.022	17.078	-	-	**20.819.380**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	79.581.950	18.689.143	7.664.681	1.345.232	-	-	**107.281.006**
Tiền gửi của khách hàng	-	-	33.325.824	39.593.116	61.553.268	49.280.970	8.053.263	774	**191.807.215**
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	79.760	-	-	-	180.638	-	-	**260.398**
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	6.434.050	22.800.000	750.000	-	**29.984.050**
Các khoản nợ khác	-	5.918.488	-	-	-	-	-	-	**5.918.488**
Tổng nợ phải trả	**-**	**7.969.424**	**122.323.866**	**67.651.271**	**75.698.021**	**73.623.918**	**8.803.263**	**774**	**356.070.537**
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng	**6.566.383**	**28.330.219**	**66.915.033**	**(13.200.049)**	**(12.212.041)**	**(42.260.420)**	**(5.849.159)**	**15.504.798**	**43.794.764**

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Dưới 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng	Tổng Triệu đồng
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	963.723	-	-	-	-	-	-	**963.723**
Tiền gửi tại NHNN	-	11.299.668	-	-	-	-	-	-	**11.299.668**
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	60.881.443	7.362.520	-	2.000.000	-	-	**70.243.963**
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	8.868.966	-	-	-	-	-	**8.868.966**
Cho vay khách hàng (*)	5.318.268	1.977.205	71.025.597	56.742.332	50.609.714	18.753.044	4.512.203	416.280	**209.354.643**
Chứng khoán đầu tư (*)	350.458	82.054	2.000.000	525.795	300.199	100.000	2.677.530	13.946.877	**19.982.913**
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	62.432	-	-	-	-	-	-	**62.432**
TSCĐ và bất động sản đầu tư	-	1.421.040	-	-	-	-	-	-	**1.421.040**
Tài sản Có khác (*)	29.277	7.136.004	-	-	-	-	-	-	**7.165.281**
Tổng tài sản	**5.698.003**	**22.942.126**	**142.776.006**	**64.630.647**	**50.909.913**	**20.853.044**	**7.189.733**	**14.363.157**	**329.362.629**
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	1.977.205	-	2.113	68.086	17.079	-	-	**2.064.483**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	58.737.674	16.311.838	4.243.725	6.010.414	-	-	**85.303.651**
Tiền gửi của khách hàng	-	-	31.875.147	40.965.795	46.917.333	41.215.828	7.345.514	547	**168.320.164**
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	128.378	314	1.688	-	-	173.194	-	**303.574**
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	1.020	-	-	-	-	-	-	**1.020**
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	500.000	-	94.200	25.906.000	3.950.000	-	**30.450.200**
Các khoản nợ khác	-	4.252.901	-	-	-	-	-	-	**4.252.901**
Tổng nợ phải trả	**-**	**6.359.504**	**91.113.135**	**57.281.434**	**51.323.344**	**73.149.321**	**11.468.708**	**547**	**290.695.993**
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng	**5.698.003**	**16.582.622**	**51.662.871**	**7.349.213**	**(413.431)**	**(52.296.277)**	**(4.278.975)**	**14.362.610**	**38.666.636**

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

39.3.3 Rủi ro giá

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

39.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Ngân hàng và công ty con không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Ngân hàng và công ty con có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích của việc quản lý rủi ro thanh khoản là nhằm đảm bảo sự sẵn có của các nguồn quỹ để đáp ứng những nghĩa vụ tài chính.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và công ty con. Đồng thời, Ngân hàng và công ty con có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản thanh toán, các khoản tiền gửi tại NHNN, trái phiếu do Chính phủ phát hành hoặc được Chính phủ bảo lãnh thanh toán, các khoản tiền gửi và cho vay qua đêm các TCTD khác. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng và công ty con.

Các bảng dưới đây phân tích các tài sản tài chính và khoản nợ tài chính vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày năm đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quá hạn		Trong hạn					
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Đến 1tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	1.040.608	-	-	-	-	**1.040.608**
Tiền gửi tại NHNN	-	-	24.472.475	-	-	-	-	**24.472.475**
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	75.556.531	15.890.430	-	-	-	**91.446.961**
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	11.457.635	-	-	-	-	**11.457.635**
Cho vay khách hàng (*)	4.874.070	1.612.602	12.292.894	20.209.669	96.027.888	71.070.114	30.959.863	**237.047.100**
Chứng khoán đầu tư (*)	50.458	-	-	-	2.057.990	7.941.865	15.505.572	**25.555.885**
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	59.070	**59.070**
TSCĐ và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	1.566.304	**1.566.304**
Tài sản Có khác (*)	29.253	-	1.211.387	906.486	3.186.371	1.490.923	394.843	**7.219.263**
Tổng tài sản	**4.953.781**	**1.612.602**	**126.031.530**	**37.006.585**	**101.272.249**	**80.502.902**	**48.485.652**	**399.865.301**
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	9.416.092	9.369.012	2.034.276	-	-	**20.819.380**
Tiền gửi của và vay các TCTD khác	-	-	71.170.577	18.558.008	4.157.918	13.394.503	-	**107.281.006**
Tiền gửi của khách hàng	-	-	33.325.824	39.593.116	110.834.238	8.053.263	774	**191.807.215**
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(92.066)	(76.813)	429.277	-	-	**260.398**
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	25.300.000	4.684.050	-	**29.984.050**
Các khoản nợ khác	-	-	900.896	1.752.084	2.816.147	449.361	-	**5.918.488**
Tổng nợ phải trả	**-**	**-**	**114.721.323**	**69.195.407**	**145.571.856**	**26.581.177**	**774**	**356.070.537**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**4.953.781**	**1.612.602**	**11.310.207**	**(32.188.822)**	**(44.299.607)**	**53.921.725**	**48.484.878**	**43.794.764**

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Quá hạn		Trong hạn					
	Trên 3 tháng Triệu đồng	Đến 3 tháng Triệu đồng	Đến 1tháng Triệu đồng	Từ 1 - 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 1 - 5 năm Triệu đồng	Trên 5 năm Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	963.723	-	-	-	-	**963.723**
Tiền gửi tại NHNN	-	-	11.299.668	-	-	-	-	**11.299.668**
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	60.881.443	7.362.520	2.000.000	-	-	**70.243.963**
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	8.868.966	-	-	-	-	**8.868.966**
Cho vay khách hàng (*)	3.959.356	1.358.912	16.787.780	28.805.558	108.365.334	28.874.119	21.203.584	**209.354.643**
Chứng khoán đầu tư (*)	350.458	-	2.082.054	275.795	650.199	2.677.530	13.946.877	**19.982.913**
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	62.432	**62.432**
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	1.904	1.419.136	**1.421.040**
Tài sản Có khác (*)	29.277	-	673.416	603.815	3.423.009	1.675.001	760.763	**7.165.281**
Tổng tài sản	**4.339.091**	**1.358.912**	**101.557.050**	**37.047.688**	**114.438.542**	**33.228.554**	**37.392.792**	**329.362.629**
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	2.113	2.062.370	-	-	**2.064.483**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	48.323.263	16.184.833	7.587.034	11.303.445	1.905.076	**85.303.651**
Tiền gửi của khách hàng	-	-	31.875.147	40.965.795	88.133.161	7.345.514	547	**168.320.164**
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(28.368)	(149.257)	308.005	173.194	-	**303.574**
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-		-	-	-	1.020	-	**1.020**
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	500.000	-	26.000.200	3.950.000	-	**30.450.200**
Các khoản nợ khác	-	-	584.668	667.830	2.718.860	265.406	16.137	**4.252.901**
Tổng nợ phải trả	-	-	**81.254.710**	**57.671.314**	**126.809.630**	**23.038.579**	**1.921.760**	**290.695.993**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**4.339.091**	**1.358.912**	**20.302.340**	**(20.623.626)**	**(12.371.088)**	**10.189.975**	**35.471.032**	**38.666.636**

(*) Mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

40 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

40.1 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và công ty con được thực hiện chính trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Ngân hàng và công ty con không bị tác động bởi những khác biệt do Ngân hàng và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng nhận định rằng Ngân hàng và công ty con chỉ có một bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý là Việt Nam. Vì vậy, Ngân hàng và công ty con không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

40.2 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực sau:

- Hoạt động ngân hàng: các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm nhận tiền gửi; cấp tín dụng; cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản và các hoạt động ngân hàng khác.
- Hoạt động công ty tài chính: cho vay tiêu dùng và các hoạt động tài chính khác.
- Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày trong bảng sau:

	Hoạt động ngân hàng Triệu đồng	Hoạt động công ty tài chính Triệu đồng	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản Triệu đồng	Loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Doanh thu	**29.320.440**	**26.453**	**145.449**	**32.304**	**29.524.646**
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24.532.799	25.138	42.822	(30.866)	24.569.893
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	967.700	145	96.410	(4.147)	1.060.108
Thu nhập từ các hoạt động khác	3.819.941	1.170	6.217	67.317	3.894.645
Chi phí	**(19.993.133)**	**(24.617)**	**(81.738)**	**29.079**	**(20.070.409)**
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(14.881.877)	(13.050)	(1.998)	30.866	(14.866.059)
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(261.100)	(18)	(73.706)	-	(334.824)
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(209.778)	(33)	(262)	-	(210.073)
Chi phí hoạt động	(4.640.378)	(11.516)	(5.772)	(1.787)	(4.659.453)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	**9.327.307**	**1.836**	**63.711**	**61.383**	**9.454.237**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.585.122)	(726)	-	-	(2.585.848)
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	**6.742.185**	**1.110**	**63.711**	**61.383**	**6.868.389**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Tài sản	**397.074.456**	**-**	**1.296.884**	**(1.928.209)**	**396.443.131**
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1.040.577	-	31	-	1.040.608
Tiền gửi tại NHNN	24.472.475	-	-	-	24.472.475
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	91.446.961	-	808.350	(808.350)	91.446.961
Cho vay khách hàng	233.780.410	-	-	-	233.780.410
Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	36.887.293	-	-	-	36.887.293
Góp vốn, đầu tư dài hạn	1.059.070	-	-	(1.000.000)	59.070
Tài sản cố định	1.489.344	-	-	-	1.489.344
Tài sản khác	6.898.326	-	488.503	(119.859)	7.266.970
Nợ phải trả	**356.861.602**	**-**	**137.143**	**(928.208)**	**356.070.537**
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	20.819.380	-	-	-	20.819.380
Tiền gửi và vay các TCTD khác	107.281.006	-	-	-	107.281.006
Tiền gửi của khách hàng	192.615.565	-	-	(808.350)	191.807.215
Phát hành giấy tờ có giá	29.984.050	-	-	-	29.984.050
Các khoản nợ khác	6.161.601	-	137.143	(119.858)	6.178.886

	Hoạt động ngân hàng Triệu đồng	Hoạt động công ty tài chính Triệu đồng	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản Triệu đồng	Loại trừ các giao dịch nội bộ khi hợp nhất Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Doanh thu	**22.606.727**	**1.249.423**	**60.282**	**(154.545)**	**23.761.887**
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	19.629.730	1.213.507	23.865	(150.497)	20.716.605
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.297.718	21.542	34.071	(4.048)	1.349.283
Thu nhập từ các hoạt động khác	1.679.279	14.374	2.346	-	1.695.999
Chi phí	**(15.182.300)**	**(358.346)**	**(25.799)**	**83.339**	**(15.483.106)**
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(10.771.932)	(128.569)	(191)	150.497	(10.750.195)
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(221.072)	(1.326)	(15.190)	-	(237.588)
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(361.709)	(1.190)	(2.206)	-	(365.105)
Chi phí hoạt động	(3.827.587)	(227.261)	(8.212)	(67.158)	(4.130.218)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	**7.424.427**	**891.077**	**34.483**	**(71.206)**	**8.278.781**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(1.514.956)	(724.426)	-	-	(2.239.382)
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	**5.909.471**	**166.651**	**34.483**	**(71.206)**	**6.039.399**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tài sản	**326.737.746**	**4.607.900**	**1.169.428**	**(6.816.226)**	**325.698.848**
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	963.692	-	31	-	963.723
Tiền gửi tại NHNN	11.299.610	58	-	-	11.299.668
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	73.373.963	604.217	526.104	(4.260.321)	70.243.963
Cho vay khách hàng	202.251.998	3.821.212	-	-	206.073.210
Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	28.340.556	82.054	76.561	-	28.499.171
Góp vốn, đầu tư dài hạn	2.818.707	3.362	-	(2.760.000)	62.069
Tài sản cố định	1.364.327	2.703	-	-	1.367.030
Tài sản khác	6.324.893	94.294	566.732	204.095	7.190.014
Nợ phải trả	**291.781.448**	**3.177.189**	**60.604**	**(4.323.248)**	**290.695.993**
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	2.064.483	-	-	-	2.064.483
Tiền gửi và vay các TCTD khác	85.907.868	3.130.000	-	(3.734.217)	85.303.651
Tiền gửi của khách hàng	168.846.121	147	-	(526.104)	168.320.164
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	-	1.020	-	-	1.020
Phát hành giấy tờ có giá	30.450.200	-	-	-	30.450.200
Các khoản nợ khác	4.512.776	46.022	60.604	(62.927)	4.556.475

41 CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 84/2026/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 1 năm 2026, Ngân hàng đã thông qua việc triển khai phương án phát hành 20.000.000 cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng năm 2025 (ESOP) với giá phát hành 10.000 Đồng/cổ phiếu và tổng giá trị phát hành tối đa 200 tỷ Đồng. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này được phê chuẩn, Ngân hàng đang trong quá trình làm các thủ tục liên quan đến việc phát hành cổ phiếu này.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng phê chuẩn ngày 6 tháng 3 năm 2026.

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Nghiêm Thị Thu Nga	**Nguyễn Thị Hoài Phương**	**Lê Quốc Long**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH MIỀN BẮC

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
1	**SeABank Sở Giao Dịch**	**Một phần tầng 1 tòa nhà tại số 198 Trần Quang Khải, P. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**	**024 39448688**
2	**SeABank Hà Nội**	**Tầng 1 và một phần Tầng 2 Tòa nhà số 25 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, TP. Hà Nội**	**024 39436555**
3	SeABank Hồ Gươm	Tầng 1, số 54 Tràng Tiền, P. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 39448688
4	SeABank Bát Đàn	Số 51 Bát Đàn, P. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 39233974
5	SeABank Trần Phú	Số 5 Trần Phú, P. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 37475934
6	SeABank Nguyễn Hữu Huân	Số 104 Nguyễn Hữu Huân, P. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 62701188
7	SeABank Lê Thái Tổ	Tầng 1, số 120 Hàng Trống, P. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	024 39448688
8	**SeABank Đại An**	**Tầng 1, tòa nhà PVI Tower, phố Phạm Văn Bạch, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội**	**024 32336568**
9	SeABank Hồ Tùng Mậu	Số 102 Hồ Tùng Mậu, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội	024 37921361
10	SeABank Hàm Nghi	B1-08, khu chức năng đô thị TP. Xanh, P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	024 62692526
11	SeABank Mỹ Đình	Ki ốt B5-3, tầng 1, tòa nhà B5 Khu đô thị Mỹ Đình 1, P. Từ Liêm, TP. Hà Nội	024 62872800
12	SeABank Đông Anh	Thôn Ngọc Chi, xã Vĩnh Thanh, TP. Hà Nội	024 35334109
13	SeABank Trung Hòa	Số 66 Trung Hòa, P. Yên Hòa, TP. Hà Nội	024 35640161
14	SeABank Trần Duy Hưng	Số 170 Trần Duy Hưng, P. Yên Hoà, TP. Hà Nội	024 62561188
15	SeABank Đào Tấn	Số 62 Đào Tấn, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội	024 37345848
16	**SeABank Đống Đa**	**Số 324 Tây Sơn, P. Đống Đa, TP. Hà Nội**	**024 62823333**
17	SeABank Nguyễn Ngọc Nại	Số 89 Nguyễn Ngọc Nại, P. Phương Liệt, TP. Hà Nội	024 62851399
18	SeABank Nguyễn An Ninh	Số 116 Nguyễn An Ninh, P. Tương Mai, TP. Hà Nội	024 36628315
19	SeABank Vĩnh Hoàng	Tầng 1, tòa nhà Tiến Phú, lô 08-3 A, KCN Quận Hoàng Mai, P. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	024 36230689
20	SeABank Kim Liên	Số 436 phố Xã Đàn, P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP. Hà Nội	024 62823333
21	SeABank Khâm Thiên	Số 142 Lê Duẩn, P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, TP. Hà Nội	024 35187381
22	SeABank Tây Hà Nội	Ô số 32 - Lô V5A, Khu nhà ở Văn Phú, Khu đô thị mới Văn Phú, P. Kiến Hưng, TP. Hà Nội	024 35334109
23	SeABank Lê Trọng Tấn	Số 92 phố Lê Trọng Tấn, P. Phương Liệt, TP. Hà Nội	024 36230689
24	SeABank Đông Đô	Lô A1-4 Hạ Yên Quyết, P. Yên Hoà, TP. Hà Nội	024 62823333
25	SeABank Hàn Thuyên	Số 21 Hàn Thuyên, P. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	024 39727824
26	SeABank Bà Triệu	Số 57 Bà Triệu, P. Cửa Nam, TP. Hà Nội	024 39440250
27	**SeABank Cầu Giấy**	**Tầng 1 và 2 Tòa nhà Oriental West lake, số 174 Lạc Long Quân, P. Tây Hồ, TP. Hà Nội**	**024 37914507**
28	SeABank Tràng An	Kiot TMDV 104, DA cải tạo, xây dựng lại nhà B6 Giảng Võ, phố Nam Cao, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội	024 62831075
29	SeABank Lạc Long Quân	Số 15 Lạc Long Quân, P. Tây Hồ, TP. Hà Nội	024 37591041
30	SeABank Thăng Long	TM-4 Tầng 1 Tòa N03-T1, Khu ĐNG, Đ. Xuân Tảo, tổ dân phố 12, P. Xuân Đỉnh, TP. Hà Nội	024 32474332
31	SeABank Tây Hồ	Tầng 2, Tầng 3 Số 141 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, TP. Hà Nội	024 39448675
32	SeABank Xuân La	Nhà D10-107XL, số 107 Xuân La, P. Xuân Đỉnh, TP. Hà Nội	024 62581166
33	SeABank Yên Phụ	Số 151 Yên Phụ, P. Tây Hồ, TP. Hà Nội	024 37153366
34	SeABank Sóc Sơn	Số 39, tổ 05, xã Sóc Sơn, TP. Hà Nội	024 36230689
35	SeABank Quán Thánh	Căn hộ số 5/188 khu TTQĐ, 188 Quán Thánh, P. Ba Đình, TP. Hà Nội	024 39274108
36	**SeABank Thủ Đô**	**N01 & N02, khu nhà vườn DA ĐTXD TTTM văn phòng, nhà ở, 8B Lê Trực, P. Ba Đình, TP. Hà Nội**	**024 36230689**
37	**SeABank Láng Hạ**	**L1-02 Tầng 1, L2-03 Tầng 2 Khối Văn phòng 1, 16 Láng Hạ, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội**	**024 37764233**
38	SeABank Láng Thượng	Số 74 phố Chùa Láng, P. Láng, TP. Hà Nội	024 37759537
39	SeABank Thành Công	Gian hàng số L1-04 Tầng 1 Khối TTTM, 25 đường Lê Văn Lương, P. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	024 62691188
40	SeABank Thái Thịnh	Số 139 Yên Lãng, P. Đống Đa, TP. Hà Nội	024 35627465
41	SeABank Hào Nam	Số 96 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội	024 37345848
42	SeABank Đội Cấn	Số 225 Đội Cấn, P. Ngọc Hà, TP. Hà Nội,	024 37236171
43	SeABank Tôn Đức Thắng	Số 254 Tôn Đức Thắng, P. Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội	024 62823333
44	SeABank Bạch Mai	Số 350 Bạch Mai, P. Bạch Mai, TP. Hà Nội	024 36274925
45	**SeABank Hà Đông**	**Số 150 Trần Phú, P. Hà Đông, TP. Hà Nội**	**024 35189898**
46	SeABank Kim Văn	Tầng 1, TTTM1B, tòa nhà CT12B, khu ĐTM Kim Văn - Kim Lũ, P. Định Công, TP. Hà Nội	024 35189898
47	SeABank Văn Quán	Số 108 Nguyễn Khuyến, P. Hà Đông, TP. Hà Nội	024 35189898
48	SeABank Ngọc Hồi	Số 267 Ngọc Hồi, xã Thanh Trì, TP. Hà Nội	024 35189898
49	**SeABank Long Biên**	**Tầng 1- 2 - 3 Tòa nhà số 339 Nguyễn Văn Cừ, P. Bồ Đề, TP. Hà Nội**	**024 38729532**
50	SeABank Ngô Gia Tự	Số 487 Ngô Gia Tự, P. Việt Hưng, TP. Hà Nội	024 38736432
51	SeABank Ngọc Lâm	Số 278 Ngọc Lâm, P. Bồ Đề, TP. Hà Nội.	024 38736430
52	SeABank Sài Đồng	Tầng 1, tòa nhà Sunrise 3A, khu đô thị mới Sài Đồng, P. Phúc Lợi, TP. Hà Nội	024 38729534
53	SeABank Gia Lâm	Tầng 1, Số 73 Ngô Xuân Quảng, xã Gia Lâm, TP. Hà Nội	024 38729535
54	**SeABank Hải Phòng**	**1Số 15 Minh Khai, P. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng**	**0225 3747878**
55	SeABank Trần Nguyên Hãn	Số 227C Trần Nguyên Hãn, P. An Biên, TP. Hải Phòng	0225 3782500
56	SeABank Tam Bạc	Số 140 - 141 Quang Trung, P. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	0225 3831407
57	SeABank An Dương	Căn LK1-29 khu Hoàng Huy, P. An Hải, TP. Hải Phòng	0225 3711166
58	SeABank Tô Hiệu	Số 227 đường Tô Hiệu, P. Lê Chân, TP. Hải Phòng,	0225 3610406
59	SeABank Hàng Kênh	Số 181 Hàng Kênh, P. Lê Chân, TP. Hải Phòng	0225 3612966
60	SeABank Đông Hải Phòng	S2-23 & S2-24 khu Shop Hàng Hiệu, Lô C1, KĐT du lịch Đồ Sơn, P. Đồ Sơn, TP. Hải Phòng	0225 3921193
61	**SeABank Hải An**	**Thửa số 17, Khu B1- Lô 7B đường Lê Hồng Phong, P. Gia Viên, TP. Hải Phòng**	**0225 3260088**
62	SeABank Lê Lợi	Số 54 Lê Lợi, P. Gia Viên, TP. Hải Phòng	0225 3655919
63	SeABank Hải Đăng	Số 162 Đà Nẵng, P. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng	0225 3650637
64	SeABank Hồ Sen	Tầng 1, tầng 2 và Tầng 3 Số 137 Hồ Sen, P. Lê Chân, TP. Hải Phòng	0225 3641049
65	SeABank Lạch Tray 2	Số 286 Lạch Tray, P. Lê Chân, TP. Hải Phòng	0225 3735710
66	SeABank Thủy Nguyên	Số 129 Phố Mới, TDP2, đường 359 P. Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng	0225 3654298
67	**SeABank Hải Dương**	**Số 122B-122C-124A, phố Thống Nhất, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng**	**0220 3849999**
68	SeABank Nguyễn Lương Bằng	Số 50 - 52 Nguyễn Lương Bằng, P. Thành Đông, TP. Hải Phòng	0220 3893966
69	SeABank Hải Tân	Số 677 Lê Thanh Nghị, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	0220 3864899
70	SeABank Sao Đỏ	Số 236 Nguyễn Trãi, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng	0220 3594444
71	SeABank Kim Thành	Số nhà 20, đường 20/9, xã Phú Thái, TP. Hải Phòng	0220 3561788
72	SeABank Gia Lộc	Số 286 Nguyễn Chế Nghĩa, xã Gia Lộc, TP. Hải Phòng	0220 3717456
73	SeABank Thành Đông	Số 123 Chi Lăng, P. Thành Đông, TP. Hải Phòng	0220 3848989
74	**SeABank Quảng Ninh**	**Tầng 1, 2, 3 Lô 7, Lô LK1, KDC, chung cư CC Việt Hàn, P. Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh**	**0203 3525388**
75	SeABank Cẩm Phả	Số 662 Trần Phú, P. Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh	0203 3525388
76	SeABank Hạ Long	Số 547, đường Nguyễn Văn Cừ, P. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	0203 3556676
77	**SeABank Bắc Ninh**	**Lô CC04, đường Lý Thái Tổ, P. Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh**	**0222 3896272**
78	SeABank Tiền An	Số 173, đường Nguyễn Gia Thiều, P. Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh	0222 3896193
79	SeABank Từ Sơn	Tầng 1, Trung tâm thương mại Nam Hồng, P. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	0222 3896193
80	SeABank Lim	Số 102, đường Lý Thường Kiệt, xã Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	0222 3896193
81	**SeABank Bắc Giang**	**Số 270 đường Hoàng Văn Thụ, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh**	**0204 3555333**
82	**SeABank Vĩnh Phúc**	**Số 04, Đường Mê Linh, P. Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ**	**0211 3696666**
83	SeABank Vĩnh Yên	Ô số 6, tòa nhà số 118 đường Ngô Quyền, P. Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ	0211 3696666
84	SeABank Phúc Yên	Số 22, đường Trần Hưng Đạo, P. Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ	0211 3696666
85	**SeABank Thái Nguyên**	**Số 179, đường Hoàng Văn Thụ, P. Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên**	**0208 3659268**
86	SeABank Phổ Yên	Số 87, đường Trường Chinh, P. Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	0208 3663868
87	SeABank Lương Ngọc Quyến	Tầng 1, số 684 Lương Ngọc Quyến, P. Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên	0208 3659268
88	**SeABank Thái Bình**	**Số 79A đường Lê Lợi, P. Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên**	**0227 33834688**
89	**SeABank Hà Nam**	**Số 181, đường Biên Hòa, P. Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình**	**0226 3522288**
90	**SeABank Nam Định**	**Số 7+9 đường Nguyễn Du, P. Nam Định, tỉnh Ninh Bình**	**0228 3928666**

MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH MIỀN TRUNG

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
91	**SeABank Thanh Hóa**	**Lô số 03+04, số 19 đường Phan Chu Trinh, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa**	**0237 3857575**
92	SeABank Lam Sơn	Lô 02, số 47 đường Lê Hữu Lập, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	0237 3888628
93	SeABank Trường Thi	Số nhà 454+456 Đường Bà Triệu, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	0237 3857575
94	SeABank Đông Sơn	Số 196 Lê Lai, P. Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	0237 3857575
95	**SeABank Nghệ An**	**Tầng 1,2,3 căn hộ CH-B khu A, chung cư Quang Trung, P. Thành Vinh, tỉnh Nghệ An**	**0238 3542668**
96	SeABank Lê Nin	Số 32, Đại lộ V.I.Lê Nin, P. Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	0238 3576.686
97	SeABank Nguyễn Sỹ Sách	Tầng 1, số 02 đường Nguyễn Sỹ Sách, P. Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	0238 3544333
98	SeABank Nguyễn Văn Cừ	Số 288, đường Nguyễn Văn Cừ, P. Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	0238 3542668
99	SeABank Hưng Bình	Liền kề số 11, Khu nhà ở Trường Thịnh Phát III, P. Thành Vinh, tỉnh Nghệ An	0238 3699456
100	**SeABank Hà Tĩnh**	**Số 144B Trần Phú, P. Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh**	**0239 3767272**
101	SeABank Thành Sen	Liền kề số 06, đường Hàm Nghi, P. Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	0239 3767575
102	SeABank Nguyễn Chí Thanh	Số 33, đường Nguyễn Chí Thanh, P. Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	0239 3767575
103	**SeABank Huế**	**Số 8-10 Nguyễn Huệ, P. Thuận Hóa, TP. Huế**	**0234 3948688**
104	SeABank Tố Hữu	Tầng 1, Shophouse 01 - Tháp The Manor Crown, đường Tố Hữu, P. Vỹ Dạ, TP. Huế	0234 3948688
105	**SeABank Đà Nẵng**	**Số 373 Nguyễn Văn Linh, P. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng**	**0236 3584360**
106	SeABank Điện Biên Phủ	Số 505-507 Điện Biên Phủ, P. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	0236 3727333
107	SeABank Hoàng Diệu	Số 22-22A Hoàng Diệu, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0236 3651397
108	SeABank Lý Thường Kiệt	Tầng 1 Khu VP V.Startup - Tòa Nhà F.Home Đà Nẵng 16 Lý Thường Kiệt, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0236 3830444
109	SeABank Núi Thành	Tầng 1, số 104-106-108 Núi Thành, P. Hòa Cường, TP. Đà Nẵng	0236 3632632
110	SeABank Tuyên Sơn	Tầng 1, Số 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường, TP. Đà Nẵng	0236 3782777
111	SeABank Hòa Xuân	Số 107-109 Nguyễn Phước Lan, P. Hoà Xuân, TP. Đà Nẵng	0236 3896555
112	**SeABank Lê Duẩn**	**Số 437 Lê Duẩn, P. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng**	**0236 3896555**
113	**SeABank Quảng Nam**	**Số 506 đường Hai Bà Trưng, P. Hội An Tây, TP. Đà Nẵng**	**0235 3737888**
114	**SeABank Quảng Ngãi**	**Số 111 Phan Chu Trinh, P. Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi**	**0255 3737999**
115	SeABank Quang Trung	Số 1116 Quang Trung, P. Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	0255 3737 999
116	SeABank Trương Quang Trọng	Số 408 Nguyễn Văn Linh, P. Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	0255 3737999
117	SeABank Đức Phổ	Số 428 Nguyễn Nghiêm, P. Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	0255 3737 999
118	**SeABank Bình Định**	**Số 04-06-08 đường Ỷ Lan, P. Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai**	**0255 3811455**
119	SeABank Tuy Phước	Số 19 Bùi Thị Xuân, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai	0255 3811455
120	**SeABank Đắk Lắk**	**Số 35-37 Phan Chu Trinh, P. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**	**0262 3898888**
121	SeABank Khánh Xuân	Số 373 Võ Văn Kiệt, P. Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk	0262 3898888
122	SeABank Quảng Phú	Số 121 Hùng Vương, xã Quảng Phú, tỉnh Đắk Lắk	0262 3928686
123	SeABank Krông Năng	Số 152 Nguyễn Tất Thành, xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	0262 3898888
124	**SeABank Nha Trang**	**Số 82 Lý Thánh Tôn, P. Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa**	**0258 3819003**
125	SeABank Cam Ranh	Số 2142 - 2144 đường Hùng Vương, P. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	0258 3955800
126	SeABank Lê Hồng Phong	Số 900 Lê Hồng Phong, P. Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0258 3880488
127	SeABank Vĩnh Hải	Số 411 đường 2/4, P. Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0258 3835588
128	SeABank Mỹ Ca	Số 367 đường Hùng Vương, P. Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	0258 3973977
129	SeABank Diên Khánh	Quốc lộ 1A, thôn Phú Khánh Trung, xã Diên Lạc, tỉnh Khánh Hòa	0258 3852852

MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH MIỀN NAM

STT	Điểm giao dịch	Địa chỉ	Điện thoại
130	**SeABank Hồ Chí Minh**	**Tầng trệt, tầng lửng & tầng 2 Cao ốc VP, 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh**	**028 38240700**
131	SeABank Đông Sài Gòn	Tầng 1 và tầng 2, số 38 đường Dương Đình Hội, P. Phước Long, TP. Hồ Chí Minh	028 38240700 (ext 5040)
132	SeABank Quận 1	Tầng Trệt KTM Cao ốc HORIZON - 214 Trần Quang Khải, P. Tân Định, TP. Hồ Chí Minh	028 38240700 (ext 5061)
133	SeABank Tân Sơn Nhất	Tầng trệt và Tầng 1, số 169 Bạch Đằng 2, P. Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh	028 38240700 (ext 5081)
134	SeABank Tân Cảng	Một phần Tầng trệt Tòa nhà số 667 - 667/1 Điện Biên Phủ, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh	028 38240700 (ext 5100)
135	SeABank Khánh Hội	Số 143A Khánh Hội, P. Vĩnh Hội, TP. Hồ Chí Minh	028 38240700 (ext 5180)
136	SeABank Lê Quang Định	Tầng 1 và tầng 2 Tòa nhà 490 C, đường Lê Quang Định, P. Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh	028 38240700 (ext 5240)
137	SeABank Bến Thành	Một phần Tầng 1 nhà số 77-79 đường Phó Đức Chính, P. Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh	028 38240700 (ext 5341)
138	**SeABank Sài Gòn**	**Số 23-25-27-29-31-33-35 đường Hàm Nghi, P. Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh**	**028 39333232**
139	SeABank Hùng Vương	Số 108 Lý Thường Kiệt, P. Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh	028 62611748
140	SeABank Quận 11	Tầng Trệt, số 285 Lê Đại Hành, P. Phú Thọ, TP. Hồ Chí Minh	028 62934373/63
141	SeABank Trần Hưng Đạo	Số 859 đường Trần Hưng Đạo, P. Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh	028 39246920
142	SeABank Quận 10	Số 320-322 Đường 3/2, P. Hòa Hưng, TP. Hồ Chí Minh	028 38626955
143	SeABank Phú Hưng	Tầng trệt & tầng lửng Petroland Tower, 12 đường Tân Trào, P. Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh	028 54135256
144	SeABank An Phú	Tầng Trệt, Tòa nhà số 74 Lương Định Của, P. An Khánh, TP. Hồ Chí Minh	028 39118243
145	SeABank Lê Văn Sỹ	Số 344 Lê Văn Sỹ, P. Nhiêu Lộc, TP. Hồ Chí Minh	028 62909173
146	**SeABank Tân Bình**	**Một phần căn nhà Số 197 - 199 Lý Thường Kiệt, P. Tân Hòa, TP. Hồ Chí Minh**	**028 38637439**
147	SeABank Âu Cơ	Tầng trệt, tầng lửng Số 882 Âu Cơ, P. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	028 62574844
148	SeABank Cộng Hòa	Số 298 Cộng Hòa, P. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	028 62922054
149	SeABank Hòa Bình	Một phần căn nhà số 699 Lê Trọng Tấn, P. Bình Hưng Hòa, TP. Hồ Chí Minh	028 37654887
150	**SeABank Phú Mỹ Hưng**	**Tầng trệt PV Gas Tower, số 673 Đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh**	**028 37840300**
151	SeABank Quận 7	Số 457 Đường Nguyễn Thị Thập, P. Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh	028 62870621
152	SeABank Phạm Hùng	Số 78 Đường số 3, Khu nhà ở Rạch Bà Tánh, xã Bình Hưng, TP. Hồ Chí Minh	028 62664152/53
153	**SeABank Tân Phú**	**Số 194A-194C, đường Hòa Bình, P. Phú Thạnh, TP. Hồ Chí Minh**	**028 39611900**
154	SeABank Phú Lâm	Một phần Tầng trệt, số 120-122-124, đường số 23, KDC Bình Phú, P. Bình Phú, TP. Hồ Chí Minh	028 36670827
155	SeABank Tân Phát	Số 295-297 Minh Phụng, P. Minh Phụng, TP. Hồ Chí Minh	028 39695207
156	SeABank Bình Tân	Số 297, Vành Đai Trong, P. An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	028 39611900
157	**SeABank Gia Định**	**Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2 số 462 Phan Xích Long, P. Cầu Kiệu, TP. Hồ Chí Minh**	**028 38488087**
158	SeABank Gò Vấp	Số L13.11-Khu dân cư CityLand Park Hills, P. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	028 62957558
159	**SeABank Thủ Đức**	**Số 790 Phạm Văn Đồng, P. Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh**	**028 36220676**
160	**SeABank Bình Chánh**	**Số 143A Nguyễn Hữu Trí, xã Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh**	**028 36221617**
161	**SeABank Vũng Tàu**	**Số 270 Lê Lợi, P. Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh**	**0254 3626 888**
162	SeABank Bà Rịa	Số 54 Nguyễn Tất Thành, P. Bà Rịa, TP. Hồ Chí Minh	0254 3717530
163	SeABank Sao Mai	Số 171 Lê Hồng Phong, P. Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh	0254 3577408
164	SeABank Trưng Nhị	Tầng trệt, Tầng 1 số 254 Lê Hồng Phong, P. Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh	0254 3513263
165	**SeABank Bình Dương**	**Số 281 Đại Lộ Bình Dương, P. Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh**	**0274 3716054**
166	SeABank Thủ Dầu Một	Số 254 Đại Lộ Bình Dương, P. Phú Lợi, TP. Hồ Chí Minh	0274 6250874
167	SeABank Dĩ An	Số 446 đường Nguyễn An Ninh, Khu phố Đông Tân, P. Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh	0274 3796896
168	SeABank Bến Cát	Số C2-03, C2-04 đường TC3, Khu ĐT Mỹ Phước 2, P. Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	0274 3585668
169	**SeABank Đồng Nai**	**Số 823-825, đường Phạm Văn Thuận, P. Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai**	**0251 6290900**
170	SeABank Hố Nai	Số 726, Quốc lộ 1A, P. Long Bình, tỉnh Đồng Nai	0251 3684059
171	**SeABank Bình Phước**	**TTTM ITC Đồng Xoài, số 1029 đường Phú Riềng Đỏ, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai**	**0271 3666899**
172	**SeABank Tiền Giang**	**59-60-61, đường Đinh Bộ Lĩnh, P. Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp**	**0273 3989888**
173	SeABank Gò Công	Số 176, đường Trương Định, P. Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp	0273 3718728
174	**SeABank Long An**	**Số 29 đường Trà Quý Bình, P. Long An, tỉnh Tây Ninh**	**0272 3939666**
175	**SeABank Cần Thơ**	**Số 26-28, Nguyễn An Ninh, P. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ**	**0292 6252666**
176	SeABank Xuân Khánh	Số 301 đường 30/4, P. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0292 3754686
177	**SeABank An Giang**	**Số 1270-1272 Trần Hưng Đạo, P. Long Xuyên, tỉnh An Giang**	**0296 6250405**
178	SeABank Châu Đốc	Số 86 Đống Đa, P. Châu Đốc, tỉnh An Giang	0292 3868877
179	**SeABank Kiên Giang**	**Số 204, đường Nguyễn Trung Trực, P. Rạch Giá, tỉnh An Giang**	**0297 3786333**
180	**SeABank Cà Mau**	**Số 125-127, đường Nguyễn Tất Thành, P. Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau**	**0290 3662266**
181	SeABank Cái Nước	Quốc lộ 1A, khóm 2, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau	0290 3882277

ALGERIA
Banque Al-Baraka d'Algerie*

AUSTRALIA
Australia and New Zealand Banking Group Limited (ANZ Bank)*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Sydney Branch

AUSTRIA
Erste Group Bank AG*
Erste Bank der oesterreichischen Sparkassen AG*
Societe Generale, Vienna Branch

BAHRAIN
KEB Hana Bank Co., Ltd., Manama Branch

BANGLADESH
Islami Bank Bangladesh Ltd.*

BELARUS
Joint Stock Company Belagroprombank*
Joint Stock Company 'Savings Bank 'Belarusbank'*

BELGIUM
BNP Paribas Fortis SA/NV*
Societe Generale, Brussels Branch

BRAZIL
Banco KEB Hana do Brasil S.A*

CAMBODIA
ACLEDA Bank Plc.*
Canadia Bank Plc*
Foreign Trade Bank of Cambodia*

CANADA
KEB Hana Bank Canada*
National Bank of Canada*

CHINA
Agricultural Bank of China Limited*
Bank of Beijing Co., Ltd.*
Bank of Communications Co Ltd*
Bank of Jiangsu Co., Ltd.*
Bank of Nanjing*
Bank of Ningbo Co., Ltd.*
Bank of Ruifeng*
China Construction Bank Corporation*
China Guangfa Bank Co., Ltd.*
China Merchants Bank Co., Ltd.*
KEB Hana Bank (China) Co., Ltd.*
Hankou Bank Co Ltd*
Hua Xia Bank Co., Ltd.*
Huishang Bank Corporation Ltd*
Industrial & Commercial Bank of China Limited (ICBC)*
Industrial Bank Co., Ltd.*
Industrial Bank of Korea (China) Limited*
JiLin JiuTai Rural Commercial Bank Co., Ltd.*
Ningbo Yinzhou Rural Commercial Bank Co., Ltd. (Yinzhou Bank)*
Ping An Bank Co., Ltd.*
Wells Fargo Bank N.A., Shanghai Branch
Woori Bank (China) Ltd.*
Xiamen International Bank Co., Ltd.*
Zhejiang Chouzhou Commercial Bank Co., Ltd.*
Zhejiang Mintai Commercial Bank Co., Ltd.*
Zhejiang Tailong Commercial Bank Co., Ltd.*

CZECH REPUBLIC
Ceska Sporitelna A.S.*
Komercni Banka A.S.*

EGYPT
Arab African International Bank*
Banque Du Caire S.A.E*
Banque Misr S.A.E*
Emirates National Bank of Dubai S.A.E*
Export Development Bank of Egypt*

ENGLAND
KEB Hana Bank Co., Ltd., London Branch
Societe Generale, London Branch
Stonex Financial Limited
Wells Fargo Bank N.A., London Branch
Woori Bank Co., Ltd., London Branch

FRANCE
Credit du Nord*
Banque Federative du Credit Mutuel (BFCM)*
Credit Industriel et Commercial S.A. (CIC)*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Paris Branch
Le Credit Lyonnais*
Societe Generale*

GERMANY
Citibank Europe Plc, Frankfurt am Main Branch
Deutsche Bank AG*
J.P. Morgan AG*
KEB Hana Bank (D) AG*
ODDO BHF AG*
Oldenburgische Landesbank AG*
Societe Generale, Frankfurt am Main Branch
Sparkasse KoelnBonn*
UniCredit Bank AG*
Greece
Piraeus Bank S.A.*

HONGKONG
Citibank N.A., Hong Kong Branch
Erste Group Bank AG, Hong Kong Branch
Habib Bank Zurich (Hong Kong) Limited*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Hong Kong Branch
MashreqBank PSC, Hong Kong Branch
Shinhan Bank Co., Ltd., Hong Kong Branch
UniCredit Bank AG, Hong Kong Branch
Wells Fargo Bank N.A., Hong Kong Branch

INDIA
Axis Bank Ltd.*
Axis Bank Ltd., Gandhinagar Branch*
Mashreqbank PSC, Mumbai Branch
SBM Bank (India) Ltd

INDONESIA
PT Bank Central Asia Tbk*
PT Bank CIMB Niaga Tbk*
PT Bank Mega Tbk*
PT Bank QNB Indonesia Tbk*

ITALY
BPER Banca S.p.A*
Banco BPM S.p.A, Milan Branch*
Iccrea Banca - Istituto Centrale del Credito Cooperativo S.p.A.*
Societe Generale, Milan Branch
UniCredit S.p.A*

JAPAN
KEB Hana Bank Co., Ltd., Tokyo Branch
Mizuho Bank Ltd.*
Resona Bank Ltd.*
Societe Generale, Tokyo Branch
Sumitomo Mitsui Banking Corporation*
The Gifu Shinkin Bank*
The Ogaki Kyoritsu Bank Ltd.*
Wells Fargo Bank N.A., Tokyo Branch

JORDAN
Arab Jordan Investment Bank*

KOREA
Industrial Bank of Korea*
KEB Hana Bank Co., Ltd.*
Kookmin Bank Co., Ltd.*
Suhyup Bank*
Nonghyup Bank*
Shinhan Bank Co., Ltd*
Wells Fargo Bank N.A., Seoul Branch
Woori Bank Co., Ltd.*

KUWAIT
Commercial Bank of Kuwait K.P.S.C*

LATVIA
AS Citadele Banka*

LAOS
Banque pour le Commerce Exterieur Lao Public*

MALAYSIA
Citibank Berhad*
Malayan Banking Berhad (Maybank)*
Public Bank Berhad*
RHB Bank Berhad*

MOROCCO
Attijariwafa Bank*

NETHERLAND
KEB Hana Bank Co., Ltd., Amstelveen Branch

NORWAY
DNB Bank ASA*

OMAN
Bank Muscat SAOG*

PANAMA
KEB Hana Bank Co., Ltd., Panama City Branch

PAKISTAN
Meezan Bank Ltd.*

PERU
Banco GNB Peru*
Banco Internacional del Peru (Interbank)*

PHILIPINES
Asian Develpoment Bank*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Makati City Branch

Believe

POLAND
Bank Millennium S.A.*
BNP Paribas Bank Polska SA*
Societe Generale, Warsaw Branch

ROMANIA
Banca Comerciala Romana S.A.

RUSSIA
International Bank for Economic Co-operation*
QIWI Bank JSC*

SINGAPORE
Axis Bank Ltd., Singapore Branch
CIMB Bank Berhad, Singapore Branch
Citibank N.A., Singapore Branch
DBS Bank Ltd.*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Singapore Branch
Mizuho Bank Ltd., Singapore Branch
Skandinaviska Enskilda Banken AB, Singapore Branch
UniCredit Bank AG, Singapore Branch
United Overseas Bank Limited*
JPMorgan Chase Bank, N.A, Singapore
Wells Fargo Bank N.A., Singapore Branch

SLOVAKIA
Slovenska Sporitelna A.S.*

SPAIN
Banco De Sabadell S.A.*
CaixaBank S.A.*

SRI LANKA
Seylan Bank PLC*

SWEDEN
Skandinaviska Enskilda Banken AB*

SWITZERLAND
Habib Bank AG Zurich*
Luzerner Kantonalbank AG*

TAIWAN
Bank SinoPac Co., Ltd.*
Cathay United Bank*
Chang Hwa Commercial Bank Ltd.*
E. Sun Commercial Bank Ltd.*
O-Bank Co., Ltd.*
Taiwan Cooperative Bank, Ltd.*
Wells Fargo Bank N.A., Taipei City Branch

TUNISIA
Union Internationale de Banques*

THAILAND
Bank of Ayudhya Public Co., Ltd.*
Bangkok Bank Public Co., Ltd.*
Export-Import Bank of Thailand*
Islamic Bank of Thailand*
Kasikornbank Public Co., Ltd.*
Krung Thai Bank Public Co., Ltd.*
Mizuho Bank Ltd., Bangkok Branch
Siam Commercial Bank Public Company Limited

TURKEY
Denizbank AS

UAE
Abu Dhabi Commercial Bank
Axis Bank Ltd., Dubai City Branch
Dubai Islamic Bank PJSC, Dubai City Branch*
First Abu Dhabi Bank P.J.S.C.*
Mashreqbank P.S.C.*
The National Bank of Ras Al - Khaimah P.S.C.*

UKRAINE
JSC 'Bank Credit Dnepr'*
Joint Stock Company The State Export - Import Bank of Ukraine (JSC Ukreximbank)*

USA
Bank of America N.A., New York Branch*
BNP Paribas USA, Inc*
Capital One National Association
China Construction Bank Corporation, New York Branch
Citibank N.A.*
CoBank, ACB*
Deutsche Bank AG, New York Branch
Deutsche Bank Trust Company Americas*
Fifth Third Bank N.A.*
Habib American Bank*
Hancock Whitney Bank*
International Finance Corporation*
JP Morgan Chase Bank N.A.*
KEB Hana Bank Co., Ltd., New York Branch
Mashreqbank PSC, New York Branch
MUFG Union Bank N.A.*
Nonghyup Bank, New York Branch
Wells Fargo Bank N.A.*
Wells Fargo Bank N.A., New York Branch
Wells Fargo Bank N.A., Philadelphia Branch
Woori Bank Co., Ltd., Los Angeles Branch
Woori Bank Co., Ltd., New York Branch

VIETNAM
Agricultural Bank of China Limited, Hanoi Branch
An Binh Commercial Joint Stock Bank*
ANZ Bank (Vietnam) Limited*
Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB)*
Bangkok Bank Public Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Bank of China (Hong Kong) Limited, Ho Chi Minh Branch
Bao Viet Joint Stock Commercial Bank*
China Construction Bank Corporation, Ho Chi Minh City Branch
Citibank N.A., Hanoi Branch
DBS Bank Ltd., Ho Chi Minh City Branch
DongA Joint Stock Commercial Bank (DongA Bank)*
Global Petro Sole Member Limited Commercial Bank (GPBank)*
Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (HD Bank)*
Hong Leong Bank Vietnam Limited*
Indovina Bank Limited (IVB)*
Industrial and Commercial Bank of China Limited (ICBC), Hanoi Branch
Industrial Bank of Korea, Ho Chi Minh City Branch
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank)*
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV)*
KEB Hana Bank Co., Ltd., Hanoi Branch
KEB Hana Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Kookmin Bank Co., Ltd., Hanoi Branch
Kookmin Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Lien Viet Post Joint Stock Commercial Bank (LienVietPostBank)*
Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Ho Chi Minh City Branch
Military Commercial Joint Stock Bank (MBBank)*
Mizuho Bank Ltd., Hanoi Branch
National Citizen Commercial Joint Stock Bank (NCB)*
Nonghyup Bank, Hanoi Branch
Ocean Commercial One Member Limited Liability Bank (OceanBank)*
Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB)*
Petrolimex Group Commercial Joint Stock Bank (PG Bank)*
Public Bank Vietnam Limited*
Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank (SHB)*
Saigon Bank for Industry and Trade (Saigonbank)*
Saigon Joint Stock Commercial Bank (SCB)*
Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Sacombank)*
Shinhan Bank Vietnam Limited*
State Bank of Vietnam*
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPBank)*
Viet Capital Commercial Joint Stock Bank (Viet Capital Bank)
Vietnam Asia Commercial Joint Stock Bank (VietABank)*
Vietnam - Russia Joint Venture Bank (VRB)*
Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank)*
Vietnam Export Import Commercial Joint Stock Bank (Eximbank)*
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank (VIBBank)*
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank)*
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank (Maritime Bank)*
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank)*
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank (PVcomBank)*
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank)*
Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (VietBank)*
Woori Bank Vietnam Limited*

CÁC GIAO DỊCH

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của SeABank

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *(31/12/2024) (*)*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *(31/12/2025)*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	**Lê Văn Tần**	Chủ tịch HĐQT	10.075.697	0,355%	11.575.697	0,407%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
2	**Nguyễn Thị Nga**	Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	111.583.628	3,936%	120.083.628	4,221%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Mua cổ phiếu
3	**Khúc Thị Quỳnh Lâm**	Phó Chủ tịch HĐQT	10.518.606	0,371%	11.418.606	0,401%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
4	**Mathew Nevil Welch**	Thành viên HĐQT	-	0,000%	100.000	0,004%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
5	**Fergus Macdonald Clark**	Thành viên độc lập HĐQT	-	0,000%	100.000	0,004%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
6	**Trần Thị Thanh Thủy**	Thành viên HĐQT	196.601	0,007%	266.601	0,009%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
7	**Nguyễn Ngọc Quỳnh**	Trưởng BKS	1.098.989	0,039%	1.238.989	0,044%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
8	**Vũ Thị Ngọc Quỳnh**	Thành viên BKS	5.944,737	0,210%	8.009.737	0,282%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
9	**Vũ Thu Thủy**	Thành viên BKS	-	0,000%	20.000	0,001%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
10	**Lương Duy Đông**	Thành viên BKS	22.623	0,001%	42.623	0,001%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
11	**Lê Quốc Long**	Tổng Giám đốc	4.537.635	0,160%	4.947.635	0,174%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
12	**Vũ Đình Khoán**	Phó Tổng Giám đốc	1.580.921	0,056%	1.761.121	0,062%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Bán cổ phiếu
13	**Nguyễn Thị Thu Hương**	Phó Tổng Giám đốc	3.383.817	0,119%	653.817	0,023%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Bán cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *(31/12/2024) (*)*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *(31/12/2025)*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
14	**Hoàng Mạnh Phú**	Phó Tổng Giám đốc	1.405.141	0,050%	1.510.141	0,053%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
15	**Nguyễn Tuấn Cường**	Phó Tổng Giám đốc	1.250.683	0,044%	370.000	0,013%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Bán cổ phiếu
16	**Đặng Thu Trang**	Phó Tổng Giám đốc	500.955	0,018%	251.255	0,009%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Bán cổ phiếu
17	**Nguyễn Hồng Quang**	Phó Tổng Giám đốc	350.317	0,012%	425.317	0,015%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Bán cổ phiếu
18	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	230.223	0,008%	275.000	0,010%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Bán cổ phiếu
19	**Lê Thanh Hải**	Phó Tổng Giám đốc	635.101	0,022%	731.101	0,026%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Bán cổ phiếu
20	**Bùi Quốc Hiệu**	Phó Tổng Giám đốc	150.828	0,005%	140.028	0,005%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Bán cổ phiếu
21	**Nguyễn Thị Hoài Phương**	Kế toán trưởng	148.877	0,005%	152.077	0,005%	Nhận cổ phiếu theo Chương trình Thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024 Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Bán cổ phiếu
22	**Vũ Quốc Tuấn**	Người phụ trách Quản trị công ty	64.456	0,002%	70.006	0,002%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024 Bán cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ *(31/12/2024) (*)*		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *(31/12/2025)*		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
23	Đào Minh Nguyệt	Người phụ trách Quản trị công ty	100.404	0,004%	130.404	0,005%	Mua cổ phiếu phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2024
24	Hoàng Tuyết Mai	Người phụ trách Quản trị công ty	123.645	0,004%	40.145	0,001%	Bán cổ phiếu
25	**Công đoàn SeABank Hội sở**	Tổ chức chính trị xã hội của SeABank	1.135.402	0,040%	844.709	0,030%	Nhận chuyển nhượng cổ phiếu từ CBNV nghỉ việc có ESOP đang bị hạn chế chuyển nhượng Chuyển nhượng cổ phiếu cho CBQL theo chương trình thưởng cổ phiếu cho CBQL năm 2024
26	**Lê Tuấn Anh**	Con trai Bà Nguyễn Thị Nga - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	48.305.493	1,704%	36.420.166	1,280%	Bán cổ phiếu
27	**Vũ Thị Nga Hằng**	Em gái bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh - Thành viên BKS	32.893	0,001%	9.464	0,0003%	Bán cổ phiếu

(*) Đối với các nhân sự mới được bổ nhiệm trong năm, số cổ phiếu đầu kỳ tính từ ngày được bổ nhiệm.

CÁC GIAO DỊCH *(tiếp)*

Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
I	**Lê Văn Tần**	**Chủ tịch HĐQT**		Giao dịch tín dụng (***): Thẻ tín dụng Giao dịch phi tín dụng (****): 305 triệu đồng	
	Lê Kiều Anh	Người có liên quan của ông Lê Văn Tần		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng Giao dịch phi tín dụng (****): 8.231 triệu đồng	
	Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đức Thịnh	Người có liên quan của ông Lê Văn Tần		Giao dịch phi tín dụng (****): 13.793 triệu đồng	
II	**Nguyễn Thị Nga**	**Phó Chủ tịch thường trực HĐQT**		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng Giao dịch phi tín dụng: Cho SeABank thuê địa điểm:	
	Lê Hữu Báu	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Nga		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng Giao dịch phi tín dụng: Cho SeABank thuê địa điểm:	
	Lê Tuấn Anh	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Nga		0	
	Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phú Mỹ	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Nga		Giao dịch phi tín dụng: 606 triệu đồng	

Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (tiếp)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
	Tập đoàn BRG - CTCP	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Nga		Giao dịch phi tín dụng: 512.246 triệu đồng và 1.467 USD	
	CTCP Đầu tư phát triển Thành phố Thông minh Bắc Hà Nội	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Nga	1219/2024/NQ HĐQT 449/2025/QĐ-CTHĐQT	Thông qua gói cấp tín dụng trị giá: 4.300.000 triệu đồng ngày 26/12/2024. Bảo lãnh thanh toán 89.151 triệu đồng. Giao dịch phi tín dụng: 2.327.444 triệu đồng.	
	CTCP Cho thuê máy bay Việt Nam	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Nga		Giao dịch phi tín dụng: 1.679.485 triệu đồng và 163,476 triệu USD.	
	Công ty TNHH Thương mại quốc tế và Dịch vụ siêu thị Big C Thăng Long	Bà Nguyễn Thị Nga là Chủ tịch HĐTV		Giao dịch tín dụng: Hạn mức vay vốn 240 tỷ đồng và tín dụng trung hạn 150 tỷ đồng. Giao dịch phi tín dụng: 6.042 triệu đồng	
	Công ty TNHH Hoàng Viên Quảng Bá	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Nga		Giao dịch phi tín dụng: 306.699 triệu đồng và 932.052 USD. Thuê trông giữ	
	CTCP dịch vụ và kinh doanh bất động sản Hà Nội	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Nga		Cho SeABank thuê địa điểm Giao dịch phi tín dụng: 259.337 triệu đồng	
III	**Lê Thu Thủy**	**Phó Chủ tịch HĐQT**		0	
IV	**Khúc Thị Quỳnh Lâm**	**Phó Chủ tịch HĐQT**		Giao dịch phi tín dụng: 19.089 triệu đồng	
	Nguyễn Duy Hùng	Người có liên quan của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm		Giao dịch phi tín dụng: 7.148 triệu đồng.	
	Nguyễn Tường Huy	Người có liên quan của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm		Giao dịch phi tín dụng: 357 triệu đồng	
	CTCP Nông thủy sản Nghệ An	Người có liên quan của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm		Giao dịch tín dụng: Hạn mức tín dụng 80 tỷ đồng. Giao dịch phi tín dụng: 1.595 triệu đồng	
	CTCP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht)	Người có liên quan của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm		Giao dịch phi tín dụng: 20.920 triệu đồng và 96.387 USD	
	CTCP Thăng Long GTC	Người có liên quan của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm		Giao dịch phi tín dụng: 1.113.442 triệu đồng, 180 USD và 321 EUR	

Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (tiếp)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
	CTCP Kho vận Vietfracht Hưng Yên	Người có liên quan của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm		Giao dịch phi tín dụng: 14.515 triệu đồng	
	Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	Người có liên quan của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm		Giao dịch phi tín dụng: 14.594 triệu đồng	
	Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội	Người có liên quan của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm		Giao dịch phi tín dụng: 122.095 triệu đồng	
	Công ty TNHH MTV Vietfracht Hồ Chí Minh	Người có liên quan của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm		Cho thuê địa điểm. Giao dịch phi tín dụng: 8.235 triệu đồng và 18.172 USD	
	Công ty TNHH Đầu tư Tài chính và Thương mại Vạn Lộc	Người có liên quan của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm		Giao dịch phi tín dụng: 743 triệu đồng	
V	**Mathew Nevil Welch**	**Thành viên HĐQT**		Giao dịch phi tín dụng: 182 triệu đồng	
	Công ty TNHH Quản lý đầu tư Nguyên Khang	Người có liên quan của ông Mathew Nevil Welch		Giao dịch phi tín dụng: 10.673 triệu đồng	
VI.	**Fergus Macdonald Clark**	**Thành viên độc lập HĐQT**		Giao dịch phi tín dụng: 156 triệu đồng	
	CTCP Khách sạn Du lịch Sông Nhuệ	Người có liên quan của ông Fergus Macdonald Clark		Cho SeABank thuê địa điểm Giao dịch phi tín dụng: 1.772 triệu đồng	
	Nguyễn Thúy Loan	Người có liên quan của ông Fergus Macdonald Clark		Giao dịch tín dụng: 605 triệu đồng	
VII	**Trần Thị Thanh Thủy**	**Thành viên HĐQT**		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng Giao dịch phi tín dụng: 21.140 triệu đồng, 100.000 USD	
	Trần Thái Đăng	Người có liên quan của bà Trần Thị Thanh Thủy		Giao dịch phi tín dụng: 2 tỷ đồng	
	Võ Thái Dương	Người có liên quan của bà Trần Thị Thanh Thủy		Giao dịch phi tín dụng: 210 triệu đồng	

Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (tiếp)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
	Đặng Phương Linh	Người có liên quan của bà Trần Thị Thanh Thủy		Giao dịch phi tín dụng: 690 triệu đồng	
VIII	**Nguyễn Ngọc Quỳnh**	**Trưởng BKS**		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng Giao dịch phi tín dụng: 3.298 triệu đồng	
IX	**Vũ Thị Ngọc Quỳnh**	**Thành viên BKS**			
	Công ty TNHH Thương mại Vượng Tiến	Người có liên quan của bà Vũ Thị Ngọc Quỳnh		Giao dịch phi tín dụng: 416 triệu đồng	
X	Nguyễn Thành Luân	Thành viên BKS		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng	
	Nguyễn Quỳnh Diệp	Người có liên quan của ông Nguyễn Thành Luân		Giao dịch phi tín dụng: 1.196 triệu đồng	
	Trần Thu Hòa	Người có liên quan của ông Nguyễn Thành Luân		Giao dịch phi tín dụng: 3.129 triệu đồng	
XI	**Vũ Thu Thủy**	**Thành viên BKS**		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng Giao dịch phi tín dụng: 820 triệu đồng	
	Công ty TNHH thương mại đầu tư và xuất nhập khẩu An Phú	**Người có liên quan của Bà Vũ Thu Thủy**		Giao dịch phi tín dụng: 60.957 triệu đồng	
XII	**Lương Duy Đông**	**Thành viên BKS**		Giao dịch phi tín dụng: 63 triệu đồng	
XIII	**Lê Quốc Long**	**Tổng giám đốc**		0	
	Hoàng Thị Kiều Yến	Người có liên quan của Ông Lê Quốc Long		Giao dịch phi tín dụng: 126,53 triệu đồng	
XIV	**Vũ Đình Khoán**	**Phó Tổng Giám đốc**		Giao dịch phi tín dụng: 1.013 triệu đồng	
	Vũ Trịnh Mỹ Linh	Người có liên quan của ông Vũ Đình Khoán		Giao dịch phi tín dụng: 1.599 triệu đồng	

Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (tiếp)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
XV	**Nguyễn Thị Thu Hương**	**Phó Tổng Giám đốc**		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng Giao dịch phi tín dụng: 549 triệu đồng	
	Lương Thị Tính	**Người có liên quan của Bà Nguyễn Thu Thu Hương**		Giao dịch phi tín dụng: 2.268 triệu đồng	
	Nguyễn Xuân Nam	Người có liên quan của Bà Nguyễn Thu Thu Hương		Giao dịch phi tín dụng: 1.389 triệu đồng	
	Nguyễn Xuân Phong	Người có liên quan của Bà Nguyễn Thu Thu Hương		0	
	Nguyễn Thị Hồng Thơm	Người có liên quan của Bà Nguyễn Thu Thu Hương		Giao dịch tín dụng: 2.100 triệu đồng Giao dịch phi tín dụng: 1.051 triệu đồng	
XVI	**Hoàng Mạnh Phú**	**Phó Tổng Giám đốc**		-Giao dịch phi tín dụng : 257 triệu đồng	
	Đinh Thị Hạnh	**Người có liên quan của Ông Hoàng Mạnh Phú**		Giao dịch phi tín dụng : 10.977 triệu đồng	
	Nguyễn Mộng Hùng	**Người có liên quan của Ông Hoàng Mạnh Phú**		Giao dịch phi tín dụng: 715 triệu đồng	
XVII	Nguyễn Tuấn Cường	Phó Tổng Giám đốc	335/2024/NQ HĐQT	Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng. Giao dịch phi tín dụng: 3.140 triệu đồng	
	Nguyễn Hoàng Vân	Người có liên quan của Ông Nguyễn Tuấn Cường		Giao dịch phi tín dụng: 483 triệu đồng	
	Ngô Mộng Hoàn	Người có liên quan của Ông Nguyễn Tuấn Cường		Giao dịch phi tín dụng: 1.979 triệu đồng	
XVIII	**Đặng Thu Trang**	**Phó Tổng Giám đốc**		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng. Giao dịch phi tín dụng: 1.664 triệu đồng	
XIX	**Nguyễn Hồng Quang**	**Phó Tổng Giám đốc**		Giao dịch phi tín dụng: 4.309 triệu đồng	
	Nguyễn Bảo Ngọc	**Người có liên quan của Ông Nguyễn Hồng Quang**		Giao dịch phi tín dụng: 3.581 triệu đồng	

Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (tiếp)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
	Nguyễn Hồ Điện	**Người có liên quan của Ông Nguyễn Hồng Quang**		Giao dịch phi tín dụng: 612 triệu đồng	
	Tạ Thị Thuận	**Người có liên quan của Ông Nguyễn Hồng Quang**		Giao dịch phi tín dụng: 313 triệu đồng	
	Nguyễn Trung Hà	Người có liên quan của Ông Nguyễn Hồng Quang		Giao dịch phi tín dụng: 1.831 triệu đồng	
	Thành Kim Dung	Người có liên quan của Ông Nguyễn Hồng Quang		Giao dịch phi tín dụng: 1.220 triệu đồng	
XX	**Nguyễn Tuấn Anh**	**Phó Tổng Giám đốc**		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng Giao dịch phi tín dụng: 212 triệu đồng	
	Nguyễn Minh Hiền	Người có liên quan của Ông Nguyễn Tuấn Anh		Giao dịch phi tín dụng: 15.689 triệu đồng	
XXI	Bùi Quốc Hiệu	Phó Tổng Giám đốc		Giao dịch phi tín dụng: 165 triệu đồng	
	Lê Lan Hương	Người có liên quan của Ông Bùi Quốc Hiệu		Giao dịch phi tín dụng: 3.064 triệu đồng	
	Đoàn Thị Hồng Dương	**Người có liên quan của Ông Bùi Quốc Hiệu**		Giao dịch phi tín dụng: 5.102 triệu đồng	
XXII	**Lê Thanh Hải**	**Phó Tổng giám đốc**		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng. Giao dịch phi tín dụng: 15.675 triệu đồng	
	Vương Thị Ngà	**Người có liên quan của Ông Lê Thanh Hải**		Giao dịch phi tín dụng: 1.150 triệu đồng	
	Lò Thị Hồng Hải	Người có liên quan của Ông Lê Thanh Hải		Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng. Giao dịch phi tín dụng: 1.782 triệu đồng	
	Lò Thị Hà	Người có liên quan của Ông Lê Thanh Hải		Giao dịch phi tín dụng: 2.683 triệu đồng	
XXIII	Nguyễn Thị Hoài Phương	Kế toán trưởng		Giao dịch phi tín dụng: 325 triệu đồng	

Giao dịch với người có liên quan, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (tiếp)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với SeABank	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (*)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (**)	Ghi chú
XXIV	Vũ Quốc Tuấn	Người phụ trách Quản trị công ty		Giao dịch tín dụng: 6.319 triệu đồng Giao dịch tín dụng: Thẻ tín dụng	
	Bùi Thị Thu Huyền	Người có liên quan của Ông Vũ Quốc Tuấn		Giao dịch tín dụng: 420 triệu đồng	
	Đinh Thị Chiên	**Người có liên quan của Ông Vũ Quốc Tuấn**		Giao dịch phi tín dụng: 425 triệu đồng	
XXV	**Đào Minh Nguyệt**	**Người phụ trách Quản trị công ty**		Giao dịch tín dụng: 12.902 triệu đồng Giao dịch phi tín dụng: 742 triệu đồng và 2.000 USD	
	Trịnh Thị Minh Tân	**Người có liên quan cuả bà Đào Minh Nguyệt**		Giao dịch phi tín dụng: 258 triệu đồng	
XXVI	**Hoàng Tuyết Mai**	**Người phụ trách Quản trị công ty**		Giao dịch tín dụng: 7.932 triệu đồng Giao dịch Thẻ tín dụng. Giao dịch phi tín dụng: 156 triệu đồng	
	Vũ Ngọc Kim Ngân	Người có liên quan cuả bà Hoàng Tuyết Mai		Giao dịch phi tín dụng: 1.031 triệu đồng	
XXVII	Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác Tài sản SeABank (SeABank AMC)	Công ty con		Giao dịch phi tín dụng: 808.349 triệu đồng Thuê địa điểm	
	Đặng Tùng Sơn	Đại diện phần vốn góp của SeABank		Giao dịch tín dụng: 1.000 triệu đồng Giao dịch phi tín dụng: 371 triệu đồng	
	Vo Long Nhi	**Đại diện phần vốn góp của SeABank**		Giao dịch Thẻ tín dụng Giao dịch phi tín dụng: 51 triệu đồng	
XXVIII	**Công đoàn SeABank Hội sở**			Nội dung giao dịch tại 31/12/2025: Tiền gửi: 1.818 triệu đồng	

(*) Ngoài những Nghị quyết HĐQT đã nêu, các hợp đồng/giao dịch khác được liệt kê tại Phụ lục này giữa SeABank và các bên có liên quan về việc nhận tiền gửi, cấp tín dụng theo thẻ tín dụng... được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết HĐQT số 1918/2020/NQ-HĐQT ngày 08/12/2020, Nghị quyết số 721/2023/NQ-HĐQT và các Nghị quyết/Quyết định khác có liên quan.

(**) Giá trị giao dịch, số lượng giao dịch được xác định tại ngày 31/12/2025.

(***) Giao dịch cấp tín dụng bao gồm giao dịch cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác.

(****) Giao dịch phi tín dụng bao gồm nhưng không hạn chế tất cả các giao dịch khác phát sinh với Ngân hàng ngoài giao dịch cấp tín dụng như tiền gửi, mở tài khoản thanh toán, thu chi hộ, mua/ bán, thuê/ cho thuê tài sản, trụ sở...

SeABank

Toà nhà BRG, 198 Trần Quang Khải, P. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

(+84 24) 3944 8688 (+84 24) 3944 8689

contact@seabank.com.vn seabank.com.vn